

Thích Như Điển

CẢM TẠ XỨ ĐỨC

Tái bản có sửa chữa và bổ sung



**CẢM TẠ
XỨ ĐỨC
(Danke schön
Deutschland)**

*Bắt đầu viết sách này vào ngày 4 tháng 6 năm 2002,
nhằm ngày 24 tháng 4 năm Nhâm Ngọ.
Viết xong vào ngày 28 tháng 6 năm 2002
tại thư phòng chùa Viên Giác,
Kỷ niệm lần sinh nhật thứ 54 của tác giả*



Cảm Tạ Xứ Đức

THÍCH NHƯ ĐIỂN

Viên Giác Tùng Thư - Đức Quốc

Xuất bản lần thứ nhất bản in: 2002

Tái bản cho ấn bản trên mạng điện tử: Tháng 5/2019

Tái bản qua United Buddhist Publisher: Tháng 5/2019

Trách nhiệm: Nguyễn Đạo

Hiệu đính và Layout: Nguyễn Minh Tiến

ISBN-13: 978-1-0917-2110-4

ISBN-10: 1-0917-2110-6

© All rights reserved. No part of this book may be reproduced by any means without prior written permission from the publisher.

THÍCH NHƯ ĐIỂN

CẢM ƠN
XỨ ĐỨC

Danke schön Deutschland

Tái bản có sửa chữa và bổ sung



2019



*Đất lành
chim đậu*

*An einem friedlichen Ort lassen
sich die Vögel nieder*

(Vietnamesisches Sprichwort)

MỤC LỤC

• Lời vào sách.....	9
• Chương I. Đôi nét về nước Đức	21
Về đất nước	22
Về cảnh trí và khí hậu.....	24
Về con người	25
Về tiếng Đức	30
Những người ngoại quốc sống tại xứ Đức.....	33
Sự đóng góp về thuế má của người ngoại quốc cho chính quyền Đức	37
• Chương II. Sự liên hệ giữa Chùa Viên Giác, Hội Phật Tử, Chi Bộ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất với chính quyền Đức qua Bộ Nội Vụ Liên Bang tại Bonn	41
• Chương III. Người Đức dưới mắt tôi	63
• Chương IV. Hơn 30 năm sống ở ngoại quốc và trong đó có hơn 25 năm sống tại xứ Đức	81
• Chương V. Làm thế nào để đi đến thành công	173
• Chương VI. Những điều kiện đã giúp tôi đi đến sự thành công	189
• Chương VII. Pháp môn tu học, hành trì của Phật Giáo Việt Nam tại Đức như thế nào?	213
• Chương VIII. Vị trí của ngôi chùa Viên Giác tại Hannover đối với người Việt cũng như người Đức	247
• Lời Kết	265

LỜI VÀO SÁCH

Hôm nay là ngày 4 tháng 6 năm 2002 nhằm ngày 24 tháng 4 năm Nhâm Ngọ, tôi bắt đầu viết tác phẩm thứ 34 của mình với nhan đề là: “Cảm Tạ Xứ Đức”. Trong mùa an cư kiết hạ này tôi cố gắng hoàn thành tác phẩm để sau đó còn cho dịch ra tiếng Đức, nhằm cho người Đức cũng có thể xem và hiểu nhiều hơn về một dân tộc ở rất xa hơn nửa vòng trái đất, nhưng tại quê hương này đã cư mang họ hơn 25 năm nay trong bàn tay từ ái đón nhận những người tỵ nạn Cộng Sản Việt Nam đến tạm dung, sinh sống tại xứ Đức này.

Tôi không biết có ai đã viết một tác phẩm như thế để tạ ơn nước Đức chưa, nhưng riêng tôi phải có bốn phận phải viết một tác phẩm như thế nhằm để cảm ơn chính quyền và nhân dân Đức đã đón nhận mình cũng như người tỵ nạn Việt Nam trong suốt 25 năm qua và cho tới hôm nay vẫn còn tiếp tục đón nhận dưới nhiều hình thức khác nhau như: tỵ nạn chính trị, đoàn tụ gia đình, kết hôn hoặc những trường hợp nhân đạo khác.

Tôi đến Đức vào ngày 22 tháng 4 năm 1977. Tính đến tháng 4 năm 2002 là đúng 25 năm, nghĩa là một phần tư thế kỷ. Trong một phần tư thế kỷ đó, cá nhân tôi và người tỵ nạn Việt Nam đã làm gì được cho mình, cho quê hương đất nước này và sẽ còn ở lại đây bao lâu? Hoặc giả phải làm gì khi quê mẹ cần đến v.v...? Đây là những câu hỏi mà phần trả lời dĩ nhiên là có nhiều lối giải thích khác nhau, nhưng tất cả cũng chỉ với một tấm lòng là: Cảm tạ xứ Đức.

Chúng tôi là những người Việt Nam mà cũng là những người Phật Tử, do đó tứ trọng ân, tức bốn ân nặng trong đời không được phép quên. Đó là ơn quốc gia nơi mình sinh sống. Thứ hai là công ơn sanh thành dưỡng dục của mẹ cha. Kế đến là ơn Thầy Tổ dạy bảo cho mình trở nên người hữu dụng cho Đời cho Đạo và ơn thứ tư là ơn xã hội đã giúp đỡ mình thành người. Đúng từ tư tưởng này, người Phật Tử Việt Nam đâu sống bất cứ nơi đâu, hay ở bất cứ chốn nào trên quả địa cầu này cũng đều phải có bốn phận cả, chứ không phải chỉ có bốn phận riêng đối với nước Đức này mà thôi.

Từ những năm đầu của thế kỷ nhất đến thứ 13 người Việt Nam chúng tôi chỉ biết có người Trung Quốc. Sau đó có dịp tiếp xúc với người Mông Cổ, người Nhật. Rồi đến thế kỷ 16 các nhà truyền giáo Âu Châu đã đến Việt Nam, mà có lẽ trong ấy không có người Đức. Đến thế kỷ 19, 20 người Pháp đã đô hộ nước Việt Nam gần 100 năm, nên người Việt Nam đa phần biết về nước Pháp nhiều hơn, chứ ít đề cập đến nước Đức. Ảnh hưởng của Pháp tại Việt Nam cho đến năm 1975 vẫn còn nhiều hơn, mặc dầu người Mỹ cũng đã có mặt tại quê hương chúng tôi từ sau năm 1954, nghĩa là sau ngày 20 tháng 7 năm ấy đất nước Việt Nam bị chia đôi tại sông Bến Hải qua Hiệp Định Genève. Miền Nam Việt Nam theo chính thể Cộng Hòa và Miền Bắc theo chế độ Cộng Sản. Ngày 30 tháng 4 năm 1975, người Cộng Sản miền Bắc đã thôn tính miền Nam Việt Nam. Do vậy đã có hơn 2 triệu người ra đi tìm tự do từ đó đến nay và con số này cho đến hôm nay vẫn còn tiếp tục.

Nước Đức cũng bị chia đôi như thế, nhưng quý vị đã thống nhất trong hòa bình vào năm 1989. Tuy số người chết khi bức tường ô nhục Bá Linh đã sụp đổ giữa hai lãnh thổ

Đông và Tây Đức, nhưng không nhiều như những người Việt Nam bị chết chìm trong biển Đông, trên rừng sâu của Thái Lan, Cam Bốt, Lào, Trung Quốc khi họ ra đi tìm tự do, mà những người chết không được thống kê chính xác ấy có thể lên đến hơn 500.000 người.

Trước năm 1954 có lẽ rất ít người Việt Nam ở Đức. Nếu có, chỉ là những người Việt Nam đi lính cho Pháp và sang ở Đức trong thời gian Đệ nhị thế chiến (1939-1945) mà thôi. Trong thời gian từ năm 1964 đến năm 1975 đã có ít nhất là 2.000 sinh viên Việt Nam đến từ miền Nam du học tại Tây Đức, đồng thời phía bên Đông Đức số sinh viên từ miền Bắc Việt Nam đến du học cũng không phải ít. Tôi không biết được rõ ràng ai là người đầu tiên đến Tây Đức này và Tòa Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa thiết lập tại Bonn vào năm tháng nào cũng không rõ, nhưng nếu có được một sử liệu rõ ràng thì con số người Việt Nam ở Đức cũng như học hành của thập niên 50 và 60 chắc không hơn 100 người. Cho đến giữa thập niên 70, con số sinh viên Việt Nam tại Tây Đức đã hơn 2.000 người và kể từ sau năm 1975 đến nay (2002) con số thay đổi trên dưới 100.000 người đang định cư, hội nhập, lập gia đình, học hành tại xứ này. Do vậy có nhiều vấn đề để phải đề cập đến. Ví dụ như người Việt Nam hiểu về nước Đức như thế nào? Văn hóa ngôn ngữ của họ ra sao? Trước khi đi tỵ nạn có ai chọn cho mình là sẽ đến Đức không?

Riêng tôi cũng đến Đức, nhưng không phải bằng con đường đi tỵ nạn chính trị, mà là tỵ nạn với lý do Tôn Giáo tại Việt Nam bị đàn áp và cũng không phải ra đi khỏi Việt Nam sau năm 1975 mà là đi du học vào ngày 22 tháng 2 năm 1972 để đến Nhật Bản. Như vậy, tôi cũng đã chẳng có nhân duyên đối với quê hương sinh ra mình suốt hơn 30 năm qua, mà

ngày ra đi, lên phi cơ tại phi trường Tân Sơn Nhất - Sài Gòn tôi đã chẳng nghĩ rằng phải lưu lạc đến Âu Châu và đặc biệt tại xứ Đức này từ năm 1977 đến nay vậy.

Không biết người Đức chạy trốn chế độ độc tài của Hitler sau Đệ nhị thế chiến để đến Mỹ, Canada, Úc Châu hay một xứ xa xôi của Nam Mỹ nào đó có ai nghĩ rằng: Tại sao mình phải bỏ nước ra đi và đến định cư ở những xứ ấy, có nghĩ rằng một ngày nào đó mình phải trở về lại nơi chôn nhau cắt rốn của mình không? Hay vấn đề ngôn ngữ, phong tục, tập quán, điều kiện sinh sống của xứ sở tại đã làm cho họ rất khó khăn khi tái hội nhập lại với xứ sở của mình? Đây là một câu hỏi mà chỉ có những người Đức định cư tại ngoại quốc mới có thể trả lời được, chứ người Đức lâu nay sinh sống tại xứ Đức này thì không có kinh nghiệm bằng.

Sau khi nước Đức chia đôi, một phần lớn người Đức sinh sống tại Đông Âu như Nga Sô, Tiệp Khắc, Ba Lan v.v... và ngay cả người Đức bên Đông Đức cũng muốn về phía Tây Đức để sinh sống. Người ta tìm về quê hương ấy, vì lẽ Tây Đức có tự do hơn những xứ Cộng Sản Đông Âu lúc bấy giờ. Cũng vậy, sau 1954 có một triệu người từ miền Bắc Việt Nam di cư vào miền Nam Việt Nam, chứ hầu như không có người miền Nam nào di cư ra miền Bắc để sinh sống, ngoại trừ những tù binh hoặc lính tráng. Tại Đức cũng thế, rất nhiều người Đức từ phía Đông sang phía Tây để tỵ nạn lập nghiệp, chứ có rất ít những người Đức từ phía Tây sang phía Đông để tỵ nạn khi chế độ Cộng Sản Đông Đức trước năm 1989 còn tồn tại.

Còn những người Đức ra đi khỏi nước Đức từ năm 1945 cho đến nay có bao nhiêu người trở lại để sinh sống tại quê hương này thì tôi không rõ, nhưng đa phần những người Đức mà tôi có dịp gặp họ tại Mỹ, Canada hay Úc thì họ đã

chọn những nơi đó làm quê hương, chứ họ không trở lại Đức để sinh sống nữa. Vì lẽ những quốc gia ấy có tương lai cho con cái họ hơn và dĩ nhiên là giàu có, tự do phát triển hơn nước Đức trong hiện tại, mặc dầu đối với Âu Châu này nước Đức đang là một cường quốc về kỹ nghệ sản xuất nhiều ngành nghề. Tại sao như vậy? Đây là một câu hỏi mà ở những chương sau chúng tôi sẽ phân tích rõ ràng hơn. Khi nói về người Đức, chúng tôi lại có cơ hội để so sánh với hoàn cảnh của người tỵ nạn Việt Nam đã ở trên quê hương này hơn 25 năm rồi, để thấy ra điểm tương đồng và điểm dị biệt, để từ đó chúng ta có cái nhìn hiểu biết, thông cảm nhau hơn. Nếu không, người Việt Nam sẽ nhìn người Đức dưới dạng khác và người Đức cũng không thể hiểu người Việt Nam là gì cả. Nếu có cũng chỉ là những câu hỏi xã giao thôi chứ không đi sâu vào nội dung của câu chuyện được.

Nhiều người Nhật, nhất là những người đàn bà khi bước chân ra khỏi Nhật, họ ở định cư tại Mỹ hay Âu Châu. Vì nhiều lý do khác nhau, nhưng lý do quan trọng có thể là họ đi tìm cái tự do và bình đẳng trong quan hệ nam nữ mà ở quê hương họ không có. Nếu là người Nhật, mà chấp nhận ở Nhật, có nghĩa là họ chịu theo truyền thống, chứ không sửa đổi, thì đối với những người này họ không có mục đích đi xa, cũng như không ít một số người Đức cũng có quan niệm như vậy. Cho nên họ nhìn những người ngoại quốc sống trên quê hương này với những sự phê phán không nương tay mà họ không biết rằng ngày nay tất cả hoàn cầu của chúng ta đều đập chung một nhịp thở của môi sinh, chứ không còn cảnh ai khôn thì sống, ai dại thì phải chết.

Hai mươi lăm năm qua chúng tôi đã bước đi những bước chân dài ngắn khác nhau trên quê hương này, chúng tôi phải biết cảm ơn quốc gia này đã cho chúng tôi những đặc ân ấy.

Chúng tôi hít thở được không khí tự do ở xứ Đức này, chúng tôi phải biết cảm ơn chính phủ cũng như nhân dân Đức đã mở rộng vòng tay đón nhận những người tỵ nạn Việt Nam đến từ Á Châu không có cùng một huyết thống, một ngôn ngữ, một tập quán, một màu da, mà chỉ đã có chung một mục đích là tìm cầu 2 chữ tự do mà thôi. Chúng tôi có được một đời sống yên ổn tại nơi đây phải cảm ơn xã hội Đức này đã cứu mang cho chúng tôi từ người già đến người trẻ có một cuộc sống ổn định, không vất vả với miếng cơm manh áo như tại quê hương mình. Đồng thời chúng tôi phải cảm ơn sự giáo dục của nước Đức. Từ đó đến nay suốt hơn 25 năm qua con em của người Việt Nam đã học tại các trường Trung Học, Đại Học, trường dạy nghề v.v... đã ra trường và đang đóng góp trí tuệ, dĩ nhiên là chỉ phần nhỏ thôi, so với số người trí thức tại đây, nhưng điều ấy đã nói lên được ý nghĩa «ăn quả nhớ kẻ trồng cây», «uống nước nhớ nguồn» là vậy. Tục ngữ Việt Nam đã nói lên được vấn đề ơn nghĩa này. Hận thù nên bỏ qua, nhưng nhơn nghĩa phải đáp đền. Do vậy khi ăn được trái cây ngon, phải biết rằng nhờ có người trồng cây, bón phân, tưới nước mới có được kết quả đó. Nước ta uống được hôm nay đâu phải tự nhiên mà có, phải có sự bắt đầu từ non cao, từ công lao của những người đào giếng. Cũng như thế, cái tự do mà xứ Đức đã có được của ngày hôm nay phải qua bao nhiêu đời Thủ Tướng Adenauer, Willy Brant v.v... hiệp lực với nhân dân Đức mới có được, chứ đâu phải một sớm một chiều mà dân Đức phá thùng được bức tường để bỏ phiếu bằng chân qua xứ tự do này. Quý vị khác chúng tôi là từ xứ áp bức sang xứ tự do, còn chúng tôi thống nhất mà cộng sản đã cưỡng bức tự do, cho nên người Việt Nam chúng tôi đã ra đi tìm tự do từ năm 1975 cho đến nay hơn 2 triệu người, sống rải rác khắp nơi trên thế giới. Phải nói một

câu dễ hiểu là nếu không có chế độ cộng sản trên quê hương Việt Nam thì người Việt Nam đã không bỏ nước ra đi. Họ phải ở lại sinh sống trên quê hương họ, như người Đức không thể chịu đựng chế độ độc tài Nazis nên đã phải rời quê hương thế thôi. Nếu không có chế độ ấy, họ đã ở lại quê hương này rồi.

Đặc biệt trong quyển sách này tôi sẽ dành riêng một chương để nói về sự liên hệ với Bộ Nội Vụ Cộng Hòa Liên Bang Đức từ năm 1979 đến nay, nhằm cảm ơn sự trợ giúp to lớn của chính quyền Liên Bang cho vấn đề hội nhập của người tỵ nạn Việt Nam tại Đức, đồng thời chính phủ cũng đã hỗ trợ cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất - Chi Bộ Đức Quốc, cũng như Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại đây từ đó liên tục cho đến bây giờ (2002) và hy vọng vẫn còn tiếp tục nhiều năm tới nữa.

Vào ngày 2 tháng 4 năm 1978, Niệm Phật Đường Viên Giác được thành lập tại thành phố Hannover và ngày 2 tháng 4 năm 1988 chúng tôi đã làm lễ kỷ niệm 10 năm tại chùa Viên Giác ở đường Eichelkampstr. có mời cả khách Việt và Đức tham dự. Lễ ra ngày 2 tháng 4 năm 2003 chúng tôi sẽ làm lễ kỷ niệm 25 năm chùa Viên Giác tại đường Karlsruherstr. này, nhưng sẽ trễ hơn 2 tháng, lễ ấy sẽ cử hành vào cuối tháng 6 năm 2003, nhằm kỷ niệm Chùa và Báo Viên Giác tròn 25 tuổi. Trong sách này tôi cũng sẽ dành một chương để nói về sự trưởng thành của Chùa cũng như Báo Viên Giác sau 10 năm, rồi 25 năm, nhằm cảm ơn sự giúp đỡ của chính quyền Đức đối với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam tại Đức nói riêng và Người Tỵ Nạn Việt Nam nói chung tại đây.

Con người có thói quen là hay quên cái cũ và cố tìm tòi cái mới để học hỏi. Thế nhưng nếu không có cái cũ thì cái mới sẽ không xuất hiện và chẳng tồn tại. Do vậy mà viết

thành một quyển sách để tri ân là bổn phận của những người đã đi qua, nhằm giao phó cho thế hệ tương lai một trách nhiệm, mà trách nhiệm tương lai ấy chắc chắn phải cần đến nền móng của quá khứ mà hình thành.

Thông thường thì người lớn tuổi học cái mới rất khó nhớ, mà những gì thuộc về quá khứ thì chúng liên tục hiện về. Trong khi đó giới trẻ thì ngược lại, những gì mới thì họ đua đòi, học hỏi, thích hợp nhanh. Còn những gì thuộc về quá khứ thì họ ít quan tâm đến. Tuy nhiên đến một lúc nào đó họ cũng phải già, phải chết, lúc ấy họ cũng sẽ làm những nhiệm vụ như bậc đàn anh của họ đã làm và thế hệ này cũng sẽ lui về quá khứ. Vì thế tôi thường hay nói: mỗi một thế hệ của chúng ta cũng chỉ có thể làm được một nhịp cầu nối từ quá khứ đến hiện tại mà thôi, chứ tuyệt nhiên nhịp cầu của quá khứ đó không thể bắc thẳng đến tương lai được. Nếu cố bắc, sẽ hụt hẫng ngay. Vì lẽ những tư lương của quá khứ không thể trang trải hết cho hiện tại và cả tương lai được.

Từng năm rồi từng năm, mỗi năm như thế có một kỷ niệm khác nhau. Vì thời gian và sự kiện khác biệt nhau. Ví dụ như năm 2002 tôi viết quyển sách này để tạ ơn nước Đức, vì lẽ tôi đã đến đây đúng 25 năm (22.4.1977 - 22.4.2002) và sang năm 2003 sẽ kỷ niệm 25 năm thành lập Chùa và Báo Viên Giác, vì lẽ Chùa Viên Giác được thành lập ngày 2 tháng 4 năm 1978, đến ngày 2.4.2003 là 25 năm và Báo Viên Giác số 1 (bộ cũ) ra ngày 1 tháng 1 năm 1979 và đến cuối năm 2003 cũng đúng 25 năm, nên chúng tôi đã chọn kỷ niệm 25 năm của 2 sự kiện quan trọng này vào cuối tháng 6 năm 2003. Rồi năm 1978, Hội Sinh Viên và Kiêu Bào Phật Tử Việt Nam tại Đức được thành lập, sau đó là Chi Bộ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Đức thành lập vào năm 1979. Tất cả những sự kiện ấy sẽ hòa chung cùng một nhịp để hân

hoan đón mừng thành quả và sự tồn tại của những sự kiện trong suốt 25 năm qua.

Mỗi năm chùa Viên Giác tại Hannover đều có an cư kiết hạ 3 tháng, kể từ sau lễ Phật Đản đến lễ Vu Lan. Đây là cơ hội để chư Tăng Ni thúc liễm thân tâm, tu hành giới đức, nhằm củng cố nội tâm và duy trì sự truyền thừa mạng mạch của chư Phật và chư Tổ suốt mấy ngàn năm qua. Ngày nay tuy ở ngoại quốc, nhưng Tăng Ni hành trì được như thế không phải là điều dễ, vì hoàn cảnh chung quanh tại Âu Mỹ rất phức tạp. Tuy nhiên, Tăng Ni phải khắc phục để có được những cơ hội tu học miên mật này. Mỗi ngày trong 90 ngày ấy, mỗi người đều có từ 4 tiếng đến 6 tiếng đồng hồ hành trì nơi Phật điện như tụng kinh, lễ Phật, ngồi thiền, kinh hành, niệm Phật, trì chú v.v... Ngoài ra có nhiều vị còn dậy sớm hơn để tu riêng cho chính mình. Đó là những thời khóa công cộng. Ngoài ra mỗi ngày còn phải học một tiếng rưỡi đồng hồ cũng như làm việc từ 3 đến 4 tiếng nữa. Như thế cả ngày 24 tiếng đồng hồ, chư Tăng Ni trong mùa an cư kiết hạ đã sử dụng hơn 12 tiếng cho việc tu học rồi. Điều ấy rất đáng trân quý và mong rằng mãi cho đến các thế hệ mai sau đều luôn luôn tiếp tục được những việc truyền thừa như thế.

Kể từ cuối năm 1995 Đại chúng chùa Viên Giác đã bắt đầu lay kinh Đại Bát Niết Bàn. Mỗi chữ mỗi lay và cho đến nay (2002) đã lay được 500 trang sách chữ nhỏ li ti. Cứ mỗi đêm như thế lay chừng 300 lay. Có đêm nhiều hơn, có đêm ít hơn, do theo nhịp điệu của người đánh khánh nhanh hay chậm. Như vậy trung bình 500 trang sách là 100.000 lay. Nếu lay hết bộ kinh này có lẽ cũng trên 400.000 lay, có nghĩa là 400.000 chữ trong kinh. Bộ kinh Pháp Hoa hơn 70.000 chữ, chúng tôi cũng đã lay mỗi chữ kinh mỗi lay trong vòng hơn 5 năm và Vạn Phật kinh cũng như Tam Thiên Phật kinh cũng

thế. Kể từ năm 1984 đến nay, chùa Viên Giác tại Hannover trong 3 tháng an cư kiết hạ đều hành trì như thế. Đây là công phu tu hành miên mật của Tăng Ni và Phật Tử. Nếu không làm gì cả, để thời gian trôi qua rồi cũng luống công vô tích sự. Nếu cố gắng mỗi đêm chỉ lay 1 trang kinh và 90 đêm của một năm hay 540 đêm của 6 năm. Đúng ra phải lay gần 200.000 lay mới phải, nhưng còn phải lo cho những cuối tuần Thọ Bát Quan Trai hoặc những khóa tu khác nữa, nên chỉ còn lại quá bán của 540 ngày ấy, để thực hiện 100.000 lay, quả là điều vi diệu vô cùng.

Có nhiều người bảo tại sao Phật sự tại chùa Viên Giác phát triển mạnh mẽ như thế? Câu trả lời rất đơn giản. Vì ở đây có nhiều người dụng công, nhiều người tu học, nhiều người hành trì Phật Pháp nên chư Thiên và chư vị Bồ Tát cũng như chư Phật gia hộ sai khiến nhắc nhở mọi người nên hướng về đó để hộ trì. Chỉ đơn giản thế thôi. Chùa Viên Giác sẽ chẳng hưng thịnh nữa khi chư Tăng Ni chệnh mảng việc tu học và nghiêm trì giới luật thì điều ấy xảy ra ngược lại những gì đã thành tựu như xưa nay.

Mỗi ngày tôi có được một số thời giờ rảnh sau lúc tụng kinh công phu khuya buổi sáng, nên tôi đã chấp bút tạo thành những tác phẩm lâu nay. Nếu không có những mùa an cư như thế, khó mà thực hiện được. Thời kinh Lăng Nghiêm vào mỗi buổi sáng rất quan trọng. Do vậy kể từ khi xuất gia học đạo (1964) đến nay gần 40 năm tôi đã chưa bỏ một buổi tụng nào, ngoại trừ những khi bệnh hoạn, nhưng suốt gần 40 năm qua số ngày bệnh chưa ra khỏi 10 ngón tay. Nếu đi Phật sự nơi đâu, tôi cũng cố gắng hành trì, nếu trái giờ giấc, hoặc tại tư gia không có bàn thờ Phật thì đó là điều ngoài ý muốn. Thần chú Thủ Lăng Nghiêm rất quan trọng, nếu người tu

nào chênh mảng ắt sẽ không chiến thắng được chính mình khi ma chướng ập đến.

Tại chùa Viên Giác hiện tại có hơn 20 Tăng Ni đang tu học và hơn 10 người làm công quả, 4 người làm việc văn phòng, có như thế công việc mới chạy được. Tôi chịu ơn tất cả mọi người. Vì nếu không có chúng Tăng, tôi sẽ không có nơi để gói gắm lòng mình mà thực hiện hạnh từ bi. Nếu không có Phật Tử công quả hộ trì, tôi sẽ không có cơ hội để trang trải sự lợi tha ở nhiều khía cạnh. Tất cả những ơn đức ấy đều nằm trong ơn chúng sanh và ơn xã hội. Ngay cả như tác phẩm này được thành tựu là do mọi bàn tay, mọi khối óc tạo thành, trong ấy có sự tài trợ về tài chánh của Bộ Nội Vụ Đức, đặc biệt là cơ quan truyền thông và văn hóa đã hỗ trợ để tác phẩm thứ 34 này của tôi được thành tựu. Rồi đánh máy, trang trí, sửa bài, dịch sang tiếng Đức v.v... tất cả đều là những công việc cần phải có nhiều thời gian cũng như thiện chí. Nếu không có những trợ duyên ấy, chắc chắn tác phẩm này cũng chẳng hoàn thành.

Xin chấp tay cảm tạ thâm ân của chính phủ Đức, của nhân dân Đức, của những người Phật Tử Việt Nam tại Đức đã hỗ trợ cho tôi, cho chùa Viên Giác và Báo Viên Giác trong suốt 25 năm qua. Nếu không có những trợ duyên này, tôi kể như kẻ ra khơi không có phương tiện.

Xin cảm tạ thâm ân đó.

THÍCH NHƯ ĐIỂN

Chương I

ĐÔI NÉT VỀ NƯỚC ĐỨC

Người Việt Nam chúng ta hiểu như thế nào về nước Đức và người Đức? Có lẽ mỗi người sẽ có một câu trả lời khác nhau và cũng tùy theo ngành nghề chuyên môn mà có cái nhìn khác nhau. Dĩ nhiên trong ấy cũng có lắm điều được khen, đồng thời cũng có lắm điều bị chê. Tuy nhiên ở sách này tôi không trình bày những điều không tốt, mà chỉ trình bày những điểm đặc biệt của dân tộc Đức, kể từ khi lập quốc vào đầu thế kỷ 10 đến nay. Nghĩa là hơn 1.000 năm qua nhiều vấn đề dựa trên sách sử, để nhiều người Việt Nam nếu chưa có cơ hội làm quen, thì đây là cơ hội vậy.

Đúng về phương diện lịch sử mà nói, nước Đức được chính thức thành lập vào năm 911 bởi nhà vua Konrad I và những tước hiệu của vua được thay đổi như: Fränkischer König, Römischer König. Cho đến thế kỷ 11 đổi thành Römisches Reich, thế kỷ 13 trở thành Heiliges Römisches Reich, thế kỷ 15 thành Deutscher Nation. Chữ «deutsch» bắt đầu được biết đến từ thế kỷ 8 và sau đó kể từ miền Nam nước Pháp tiếng Đức này được lan rộng mãi cho đến ngày hôm nay qua bao nhiêu thay đổi của hơn 1.000 năm lịch sử vậy.

Nước Việt Nam chúng ta được gọi là nước có 4.000 năm văn hiến, nhưng nếu xem sử Nhật Bản hay sử Trung Quốc và ngay cả sử thế giới, họ cũng chỉ công nhận nước chúng ta từ năm 938, nghĩa là sau khi Ngô Quyền xưng vương mà thôi. Kể ra như vậy giữa nước Việt Nam và nước Đức, tuy hai nước Đông Tây khác nhau về địa lý, ngôn ngữ, khí hậu,

nhưng thời gian chính thức hình thành một quốc gia không sai biệt bao nhiêu năm. Nghĩa là nước Đức được biết đến năm 911, còn Việt Nam được chính thức độc lập tự chủ từ năm 938. Kể từ đó đến nay, Việt Nam bị mấy lần đô hộ của Trung Hoa, Pháp, Nhật và sự hiện diện của người Nga cũng như người Mỹ. Nước Đức cũng không tránh khỏi những số phận hẩm hiu đó. Trước cách mạng Pháp (1789) tất cả các nước Âu Châu trước khi phong vương đều phải được sự chấp thuận của Giáo Hoàng tại La Mã. Đó là chưa kể năm 1949 đất nước Đức bị chia đôi, phía Đông Đức thành lập chủ nghĩa Cộng Sản vào ngày 7 tháng 10 năm 1949 và phía Tây Đức thành lập Liên Bang tự do kể cả Tây Bá Linh, nhưng nước Đức từ năm 1949 đến năm 1989, trong 40 năm ấy kể cả hai miền đều nằm dưới sự kiểm soát của 4 cường quốc là Anh, Pháp, Mỹ và Nga. Một quê hương như thế mà ngày nay nước Đức đã trở thành một trong những cường quốc mạnh mẽ nhất nhì trên thế giới. Quả là «bất khả tư nghì» vậy. Miền Đông Đức do Nga thống trị suốt 40 năm. Miền Tây Đức tuy ảnh hưởng thống trị không mạnh và rõ nét, nhưng quân sự quốc phòng đều do Anh cai quản vùng Bắc Đức, Pháp cai quản vùng Tây Nam Đức và Mỹ cai quản vùng Nam Đức. Đây là những sự giám hộ cần thiết của một nước bại trận sau đệ nhị thế chiến như Đức và Nhật. Ngày nay nước Đức đã sánh vai với năm châu bốn bể không hề thua kém một nước nào trên thế giới về tự do, kinh tế, giáo dục, tôn giáo, khoa học kỹ thuật v.v...

Về đất nước

Diện tích của nước Đức từ Đông sang Tây, từ Nam sang Bắc chỉ có 357.000 km², đường chim bay dài nhất từ Bắc chí Nam là 876 km và chiều ngang là 640 km. Như vậy so với Việt Nam cũng không lớn hơn bao nhiêu. Diện tích của Việt

Nam độ 333.000 km² và đường chim bay dài nhất là 2.000 cây số dọc theo bờ biển, chỉ có chiều ngang của Việt Nam nhỏ hơn nước Đức rất nhiều. Nếu tính diện tích bao bọc chung quanh nước Đức thì biên giới của nước này là 3.758 km. Còn diện tích bao bọc của Việt Nam, Bắc giáp Trung Hoa, Tây giáp Lào, Nam giáp Cao Miên, Thái Lan, Đông giáp biển Đông thì có lẽ cũng hơn 5.000 km.

Dân số Đức trong hiện tại có 81 triệu người, nếu so với Việt Nam cũng có thể gọi là tương đương và với Âu Châu thì Ý hiện có 58 triệu, Anh có 57 triệu, Pháp có 56 triệu. Diện tích mặt bằng thì Đức nhỏ hơn Pháp 544.000 m² và Tây Ban Nha 505.000 m².

Phía Bắc nước Đức giáp Đan Mạch, Hòa Lan, Bỉ, Lục Xâm Bảo và Pháp nằm về phía Tây. Thụy Sĩ và Áo nằm về phía Nam của nước Đức. Phía Đông giáp Tiệp Khắc và Ba Lan. Vào ngày 3 tháng 10 năm 1990 là ngày thống nhất nước Đức sau 40 năm chia cắt, nước Đức đã có một biên giới to lớn như thế.

Việt Nam sau ngày 20 tháng 7 năm 1954 đã chia đôi như nước Đức. Phía Bắc theo chủ nghĩa Cộng Sản thân Nga và Trung Cộng. Phía Nam được Mỹ và các đồng minh của khối Tự Do hỗ trợ. Rồi đến ngày 30 tháng 4 năm 1975, Việt Nam cũng thống nhất, nhưng miền Bắc cưỡng chiếm miền Nam để trở thành một nước Cộng Sản (trong khi đó ngày 3 tháng 10 năm 1990 nước Đức trở thành một nước hoàn toàn độc lập tự do, do người dân Đông Đức tự chọn thể chế chính trị này). Từ năm 1954 đến năm 1975, sau 21 năm, người Cộng Sản Việt Nam đã làm cho đất nước miền Bắc hủy hoại ở nhiều phương diện khác nhau cũng như Cộng Sản Đông Đức đã làm với quê hương họ từ năm 1949 đến năm 1990. Hơn 40 năm ấy nếu người dân Đông Đức không tự chọn cho mình

một thế đứng, có lẽ ngày nay người Đức cả Đông lẫn Tây không thể được thế giới nể vì. Thế giới nể trọng người Đức không phải vì những nhãn hiệu có in chữ: Made in Germany như xe Mercedes Benz, Audi, BMW v.v... mà người ngoại quốc đã khâm phục tinh thần quốc gia của người Đức sau ngày thống nhất đất nước này. Từ đó các lực lượng quân sự của Mỹ, Nga, Anh, Pháp phải tự động lần lượt rút về quê họ, qua một số đền bù thiệt hại và không bị mất mặt, khi không còn trực tiếp chăm sóc nước bị thống trị này nữa. Đó là một vinh hạnh cho nước Đức này.

Về cảnh trí và khí hậu

Nước Đức phía Bắc giáp biển, miền Trung có núi, miền Nam giáp rặng Alpen, là một trong những dãy núi cao tại Âu Châu. Đa phần là đất liền và nông nghiệp cũng là nghề chính của xứ này ngoài những kỹ nghệ nặng. Phía Bắc Đức có một số đảo như Nordeney, Amrum, Föhr, Sylt cũng như đảo Helgoland. Đây là những nơi nghỉ hè rất nổi tiếng và trước năm 1975 cơ quan Caritas của Đức đã gửi một chiếc tàu sang Đà Nẵng (Việt Nam) tạo thành một bệnh viện nổi mang tên là Helgoland và sau năm 1975 chiếc tàu này trở về quê hương đã tạo nên nó.

Về khí hậu thì nước Đức có khí hậu của biển và cả lục địa. Về mùa Đông có tuyết và nhiệt độ biến đổi từ 0 độ đến 5 độ C. Vào khoảng tháng 7 nhiệt độ trung bình từ 18 đến 20 độ C.

Nếu những người đến từ Á Châu hay Phi Châu mà ở lại nước Đức nhiều năm thì chúng tôi sẽ gọi nơi đây không có mùa hè. Vì mùa hè ở Ấn Độ có khi lên đến 45 độ C. Mùa hè ở Việt Nam thường thường 35 độ C. Nếu gọi mùa hè ở Đức 20 độ C chẳng bằng khí hậu mùa Đông của quê hương chúng

tôi vậy. Ở Việt Nam không chia ra 4 mùa rõ rệt như ở Đức này mà chỉ có 2 mùa. Đó là mùa mưa và mùa nắng. Lá chẳng vàng khi thu sang và đông đến không có một giọt tuyết nào. Nếu có, chỉ là sương mù bao phủ trên các rừng núi phía Bắc và Cao nguyên Trung phần Việt Nam mà thôi.

Ở Đức này thông thường cứ đến Giáng Sinh là tuyết rơi, báo hiệu mùa Đông rõ nét rồi đó. Cuối tháng 3 đầu tháng 4 là cây lá bắt đầu đâm chồi nảy lộc, tháng 6, 7, 8 là mùa đi nghỉ hè. Sau đó gió bắt đầu chuyển mạnh, lá vàng hoe, kéo dài suốt tháng 9, 10 và 11 của mỗi năm. Như thế có 4 mùa rõ rệt. Có nhiều người ngoại quốc chịu lạnh không nổi, nên mùa Đông ở đây họ thường thiên di đến những nơi ấm áp hơn và mùa Xuân cũng như mùa Hè thì họ trở lại nơi này. Đôi khi tôi vẫn thường nói với những học sinh, sinh viên Đức đến chùa Viên Giác học Phật Pháp rằng: «Tuy nước Đức lạnh, nhưng tấm lòng của người Đức thì ấm áp vô cùng.» Ai nghe câu ấy cũng vui lòng. Vì lẽ đây là một người ngoại quốc nói về khí hậu cũng như tình người của người Đức, chứ không phải người Đức tự khen tặng cho dân tộc mình như thế.

Về con người

Nước Đức vào năm 911 chẳng biết được bao nhiêu dân số, nhưng cho đến năm 2002 có lẽ đã trên 82 triệu người rồi, trong ấy có 7 triệu người là người ngoại quốc, nghĩa là gần 10% của dân tộc này. Trung bình 227 người sống trên 1 km² như thế. Thành phố đông dân nhất là Berlin với 3 triệu rưỡi người. Tại nước Đức có 19 thành phố có hơn 300.000 dân sinh sống. Một phần ba dân số của 84 thành phố lớn trên 100.000 dân sống tại thành thị. Có nghĩa là 26 triệu người sống cũng như làm việc tại các đô thị trung bình và lớn. Số

còn lại 47 triệu người sống giữa các làng từ 2.000 người đến 100.000 người tại các vùng quê. Khoảng 13 triệu người Đức đã từ vùng Đông Âu cũng như Đông Đức di cư vào Tây Đức trước năm 1961 khi bức tường Berlin được xây dựng. Năm 1990 theo thống kê của chính phủ cứ 1.000 dân cư như vậy mỗi năm chỉ sinh 11 người. Đây là chỉ số sinh sản thấp nhất trên thế giới.

Nếu tính 1.000 người là 500 cặp vợ chồng hay 400 cặp và 200 người độc thân, thì số sinh sản như thế là quá thấp. Tại Á Châu mặc dầu bị cấm sinh sản đối với gia đình đông con. Nghĩa là nếu cặp vợ chồng nào đã có 2 con thì không nên sinh thêm nữa, nhưng họ vẫn muốn sinh nhiều hơn. Trong khi đó tại Đức sự sinh sản được khuyến khích, nhưng nhiều cặp vợ chồng trẻ vẫn không thích. Họ quan niệm rằng trách nhiệm rất nặng nề để phải lo cho một đứa trẻ sinh ra, nuôi lớn và đến trưởng thành 18 tuổi mới hết bốn phần, chi bằng dùng tiền làm được để đi nghỉ hè. Việc sống chung giữa nam nữ không cần kết hôn cũng không còn là điều cấm kỵ tại xứ Đức này nữa. Nên đây là nguyên do chính của sự việc chẳng?

Nếu với đà sinh sản này thì người già càng ngày càng nhiều mà người trẻ sinh ra lại ít, chừng 30 năm nữa đời sống của những người già sẽ khổ hơn. Vì số tiền đóng thuế của người trẻ ít - lúc ấy có lẽ là một gánh nặng cho chính phủ đương thời. Cho nên, dẫu cho có bảo hiểm xã hội, bảo hiểm hưu trí đi nữa, bên nào cũng có những điều đáng lo âu của nó. Trong khi đó tại các xứ Á Châu, ngay cả Nhật Bản là một nước phát triển kỹ nghệ từ năm 1968 - Vua Minh Trị Thiên Hoàng duy tân nước này, đã hơn 100 năm qua, nhưng đời sống xã hội cũng không được bảo đảm mấy. Nếu thất nghiệp quá là một vấn đề lớn. Do đó có nhiều người đã tự tử, bắn loạn thần kinh là thế.

Nhìn về Ấn Độ hay Việt Nam là những xã hội nông nghiệp, ngay cả Trung Quốc nữa, dân số quá tải, đời sống thấp so với Đức và Âu Châu, nhưng họ vẫn sinh sản. Họ nghĩ đơn giản là: “Trời sinh voi thì sinh cỏ, sinh người thì sinh lộc”, đâu có gì phải bận tâm. Ngay cả đất nước Việt Nam vào đầu thế kỷ 20 nghĩa là cách đây 100 năm trước, dân số cả 2 miền Nam Bắc chỉ có 25 triệu người, mà 100 năm sau đã lên 80 triệu. Đó là chưa kể chiến tranh chết chóc suốt 50 năm qua. Không biết với đà sinh sản này Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung sẽ đi đến chỗ cuối cùng là chỗ nào. Người Á Châu quan niệm rằng sinh con đông là để cho con cái lo cho cha mẹ về già, thay thế cho xã hội như các nước Âu Mỹ, nên cha mẹ cũng an phận thủ thường. Nếu con mình giàu có thì mình sẽ được sung sướng. Nếu con mình nghèo thì phải chịu chung số phận mà thôi. Do vậy ít đòi tăng lương, ít đòi bồi thường thiệt hại. Dĩ nhiên đời sống vật chất so với Âu Mỹ có thấp đó, nhưng đời sống tinh thần thì họ thoải mái hơn. Cho nên nhìn họ có nhiều nụ cười an phận, hơn là đời sống vật chất đầy đủ tại Tây phương. Ở đây không so sánh sự tốt xấu, hơn thua, mà do phong tục, tập quán, phong thổ tạo nên con người vậy. Nếu người Đức sinh ra tại Á Châu hoặc giả người Á Châu, Phi Châu sinh ra và lớn lên nhiều đòi khác nhau thì những người này cũng suy nghĩ giống như những người Đức chánh hiệu mà thôi.

Tại Đức này không có những dân tộc thiểu số như tại Việt Nam. Tuy nhiên mỗi vùng ở mỗi nơi có một đặc thù riêng biệt và họ cố gắng giữ gìn những đặc thù đó. Ví dụ người ở vùng Mecklenburg thì đóng kín, người ở vùng Shwanben thì tiết kiệm, người ở vùng Rhein thì sống thoải mái, tự nhiên, người ở vùng Sachsen thì siêng năng chịu khó v.v... Tuy nhiên nước Đức đã kỹ nghệ hóa từ lâu, do vậy mọi người sống trên

quê hương này như là một đại gia đình, ít có sự phân biệt. Đó là nhận xét của người Đức và sau đây là nhận xét của người ngoại quốc về người Đức.

Người Đức chăm chỉ, sạch sẽ, chịu khó, mực thước. Tuy nhiên cũng tò mò và cứng nhắc hơn là nguyên tắc, đồng thời cũng lạnh lùng nữa. Sau đây là một câu chuyện vui đăng trên một tạp chí Việt Nam xuất bản tại Thụy Sĩ cách đây chừng vài năm, xin chép ra để hầu quý bạn đọc.

“Có một nhóm sinh viên nghiên cứu về tính kỷ luật và tự trọng của người Đức gồm có 3 nam và một nữ. Đầu tiên họ vào một nhà bưu điện tại thành phố Trier xin phép thực hiện một cuộc nghiên cứu. Sau đó họ phân chia công tác với nhau. Họ lấy 5 hình đàn ông dán lên trên 5 phòng điện thoại và 5 hình đàn bà dán lên trên 5 phòng điện thoại công cộng gần đó. Cả nhóm sinh viên này theo dõi suốt một tuần qua và ghi nhận rằng: Khi người đàn ông đến thì họ sắp hàng bên phía phòng điện thoại có dán hình đàn ông để gọi và khi đàn bà đến thì họ cũng làm thế. Đến một hôm có một sự kiện lạ xảy ra và đây cũng là kết quả của sự nghiên cứu ấy. Có một người đàn bà dẫn một đứa nhỏ đi theo, đứa nhỏ thấy trong phòng điện thoại bên đàn ông vẫn trống nên bảo mẹ mình tại sao không vào đó gọi? Bà mẹ bảo rằng phía đó chỉ để cho đàn ông thôi con ạ! Thế là đứa bé tiu ngịu đứng chờ mẹ mình đứng sắp hàng phía bên phòng điện thoại dành cho người nữ. Rồi một hôm khác tự nhiên đám sinh viên mừng rú lên, vì có một người đàn bà chạy qua phòng điện thoại có dán hình người nam để gọi. Nhóm sinh viên này không bỏ lỡ cơ hội, chạy ra phỏng vấn liền :

- Xin lỗi bà! Tại sao bà chạy qua phía phòng điện thoại của người nam để gọi?

- Xin thưa! Tôi không phải là người Đức. Chỉ có người Đức mới “kỳ cục” như vậy”.

Câu trả lời ấy đã làm sáng tỏ vấn đề dân tộc tính vậy. Người Đức chấp nhận nguyên tắc không cần suy nghĩ. Trong khi đó người Pháp, người Anh lại không. Nếu là nhà vệ sinh thì mới chia ra nam nữ và người ta phải đứng sắp hàng tuân hành giữ nguyên tắc. Chứ còn ở đây là trạm điện thoại làm gì có phân biệt nữ nam mà người Đức cứ phải tuân thủ. Đó là chưa nói những việc xa hơn như ở Nhật, tại những vùng nhà quê, cho đến hôm nay họ vẫn còn tắm chung giữa nam nữ tại các suối nước nóng, trong khi trên thân hình họ chẳng có một mảnh vải che thân. Vậy thì dưới cái nhìn của người Đức thì đây là một dân tộc kém văn hóa, trong khi đó người Nhật rất tự hào về sự tự nhiên này.

Tại Tokyo hay Kyoto là những thành phố nổi tiếng nhất, sang trọng nhất nhì ở Nhật, tại các chỗ tắm công cộng đàn ông vẫn khóa thân tắm chung với nhau, đàn bà cũng thế. Trong khi đó tại Âu Châu hay ngay cả Việt Nam, khi tắm chỉ riêng biệt một người chứ không bao giờ có người thứ hai bên cạnh, nếu tắm khóa thân.

Ngày nay tại Âu Mỹ cũng có những nơi tắm thiên nhiên như thế, nhưng đa phần để dành cho giới trẻ và trung niên chứ người lớn tuổi thì chẳng thấy lai vãng. Ở Nhật lại khác, ai cũng có thể vào đó tắm chung từ già đến trẻ, từ con nít cho đến trung niên. Do đó khó có một kết luận cho đúng với những trường hợp mang nặng đặc tính dân tộc như thế này.

Tại Đức có những thành phố lớn với dân cư đông đúc được xếp theo thứ tự như sau:

1. Berlin với 3.465.700 người.
2. Hamburg với 1.688.700 người.

3. München với 1.256.600 người.
4. Köln với 960.600 người.
5. Frankfurt am Main với 668.900 người.
6. Essen với 627.200 người.
7. Dortmund với 600.600 người.
8. Stuttgart với 599.400 người.
9. Bremen với 554.200 người.
10. Duisburg với 539.000 người.
11. Hannover với 523.600 người.
12. Nürnberg với 500.100 người.
13. Leipzig với 496.600 người.
14. Dresden với 481.600 người.

Trong 14 thành phố ấy, phía Đông Đức cũ có 2 thành phố thứ 13 và 14 và thành phố Hannover nằm ở con số thứ 11 có số dân trên 500.000 người. Thành phố Hannover đã kỷ niệm 700 năm vào năm 1999 và năm 2000 đã tổ chức Hội Chợ Thế Giới, có hơn 18 triệu người đến tham dự trong vòng 6 tháng. Tại đây cũng có ngôi chùa Viên Giác và hằng năm có độ 70.000 người Việt, khoảng 10.000 người Đức đến tham quan, lễ bái cũng như học hỏi giáo lý của Đức Phật trong suốt thời gian những năm tháng vừa qua. Dĩ nhiên trong thời gian tới con số ấy sẽ tăng lên nữa, nhưng bao giờ cũng thế, cũng như không khí chỗ nào thiếu thì không khí cũng luôn luôn trung hòa để loài người có đầy đủ dưỡng khí mà hít thở để được tồn tại.

Về tiếng Đức

Tục ngữ Pháp có câu: «Deux yeux sont les fenêtres du coeur». Có nghĩa là: “con mắt là cửa sổ của tâm hồn”. Nhưng tôi đôi khi tự đổi lại: «La langue, c’est le fenêtre du coeur».

Có nghĩa: Ngôn ngữ là cửa sổ của tâm hồn. Quả thật ngôn ngữ nó quan trọng như thế đó. Mỗi dân tộc có một ngôn ngữ riêng, đôi khi có nhiều hơn một ngôn ngữ, nhưng nhiều lúc có nhiều dân tộc trên thế giới chỉ dùng một ngôn ngữ để diễn tả mọi hành động, mọi sự kiện trong cuộc sống của mình bằng lời để mọi người chung quanh hiểu nhau mà thông cảm nhau. Nếu con người không có ngôn ngữ để truyền đạt cho nhau, không biết là con người phải giao thiệp với nhau bằng những hình thức nào?

Tiếng Đức là một ngôn ngữ thuộc nhóm Indogermanisch. Tiếng này có liên hệ với tiếng Đan Mạch, tiếng Na Uy và tiếng Thụy Điển, cũng như tiếng Hòa Lan với tiếng Flämisch và ngay cả tiếng Anh cũng có sự liên hệ nữa.

Mặc dầu nước Đức có nhiều thổ âm, nhưng đa phần dân chúng Đức đều có thể hiểu được tiếng của những địa phương khác. Ngoài nước Đức ra tại Áo, Liechtenstein, phần lớn của Thụy Sĩ, miền Bắc Ý và một phần của Bỉ, Pháp (Elsaß) cũng như Lục Xâm Bảo và dọc biên giới Đức đều nói tiếng Đức như là tiếng mẹ đẻ của các quốc gia này. Ngay cả người Đức tại Ba Lan, Rumänien và một ít ở Nga cũng còn giữ tiếng Đức tại đây.

Tiếng Đức được dùng như là tiếng mẹ đẻ cho 100 triệu người. Trong 10 quyển sách được xuất bản trên thế giới có một quyển bằng tiếng Đức. Đây cũng là một ngôn ngữ được dịch nhiều, sau tiếng Anh và tiếng Pháp.

Đối với người ngoại quốc có lẽ tiếng Đức là một loại tiếng rất khó. Khó nhất là văn phạm. Động từ thay đổi và mạo từ cũng thay đổi. Trong khi đó tiếng Anh thì không, tiếng Pháp có thay đổi theo giống và số, nhưng ở đây tiếng Đức còn có thêm cả trung tính cũng như thể Akkusativ và Dativ nữa, mà

ở những ngôn ngữ trên không có. Đặc biệt tiếng Việt Nam thì động từ không cần chia, chỉ cần xem thời gian phía trước hoặc sau chủ từ, người ta biết việc ấy thuộc về tương lai hay quá khứ hoặc hiện tại. Tuy nhiên tiếng Việt Nam cũng thuộc loại khó, không khó về văn phạm như tiếng Đức, mà khó về phát âm, dấu, giọng. Ví dụ tiếng Trung Hoa hay như thế mà chỉ có 4 âm rưỡi. Trong khi đó tiếng Việt có đến 5 âm rưỡi.

Tiếng Nhật là một ngôn ngữ có những đặc biệt riêng của nó. Ví dụ động từ luôn luôn đứng ở cuối câu và ở động từ ấy tự nó có thể chia thành thể phủ định, khẳng định, sẽ, đã v.v... Còn tiếng Đức động từ chỉ đứng ở cuối câu khi nào có trợ động từ. Ví dụ: Tôi muốn học tiếng Anh. Tiếng Việt dùng như thế là chủ từ + trợ động từ + động từ chính và túc từ. Trong khi đó tiếng Đức phải nói là: Ich will (möchte) Englisch lernen. Như vậy là động từ chính phải nằm ở cuối câu. Tiếng Nhật phải nói là: Watashi wa Eigo o benkyositai. Câu này chủ từ đứng trước + túc từ + động từ. Trợ động từ benkyo suru này nó biến thành thích (muốn) hay không thích, không muốn, sẽ, đã v.v... thật là rắc rối. Bởi vậy tôi hay nói: Ngôn ngữ là cửa sổ của tâm hồn là vậy.

Có nhiều người ngoại quốc như Thổ Nhĩ Kỳ, Ý Đại Lợi họ ở đây cả 30 hay 40 năm, họ làm nghề lái taxi, tôi có dịp tiếp xúc với họ. Họ nói một câu đã sai đến mấy chữ rồi. Thế hệ thứ hai, con cái của họ sinh ra tại xứ Đức này có thể tốt hơn. Vì lẽ con cái họ bắt buộc phải đi học trường Đức, nên phải nói tiếng Đức. Còn họ đến nước Đức này chủ yếu là làm thợ và khi đến đây đã ở vào lứa tuổi trung niên rồi, nên họ phải chịu vậy. Người Việt Nam cũng có hoàn cảnh tương tự như thế. Khi ra đi tỵ nạn Cộng Sản thì đi cả gia đình, trong đó có ông bà, cha mẹ và con cái. Người lớn nhỏ quê cha đất tổ, học đâu quên đó, trong khi con trẻ không có liên hệ

với quê hương cũ, nên chúng học hành thành tài khá nhiều. Tuy nhiên sự hội nhập quá nhanh này, chỉ một thế hệ mà đã quên hết tiếng mẹ đẻ, phong tục, tập quán v.v... làm cho cha mẹ, ông bà phải lo lắng. Chẳng biết đến thế hệ thứ 3, thứ 4 sẽ ra sao đây? Dĩ nhiên là người Đức mong cho mọi người ngoại quốc sớm hội nhập vào xã hội này, trong khi đó những người ngoại quốc hiện sống tại nước Đức này họ vẫn còn muốn bảo vệ văn hóa, ngôn ngữ của dân tộc họ. Vì họ nghĩ rằng: Ý nghĩa của sự hội nhập nó không nhất thiết phải là bị đồng hóa.

Những người ngoại quốc sống tại xứ Đức

Nước Đức là một nước có thiện cảm với người ngoại kiều. Tuy nhiên, thỉnh thoảng vẫn có những vấn đề kỳ thị. Ví dụ như công ăn việc làm tốt hơn, ngôn ngữ không giỏi bằng người Đức, hoặc giả cũng có nhiều người Đức nghĩ rằng người ngoại quốc vào đây để chiếm đoạt công ăn việc làm của họ, nên mới có một số đối đãi không đẹp mắt, nhưng đa phần người Đức đều hiểu là họ sống cũng phải nhờ vào ngoại kiều, vì lẽ những năm đầu thập niên 50, 60 họ phải cần thêm những khách thợ đến từ Thổ Nhĩ Kỳ, từ Ý v.v... và ngay cả đối với người Đức hiểu chuyện mọi sản phẩm của người Đức sản xuất ra phải bán đi khắp thế giới và dĩ nhiên là nhờ người ngoại quốc mua. Có như thế người dân Đức mới có thu nhập cao và bây giờ ai cũng phải hiểu là chúng ta sống với nhau chứ không phải sống cho nhau nữa.

Nước Đức không phải là một quốc gia lý tưởng để di dân như nước Mỹ, Canada hay Úc, nhưng gần đây chính phủ SPD và Grüne đã có nhiều đạo luật có lợi cho nước Đức và có thiện cảm với ngoại kiều, để khi người ngoại quốc hướng

đến nước Đức, không nghĩ rằng đây là hậu thân của Nazis được, mà hoàn toàn độc lập, tự do và thân thiện. Chính người Đức cũng thấy rằng sự giết hại mấy triệu người Do Thái thời Hitler là một điều sai lầm, đáng tiếc, nên ngày nay đã có những đạo luật bảo vệ ngoại kiều và tất cả đều bình đẳng trước pháp luật, chứ không phân biệt tôi là người Đức, anh là người ngoại quốc nữa.

Bắt đầu từ năm 2002, biên giới về lãnh thổ, về tiền bạc của các quốc gia tại Âu Châu hầu như không còn nữa. Mọi người di chuyển tự do, làm ăn buôn bán, giao dịch không còn trở ngại nữa, thì việc kỳ thị cũng giảm đi. Người Đức cũng phải tự hiểu rằng khi họ bước chân ra khỏi biên giới của nước Đức, họ cũng là người ngoại quốc vậy. Mỗi người đến ở, học hành và lưu trú tại xứ Đức này đều có một lý do riêng, đồng thời chúng ta cũng phải hiểu hơn 2 triệu người Đức đang ở ngoại quốc để sinh sống, làm việc cũng có những lý do của mỗi cá nhân. Ngày nay thế giới có thể chỉ còn có một, trong đó con người phải biết thương yêu nhau thì sự tồn tại kia mới có ý nghĩa, chứ không phải chỉ là kẻ mạnh đi hiếp yếu như chủ nghĩa «Daitoa» Đại Đông Á của Nhật hồi Đệ nhị thế chiến. Cũng không phải thời gian từ 1934 đến 1945 mà người Đức dưới chính quyền Hitler đã phải chiến đấu cho chủ nghĩa độc tài ấy và cuối cùng cũng phải đầu hàng Mỹ cũng như Anh, Pháp mà thôi. Đây là một bài học lịch sử có giá trị muôn đời, mong rằng tất cả chúng ta đều phải học chứ không phải chỉ có người Nhật hay người Đức.

Trong 81 triệu dân Đức có gần 7 triệu người ngoại quốc. Con số ấy không nhỏ và trong ấy được chia ra như sau:

- Đông nhất là cộng đồng Thổ Nhĩ Kỳ gần 2 triệu người.
- Sau đó là người Ý gần 600.000 người.

- Người Hy Lạp 351.000 người.
- Ba Lan 260.000 người.
- Áo 186.000 người.
- Rumänien 162.000 người
- Tây Ban Nha 133.000 người.
- Iran, Bồ Đào Nha, Anh, Mỹ và Hòa Lan khoảng từ 100.000 đến 115.000 người.
- Bảo Gia Lợi (Bulgarie), Ungarn và Pháp từ 50.000 đến 100.000 người.
- Những người tỵ nạn đến từ các nước xa hơn như Việt Nam gần 100.000 người, Marokko 82.000 người, 55.000 người Libanese, 46.000 người Tích Lan, 46.000 người A Phú Hãn và 36.000 người Ấn Độ.

Có độ 50% người ngoại quốc sống tại nước Đức này từ 10 năm trở lên và 2/3 con cái của họ được sinh ra tại đây.

Có khoảng 2 triệu người Đức hồi cư từ các nước phía Đông: kể từ năm 1987 đã về lại Đức và riêng năm 1994 đã có 222.600 người.

Số người xin tỵ nạn tại Đức mỗi năm một nhiều. Ví dụ như năm 1991 là 256.112 người và năm 1993 là 322.600 người. Trong số này có từ 4 đến 6% được tỵ nạn chính trị. Ngoài ra là những lý do khác như nhân đạo, kết hôn v.v... Số còn lại bị trục xuất hay tạm dung là tùy theo từng trường hợp.

Người ta khi đưa đơn xin tỵ nạn có 3 lý do chính để được xét đến. Đó là:

- Lý do Tôn Giáo: Ví dụ như tại quê hương mình không được thực thi tự do tôn giáo, lễ bái, hội họp v.v...
- Lý do chính trị: Mình là người bị theo dõi, tình nghi, nếu mình trở lại quê hương sẽ bị bắt tù hoặc hãm hại. Tuy

nhiên đa phần chỉ có lý do sau khi đến Đức, chứ trước khi đến Đức để tỵ nạn có lý do rõ ràng thì ít, cho nên việc công nhận để được tỵ nạn chính trị rõ ràng là rất giới hạn. Ví dụ như các cơ quan thẩm tra tỵ nạn chính trị Liên Bang Đức ở Zindorf luôn luôn đòi hỏi có bằng chứng bị đàn áp ở tại quê hương của mình, nhưng tiếc rằng ở những chế độ độc tài, như Cộng Sản Việt Nam, thì làm sao để có một bằng chứng. Tất cả đều dối trá và lừa đảo, nhưng thế giới tự do thì không thể nào tin được. Hiệp ước về người tỵ nạn đã được ký kết tại Genève vào ngày 28 tháng 7 năm 1951 đã giúp cho rất nhiều người được định cư cũng như tỵ nạn tại quê hương thứ hai, khi mà nơi sinh trưởng ra họ không thể dung thứ họ được, vì khác nhau bởi chính kiến và tư tưởng.

- Điều thứ 3 cũng không kém phần quan trọng là mình người thiểu số ở tại quê hương mình, nhưng chính quyền sở tại đàn áp, đánh bật mình ra khỏi quê hương đó cũng như tiêu diệt ngôn ngữ, văn hóa, phong tục, tập quán của mình thì người ấy có thể xin ở lại Đức để tỵ nạn.

Trên đây là 3 lý do tương đối chính đáng. Dĩ nhiên là còn nhiều lý do khác nữa, nhưng nếu không được chứng minh một cách rõ ràng thì rất dễ bị cơ quan công quyền Đức kết luận là đến Đức vì lý do kinh tế, mà với lý do này thì không thể đứng vững để trước sau rồi cũng sẽ bị tiếp tục trục xuất về quê hương của mình. Nơi đó đang có không biết bao nhiêu cặp mắt đang chờ đón họ.

Sự đóng góp về thuế má của người ngoại quốc cho chính quyền Đức

Người ngoại quốc sinh sống tại Đức phải cảm ơn chính phủ Đức đã dành, mà chính phủ Đức ngược lại cũng phải cảm ơn người ngoại quốc nữa. Vì sao vậy? Vì lẽ người ngoại quốc đến đây mang nhiều nền văn hóa khác nhau, đã góp mặt và xây dựng đất nước này thành một đất nước đa văn hóa. Cũng ví như trong một vườn hoa, lâu nay đã có trồng loại hoa hồng, xem ra đã đẹp mắt, mà nay có thêm hoa cẩm chướng, hoa lan, hoa cúc, hoa huệ v.v... thì càng đẹp hơn. Ngoài ra, với số lượng người ngoại quốc gần 7 triệu người sống trên nước Đức, gần 4 triệu người có công ăn việc làm, có hãng xưởng, nhà hàng. Hoặ giả những người đi làm kỹ sư, công chức v.v... mỗi năm như thế chính phủ Đức thu vào chừng hơn 100 tỷ Đức Mã, có nghĩa là hơn 50 tỷ Euro trong hiện tại. Đây là số tiền đóng góp không nhỏ của ngoại kiều vào xã hội Đức này (5). Nếu mọi người dân Đức đều hiểu vấn đề này thì có lẽ làn sóng bài ngoại ở đất nước này sẽ ngày càng ít hơn. Vì nhiều người Đức nghĩ rằng ngoại kiều, trong đó có người tỵ nạn đến đây để ăn bám vào xã hội Đức và lấy mất công ăn việc làm của họ. Trên thực tế, xã hội nào cũng có lắm kẻ làm biếng và hư thân, nhưng nhiều người muốn đi ra ngoại quốc, hoặc muốn tỵ nạn đến một nước nào, có nghĩa là người đó phải có một nghị lực tuyệt vời mới vượt qua được những chặng đường nguy hiểm, mới có thể đến được những bến bờ tự do. Chỉ vấn đề ý chí thôi cũng đã quyết định chuyện sinh tử rồi, cho nên họ không thể ăn bám vào xã hội này được.

Nhiều người ngoại quốc sống từ 10 năm trở lên tại xứ Đức, ai cũng tìm cách nhập tịch Đức, hoặc xin giữ 2 quốc

tịch. Điều này chính phủ Đức cũng khuyến khích và có nhiều đạo luật khác nhau để giúp cho người ngoại quốc hội nhập vào xã hội này mau lẹ hơn, đỡ đi gánh nặng chăm sóc, học hành cũng như nghề nghiệp cho người tỵ nạn.

Sau khi tái thống nhất nước Đức vào năm 1990, cả Đông Đức lẫn Tây Đức đã hòa nhập thành một. Tất cả thể chế chính trị, hăng xướng, chính phủ của miền Đông đều rập khuôn theo cách tổ chức của miền Tây và hiện tại nước Đức có tất cả là 13 Tiểu Bang và 3 Thành Phố để trở thành một nước Cộng Hòa Liên Bang Đức to lớn tại Âu Châu. 16 Tiểu Bang và Thành Phố đó kể theo thứ tự A, B, C là:

1. Baden-Württemberg
2. Friestart Bayer
3. Berlin
4. Brandenburg
5. Freie Hansestadt Bremen
6. Freie und Hansestadt Hamburg
7. Hessen
8. Mecklenburg-Vorpommen
9. Niedersachsen
10. Nordrhein-Westfalen
11. Rheinland-Pfalz
12. Saarland
13. Friestaat Sachsen
14. Sachsen-Anhalt
15. Schleswig-Holstein
16. Freistaat Thüringen.

Cả 13 bang và 13 thành phố lớn của Đức gộp lại chưa bằng một Tiểu Bang California của Mỹ, nhưng sản lượng quốc gia, tinh thần dân tộc, thi văn, kịch nghệ, hội họa, âm

nhạc, thể thao v.v... đã làm cho thế giới phải nể vì và ngày nay nước Đức đứng nhì, ba trên thế giới về mọi phương diện. Do vậy khi người ngoại quốc ngưỡng mộ về nước Đức, chính là ngưỡng mộ tinh thần dân tộc, tinh thần trách nhiệm và tinh thần tự chủ này.

Nước Đức có 13 Tiểu Bang và 3 Thành Phố, nhưng chúng tôi chỉ giới thiệu sơ lược về Tiểu Bang Niedersachsen, nơi có ngôi chùa Viên Giác hiện hữu, còn những tiểu bang khác quý vị có thể tham cứu các sách tiếng Đức cũng như tiếng Anh viết về nước Đức này.

Tiểu bang Niedersachsen hiện có 7 triệu 600 ngàn dân cư, sinh sống trên một diện tích rộng 46.352 km². Thủ phủ của Tiểu Bang là thành phố Hannover.

Hai phần ba đất đai của tiểu bang này chuyên về nông nghiệp, trồng trọt cũng như chăn nuôi. Thí dụ như thịt dồi của Oldenburg, mật của Lüneburg Heide. Về khoáng sản hầm mỏ thì có vùng Harz. Từ thời vua chúa Goslar đã được đào bới và mỏ bạc đã được phát hiện nơi đây. Bắt đầu từ năm 1775, Clausthal đã mở trường dạy học cho những người liên hệ về đồi và núi sinh sống tại đó. Ở đây những người tốt nghiệp cũng được công nhận là những kỹ sư miền núi. Tại Salzgitter, mỏ sắt cũng đã được phát hiện, lớn thứ 3 tại Âu Châu. Tại tiểu bang này dầu và hơi đốt cũng chiếm đến 5% của toàn nước Đức. Braunschweig là trụ sở kỹ thuật về hóa học cho toàn liên bang. Emden là hải cảng lớn thứ 3 của Bắc Hải. Nơi đây cũng là nơi đóng tàu rất nổi tiếng. Wolfsburg là thành phố sản xuất xe Volkswagen.

Hơn 7 triệu người sinh sống tại tiểu bang này, có hơn 500.000 người sống tại thành phố Hannover. Đây cũng là một thành phố triển lãm của thế giới.

Đại Học Göttingen là một đại học rất nổi tiếng về khoa học tự nhiên. Từ năm 1837 có một nhóm giáo sư tại Göttingen trung lập, chống lại sự giải tán những người nông dân của hiến pháp tiểu bang và việc này cho đến năm 1848 các Nghị viên tại cuộc họp Quốc Gia ở Frankfurt đã đề cập đến. Göttingen cũng là nơi sinh ra nhà Toán học và Thiên văn học Carl Friedrich Gauß (1771-1859). Trong thế kỷ 20, Göttingen đã phát triển về Atomphysik và có 2 người đã lãnh được giải Nobel. Đó là Max Born (1882-1970) và Werner Heisenberg (1901-1976).

Năm 1993 cả nước Đức sản xuất là 1.079 tỷ Đức Mã, có nghĩa là hơn 1 billion cho mọi sản lượng của quốc gia và người ngoại quốc đã dự phần không ít về sự tăng trưởng kinh tế tại xứ Đức này. Nghĩa là 10% (100 tỷ Đức Mã). Trong đó Tiểu Bang Niedersachsen đóng góp cũng không nhỏ. Riêng chùa Viên Giác tại Hannover mỗi năm có 100.000 Phật Tử về thăm viếng, lễ bái v.v... Như vậy qua giao thông, mua sắm, du lịch v.v... người Việt Nam và Phật Tử Việt Nam cũng đã trực tiếp đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế của Tiểu Bang Niedersachsen không phải là ít.

Nếu muốn viết đầy đủ về nước Đức phải đề cập về Hiến Pháp, cử tri. Nước Đức liên hệ với ngoại quốc như thế nào, kinh tế ra sao. Từng loại kỹ nghệ một, căn bản cấu trúc của xã hội, đời sống người phụ nữ, thể thao, du lịch, hội hè, giáo dục, nghề nghiệp, văn hóa, tôn giáo, âm nhạc, kịch nghệ v.v... Như thế phải viết thành một quyển sách riêng. Tuy nhiên chương này chỉ là chương đại cương để giới thiệu những nét căn bản về nước Đức cho những người Việt Nam sau này hay đã ở đây lâu đời không rành Đức ngữ tham cứu. Còn những vị giỏi Anh hoặc Đức ngữ có thể đọc trực tiếp nơi các sách vở hiện có tại các Thư Viện của thành phố hay Đại Học thì sẽ rõ nhiều hơn.

Chương II

SỰ LIÊN HỆ GIỮA CHÙA VIÊN GIÁC, HỘI PHẬT TỬ, CHI BỘ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT VỚI CHÍNH QUYỀN ĐỨC QUA BỘ NỘI VỤ LIÊN BANG TẠI BONN

Ngày 22 tháng 4 năm 1977 tôi đã đặt chân đến phi trường Hamburg của nước Đức, sau đó về ở Kiel một năm học tiếng Đức tại Đại Học Kiel. Sau đó có giấy nhập học tại Đại Học Hannover, Phân khoa Giáo dục, nên tôi đã dời về Hannover vào tháng 3 năm 1978.

Lẽ ra tôi không ở lại Đức. Vì chương trình học hậu Đại Học ở Nhật chưa xong, nên tôi muốn về đó để làm luận án cho xong, nhưng qua sự yêu cầu của các anh em Sinh viên Phật Tử lúc bấy giờ, nên tôi đã ở lại đây từ đó cho đến nay. Đúng là một nhân duyên vậy.

Sau đó tôi đưa đơn xin tỵ nạn vì lý do Phật Giáo bị đàn áp tại Việt Nam và ngày 29.3.1979, Sở Công Nhận Tỵ Nạn Liên Bang đã chính thức công nhận và sau đó tôi đã nhận được Thông Hành Tỵ Nạn màu xanh có 2 gạch đen bên góc.

Ngày 30 tháng 4 năm 1975 tôi và một số các anh chị em Sinh viên đang du học tại Nhật có lên Sứ quán Việt Nam Cộng Hòa tại Tokyo gia hạn thêm Thông Hành được 5 năm nữa, nghĩa là số Thông Hành ấy đến năm 1980 mới hết giá

trị, mặc dầu miền Nam Việt Nam không còn hiện hữu nữa. Tuy nhiên cũng nhờ Thông Hành của Việt Nam Cộng Hòa mà năm 1977 tôi mới được qua Đức, do Tòa Đại Sứ Đức tại Tokyo cấp Visa. Lúc ấy có giấy mời của Bác sĩ Văn Công Trâm, là bạn học cũ, từ Đức gửi sang cùng với giấy học Đức ngữ.

Từ năm 1975 đến 1977, chính quyền Nhật đã không cấp cho Sinh viên chúng tôi một loại giấy tờ nào cả. Trong khi đó chính quyền Đức sau năm 1975 đã cấp cho các Sinh viên Việt Nam tại đây Thông Hành tạm (Fremdenpaß) màu xám và sau đó chuyển qua Thông Hành Tỵ Nạn với quy chế cho người tỵ nạn thuộc Hiệp Ước ngày 28 tháng 7 năm 1951 ở Genève về người tỵ nạn. Ở Nhật không rõ ràng như thế cho nên ai cũng lo và sau khi tôi làm đơn xin tỵ nạn, tôi cũng đã được cấp một thông hành màu xám (Fremdenpaß) như thế, để đến ngày 29 tháng 3 năm 1979 được chính thức có Thông Hành Tỵ Nạn. Thời gian xem chừng 3 tháng là có kết quả. Lúc ấy ít người xin tỵ nạn và lý do vững vàng, do vậy có kết quả rất nhanh.

Từ 1979 đến 1986 tôi vẫn dùng Thông Hành Tỵ Nạn này và từ ngày 15 tháng 7 năm 1986 chính quyền Hannover đã nhận cho tôi vào quốc tịch Đức và kể từ đó đến nay vẫn giữ quốc tịch Đức như vậy. Có nhiều lý do để trở thành dân Đức, vì lẽ ngày về Việt Nam chưa biết là bao giờ, vả lại Việt Nam cho đến nay Phật Giáo vẫn còn bị đàn áp. Thứ hai, có quốc tịch như thế dễ hội nhập nơi đây và dễ dàng di chuyển trên thế giới. Vì với quốc tịch Đức thì có nhiều quốc gia trên thế giới không cần chiếu khán mà vẫn đến được như Mỹ, Canada, Úc chẳng hạn. Tôi là Tổng Thư Ký của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu, phải đi hội họp và hoằng pháp khắp nơi, nếu không có quốc tịch Đức sẽ phải

chờ đợi lâu ngày xin Visa thì cuộc họp đã khai mạc, mà nhiều khi chưa chắc gì đã nhận được Visa để đi.

Vào ngày 2 tháng 4 năm 1978 là Lễ An Vị Phật tại Niệm Phật Đường Viên Giác ở đường Kestnerstr. số 37 và vào ngày 24 tháng 7 năm 1978 chúng tôi đã hoàn thành xong bản Nội Quy Hội Sinh Viên và Kiêu Bào Phật Tử Việt Nam tại Đức Quốc bằng tiếng Việt cũng như tiếng Đức.

Ngày 2 tháng 10 năm 1980 gửi đơn xin ghi danh tại Tòa án Hannover và ngày 27 tháng 6 năm 1981, Tòa án Hannover đã chính thức ghi danh vào Sổ Hội Đoàn với số hiệu 4844. Đồng thời ngày 27 tháng 2 năm 1981, Bộ Tài Chánh Hannover cũng đã công nhận Hội Sinh Viên và Kiêu Bào Phật Tử Việt Nam tại Đức là một hội công ích từ thiện (gemeinnützigkeit).

Riêng phần Chi Bộ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Đức cho đến ngày 5 tháng 10 năm 1980 chúng tôi mới thành lập được nội quy bằng tiếng Việt và tiếng Đức để sau đó ghi danh nơi Tòa án và xin tư cách công ích từ thiện tại Bộ Tài Chánh.

Ngày 23 tháng 12 năm 1981 đã được Tòa án Hannover chuẩn y với số hiệu 4826. Ngày 13 tháng 1 năm 1981, Bộ Tài Chánh Hannover đã công nhận là một tổ chức công ích từ thiện (gemeinnützigkeit) với số hiệu 25/206/28507-227. Như vậy cả 2 tổ chức đều có pháp nhân và pháp lý để dễ dàng hoạt động trên mọi bình diện của Liên Bang. Thành viên của Chi Bộ chỉ toàn là Tăng Ni và thành viên của Hội Phật Tử hoàn toàn là các vị cư sĩ.

Ngày 10 tháng 12 năm 1978, chính quyền Tiểu Bang Niedersachsen, khi ấy ông Dr. Ernst Albrecht là Thủ Hiến, đã nhận 1.000 người tỵ nạn Việt Nam đầu tiên trên chuyến tàu Hải Hồng từ Việt Nam đến Hồng Kông, rồi từ Hồng Kông

sang Đức. Đây là sự cứu trợ nhân đạo cao cả nhất và cũng là lần đầu tiên số người tỵ nạn đến từ Việt Nam đông đảo nhất. Hôm đó các anh em sinh viên và chúng tôi ra phi trường Hannover để đón tiếp họ. Tôi xin nghỉ học một semester tại Đại Học Hannover để đi giúp đồng bào mới đến tại bệnh viện Göttingen và trại tỵ nạn Friedland. Tôi cũng chỉ mới đến Đức hơn một năm nên tiếng Đức còn giới hạn lắm.

Sau đó anh Nguyễn Ngọc Tuấn, chị Nguyễn Thị Thu Cúc, các anh Văn Công Trâm, Lâm Đăng Châu v.v... lần lượt được chính quyền Tiểu Bang Niedersachsen muốn làm thông dịch viên dài hạn. Có người làm đến 5 năm. Còn tôi đầu năm 1979 đã trở lại chùa để chăm sóc cho Niệm Phật Đường cũng như đi học tiếp tục. Ngày ấy có giấy khen của Thủ Hiến gửi đến những người làm thiện nguyện như chúng tôi và giấy ấy, nay chúng tôi vẫn còn giữ để làm kỷ niệm.

Trong khi làm thiện nguyện cho đồng bào tỵ nạn như thế các đài truyền hình và báo chí có phỏng vấn chúng tôi. Chúng tôi trả lời thành thật về những gì đang xảy ra lúc đó cũng như dự tính trong tương lai cho Phật Giáo Việt Nam tại xứ này. Thuở ấy người dân Đức và chính quyền rất có thiện cảm với người tỵ nạn Việt Nam. Vì vậy vào ngày 17 tháng 10 năm 1979 chúng tôi, anh Tuấn, chị Cúc đã được ông Geißler là một công chức làm trong Bộ Nội Vụ Liên Bang mời đến văn phòng của Thiên Chúa Giáo tại Kaiser-Friedrichstr. 9 giới thiệu về những sinh hoạt của Niệm Phật Đường cũng như của Hội Phật Tử và ngày 23 tháng 11 năm 1979 chúng tôi đã gửi lên Bộ Nội Vụ Liên Bang một lá thư trình bày những buổi lễ tổ chức trong năm, báo Viên Giác, tiền thuê nhà v.v...

Ngày 11 tháng 2 rồi ngày 30 tháng 4 năm 1980 chúng tôi đã nhận được 2 văn thư chính thức của ông Dr. Geißler gửi, nhưng chúng tôi chưa quen với hành chánh, nên đã chẳng trả

lời kịp thời. Sau đó ngày 7.5.1980 chúng tôi mới làm đơn xin tài trợ. Đầu tiên chính phủ cho 11.800 Đức Mã để lo lễ Phật Đản. Cho 3.000 Đức Mã xuất bản báo Viên Giác và 5.400 Đức Mã trả tiền thuê nhà tại Kestnerstr. số 37. Tổng cộng là 20.200 Đức Mã. Ngoài ra Bộ Văn Hóa của Tiểu Bang Niedersachsen cũng có giúp cho 15.000 Đức Mã nữa. Tổng cộng của 2 nơi là 35.200 Đức Mã.

Ngày 5 tháng 8 năm 1980 chúng tôi nhận được một thư khẩn nữa từ Bộ Nội Vụ, bảo rằng hãy làm đơn nhanh lên cho những nhu cầu mua máy móc của nhà in và ngày 8 tháng 8 năm 1980 chúng tôi nhận được thư của ông Broschat một lần nữa bảo rằng cần 3 giấy khảo giá khác nhau của 3 hãng bán cùng một loại máy. Thế là chúng tôi quỳnh lên phải chạy đi tìm, nhưng lúc ấy tiếng Đức chẳng rành, và lại tiếng Đức thuộc về lãnh vực chính phủ nên phải ngồi tra lại tự điển mới có. Không hiểu tại sao chính phủ bắt mình phải đi khảo giá 3 hãng bán máy cùng một hiệu mà 3 nơi khác nhau. Sau này chúng tôi mới rõ là: tuy một loại máy giống nhau mà 3 cửa hàng bán giá khác nhau, chứ không giống nhau, chính phủ sẽ chọn hãng bán máy rẻ nhất. Từ đó về sau chúng tôi đã có kinh nghiệm.

Năm đó chúng tôi còn nhận thêm được 10.000 Đức Mã mà chính phủ cho lễ Vu Lan nữa. Ngày 8 tháng 10 năm 1980 chúng tôi làm đơn xin chính phủ tiền thuê nhà để làm chùa mỗi tháng độ 3.000 Đức Mã và ngày 10.12.1980 chính phủ đã đồng ý cho từng năm một. Cho đến ngày 24 tháng 11 năm 1980 chúng tôi đã nhận được một thư khác của ông Dr. Geißler đồng ý cho mua máy móc cho nhà máy in cũng như những lễ lộc khác trong năm tổng cộng là 62.011,80 Đức Mã.

Đến ngày 1 tháng 1 năm 1981 chúng tôi đã dời địa điểm về Eichelkamstr. 35A và mỗi tháng chính phủ cho 3.000 Đức

Mã để trả tiền nhà. Năm 1981 này chúng tôi tương đối đã có kinh nghiệm, nên việc làm đơn xin tương đối dễ dàng hơn một chút. Tổng cộng năm 1981 chính phủ giúp 99.800 Đức Mã. Ở đây tôi xin làm một bản thống kê để tạ ơn nước Đức đã giúp cho người tỵ nạn Việt Nam của chúng tôi và đặc biệt là người Phật Tử từ đó đến nay, để tuyên dương chính phủ và nhân dân Đức đã hết lòng hỗ trợ cho chùa Viên Giác, Hội Phật Tử cũng như Chi Bộ tại đây.

Năm 1982	chính phủ giúp tổng số tiền là	70.488 DM
Năm 1983	-nt-	71.500 DM
Năm 1984	-nt-	72.700 DM
Năm 1985	-nt-	75.600 DM
Năm 1986	-nt-	79.400 DM
Năm 1987	-nt-	78.300 DM
Năm 1988	-nt-	79.880 DM
Năm 1989	-nt-	82.400 DM
Năm 1990	-nt-	86.000 DM
Năm 1991	-nt-	138.200 DM
Năm 1992	-nt-	87.700 DM
Năm 1993	-nt-	140.100 DM
Năm 1994	-nt-	127.100 DM
Năm 1995	-nt-	162.465 DM
Năm 1996	-nt-	131.760 DM
Năm 1997	-nt-	131.630 DM
Năm 1998	-nt-	138.230 DM
Năm 1999	-nt-	138.230 DM
Năm 2000	-nt-	124.400 DM
Năm 2001	-nt-	155.000 DM
Năm 2002	-nt-	77.500 Euro

Nếu làm con số thống kê chung trong suốt 23 năm qua mà Chính Phủ Liên Bang Đức đã trợ giúp cho chùa Viên

Giác tại Hannover thì lên đến 2.118.206,80 Đức Mã cộng với 77.500 Euro, tương đương với 155.000 Đức Mã. Như vậy số tiền tổng cộng là 2.273.206,80 Đức Mã. Nếu tính ra Đô-la Mỹ trong hiện tại, độ chùng hơn Một Triệu Đô-la Mỹ.

Sở dĩ mỗi năm có sự tài trợ khác nhau vì lẽ có nhiều nhu cầu khác nhau. Ví dụ như ngoài việc tài trợ cho Lễ Phật Đản, Vu Lan, báo Viên Giác, tiền điện, gas, nước, sưởi, sách bút chỉ văn phòng v.v... thì số tiền tài trợ lại tăng lên. Trong hơn 2 triệu Đức Mã tài trợ đó chúng ta phải tự đóng góp vào là một phần ba. Đây chỉ là những chi tiêu có liên quan đến Bộ Nội Vụ Liên Bang. Còn những chi tiêu như sinh hoạt phí, xây chùa, xe cộ, bảo hiểm, người làm, chợ búa, xăng nhớt v.v... phải trình cho Bộ Tài Chánh Hannover cứ mỗi 3 năm một lần như thế. Vì lẽ người Phật Tử cúng dường tiền vào chùa, cuối năm họ xin lại thuế từ chính phủ, cho nên chùa phải chứng minh số chi thu thật rõ ràng. Những gì mà báo Viên Giác đã đăng tải lên mỗi năm 6 lần và cho đến nay gần 25 năm rồi, đều có báo cáo với Bộ Tài Chánh để họ theo dõi. Người cúng dường tiền cho chùa mỗi năm có thể nhận lại một số tiền trừ thuế từ Bộ Tài Chánh nơi sở tại, nếu người đó có đi làm. Chỉ độ 10 đến 20% người đi làm có xin lại thuế, còn đa phần không muốn xin lại, hoặc lãnh tiền trợ cấp xã hội nên họ không cần đến điều này.

Chính phủ giúp người dân, đặc biệt là dân tỵ nạn cũng từ thuế của dân ra mà thôi. Dĩ nhiên là trong đó vẫn có phần đóng góp của 100.000 người Việt Nam đang tỵ nạn và sinh sống tại nước Đức này, mà chùa đã làm được những gì cho đồng bào. Do vậy chính phủ vẫn tiếp tục hỗ trợ. Sự giúp đỡ ấy nhằm ổn định đời sống của ngoại kiều thuộc về tâm lý, văn hóa khi còn bỡ ngỡ cho việc hội nhập tại đây. Sự giúp đỡ ấy của chính phủ không phí phạm chút nào. Vì một người có

niềm tin với Tôn Giáo chính là những người đang thực hành đạo đức! Có vậy xã hội sẽ không bạo động, đời sống tinh thần được yên ổn. Đây là sự giúp đỡ cao quý nhất của chính phủ vậy.

Khi người nhận được sự trợ giúp như chúng tôi phải tự hiểu rằng mình phải làm gì với bốn phận và trách nhiệm, chứ không phải chỉ nhận suông mà không có điều kiện. Suốt gần 25 năm qua chúng tôi đã thể hiện tinh thần tự lực và hội nhập bằng cách tạo lập tại Hannover một Cơ sở Văn hóa Tôn giáo trị giá độ 9 triệu Đức Mã, tương đương với 5 triệu rưỡi Mỹ kim thời giá 1991. Số tiền ấy có được là do Phật Tử khắp nơi tại Đức, Âu, Mỹ, Úc Châu đóng góp cũng như cho mượn không có lời. Ngoài ra chúng tôi đã mượn ngân hàng 700.000 Đức Mã cho vấn đề xây dựng này. Cho đến gần giữa năm 2007 thì hết nợ của ngân hàng và nhà thầu. Thành quả ấy là một sự cố gắng vượt bực, chính phủ giúp mặt này để chúng tôi giúp mặt khác, nhằm làm cho vững vàng cộng đồng của người Việt Nam đang sống tại xứ Đức này.

Trong gần 25 năm qua, chúng tôi đã đào tạo được hàng ngàn, hàng vạn người Phật Tử thuần thành có quy y Tam Bảo, có ăn chay giữ giới. Không những chỉ người Việt mà người Đức cũng đến đây để làm quen với giáo lý từ bi lợi tha này. Đạo Phật không có cơ quan truyền giáo, nhưng nếu ai muốn theo thì cứ việc đến chùa. Chúng tôi đến nước Đức tỵ nạn chính trị và tỵ nạn Tôn Giáo, chúng tôi đã mang theo niềm tin của mình cũng giống như người Trung Hoa đã đến Việt Nam gần 2000 năm trước để tỵ nạn và họ đã mang đạo Phật vào Việt Nam. Các nhà sư thực hành đạo Phật tại Việt Nam, người Việt Nam thấy hay nên đã chọn lựa đạo Phật mà theo. Kể từ đó đến nay đã 2000 năm lịch sử rồi. Có lúc cũng là quốc giáo như vào đời Lý và đời Trần ở thế kỷ 11 đến 14.

Suốt 400 năm ấy Phật Giáo đã đóng góp rất nhiều cho dân tộc Việt Nam.

Phật Giáo đến Đức cũng bằng con đường như thế, rất từ bi, hài hòa, không gây hấn chiến tranh cũng như thù hận, nên được chính phủ và người dân ở đây thương yêu, mến mộ. Do vậy chúng tôi rất ít gặp khó khăn ở đây. Chúng tôi đã tiếp xúc với những nhân viên công chức của chính quyền Bộ Nội Vụ như ông Dr. Geißler, bà Michael, ông Dammemann, ông Dubbert v.v... qua nhiều lần và nhiều năm tháng như thế. Chúng tôi thấy họ rất tận tình giúp đỡ, chỉ vẽ cũng như thân thiện, làm cho chúng tôi lại tin tưởng hơn. Cho đến hôm nay thì ông Dr. Geißler, bà Michael, ông Dammemann đã về hưu, nhưng những ơn nghĩa đó của quý vị chúng tôi không bao giờ quên được. Bằng chứng là những năm 1980, 1981 chúng tôi chẳng biết gì về hành chánh, vì có học hành chánh bao giờ đâu, nhưng quý vị đã thôi thúc, chỉ vẽ từng li từng tí một để chúng tôi nhận được sự trợ cấp một cách dễ dàng. Dĩ nhiên, đường đi nào cũng chẳng đơn giản, nhưng có khó khăn thử thách thì sự thành công ấy mới có giá trị. Nếu không thì cuộc đời này đã không đầy đủ ý nghĩa của nó.

Có nhiều lúc từ Bonn quý vị gọi lên thúc hối chúng tôi gọi đơn xuống gấp cho kịp thời gian tính, hay bảo nên làm giấy tờ chi xuất trước, Bộ có thể ứng liền. Những cử chỉ như thế làm sao chúng tôi quên được. Quý vị là những người làm ơn, có thể quý vị hay quên, nhưng chúng tôi là những kẻ chịu ơn, chúng tôi bắt buộc phải nhớ.

Để nhận được sự tài trợ như thế, phải là một tổ chức chứ không phải tư nhân. Như quý vị đã thấy bên trên, chúng tôi có 2 tổ chức - Một tổ chức toàn là Tăng Ni và một tổ chức khác toàn là cư sĩ tín đồ. Với mô hình này tôi cũng muốn ứng dụng cho Hội Phật Giáo Đức (BDV) nhưng chưa thành công.

Vì người Đức tin theo Phật Giáo mới chừng hơn 100 năm nay thôi, nên chưa hệ thống hóa và tổ chức hóa Giáo Hội Phật Giáo tại đây. Dĩ nhiên là ở Đức có nhiều người giỏi, nhưng cũng không có nghĩa là trường học không cần thầy giáo, ở nhà con cái không cần cha mẹ. Cha mẹ và thầy giáo chỉ làm bổn phận của mình chỉ dạy, còn nên hư là do học đường, môi trường cũng như hoàn cảnh của người con, người học trò. Tuyệt nhiên không thể nói và không thể đòi hỏi người con phải bình đẳng với cha mẹ, người học trò bình đẳng với thầy cô giáo được. Như vậy ý nghĩa của sự giáo dục, đào tạo đâu còn nữa.

Ở đây cũng vậy, Tăng Ni có giới luật riêng. Họ không lập gia đình và sống đời phụng sự, phải có một tổ chức riêng, chứ không thể chung đụng với người cư sĩ được. Đây là một trong những lý do mà cho đến nay ở nước Đức này chưa trở thành một tổ chức *Offenliches Recht* được. Trong khi đó Phật Giáo tại Áo đã được công nhận từ năm 1983 và ở Ý vào năm 2000 là một Tôn Giáo sánh ngang vai với những tôn giáo khác, hiện có mặt tại Âu Châu này. Chính nhiều người Phật tử Đức họ cũng bảo rằng các tổ chức Phật Giáo tại Đức ngày nay rất phức tạp, giống như một gian hàng bày bán mọi loại, mọi thứ như là một Bazar vậy. Nói thế thì thê thảm quá, nhưng thực tế là vậy. Vì lẽ người theo Thiền Tông chỉ muốn giới thiệu Thiền của mình, người theo Tịnh Độ cũng thế. Gần đây phong trào học Phật Giáo Tây Tạng cũng nhiều lại cũng chẳng thiếu người Đức tin theo và đề cao tông phái của mình. Nhớ lại lịch sử thì thấy rằng đầu tiên thời Schopenhauer và sau đó, tại Đức này chỉ ảnh hưởng về Nam Tông Phật Giáo, nhưng ngày nay tại xứ Đức ảnh hưởng của Thiền và Mật Tông Tây Tạng mạnh hơn khuynh hướng cổ điển này rất nhiều.

Ở Đức này là một xứ tự do, muốn lập một Hội Đoàn chỉ cần 5 đến 7 người là đủ. Thế mà năm 1978 ở tại Đức này chưa đủ số tu sĩ như thế nên giữa năm 1978 tôi phải lập Hội Sinh Viên và Kiêu Bào Phật Tử Việt Nam trước, để rồi sau đó năm 1979 có nhiều Thầy Cô qua Đức tỵ nạn, số Tăng sĩ mới đầy đủ để trở thành một Chi Bộ Phật Giáo đúng nghĩa tại đây. Thuở ấy có quý Thầy Thích Trí Hòa, Thích Minh Thân, Thích Giác Minh đã cùng với tôi, Thầy Thiện Tâm, Thầy Minh Phú, Sư Cô Diệu Ân, Sư Cô Diệu Hạnh, Cô Minh Loan đứng vào danh sách của Chi Bộ để thành lập Hội. Sau này các thầy Thích Trí Hòa, Thầy Minh Thân và Sư Giác Minh đi Hoa Kỳ thì có Ni Sư Diệu Tâm đến cũng như một số quý vị xuất gia thêm, đã có chân trong Chi Bộ nên Chi Bộ đã phát triển không ngừng từ đó đến nay và số thành viên hiện đã hơn 40 người xuất gia. Đây là số Tăng Ni đông đảo nhất trong các cộng đồng của Phật Giáo Đức tại đây. Nếu tính hết những người Đức xuất gia đang ở Thái Lan, Nhật Bản, Tích Lan, con số ấy cũng chưa đến. Vì lẽ đời sống của người xuất gia không đơn giản chút nào. Còn ở tại nước Đức này số người Đức xuất gia theo Đạo Phật chưa đến 20 người, trong khi đó số tín đồ theo Phật Giáo không dưới 200.000 người và số người thích đọc sách Phật Giáo cũng từ 500.000 đến 1 triệu người.

Tôi phải cảm ơn chính phủ Đức và Bộ Nội Vụ đã đành, nhưng tôi cũng phải cảm ơn những Thầy, những Cô người Việt Nam nữa. Nếu không có họ, tổ chức Phật Giáo tại đây khó thành tựu. Đầu tiên, người chúng tôi nhắc đến là Sư Giác Minh. Sư theo hệ phái Khất Sĩ, đã đến tỵ nạn tại Aachen vào năm 1979. Sau khi Sư ở trại tỵ nạn được mấy tháng, Sư có dọn về Niệm Phật Đường Viên Giác ở Kestnerstr. số 37, Hannover, từ cuối năm 1979 đến giữa năm 1980, ở chung với chúng tôi, sau đó Sư di dân sang Mỹ và hiện đang sống

ở Tiểu Bang California vùng Los Angeles. Cuộc họp ngày 5 tháng 10 năm 1980, Sư được mọi người hiện diện bầu làm Chi Bộ Phó Nội Vụ.

Riêng tôi được bầu làm Chi Bộ Trưởng từ năm 1980 đến nay. Cứ mỗi 2 năm bầu lại một lần và nhiệm kỳ này (2001-2003) có lẽ là nhiệm kỳ cuối. Vì chúng tôi muốn trẻ trung hóa thành phần lãnh đạo của Chi Bộ, đưa lớp Tăng Ni trẻ lên làm việc. Dẫu sao đi nữa cá nhân tôi cũng đã làm việc trong Chi Bộ và tại nước Đức này hơn 25 năm rồi. 25 năm làm việc tại đây tôi được phép xem như 50 năm tại Việt Nam. Vì lẽ ở nước Đức này cái gì cũng mới mẻ. Tất cả đều bắt đầu bằng con số không to tướng. Công việc từ A đến Z phải thành thực. Nếu không, sẽ dễ bị đổ gãy giữa đường.

Cuối năm 1978, Hội Sinh Viên và Kiêu Bào Phật Tử Việt Nam được thành lập và với danh nghĩa này chúng tôi đã khai báo tại Ordnungsamt Hannover. Đến năm 1979 chúng tôi đã đứng trên danh nghĩa này để xin tài trợ của Bộ Nội Vụ Cộng Hòa Liên Bang Đức. Năm 1981 Tòa án mới công nhận tổ chức (ngày 27.6.1981) và cùng năm này Bộ Tài Chánh cũng đã công nhận tư cách công ích từ thiện của tổ chức. Chi Bộ được thành lập vào ngày 5 tháng 10 năm 1980 và ngày 23 tháng 12 năm 1981 cũng đã được Tòa án Hannover công nhận, đồng thời trong năm 1981 này tổ chức của Chi Bộ cũng đã được công nhận là một tổ chức từ thiện công ích (Gemeinnützigkeit). Như thế cả 2 tổ chức có cái trước cái sau, nhưng tất cả đều được tư cách pháp nhân vào năm 1981 để chúng tôi làm việc nhịp nhàng từ 1981 đến nay (2002) và trong năm này chúng tôi sẽ đệ đơn lên Bộ Văn Hóa của Tiểu Bang Niedersachsen xin hợp thức hóa tính cách Offenliches Recht để Phật Giáo được công nhận như là một Tôn Giáo như tại Áo và Ý đã thành công.

Người thứ ba được bầu vào chức vụ Chi Bộ Phó Ngoại Vụ thuở ấy là Thầy Thích Thiện Tâm. Thầy ấy đến tỵ nạn tại Đức vùng Mürerstadt gần Würzburg từ năm 1979 và Thầy tham gia Chi Bộ cho đến khoảng 1985 thì không còn trực tiếp nữa. Mặc dầu Thầy ấy vẫn còn ở nước Đức và đã về hưu, Thầy thích đời sống nhập thất, an tĩnh tu hành hơn là đi vào những việc hành chánh.

Vị Thư Ký của Chi Bộ được bầu thuở đó là Thầy Thích Minh Thân. Thầy Minh Thân cũng đến tỵ nạn tại Đức vùng Bartrup vào cuối năm 1979 và dời về Düsseldorf để đến năm 1985, 86 thì Thầy ấy sang Mỹ, hiện ở tại vùng San Jose Tiểu Bang California tại Hoa Kỳ.

Ni Sư Thích Nữ Diệu Hạnh được bầu làm Thủ Quỹ của Chi Bộ. Ni Sư cũng đến tỵ nạn tại Đức từ năm 1979, ở vùng Bartrup cho đến ngày nay và hiện là Trụ trì chùa Phật Bảo tại Bartrup.

Thầy Minh Phú và Cô Minh Loan thuở ấy được bầu vào Ủy Viên Văn Hóa. Thầy và Cô đều đến Đức tỵ nạn từ năm 1979. Đầu tiên đến ở trại tỵ nạn Mürerstadt và sau đó Thầy Minh Phú về chùa Viên Giác Hannover ở với tôi từ năm 1981 đến 1983, sang năm 1984 Thầy về Düsseldorf lập nên Niệm Phật Đường Thiện Hòa để sau đó dời về Mönchengladbach và trụ ở đó cho đến ngày nay. Cho đến nhiệm kỳ 2001-2003 này, Thượng Tọa Thích Minh Phú giữ chức vụ Chi Bộ Phó Ngoại Vụ. Cô Minh Loan đến năm 1990 không đủ nhân duyên nữa nên đã hoàn tục, không còn giữ những nhiệm vụ trong Chi Bộ nữa.

Người cuối cùng trong 7 người của Chi Bộ là Ni Sư Thích Nữ Diệu Ân. Ni Sư đảm trách Ủy Ban Nghi Lễ thuở đó và qua nhiều nhiệm kỳ khác nhau Ni Sư cũng đã đảm nhận

những nhiệm vụ khác nhau trong Chi Bộ. Ni Sư cũng đến tận nạn tại Đức từ năm 1979, ở Mürerstadt và có về chùa Viên Giác Hannover ở một thời gian ngắn, sau đó Ni Sư về Aachen để lập nên chùa Quan Thế Âm Ni Tự và trụ tại đó cho đến ngày nay.

Khi Sư Giác Minh, Thầy Minh Thân, Thầy Thiện Tâm không còn cộng tác với Chi Bộ nữa thì một số chức vụ trong Chi Bộ được thay thế bởi Sư Bà Thích Nữ Diệu Tâm, Ni Sư Diệu Phước, Thầy Trí Hòa cũng như một vài vị mới đến tận nạn tại nước Đức sau này. Về sau Thầy Trí Hòa đi Mỹ, nên nhân sự cứ phải hoán đổi mãi để hợp với nhu cầu, tình hình sinh hoạt Phật sự của từng thời điểm và nhất là làm sao phải phù hợp với tinh thần Nội Quy của Chi Bộ theo luật lệ của nước Đức.

Bản Nội Quy của Chi Bộ gồm có 5 chương, 10 điều và 14 điểm - là chỉ đạo nòng cốt của việc Phật sự tại Đức từ đó đến nay. Hôm nay tôi viết những dòng chữ này để tạ ơn chính phủ Đức, đồng thời cũng xin tạ ơn những Thầy, Cô đã cộng tác với Chi Bộ trong suốt thời gian hơn 20 năm qua, hoặc ngắn hạn hoặc dài hạn. Tất cả là những cây trụ cột của Giáo Hội tại xứ Đức này. Phải thành thật nói rằng chúng tôi không giỏi như những nơi khác, nhưng chúng tôi biết lắng nghe, nên đã giữ vững Chi Bộ được suốt hơn 20 năm qua. Tôi là người lãnh đạo luôn luôn quan niệm rằng phải cần nhiều bàn tay, khối óc góp sức vào, dầu dò cũng sẽ trở nên mạnh mẽ. Cũng như thế ấy, một cây dầu to, cao lớn đến thế mấy mà đứng trơ vơ giữa khoảng không, khi gió bão thổi qua chắc chắn sẽ dễ bị trốc gốc. Còn chúng tôi, giống như những chùm cây dại mọc dọc theo hai bên lề đường, tuy xấu xí, khó xem, nhưng chúng tôi đã chạm lưng vào nhau, nương tựa lẫn nhau, nên gió nào có thổi đến chúng tôi vẫn không bị

dao động. Nhiều lúc những thành viên trong Chi Bộ cũng có những sự bất mãn, có lúc nhỏ, có lúc lớn, nhưng cuối cùng rồi chúng tôi cũng đã giải quyết một cách êm thấm, nhẹ nhàng. Điều này chúng tôi đã học được ở người Đức và người Âu Mỹ rất nhiều. Nghĩa là cái gì không thích, không đúng thì cứ nói, cứ bàn cãi và cuối cùng cái hay nhất được tuyển chọn ra và đem vào ứng dụng cho tổ chức. Có như thế tổ chức mới mạnh và tạo nên sự tin tưởng của mọi người được.

Năm 1977, đơn thương độc mã một mình tôi đi vào xứ Đức này, đến năm 1979 có đầy đủ 7 người Tăng sĩ để lập nên một Tổ Chức của Giáo Hội. Và ngày nay, sau hơn 20 năm, đã có hơn 40 người xuất gia, nhằm duy trì cũng như phát triển mạng mạch cho Phật Giáo tại xứ này. Con số ấy thực sự không nhiều đối với việc phải lo chăm sóc đời sống tinh thần của gần 70.000 đồng bào Phật Tử Việt cũng như Đức tại đây, nhưng so với truyền thống xuất gia của người Việt Nam đối với Phật Giáo các nước khác tại xứ Đức này, con số ấy không phải nhỏ.

Khi chúng tôi nhận được sự tài trợ của Chính Phủ Liên Bang như thế, không có nghĩa là nhận tiền riêng cho mỗi cá nhân trong Chi Bộ, mà mỗi một khoản chi thu đều phải rõ ràng. Nếu dư phải trả lại cho chính phủ, nếu thiếu, chính là mình không biết tính, nhưng đầu dư hay thiếu cũng không được dưới và trên 20% của số tiền đã dự chi cho mỗi công việc. Quý vị nhìn hơn 2 triệu Đức Mã mà chính phủ đã giúp cho Giáo Hội tại Đức trong suốt hơn 20 năm qua đều thuộc về lãnh vực văn hóa của Tôn Giáo. Ví dụ như tài trợ một phần cho lễ Phật Đản, Vu Lan, đóng tiền thuê chùa để có nơi sinh hoạt. Sau này, kể từ năm 1991 đến nay chuyển tiền thuê ấy qua trả tiền điện, gas, nước v.v... Rồi xuất bản báo Viên Giác, sách vở của chúng tôi viết, bút chỉ văn phòng v.v... nghĩa là

tất cả những sự chi tiêu đó không còn đọng lại một vật gì cả. Ngoại trừ những máy in, sách vở, bàn ghế văn phòng của chính phủ cho. Bây giờ đã quá 20 năm rồi, nên đa phần đã bị hư hoặc không còn dùng đến nữa.

Ngoài ra tất cả những chi thu ấy, cuối năm đều phải tường trình về Bonn. Bonn sẽ gọi cho một bộ khác gọi là Bundesausgleichsamt (Bộ so sánh) để thẩm định lại việc chi thu của Giáo Hội có đúng hay không? Nếu sai, số tiền chi ấy sẽ bị rút lại. Ví dụ như trong chi thu ăn uống cho buổi lễ, nếu có ai trong Ban Tổ Chức mua lộn vào đó một ít xà-phòng, một cây chổi quét nhà v.v... điều ấy trở nên không hợp lệ. Vì lễ chi cho thực phẩm thì phải chi cho thực phẩm, thứ khác không được tính thêm vào. Điều ấy có nghĩa là những vật sử dụng ấy sẽ mất luôn, chứ không được phép còn tồn tại.

Có năm chúng tôi nhận được sự tài trợ của chính phủ nhiều. Vì lễ năm ấy có tổ chức Hội thảo, hội nghị, hoặc khánh thành v.v... chúng tôi được trợ giúp cho việc di chuyển trong nước Đức, chỗ ăn, chỗ ở v.v... Và dĩ nhiên trong mỗi khoản chi như thế chúng tôi đều phải có phần đóng góp của tổ chức mình độ chừng 1/3 tổng chi phí.

Cá nhân tôi trong suốt 25 năm qua cũng như quý Thầy, quý Cô trong Chi Bộ phải nói rằng đã không nhận một đồng lương nào của chính phủ cả, mà tất cả đều với mục đích từ thiện, công ích như Bản Nội Quy đã đề ra. Vì nhu cầu chúng tôi không nhiều, như chỗ ở đã có chùa, di chuyển có Phật Tử cúng, ăn uống thực phẩm cũng Phật Tử cúng dường và ngay cả tiền túi cũng không cần nhiều. Chúng tôi chỉ cần bảo hiểm sức khỏe và mỗi người đã được Giáo Hội hoặc chùa địa phương lo việc ấy. Chúng tôi sống độc thân, không có gia đình, nên chẳng cần tài sản, của cải để lại cho con cháu đời sau như người đời vẫn thường làm.

Tôi chẳng biết mình còn sống được bao lâu nữa, nên hôm nay sau 25 năm làm việc ở xứ Đức này, tôi phải nói lên hai tiếng “cảm ơn” với chính phủ Đức và với những người đồng đạo của tôi, đã giúp tôi đi suốt một đoạn đường dài của một thế hệ 20 năm và thế hệ khác của 20 năm sau chắc chắn sẽ khác hơn bây giờ. Vì “thời gian và thủy triều đều có đợi chờ ai”. Do vậy phải làm những gì khi có thể làm được để tạ ơn Tam Bảo, ơn Quốc gia, ơn Sư trưởng, ơn bằng hữu, ơn thiện hữu tri thức, ơn chúng sanh v.v... là những điều mà một người tu Phật như chúng tôi không được phép quên, phải luôn luôn nhớ.

Sau đây tôi xin ghi lại một vài diễn tiến với Hội Sinh Viên và Kiều Bào Phật Tử Việt Nam tại Tây Đức.

Ngày 20 tháng 11 năm 1979, Hội Sinh Viên và Kiều Bào Phật Tử Việt Nam tại Đức được thành lập và Hội Trưởng lúc bấy giờ là anh Thị Minh Văn Công Trâm. Lúc ấy Trâm còn là Sinh viên Y khoa, du học tại Đức từ năm 1969, nghĩa là đã ở Đức 10 năm, nên tiếng Đức khá vững vàng. Bây giờ là Bác sĩ gây mê tại bệnh viện Iserlohn. Tôi phải cảm ơn vị này. Vì nếu không có anh Văn Công Trâm thì tôi không có mặt tại xứ Đức, mà cũng chẳng có giấy mời đến Đức thăm vào năm 1977. Trâm vốn là bạn học cùng trường thưở Tiểu Học và bây giờ là đệ tử quy y Tam Bảo của tôi.

Người thứ hai là Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp, lúc ấy cũng còn là sinh viên và hiện tại là kỹ sư nhưng không còn hành nghề kỹ sư mà làm nghề nhà hàng, du học Đức từ năm 1968. Anh này cũng hỗ trợ cho tôi rất nhiều từ khi Niệm Phật Đường Viên Giác mới thành lập vào năm 1978 cho đến năm 1992 thì mới chính thức không giúp đỡ trực tiếp nữa.

Người thứ ba là anh Tusito Nguyễn Ngọc Tuấn, Sinh viên du học Đức từ năm 1968 và đã xong kỹ sư, hiện đang

làm việc tại Bưu Điện ở Bonn. Thuở ấy anh giữ chức Phó Hội Trưởng Ngoại Vụ, còn Thị Chon Ngô Ngọc Diệp là Phó Hội Trưởng Nội Vụ.

Người thứ tư là chị Diệu Hoa Nguyễn Thị Thu Cúc, giữ chức Thư Ký của Hội. Chị cũng là sinh viên du học Đức từ năm 1968 và đã cộng tác với chùa Viên Giác cho đến năm 1980, sau đó vì công ăn việc làm nên đã dọn về Hamburg và bây giờ thì cư trú tại Bonn.

Người thứ năm là cô Thủ Quỹ Thị Nhân Đoàn Thị Thu Hạnh, người này không phải là sinh viên du học. Tuy nhiên chồng cũng là Tiến sĩ người Đức. Cô đến Đức độ năm 1977. Hiện giờ ở gần Braunschweig. Những năm đầu cô là Thủ Quỹ của Niệm Phật Đường cũng như của Hội Phật Tử, những chi thu ngày ấy tôi vẫn còn giữ cho đến nay, để sang năm (2003) kỷ niệm 25 năm thành lập chùa Viên Giác sẽ trưng bày những kỷ niệm khiêm nhường ấy cho mọi người xem. Nghĩa là sau 25 năm, Viên Giác đã tiến theo lũy thừa 100 hoặc lũy thừa 1000 chứ không phải ít.

Trong năm người của Ban Chấp Hành Hội Phật Tử đã có 4 người là sinh viên du học. Do vậy tên của Hội được đặt là Hội Sinh Viên và Kiêu Bào Phật Tử Việt Nam tại Đức, và đến năm 1987, vì lẽ đồng bào Phật Tử đến tỵ nạn tại Đức càng ngày càng đông và số sinh viên đã ra trường, cho nên Đại Hội năm ấy đã đổi danh xưng là Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Tây Đức. Đây là một Hội có tầm vóc của người Việt Nam tại xứ Đức này. Cho đến nay sau hơn 20 năm hoạt động đã có 18 Chi Hội tại các địa phương như: Hamburg, Norden, Bremen, Hannover, Berlin, Koblenz, Nürnberg, Frankfurt, Aschaffenburg, Wiesbaden, Saarland, Freiburg, Mannheim, Stuttgart, Tübingen, Reutlingen, München và

trong 18 Chi Hội đó có 7 Gia Đình Phật Tử quy tụ các em thiếu nhi và thanh thiếu niên Việt Nam hiện đang đi học tại các trường Đức. Bảy Gia Đình Phật Tử ấy sinh hoạt tại các địa phương như: Norden, Bremen, Hamburg, Hannover, Berlin, Nürnberg, München và những Gia Đình Phật Tử ấy đang sinh hoạt dưới các chùa tại các địa phương như:

- GDPT Pháp Quang tại Hamburg sinh hoạt với chùa Bảo Quang
- GDPT Tâm Minh sinh hoạt với chùa Viên Giác tại Hannover
- GDPT Chánh Niệm sinh hoạt với chùa Linh Thụ tại Berlin
- GDPT Chánh Tín sinh hoạt với chùa Tâm Giác tại München

Có 3 Gia Đình Phật Tử sinh hoạt trực tiếp với các Chi Hội không có chùa. Đó là:

- Gia Đình Phật Tử Minh Hải tại Norden
- Gia Đình Phật Tử Chánh Giác tại Bremen, và
- Gia Đình Phật Tử Chánh Dũng tại Nürnberg, nhưng có lẽ nay mai Chánh Dũng sẽ được sinh hoạt với Niệm Phật Đường Viên Âm vừa mới được thành lập tại Fürth.

Ngoài ra có một số chùa tại Đức không có Gia Đình Phật Tử sinh hoạt thường xuyên như:

- Chùa Phật Bảo tại Barntrup
- Chùa Quan Thế Âm Ni Tự tại Aachen
- Chùa Thiệu Hòa tại Mönchengladbach
- Chùa Tam Bảo tại Reutlingen
- Chùa Phật Huệ tại Frankfurt.

Như vậy nếu tính chung lại, tại Đức ngày hôm nay có 10 ngôi chùa để tổ chức những khóa tu học, lễ bái, cầu nguyện, ma chay, cưới hỏi cho khoảng 70.000 người Việt Nam, quả là một sự dung chứa quá tải. Trong khi đó người Đức mỗi nhóm chỉ 5 hay 10 người trở lên, họ đã có một cơ sở sinh hoạt tín ngưỡng, đầu cho thuê vườn hay mua sắm.

Vào năm 1995, theo ông Dr. Baumann trong quyển *Deutsche Buddhisten* mà ông đã cho xuất bản thì số lượng Hội Đoàn cũng như Tổ Chức và Nhóm theo Đạo Phật của người Đức hiện ở rải rác trên Cộng Hòa Liên Bang Đức này không dưới 500 Hội. Tôi chẳng biết nhiều như vậy là tốt, hay ít là tốt. Tuy nhiên sự tự phát ấy nó cũng chỉ có tính cách thời gian. Nếu tổ chức nào có đường hướng hoạt động lâu dài, rõ ràng thì tổ chức ấy sẽ được nhiều người tham gia cộng tác. Bằng ngược lại, các tổ chức ấy sẽ tự tan rã.

Tôi quan niệm rằng: Tất cả các tổ chức của Phật Giáo tại xứ Đức này hay bất cứ nước nào trên thế giới theo Phật Giáo cũng giống như thế thôi. Nghĩa là: Thân mẹ của một cây đại thụ phải gồm nhiều cành lá. Nếu cành nào phát triển tốt thì sẽ sống mãi trên thân cây mẹ ấy, nếu cành nào khô, tự nó phải bị hoại diệt để cho cành khác tăng trưởng. Đây là nguyên tắc mà tôi đã điều khiển Chi Bộ cũng như cố vấn cho sự sinh hoạt của Hội Phật Tử Việt Nam tại Cộng Hòa Liên Bang Đức này. Tôi không sợ hơn hoặc thua, nhiều hoặc ít, mà tôi chỉ nói đến sự tồn tại trong sự tồn tại để được phát triển, thì đó là một nguyên tắc tương đối cho nhiều vấn đề mà tôi đã làm cơ sở cho sự hoạt động tại đây. Không tranh giành ảnh hưởng, không sợ hơn kém, mà chỉ sợ rằng mình không đủ đức tu để lo vun xới vườn hoa nội tâm giác ngộ của mình khi đi vào một xứ sở có nền văn hóa xa lạ với Đông Phương như thế này.

Trên đây là sự tổ chức cũng như cơ cấu của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Đức và nhờ có tổ chức chặt chẽ như thế nên sự liên hệ với chính quyền, điều hành Phật sự cũng như phát triển mỗi ngày một khởi sắc hơn. Giữa cư sĩ và Tăng sĩ đã hoạt động một cách nhịp nhàng. Giữa Đồi và Đạo chúng tôi đã kiện toàn giai đoạn 20 năm xây dựng cơ sở và từ đây trở đi là đào tạo con người và đi vào hoạt động. Có như thế tổ chức mới lớn mạnh và cành cây kia trên thân thể của cây cổ thụ Phật Giáo mới còn có cơ hội để triển khai ở nhiều phương diện hơn thế nữa.

Nước Đức và Chính phủ Đức là một nhà nước pháp trị. Nghĩa là dùng luật pháp để cai trị và bảo đảm đời sống cho người dân, nên chúng tôi cảm thấy rất yên ổn, hài hòa dễ sống. Đời sống thoải mái ấy không nhất thiết do vật chất tạo nên, mà phải do tâm thức của con người có một lối sống thích hợp với những gì tự do của ta đang có thì đời sống ấy càng có ý nghĩa nhiều hơn.

Do đó, ngày càng có nhiều người muốn đến thăm Đức, hoặc muốn ở lại Đức cũng từ lý do ấy là chính, chứ không phải ai cũng muốn đến đây vì lý do kinh tế như nhiều nhà chính trị hoặc dân chúng Đức đã phê phán. Nghĩ như vậy thì quả là rất tội nghiệp cho con người khi phải đánh đổi mạng sống của mình để đi tìm hai chữ Tự Do.

Chương này tôi muốn đề cập đến sự liên hệ giữa Giáo Hội và Bộ Nội Vụ Cộng Hòa Liên Bang Đức từ khi hình thành cho đến khi phát triển, và chương sau tôi sẽ có một cái nhìn chủ quan cũng như khách quan sau hơn 25 năm sống tại xứ Đức này.

Chương III

NGƯỜI ĐỨC DƯỚI MẮT TÔI

Sau hơn 25 năm sống ở xứ Đức, tôi đã hít thở không khí của bầu trời tự do nơi đây, tôi đã ăn bánh mì, khoai tây của Đức, gạo và thực phẩm du nhập từ Á Châu. Sống đời sống tự do thoải mái tại xứ này, lời đầu tiên là tôi phải cảm ơn xứ Đức. Nếu không có xứ Đức cứu mang tôi và những người tỵ nạn Việt Nam cùng những sắc dân khác ở vùng trời tự do này thì sự sống còn và phát triển không có ý nghĩa gì nữa cả. Vì vậy, những kẻ chịu ơn nước Đức như chúng tôi phải cảm ơn, đó là một bổn phận. Tuy nhiên trong cuộc sống của xã hội này, bao giờ cũng có lẽ tương đối của nó. Chỉ có chân lý của tôn giáo mới tuyệt đối, nhưng nhiều khi điều ấy ở xã hội này cũng bị mổ xẻ, đưa lên truyền thông và truyền hình hằng ngày. Do vậy những nhận xét dưới đây của một người ngoại quốc như tôi cũng chỉ có tính cách tương đối và theo chủ quan nhận xét của người viết mà thôi.

Năm 1975 khi tôi còn ở Nhật, tôi có viết một bài nhận xét về nước Nhật, bằng tiếng Nhật, sau hơn 3 năm ở đó, nhan đề là: “Nhật Bản dưới mắt tôi”. Nếu người ngoại quốc đọc, chắc hẳn là vui, vì đúng tâm trạng của họ, nhưng người Nhật đọc, họ không vui mấy. Vì lẽ những gì người Nhật chờ đợi nơi người ngoại quốc không hoàn toàn đúng như vậy. Tôi kết luận bài viết bằng câu: “Người Nhật cũng giống như hoa anh đào, rất đẹp khi nở. Tuy có sắc nhưng chẳng có hương.” Điều ấy có nghĩa là người Nhật lịch sự, lễ phép, nhưng đó chỉ là cách xã giao thôi, chứ không phải là tấm lòng của họ.

Vì mỗi một dân tộc có một dân tộc tính khác nhau, chẳng ai giống ai và cũng chỉ có một vài việc tiêu biểu nào đó xứng đáng tinh thần quốc gia, chứ còn đa phần là làm theo phản ứng của mỗi cá nhân chứ không phải là tập thể hay truyền thống. Ví dụ như việc Harakiri, nghĩa là mổ bụng của các võ sĩ Nhật khi mà việc nghĩa đáng phải làm, nhưng ngày nay truyền thống ấy hầu như không còn tồn tại nữa. Hay quý vị đã xem phim Kaminokaze, nghĩa là Thần Phong, những cảm tử quân của Nhật chủ trương một là chiến thắng, hai là chết chứ không chịu nhục và bại trận, nhưng sau 2 quả bom nguyên tử của Mỹ thả ở Hiroshima và Nagasaki vào tháng 8 năm 1945 thì tinh thần hy sinh ấy cũng không còn nữa. Đây có thể gọi là Mentalität của người Nhật. Chữ này nếu dịch cho đủ nghĩa là: tâm tánh, trạng thái tinh thần, tánh hướng, khí chất v.v... Khi người ta nhìn vào một dân tộc, đầu tiên người ta có thể đánh giá qua cái Mentalität đó.

Người Nhật rất đúng giờ và siêng năng, lễ phép. Đó là cái Mentalität của họ. Còn người Đức thì sao? Khi tôi đến Đức thấy người Đức cũng sạch sẽ như người Nhật, nhất là những khung kính cửa sổ. Tuy không dơ, nhưng các bà nội trợ vẫn siêng năng lau chùi, khiến ai đi dạo ngoài đường, khi nhìn vào thấy cũng cảm phục và khen là sạch cũng như siêng năng quá. Người Việt Nam thì không được như thế - nhà bao giờ dơ mới lau chùi, kiếng cửa sổ thì ít quan tâm đến. Họ hoàn toàn một năm lau chùi vài lần là cùng. Đợi cho khi nào thật dơ mới lau, trong khi đó người Đức vẫn lau chùi thường xuyên. Đây là một bản chất tốt tượng trưng cho sự siêng năng. Nhưng người Đức rất khép kín và lạnh lùng. Bằng chứng thì quá nhiều để nói. Ví dụ nhà cửa lúc nào cũng đóng, không mở rộng như ở Á Châu. Có lẽ ở đây ảnh hưởng về vấn đề khí hậu chăng. Chúng tôi sinh ra ở những xứ nhiệt

đới, nên lúc nào cũng thoải mái ở ngoài đường hơn là ở trong nhà. Trong khi đó người Đức thích ở trong nhà hơn là ở ngoài đường. Nhất là những cuối tuần thật lạnh lùng đáng sợ ngay cả ở những phố thị lớn. Các xứ Á Châu vào những ngày cuối tuần rất đông đảo người qua lại, thăm viếng bạn bè, chợ búa, mua sắm, du ngoạn v.v... ở đâu đâu cũng rạng rỡ nụ cười. Trong khi đó ở Đức hầu như yên lặng vào cuối tuần. Một người ngoại quốc khi mới đến xứ này họ sẽ ngạc nhiên rất nhiều cho những sinh hoạt cộng đồng như thế.

Người Đức ít chào nhau khi chưa quen biết, nhưng người Mỹ thì khác, bất kể lạ quen gì, câu xã giao đầu tiên là: "Ông, bà có khỏe không?" Còn ở người Đức thì khó gặp câu ấy lắm, khi chưa có sự hiểu biết hoặc giao hảo. Người Á Đông chúng tôi ít ra cũng nhoén miệng cười xã giao khi gặp nhau. Còn người Đức tìm được nụ cười rất hiếm. Đây cũng là dân tộc tính của xứ này nữa.

Người Đức cũng siêng năng, nhưng so ra với người Nhật chưa bằng phân nửa và ngày nay Đại Hàn còn siêng hơn cả người Nhật nữa. Thế nào gọi là siêng năng? Có nghĩa là làm việc chăm chỉ, không câu nệ thời gian, miễn sao công việc chạy và hăng xường phát triển là được. Ở Đức tới trưa thứ sáu là đã nghỉ cuối tuần, trong khi đó ở Nhật hay các nước Á Châu đến chiều thứ bảy vẫn chưa được nghỉ, có nơi còn làm việc luôn ngày chủ nhật nữa. Nếu là ở Đức sẽ phạm luật lao động, nhưng ở Á Châu thì không.

Ở Đức nghỉ hè và nghỉ lễ rất nhiều. Trong khi đó ở Á Châu một năm chỉ nghỉ lễ được 1 đến 2 tuần. Nếu có bệnh, phải lấy ngày nghỉ vào các ngày nghỉ hè ấy. Trong khi đó tại Đức và Âu Châu không có vấn đề đó. Người Nhật khi đi tìm việc làm, đến một hãng xường để giới thiệu mình và mong được thuê nhận với những lý do sau đây:

- Mong cho hãng của ông chủ ngày càng phát đạt. Vì có tiến triển, gia đình người thợ, người làm công mới có thể sống được.
- Muốn tiến thân theo chiều hướng tốt, khi đời sống tại hãng ấy được bảo đảm.
- Muốn tạo uy tín cho hãng trên thương trường v.v...

Đó là những lý do tiêu biểu để một kỹ sư, một công nhân được nhận vào làm trong hãng xưởng ấy. Trong khi người Việt Nam tinh thần này ít có được. Nếu có ai đó có hỏi họ rằng: “Công việc làm của anh ở sở ra sao?” Họ thường đáp: “Nhẹ lắm anh ơi! Nhưng lương khá.”

Đó là một trong những câu trả lời thiếu tinh thần trách nhiệm. Nếu là người Nhật họ sẽ bảo là: Công việc nặng nề lắm, nhưng xứng đáng với đồng lương của tôi lãnh ra. Người Đức sẽ có một câu trả lời khác: “Việc lương hướng không được phép nói cho người khác nghe.” Đó cũng là một tinh thần khép kín của dân tộc này. Làm một tuần 40 giờ mà ở đây các Công Đoàn muốn còn 35 giờ, rồi có nơi chỉ còn 30 giờ, như thế không biết làm sao để phát triển kinh tế. Chủ yếu chính là vấn đề quyền lợi và hưởng thụ của cá nhân. Trong khi đó ở Á Châu nếu quyền lợi có đòi, họ sẽ đòi cho tập thể, chứ ít đòi cho cá nhân như thế.

Người Đức ăn mặc rất giản dị, không phô trương như người Pháp. Tuy thế, trong túi người Đức có nhiều tiền để dành hơn là người Pháp. Người Pháp ăn mặc lịch sự thật, ngoại giao thật hay, nhưng trong túi rất ít tiền. Người Đức và người Âu Châu có sự tin tưởng vào sự lãnh đạo của chính phủ, hãng xưởng, ngân hàng, nên tiền bạc họ có, tất cả đều đầu tư để sinh lợi, cả hai bên đều có lợi và chính phủ cũng thu thuế được nữa. Trong khi đó người Á Châu, trong đó

có Việt Nam, khi mà sự tin tưởng ở chính quyền, hăng xường hay ngân hàng không cao, không nhiều thì họ lấy tiền ấy chơi hụi cá nhân hoặc giữ trong nhà. Như vậy cả hai đều chẳng lợi. Chính phủ không thu được thuế, mà tiền kia chẳng sinh ra tiền, đồng thời chính phủ chẳng biết đâu mà kiểm soát để thu thuế nữa. Như thế là một xã hội đang bảo lưu, ít phát triển.

Về ăn uống thì người Đức rất lịch sự, tự nhiên, nhưng nhiều khi cũng khép kín. Ví dụ như trong khi ăn không được tạo thành tiếng động, trong khi đó người Nhật thì ngược lại, khi nào tạo thành tiếng lúc húp canh hay suppe v.v... chúng tỏ rằng đồ ăn ấy ngon và đúng tư cách của một người thưởng thức sành điệu. Còn người Việt Nam trong khi dùng bữa thường nói chuyện thật lớn, mời mọc thật lâu, lấy đồ ăn cho bạn bè, thân thuộc. Đó là một cử chỉ thân thiện.

Khi tôi mới đến Đức và ngay cả bây giờ cũng còn thấy nhiều điều lạ lùng. Ví dụ như bạn bè hay ngay như cả bạn trai và bạn gái mời nhau đi ăn kem, ăn nhà hàng hay xem chiếu phim v.v... phần ai nấy trả tiền, chứ không ai bao ai cả. Nếu ở Việt Nam, đây là một sự phũ phàng và xúc phạm đến danh dự của người được mời. Ở Á Châu thường thường người lớn hơn hay bao cho kẻ nhỏ hơn và người giàu hay có nghĩa cử bao dung cho mọi người bằng cách khi mời đi ăn hay xem hát thì trả tiền, chứ ở đây thì phần ai nấy trả. Ngay cả tiền bạc trong gia đình, ở đây cũng sòng phẳng, nghĩa là vợ có một số Konto riêng, chồng một số riêng. Ở Á Châu, nhất là Việt Nam thì không có vấn đề đó. Nghĩa là người chồng hoàn toàn tin tưởng nơi người vợ, nên giao trọn tiền bạc cho vợ quán xuyến, trông nom. Do vậy mà sự tin cậy cao hơn và tình yêu lâu bền hơn. Do đó sự ly dị ít hơn là người Đức hay người Mỹ. Người Nhật gọi vợ họ là “gia nội”

có nghĩa là người ở bên trong gia đình, là một nội tướng lo chăm sóc cho gia đình, nên mọi quyền hạn ở bên trong đều do người vợ chăm lo và người chồng chỉ lo việc ngoại giao, tiếp xúc, làm việc phía bên ngoài là đủ.

Ở Âu Mỹ ngày nay quyền bình đẳng giữa nam và nữ được xem ngang hàng nhau, nên phải đối xử với nhau như thể mới phải lẽ. Tuy nhiên phái yếu thuộc về phái nữ, chứ không phải là phái nam, nên cần phải có nơi nương tựa. Đa phần chủ gia đình là đàn ông. Trừ khi chồng chết, người vợ ấy đảm nhận thêm trách nhiệm làm cha, chứ có rất ít cặp vợ chồng sống trong nhà mà người vợ đóng vai chính và người chồng đóng vai phụ. Do đó việc đối xử như thế xem ra cũng lạnh lùng.

Trong việc bình đẳng giữa nam nữ đã có ở Mỹ, Úc, Pháp từ 200 năm nay và ở Đức cũng hơn 100 năm, nhưng cho đến bây giờ so ra những việc nặng, những việc chính trị, những việc ở Quốc Hội người nữ cũng chỉ đóng vai trò rất khiêm nhường, chưa đến một phần ba của công việc, trong khi đó thiên chức của người mẹ phải sinh con và giáo dục cho con cái nên người. Việc này người cha không thể chu toàn được. Vì vậy nên người Á Châu giao toàn quyền cho nữ giới quyết định công việc trong gia đình cũng là vấn đề hữu lý thôi.

Người Pháp lịch sự, tế nhị như thế nào đối với phụ nữ tôi chưa thấy, nhưng tôi thấy người đàn ông Đức mặc áo khoác cho người nữ và nhận áo này để cất giùm cho người nữ. Đây là một cử chỉ thân thiện đáng yêu, mà không nhất thiết phải là người nữ, ngay cả những người đàn ông, đàn bà với nhau, ai lớn hơn sẽ được phục vụ như thế. Đây quả là một cái nhìn đẹp, đậm nét văn hóa của xứ Đức này. Trong khi đó những người đàn ông Việt Nam thì cục mịch hơn, hầu như chẳng ai làm việc đó. Nếu có người nào làm được, chứng tỏ rằng

họ có ảnh hưởng của văn hóa Âu Châu, trong đó có văn hóa Đức, chứ tuyệt nhiên ở Việt Nam không có vấn đề đó. Người Nhật thì còn thô bạo trắng trợn hơn. Nghĩa là người vợ phải có bốn phận mặc áo, cởi giày cho chồng, chứ người chồng không làm gì để tỏ vẻ lịch sự trong những vấn đề này cả. Đây cũng là dân tộc tính của Đức và các dân tộc khác trên thế giới vậy.

Người Đức ăn uống rất cực, chỉ bánh mì, khoai tây là chính. Trong khi đó người Pháp, Anh, Ý hoặc những người Á Châu thì có nhiều món ăn đổi bữa hơn. Bù lại người Đức ở nhà sang trọng hơn những dân tộc khác tại Á Châu và Phi Châu. Có nhiều người nói rằng người Đức dành tiền ấy để đi nghỉ hè, chẳng biết có đúng không? Nhưng khi đi nghỉ hè người Đức vẫn kéo theo những chiếc xe có giường ngủ cho đỡ tốn tiền khách sạn, chứ đâu phải họ xài tiền một cách rộng rãi đâu.

Người Đức chạy xe ngoài đường rất lịch sự, không bóp còi inh ỏi như người Việt hay người Thái Lan khi ở quê hương của họ. Họ hay giữ ranh giới, khoảng cách và không vượt qua người trước, nếu không cần thiết. Dĩ nhiên cũng có những người Đức trẻ tuổi chạy ẩu và gây ra tai nạn. Có như thế chính phủ mới có thêm tiền từ những khoản tiền phạt này. Ở những thành phố lớn như Berlin, Hamburg, Frankfurt v.v... tệ trạng đậu xe, đua xe, tai nạn xảy ra hằng năm không ít so với các nước khác tại Á Châu.

Ở Đức được một điểm tốt là bảo hiểm sức khỏe. Ai ai, kể cả ngoại kiều đều phải đóng bảo hiểm và nếu không có bảo hiểm do hãng xưởng đóng, hay đóng tự túc qua tư nhân thì xã hội cũng giúp cho vấn đề này để người bệnh có điều kiện chữa trị. Không như ở một số nước khác, khi một bệnh nhân cấp cứu, một sản phụ khi chở đến bệnh viện, điều đầu tiên

nhân viên bệnh viện sẽ hỏi là bảo hiểm ở đâu? Nếu không có, việc nhập viện có nhiều rắc rối. Mặc dầu những lý do nhập viện đều cần thiết và xứng đáng cả. Tại Việt Nam ngày nay dưới chế độ Cộng Sản thì còn tệ hại hơn nữa. Không ai có quyền hơn sức mạnh của đồng tiền. Do đó người nghèo càng ngày càng khổ. Cái chết luôn bị rình rập bên mình. Vì lẽ chính phủ chẳng quan tâm gì đến những kẻ khốn cùng như thế. Trong khi đó ở Đức vấn đề này tương đối rất tốt đẹp. Không có một người dân Đức hay một người ngoại kiều nào khó khăn vì vấn đề này cả.

Về bảo hiểm xã hội ở xứ Đức này cũng rất tốt. Những người ty nạn lớn tuổi đến xứ Đức này trên 60 tuổi, khó tìm công ăn việc làm, do đó được trợ cấp xã hội cho đến lúc qua đời. Khi mất, nếu người ấy không có con cái lo liệu và không có bảo hiểm thì xã hội cũng cho cả tiền hòm và tiền chôn cất. Đây có thể nói là một thiên đường trên trần thế. Ở các nước xã hội chủ nghĩa ngày xưa tại Đông Âu và ngay ngày nay tại Việt Nam họ hay quảng cáo rằng các nước ấy là thiên đường của xã hội chủ nghĩa. Thế mà khi chết cũng không có chiếc chiếu để chôn và chính phủ đâu có đoái hoài tới. Một xã hội nghèo toi tả như Việt Nam, nếu không đổi mới theo hướng tư bản từ năm 1986 đến nay thì dân chúng còn khổ sở hơn nhiều nữa. Họ quảng cáo cái gì cũng của nhân dân, nhưng tiếc thay ngân hàng lại thuộc nhà nước quản lý. Do vậy các đảng viên vẫn sống phè phỡn trên xương máu của người dân thấp cổ bé họng, trong khi đó Tổng Bí thư Đảng, Chủ tịch nước v.v... đang có hàng tỷ đô-la để trong ngân hàng ở ngoại quốc. Xã hội Cộng Sản bất công như thế, khiến cho mọi người không thể tin tưởng vào cái thiên đường này, cho nên nhiều người đã ra đi tìm những thiên đường tự do thực sự nằm ngoài “thiên đường xã hội chủ nghĩa”.

Ở Đức, thỉnh thoảng mới thấy những người ăn xin hoặc say rượu. Họ đi xin không phải vì nghèo, mà vì uống rượu, hút thuốc hết tiền, nên đã ra hè phố, hoặc trạm xe điện để ngủ, đi lang thang như không có định hướng. Những trường hợp như thế cảnh sát thường lùng bắt và hướng dẫn cho họ đến những cơ quan từ thiện như Caritas hoặc nhà thờ để được giúp đỡ, nhưng đó cũng là bản chất của những người này vì thiếu học, không tự chủ nên vẫn say sưa, hút sách, cò bạc v.v... Ở những xã hội chậm tiến việc này còn nhiều gấp năm hay mười lần như thế.

Về giáo dục học đường, có thể nói ở Đức tốt hơn cả ở Mỹ và ở Nhật. Vì lẽ người học trò khi còn học ở Tiểu Học và Trung Học không phải đóng một loại học phí nào cho nhà trường cả và ngay cả khi học xong chương trình Cử nhân, Tiến sĩ mỗi năm cũng chỉ đóng chưa tới 100 Euro tượng trưng cho bút chỉ văn phòng, thế mà sinh viên đã biểu tình để đòi hỏi được giảm. Nếu nhìn qua Nhật hoặc Mỹ, tuy số Đại Học nhiều hơn Đức, nhưng Đại Học tư nhân chiếm rất nhiều. Nếu học ngành Y khoa mỗi năm tại Mỹ và Nhật phải đóng ít nhất từ 10 ngàn đến 15 ngàn Mỹ kim học phí và những ngành khác cũng vậy. Dĩ nhiên ở Nhật cũng có nhiều loại trường như trường công lập của chính phủ thì khỏi đóng tiền học phí như ở Đức, nhưng thi tuyển vào đó rất khó, và lại số sinh viên chỉ nhận giới hạn mà thôi.

Đại Học cổ xưa nhất của nước Đức là Đại Học Heidelberg, được thành lập từ năm 1386 và nhiều Đại Học khác được thành lập vào thế kỷ 15. Ví dụ như Đại Học Leipzig thành lập năm 1409, Đại Học Rostock thành lập năm 1419 và tổng cộng kể đến năm 1960, tại nước Đức này có 20 trường Đại Học.

Thống kê vào khóa mùa Đông của niên khóa 1994-95 tại Đức có gần 2 triệu sinh viên đi học, nhưng dĩ nhiên là ra trường rất ít. Vì lẽ chế độ học đường ở Đức rất tự do và không gò bó thời gian phải học bao nhiêu học kỳ thì ra trường. Ngoài ra, những sinh viên nghèo còn có thể nhận được học bổng từ chính phủ nữa, để sau khi ra trường khi có công ăn việc làm thì trả dần hoặc trả một lần cho chính phủ trong một nửa số tiền mượn và một nửa kia chính phủ cho sinh viên ấy. Sau này những năm 2000, 2001 hình như có nhiều thay đổi về chế độ học bổng cho Sinh viên, nghĩa là chỉ cấp cho đến 5 năm học tại Đại Học mà thôi, sau đó phải tự túc.

Ở các xứ nghèo như Việt Nam, học bổng nếu có cũng chỉ cấp cho những học sinh giỏi, chứ không phải ai cũng được cấp như tại Đức chỉ vì nghèo. Như vậy người sinh viên có cơ hội học hỏi tiến thân nhiều hơn, nếu người ấy có ý chí. Tuy nhiên, vì chế độ học đường quá dễ dãi như thế nên có ít người ra trường hơn so với lúc ghi danh vào học.

Ngược lại, ở Nhật chế độ thi tuyển vào Đại Học rất khó, nhưng nếu đã học ở Đại Học sau 8 học kỳ là ra trường, sau đó thi vào Cao Học, học 4 học kỳ nữa là xong và nếu ai học cao nữa thì học bậc Tiến sĩ từ 6 đến 8 học kỳ nữa là hoàn tất. Vì lẽ không ai có tiền nhiều để đóng cho Đại Học nên phải học nhanh, học vội ra trường để kiếm việc làm.

Năm 1994 qua bảng thống kê của Chính phủ Đức đã có khoảng 135.000 sinh viên du học tại đây. Con số ấy không phải là con số nhỏ. Dĩ nhiên tiếng Đức là một loại ngôn ngữ khó mà nhiều người ngoại quốc đến học như vậy phải nói rằng ở ngoại quốc có nhiều người có cảm tình với nước Đức này. Tuy họ thấy những việc khủng bố đốt nhà, giết người của một số thanh niên cực hữu Đức gây ra, nhưng họ vẫn

đến. Vì lẽ họ tin rằng ở xứ này có luật pháp để trừng trị những người sống ra ngoài khuôn khổ của xã hội như thế! Dĩ nhiên nhân dân Đức ai cũng muốn sống hòa bình trong đó có cả người ngoại quốc nữa, nhưng vào tháng 4 năm 2002 vừa rồi tại trường học ở Erfurt, nằm ở phần đất bên Đông Đức cũ có một học sinh giết cả thầy, cô, học sinh, cảnh sát, tổng cộng 16 người một lúc, làm cho thế giới cũng ngẩn ngơ và tất cả chính giới của nước Đức cũng phải đặt lại vấn đề. Tại sao học đường lại sa đọa, mất phẩm chất đạo đức như thế? Cũng trong năm 2002 một tổ chức gọi là PISA hay kiểm tra về học lực của các học sinh trên toàn thế giới thì nước Đức ở ngoài số chỉ tiêu. Nghĩa là không đủ tiêu chuẩn. Vì thế Thủ Tướng Schröder của Đức muốn cho học sinh Trung Học học suốt ngày tại trường như các xứ khác tại Á và Âu Châu, chứ không chỉ học tới trưa là về nhà để sau đó lo chơi đùa với bạn bè mà quên làm bài tập.

Ông Thủ Tướng Schröder cũng là người cần mẫn siêng năng. Khi còn nhỏ, cha mất sớm, ông tự học, tự kiếm việc làm, đi bỏ báo để có thêm tiền trong khi học. Lớn lên sau khi tốt nghiệp Tiến sĩ, ông đã gia nhập vào Đảng SPD và đã làm Thủ Hiến Tiểu Bang Niedersachsen trước khi làm Thủ Tướng Liên Bang từ năm 1998 đến nay. Mùa bầu cử của năm 2002 này chẳng biết như thế nào - Ông còn ở lại với nhân dân Đức hay ra đi thì chưa rõ, nhưng khi quý vị cầm quyển sách này trên tay thì chuyện ấy đã rõ ràng rồi. Ở đây tôi muốn nhấn mạnh, con người ấy do ý chí tạo thành, mặc dầu hoàn cảnh của bản thân ông, của gia đình ông, không phải là hoàn toàn tốt đẹp như nhiều gia đình khác. Trong khi ông làm Thủ Tướng của một nước giàu nhất nhì tại Âu Châu, anh ruột ông vẫn đi làm nghề sửa chữa đường sá cầu cống, chị ruột ông vẫn làm ở những cửa hàng. Nếu mà những người này ở

nước Việt Nam Cộng Sản hay Trung Hoa thì họ chắc chắn đã có chỗ ngồi thật cao, có những món tiền thật lớn để tiêu xài chứ không cần đi làm như thế.

Ở Nhật tuy không có ăn trộm, ăn cắp vặt, nhưng nhiều khi các Đảng phái khai ra những chuyện mờ ám thì thâm thủng cả hàng tỷ đô-la. Nước Đức này cũng thế, người Đức ít ăn cắp vặt, nhưng các Đảng phái chính trị, những nhà thầu, ngân hàng v.v... đã trốn thuế cũng cả tỷ tỷ đô-la. Do vậy tôi vẫn thường hay nói: Ở đâu cũng vậy, khi còn ở cội Ta bà này là vẫn còn những tệ nạn như thế.

Khi ông bà xây một căn nhà, không nhất thiết là phải có tiền đầu tiên, mà điều căn bản là ông bà phải tính toán như thế nào để căn nhà ấy được xây lên và trả nợ ngân hàng như thế nào v.v... Vậy thì cái tâm kia mới là chính, là động lực đẩy mạnh để đi đến thành công và chắc chắn không phải bằng tiền. Vì có nhiều người trúng số, có rất nhiều tiền, do không biết tính toán, cuối cùng còn thâm thêm nợ nữa. Như vậy cái ý chí nó giúp ta thành Thủ Tướng, thành Vua, thành Bồ Tát, thành Phật và quyết chắc rằng tiền bạc nó không làm nên tư cách con người, mà nó chỉ là một phương tiện để giúp đỡ con người đi đến thành công mà thôi.

Sau khi thống nhất nước Đức, chính quyền Đức đã giúp cho các Đại Học ở phía Đông tân trang đổi mới lại với số tiền lên đến 2,4 tỷ Đức Mã, nhưng sự giáo dục phía Đông vẫn còn ị ạch, có lẽ vẫn còn ảnh hưởng bởi chính sách của chế độ cũ chẳng? Năm 1994/95 có 285.000 sinh viên phía Đông ghi danh học. Tuy nhiên, số ra trường cho đến nay cũng rất giới hạn. Có nhiều sinh viên và người lao động thích sang phía Tây Đức nhiều hơn để kiếm chỗ học và việc làm, nhưng nhiều khi người Đông Đức cũng không phải dễ kiếm việc làm tại Tây Đức, vì lẽ suốt trong 40 năm xã hội chủ nghĩa họ

được đào tạo khác và tinh thần trách nhiệm họ không bằng phía bên Tây Đức nên họ vẫn bị đối xử khác như thường. Đó là người Đức, còn người ngoại quốc khi đi xin việc hoặc lúc mượn nhà quá là điều khó khăn vô cùng. Nhà đăng trên báo chưa cho thuê và sự thật là vẫn chưa có người thuê, nhưng khi nghe tiếng người ngoại quốc gọi đến xin thuê, thì đa phần câu đầu tiên bị từ chối khéo là: Đã có người thuê rồi. Người Đức nếu đóng vai người ngoại quốc mới hiểu thấu tất cả những vấn đề tế nhị ấy. Mặc dầu tại đây có nhiều luật pháp để bảo vệ cho việc làm, cho việc thuê nhà, nhưng đa phần người ngoại quốc vẫn bị thiệt thòi như thường. Có lẽ đây là cái lỗi của người ngoại quốc, vì tiếng Đức quá dở nên không nắm bắt được những cơ hội tốt như những người Đức khác chẳng?

Còn người Đông Đức thì sao? Người Tây Đức vẫn nghĩ rằng họ được giáo dục cao hơn, giàu có hơn và trên thực tế sau hơn 10 năm thống nhất Đông Tây Đức, chính phủ rất thành công. Vì có nhiều tiền thuế để đổ vào xây dựng cho phía Đông, nhưng cả hai phần đất nước Đông Tây vẫn chưa có một điểm chung tuyệt đối để xây dựng đất nước này ngang hàng với các quốc gia láng giềng khác.

Ngày 30 tháng 4 năm 1945 là ngày giải thể chế độ Đức Quốc Xã ở Đức, ngày mà nhân dân Đức và thế giới reo mừng, vì đã thoát ra khỏi ách độc tài thống trị của một bạo chúa Hitler cũng giống như Tần Thủy Hoàng của Trung Quốc, hoặc một Hirohito của Nhật Bản. Đến ngày 30 tháng 4 năm 1975 nghĩa là 30 năm sau, miền Nam Việt Nam đã bị mất vào tay của người Cộng Sản Việt Nam phương Bắc và từ đó đến nay đã hơn 1/4 thế kỷ rồi mà cả 2 miền tư tưởng của nhân dân đều có thống nhất được. Tuy giang sơn nối liền một mối, nhưng tư tưởng chính trị, đời sống văn hóa nhân dân miền

Nam Việt Nam vẫn còn khác xa đời sống thực tế của người dân miền Bắc rất nhiều, mặc dầu tại miền Bắc Việt Nam chính phủ đầu tư vào đó không ít. Tuy nhiên cái tinh thần làm việc của xã hội chủ nghĩa mấy mươi năm qua làm sao bằng nhân dân miền Nam đã tiếp xúc với tư bản chủ nghĩa từ năm 1954 đến 1975 được. Hy vọng rồi thời gian sẽ làm cho mọi dị biệt đi đến chỗ tương đồng, nhưng bằng chứng của nước Đức và bằng chứng của Việt Nam là 2 thực thể quá hùng hồn để cho chúng ta thấy rằng tiền bạc chắc chắn không phải là vấn đề chính cho vấn đề phát triển quốc gia, mà thể chế chính trị và ý chí vươn lên của con người mới là vấn đề căn bản quan trọng nhất.

Nước Đức vẫn là nước có người đến du lịch nhiều. Vì nhiều người nghĩ rằng nước Đức an toàn hơn các nước khác tại Âu Châu như Anh hay Pháp chẳng hạn. Vì lẽ ở Đức không có thành phố nào lớn như Paris hay London, mà ở đó có rất nhiều vấn đề phức tạp. Ngay cả Berlin là thủ đô của nước Đức trong hiện tại cũng chỉ có hơn 3 triệu người, so với Paris, London trên 10 triệu người, dĩ nhiên là ở Đức ít có vấn đề hơn. Thế nhưng điều ấy không có nghĩa là không có. Ví dụ như tại phi trường Frankfurt người ta được đọc những lời khuyên bằng tiếng Đức lẫn tiếng Anh là: "Coi chừng bị móc túi." Như thế có nghĩa là ở đây đã xảy ra những chuyện như thế. Vật giá ở Đức không rẻ hơn Pháp, Anh, nhưng chắc chắn là rẻ hơn các xứ Bắc Âu như Đan Mạch, Na Uy, Thụy Điển, Phần Lan. Do vậy nhiều người đến Đức cũng là lý do chính.

Ngày nay người Nhật đến Âu Châu rất nhiều, trong đó có xứ Đức. Vì tại Đức có những thành phố cổ như Heidelberg, Trier v.v... là những nơi họ cần xem và cần đến. Nếu có ai đó đi du lịch ở Nhật mới biết - một quả táo tốt nhất của Nhật tính đến 8 USD. Một bữa ăn sáng của khách sạn độ chừng

20 USD mà thông thường ở Âu Châu tiền ăn sáng được tính chung vào tiền phòng, nhưng ở Nhật không có vấn đề đó. Năm 1972 khi tôi du học tại Nhật, 1 USD đổi được 360 Yen. Bây giờ năm 2002, 1 USD chỉ đổi còn 120 Yen. Nghĩa là đồng USD đã mất giá 1/3 sau 30 năm, hoặc giả đồng tiền Yen đã có giá? Do vậy mà từ Nhật đi sang du lịch các nước Âu Mỹ rẻ hơn khi họ chuyển đổi đồng Yen ra USD hoặc những loại tiền Âu Mỹ khác. Trong khi đó người ngoại quốc khi vào Nhật phải lo tính trước túi tiền, mặc dầu nơi đây không bị móc túi nơi phi trường hay ở những nơi đô hội, mà túi của khách bị rỗng vì giá cao cắt cổ như vậy.

Khi vào khách sạn hay lúc ăn uống, khách sẽ nhìn thấy trên bàn miếng giấy có ghi rằng: nơi đây không nhận tiền pour boire (trinkgeld). Thế nhưng giá cắt cổ như thế thì ai còn dám cho thêm tiền cho người hầu bàn? Ở Ấn Độ và Việt Nam hay ngay cả ở Đức này cũng khác. Việc cho tiền bồi bàn là chuyện bình thường. Điều ấy cũng giống như thưởng công cho họ. Trong khi ở Nhật không có thông lệ ấy. Có lẽ là cái thể diện của quốc gia chăng? Năm 2002, chúng tôi ở Ấn Độ một tuần lễ chỉ tiêu 100 USD là cùng, thế mà ở Nhật chỉ có 4 ngày nhưng phải tiêu đến cả ngàn USD. Vật giá cao nhất thế giới phải nói là nước Nhật. Trong khi đó, vật giá tại Đức tương đối trung bình, không đắt quá mà cũng không rẻ quá, nên cũng dễ thở.

Người ngoại quốc, dẫu ở tận Châu Phi, ai ai cũng biết những đồ vật có dấu hiệu Made in Germany. Ví dụ như Mercedes, BMW, Audi, Volkswagen v. v... là những sản phẩm tuyệt diệu nhất. Tuy không đẹp bằng xe Honda, Suzuki của Nhật, nhưng rất bền và chất lượng rất tốt. Đây là niềm tự hào của người Đức và vì thế người ngoại quốc đến xứ họ thăm cũng như ở lại ngày càng nhiều vì lý do chữ tín ấy rất quan

trọng. Riêng người Việt Nam thì vấn đề này cần phải xét lại. Đồ Việt Nam sản xuất tương đối rẻ. Vì nhân công đông, giá thành thấp, nhưng nếu bán được thì con buôn và người sản xuất có nhiều lý do để nguy trang cho món hàng của mình. Ví dụ như làm cho chất lượng kém đi, nhưng cũng với mẫu đó hoặc giả số lượng cũng giảm v. v... từ đó uy tín không còn đứng vững trên thương trường và dễ đi đến chỗ phá sản.

Người ngoại quốc cũng rất hãnh diện về những đồ đạc được sản xuất tại Đức. Họ đứng trước một chiếc xe hiệu Mercedes đã hơn 30 năm sử dụng nhưng máy vẫn còn chạy rất tốt nên họ đã tự hào. Họ tự hào vì họ đã chọn món hàng ưng ý, tuy có đắt hơn so với giá thị trường, nhưng rất bền. Mỗi năm Nhật Bản chắc chắn sản xuất xe hơi nhiều hơn Đức và mẫu mã cũng đẹp hơn, hợp thời trang hơn, nhưng kim ngạch xuất cảng xe hơi của Nhật không bằng tiền đầu vào của Đức khi bán xe ra thị trường.

Một người nội trợ cầm một con dao nhỏ làm bếp rất hãnh diện và nói với bạn bè rằng con dao ấy tôi mua ở Đức, đã 25 năm rồi nhưng vẫn còn sắc bén! Như vậy là nước Đức thành công rồi! Khi người thợ làm con dao ấy họ chỉ biết chế tạo theo công thức và sản lượng, nhưng vì trách nhiệm nghề nghiệp họ không thể bớt chất thép để hạ giá thành, mà ngược lại làm đúng tiêu chuẩn thì chữ tín càng được tin hơn. Vì lý do ấy nên nhiều người Đức họ lạnh lùng cũng phải. Bởi lẽ họ nghĩ rằng tất cả những đồ được bày bán đó đều có chất lượng cao. Nếu anh chị thích thì cứ mua, chứ không cần phải hạ giá.

Người trẻ nước Đức ngày nay lớn lên họ đã chẳng phải nhọc công như cha ông họ đã trải qua những gian khổ của thời Hitler, của Đệ nhất, Đệ nhị thế chiến, hay cả 40 năm sống dưới chủ nghĩa cộng sản của Đông Đức, nên họ đã sa đọa rất nhiều và họ đã bị thế hệ đàn anh của họ cảnh cáo.

Ngày nay các phong trào hippy, tự do luyến ái, ly dị v.v... đã xảy ra hàng ngày và đây là nguyên nhân của những ung nhọt trong xã hội, nếu không sớm chữa trị, chắc chắn sẽ trở thành những thời đại bệnh hoạn kế tục về sau, để nước Đức này sẽ ra sao thì những người có trách nhiệm ắt đã rõ. Tuy nhiên những phong trào sống tự nhiên, sống hết mình, sống thoải mái và không có tinh thần trách nhiệm như thế không phải chỉ có ở xứ Đức này mà nhan nhản khắp Âu Mỹ và ngay cả các nước Á Châu như Nhật Bản, Đại Hàn, Trung Hoa, Việt Nam, Thái Lan v.v...

Tôn giáo tại các xã hội Âu Mỹ ngày trước có quyền lực vô biên. Bây giờ thì thần quyền đã giảm và nhân quyền đã thăng hoa, nên ở đây mọi quyền tự do của con người được tôn trọng và bảo vệ một cách thái quá. Ví dụ như nhiều người chửi cả Thủ Tướng, Vua, Dân Biểu. Lật hết tẩy của đối phương không một chút nhân nhượng, những tổ chức tôn giáo cũng chỉ đứng vòng ngoài, làm sao vào bên trong được, trong khi luật pháp cho phép họ làm những vấn đề như thế để tuyên dương ý chí tự do.

Ngôi chùa Viên Giác được xây dựng tại Hannover từ năm 1991. Từ đó đến nay mỗi năm có hàng trăm ngàn người về chùa tham gia các lễ lớn như Tết, Rằm tháng Giêng, Lễ Phật Đản, Vu Lan và các khóa tu học v.v... Mỗi lần như thế có báo chí truyền hình hay tường thuật lại các buổi lễ và họ có phỏng vấn chúng tôi là có bị kỳ thị bởi người Đức không? Điều này phải thành thật trả lời là hoàn toàn không. Có lẽ người Đức cũng hiểu Đạo Phật là đạo hòa bình, đạo đem tình thương để hóa giải khổ đau cho nhân sinh, nên họ rất có cảm tình. Dĩ nhiên là cũng còn nhiều người Đức có ý tò mò tìm hiểu Đạo Phật là gì v.v... nhưng điều ấy không có ý xấu, mà chính là để giải tỏa những thắc mắc của họ.

Khi con người bị cuốn vào đời sống thác loạn, họ thấy như chơi voi, lạc lõng giữa dòng đời. Do đó nhiều người đã tìm đến với Tôn Giáo, trong đó có Phật Giáo, mà Thần học sẽ giúp họ về vấn đề tâm lý trị liệu để giúp họ quân bình giữa đời sống tâm linh và đời sống vật chất một cách điều hòa hơn.

Chủ đề của chương này là «Người Đức dưới mắt tôi», tôi đã nhìn tổng quát về mọi phương diện qua 25 năm sống tại Đức. Có lẽ cũng có nhiều người Việt Nam không bằng lòng bảo: “Sao Thầy bênh vực người Đức quá, trong khi đó giá trị của người Việt Nam thì Thầy không nâng cao lên?” Hoặc giả cũng sẽ có những người Đức khó tính bảo rằng: “Đó chẳng phải là dân tộc tính của người Đức. Vì người Đức cao thượng hơn, chứ không phải như vậy.” Thì đó cũng là nhận xét của những người khác và cái nhìn đó nó khác cái nhìn của tôi. Thế thôi. Tuy nhiên, người Phật tử chúng tôi vẫn luôn cố gắng nhìn nhận mọi vấn đề sao cho đúng với bản chất thật sự của nó một cách không phán xét và chỉ luôn quán niệm rằng: “Tất cả là như thế!”

Chương IV

HƠN 30 NĂM SỐNG Ở NGOẠI QUỐC VÀ TRONG ĐÓ CÓ HƠN 25 NĂM SỐNG TẠI XỨ ĐỨC

Năm nay (2002) tôi đã 54 tuổi tính theo lịch Việt Nam và 53 tuổi tính theo lịch Âu Mỹ. Cái tuổi “ngũ thập tri thiên mệnh” rồi. Nghĩa là việc gì xảy ra trong trời đất đều phải biết cả, thế nhưng sự kiện xảy ra hằng ngày làm sao biết hết nổi, quá nhiều. Người nào có bộ óc tinh vi đến bao nhiêu đi nữa cũng không thể nhớ hết tất cả sự việc. Còn tôi với chừng tuổi ấy, đã ở ngoại quốc năm thứ 31 rồi. Điều ấy có nghĩa là tôi rời xa đất mẹ Việt Nam từ năm 23 tuổi. Cái gốc gác cội nguồn ấy bây giờ còn sót lại trong tôi ít hơn là năm tháng tôi học hành, trưởng thành và sinh hoạt tại ngoại quốc này.

Cũng may là sau khi xong Tú Tài II, nghĩa là xong Trung Học Đệ Nhị Cấp, tôi mới xa quê hương để đi du học, nên vốn liếng tiếng mẹ đẻ cũng như lịch sử, văn chương, địa lý, phong tục v.v... vẫn còn sót lại nơi mình. Khi nhìn những em bé sinh ra tại ngoại quốc và lớn lên, học hành đỗ đạt ở đây, nhưng vẫn cố gắng nói tiếng mẹ đẻ và viết được tiếng Việt, thật tình tôi cảm phục vô cùng. Một phần tôi cảm phục các em ấy, phần khác phải công nhận rằng giáo dục của gia đình em ấy có căn bản cho nên mới được kết quả ấy. Thông thường người ta nói là: “Con cái nói tiếng mẹ đẻ” chứ chẳng

ai nói rằng: “Con tôi nói tiếng của cha nó.” Như thế là hỏng mất một hay hai thế hệ rồi.

Cách đây chừng 20 năm, khi tôi có dịp sang Thụy Sĩ thuyết trình về Phật Giáo, có lưu lại trong một gia đình người Việt Nam lấy chồng Thụy Sĩ, đã có 2 con rất lớn. Các cháu đến chào tôi bằng tiếng Việt giọng Huế. Tôi đã ngỡ ngàng không ít và hỏi người đàn bà đối diện rằng:

- Tại sao con chị lai Thụy Sĩ mà nói tiếng Việt hay thế?

- Bạch Thầy! Các cháu phải nói tiếng mẹ đẻ của nó chứ! Bà ta trả lời như thế.

Đây là một bằng chứng hay nhất để cho những người mẹ dạy dỗ con mình. Ngày nay con mình có thể học, nói, viết 5, 7 ngôn ngữ cùng một lúc, nhưng quan trọng nhất phải là ngôn ngữ của người mẹ. Nếu mẹ là người Việt Nam, bắt buộc phải dạy con mình nói tiếng Việt. Nếu mẹ là người Hoa, người Nhật, người Đức, người Pháp, người Ý v.v... điều đầu tiên là phải luyện cho con mình học ngôn ngữ của mình nói ra. Người mẹ có cơ hội gần gũi con cái mình nhiều, nên con cái dễ tập theo hơn là người cha. Người cha chỉ có bổn phận làm ra tiền bạc và nuôi dưỡng con cái, gia đình, còn người mẹ giữ vai trò huấn dụ, uốn nắn con mình đi theo con đường của cha mẹ sẽ chọn và dạy dỗ cho con.

Có nhiều người Việt Nam sinh trưởng nơi thôn quê nghèo khó, không có chữ nghĩa bao nhiêu, khi sang Đức hoặc Mỹ, Úc muốn cho con mình học ngôn ngữ địa phương cho nhanh để dễ hội nhập vào cuộc sống mới. Dĩ nhiên là chúng rất thành công. Vì môi trường giáo dục tốt thì con cái cứ thế mà phát triển và thành đạt, nhưng tiếc thay sinh hoạt trong gia đình thì không ổn thỏa. Vì con cái chỉ nói tiếng địa phương, trong khi đó cha mẹ lại ù ù cạc cạc. Nhiều khi chúng chửi

hoặc nói xấu cha mẹ bằng ngoại ngữ cha mẹ cũng chẳng biết đầu mà trả lời. Chỉ biết nhăn răng cười khi thì chúng cho là lạc hậu, hủ bại v.v... Thế rồi đâm ra buồn phiền con dâu và có nhiều hiện tượng rất tiêu cực như tự tử, thối chí, bấn loạn tâm thần v.v...

Ngày 22 tháng 2 năm 1972 khi tôi cất bước ra khỏi Việt Nam đi du học, tôi vẫn nghĩ rằng có ngày sẽ trở lại quê cha đất Tổ. Đâu có ngờ rằng phải lưu lạc khắp bốn phương trời, tính cho đến nay đã là năm thứ 31 rồi. Nếu có ai đó hỏi: Thầy sống ở ngoại quốc thấy như thế nào? Thầy có nhớ Việt Nam không? Hoặc giả dự định tương lai của Thầy như thế nào? v.v... thì có vô vàn câu trả lời để diễn tả tâm trạng của mình khi xa xứ. Được một cái may là tôi hội nhập rất nhanh và biết nhiều ngoại ngữ cũng như sử dụng chúng một cách thuần thục, do đó không quá bỡ ngỡ khi tiếp xúc với người ngoại quốc hay với người đồng hương của mình.

Tiếng Pháp tôi học 7 năm tại Trung Học Đệ Nhất Cấp và Đệ Nhị Cấp. Mỗi tuần 6 tiếng tiếng đồng hồ. Văn phạm thì rất rành, nhưng nói năng thì chẳng được chữ nào khi còn ở trong nước và lúc còn ngồi tại ghế nhà trường. Sang Trung Học Đệ Nhị Cấp tôi lấy Anh văn làm sinh ngữ 2, học để lấy điểm và cốt thi Tú Tài I và II cho xong là an phận. Còn chữ Hán thì tôi đã học tại chùa Phước Lâm, Viên Giác cũng như tại các trường hạ chùa Tỉnh Hội Quảng Nam và chùa Long Tuyền. Chỉ có chừng ấy chữ mà thôi. Giữa năm 1971 tôi đậu Tú Tài II và xin giấy tờ sang Nhật Bản. Lúc ấy có học đầu chừng 3 tháng tiếng Nhật tại trường Nhật ngữ Chiêu Dương ở Sài Gòn. Ngôn ngữ này cũng chẳng dễ chút nào. Do vậy ba tháng học hỏi tiếng Nhật ấy cũng giống như muối bỏ biển thôi. Khi đến Nhật chẳng mở miệng nói được câu nào, ngay cả những câu chào hỏi hàng ngày.

Đến Nhật tôi ở chung với Thầy Thích Chơn Thành mấy tháng để đi học tiếng Nhật tại trường Nhật ngữ Yotsuya tại Tokyo. Đi học thì ham lắm, nhưng tiền bạc không có, biết làm sao đây. Từ Sài Gòn qua Tokyo để du học mà trong mình có chưa đến 1.000 USD và một vé máy bay một chiều do Thầy Bảo Lạc, bào huynh của tôi tặng. Hành trang chỉ có một bộ y (không đủ 3 y nữa), sách vở và bằng cấp Tú Tài I và II. Chi đơn giản có vậy thôi. Lúc ấy tôi tìm địa chỉ của những người quen và cuối cùng thì được gặp Phan Đức Lợi, người bạn học cũ cùng trường Tiểu Học năm xưa từ 1958-1961 ở Xuyên Mỹ, Duy Xuyên, Quảng Nam. Lúc đó anh cũng mới qua Nhật độ 2 năm, nhưng có đi làm và dư dả chút ít nên đã cho tôi mượn một ít tiền để đóng tiền trường học Nhật ngữ. Kế đến khóa 2 thì hết tiền, tôi mới viết thư về Việt Nam cho Sư phụ tôi và một dịp may hiếm có là có chị Yến con ông Tô Văn Tám ở Nhật lâu năm, nay sắp về nước, có để lại một ít tiền, nên Sư phụ tôi đã mượn của ông Tô Văn Tám và chị Yến đã chuyển ngay đến tôi.

Học hết khóa I tôi thi nhảy lên khóa III và hết khóa III tôi thi nhảy lên khóa cao cấp. Có nghĩa là thay vì học một năm Nhật ngữ, tôi chỉ cần học có 6 tháng là thi đỗ vào Đại Học.

Bây giờ thì Phan Đức Lợi đã chết rồi, khi công danh còn rạng rỡ, ở lứa tuổi chưa đến 50. Tôi và Lợi chánh kiến khác nhau. Do vậy mà cũng không thuận nhau mấy, nên những ngày tháng sau 1975 ít hay liên lạc. Còn chị Yến và ông Tô Văn Tám nay vẫn còn ở Mỹ, người lấy chồng tại Los Angeles, kẻ cư ngụ tại San Jose. Tất cả đều ở cùng Tiểu Bang California. Xin cảm ơn tất cả với tấm chân tình của từng người và từng giai đoạn trong cuộc đời tu học của mình.

Trước khi đi du học tôi có thọ ơn của hai gia đình ở Việt Nam. Đó là gia đình của Phạm Mạnh Cường và gia đình

của Phạm Nam Hải. Hai người này là bạn học, bạn thi Tú Tài I và Tú Tài II của tôi tại Sài Gòn thuở ấy. Từ sự liên hệ này mà năm 1975 đến nay tôi vẫn còn liên lạc với anh Phạm Nam Sơn, cô Đỗ Ngọc Hiền là anh ruột và chị dâu của Hải và những người này đã quy y làm đệ tử của tôi từ năm 1979. Hiện nay họ đang ở Raleigh, Tiểu Bang North Carolina, Mỹ Quốc.

Sau khi thi đỗ vào Đại Học Teikyo ở Hachigi ngành Giáo Dục học, tôi đã chẳng còn tiền để đóng học phí. Nếu không có đủ - thuở ấy chừng 1.000 USD - thì xem như không được học. Tôi chạy quỳnh quáng mọi nơi. Có lúc nhờ Thầy Minh Tâm, có khi nhờ Thầy Như Tạng và Thầy ấy đã mách giùm là tại Nhật có một đạo hữu tương đối có tiền. Đó là đạo hữu Quảng Phụng. Tôi mừng quá mới nhờ Thầy Như Tạng giới thiệu và bảo đảm để mượn 10 vạn Yen, độ chừng 500 USD thuở ấy. Cuối cùng rồi tôi cũng đủ số tiền 1.000 USD để đóng học phí. Lúc ấy kêu bào tại Nhật rất ít. Còn ở Nhật tất cả sinh viên đều nghèo, ai cũng như ai, chẳng biết ai mà hỏi mượn. Nhìn về Việt Nam thì vô vọng. Giáo Hội nghèo, gia đình chẳng trông cậy gì được. Lúc ấy tôi là một Tăng sinh giỏi nên ngày đi du học Hòa Thượng Trí Giác và Sư phụ tôi hứa giúp mỗi tháng 30 USD, trong khi đó ở Nhật một người sinh viên tiêu mỗi tháng ít nhất là 150 USD chưa kể tiền học phí. Thôi thì cứ chấp nhận và giải quyết từng giai đoạn chứ biết sao hơn.

Thầy Như Tạng sau khi xong Tiến sĩ chính trị học tại Đại Học Meiji ở Tokyo, sang định cư tại Úc từ năm 1986, có lập gia đình và sinh một cháu gái học rất giỏi. Thầy là bạn của Thầy Bảo Lạc và là ân nhân của tôi từ thuở ban đầu khi mới đến Nhật.

Thầy Minh Tâm, bây giờ là Hòa Thượng Thích Minh Tâm hiện trụ trì chùa Khánh Anh, khi tôi qua Nhật thì Thầy đã chuẩn bị xong chương trình hậu Đại Học tại Đại Học Riso, cũng là người ân của tôi và Thầy đã giới thiệu cho tôi vào ở chùa Honryuji tại Hachiogi để ở từ năm 1973 đến năm 1977. Chỉ những cái ơn nhỏ nhỏ nhưng rất quan trọng lúc ban đầu ở xứ người như thế, mà mãi cho đến ngày hôm nay khi xây chùa Khánh Anh tại Pháp dưới sự trụ trì của Hòa Thượng Thích Minh Tâm, cá nhân tôi và chùa Viên Giác ở Hannover đã đóng góp giúp đỡ như thế nào thì quý vị đã rõ.

Năm 1973 Thầy Minh Tâm đi Pháp, năm 1971, 1972 Thầy Long Nguyệt, Thầy Trí Quảng về lại Việt Nam, một số Thầy khác như Thầy Bảo Lạc, Minh Tuấn, An Thiên, Thầy Chơn Thành, Thầy Minh Tuyên vẫn còn ở lại Nhật cho đến năm 1980 hay mãi những năm sau đó mới rời Nhật đi Úc, Mỹ v.v...

Đạo Hữu Quảng Phụng đã giúp đỡ tôi ngày xưa, sau năm 1975 đã sang định cư ở Pháp và tiếp theo sang Hoa Kỳ lập nghiệp. Cuối đời thì xuất gia. Hiện đang trụ trì chùa Linh Sơn tại Paris dưới pháp hiệu là Thích Trí Nguyên. Tất cả đều đổi thay và tất cả đều không chắc thật. Chỉ có tâm nguyện của con người, lòng từ ái, sự biết ơn là còn theo mãi ta suốt kiếp luân hồi mà thôi.

Thật tình mà nói trước khi sang Nhật du học các sinh viên thiếu rất nhiều nguồn thông tin. Ngay cả Tòa Đại Sứ Nhật tại Việt Nam cũng ít cung cấp cho đầy đủ. Trong khi đó Sứ Quán Việt Nam Cộng Hòa tại Tokyo cũng chỉ làm những nhiệm vụ ngoại giao là chính, chứ vấn đề văn hóa giáo dục hình như cũng ít quan tâm, ai cần gì thì họ giúp đỡ, hướng dẫn, nhưng thiếu tính cách chung cho mọi trường hợp. Do đó người sinh viên trở nên bơ vơ nơi đất khách. Ngay cả

trường hợp của chúng tôi là những sinh viên Tăng đang còn hăng say, mới bước chân vào ngưỡng cửa Đại Học, cũng chẳng biết tại Nhật đời sống của Tăng Ni ra sao, ăn uống như thế nào? trú ngụ ở đâu? học hành trường sở ra sao? v.v... và v.v... tất cả đều mù tịt, miễn sao có được cái Passport nắm trong tay và có Visa của chính phủ Nhật là an tâm để lao vào một chặng đường chông gai chẳng ai có thể đoán trước được là gì nữa.

Đầu tháng 2 năm 1973 tôi đã dọn vào ở chính thức tại chùa Bốn Lập (Honryuji) ở thành phố Bát Vương Tử (Hachiogi). Vị Thầy trụ trì ở đây tên là Oikawa, có gia đình 4 con và là Giáo sư tiếng Pali tại Đại Học Risso. Trước đây Thầy ấy có du học Tích Lan mấy năm, nên ông ta tương đối có thông cảm với người ngoại quốc. Do vậy ở chùa cũng dễ thở một chút so với những nơi khác. Tuy nhiên chùa chiền ở Nhật sinh hoạt giống như một gia đình không hơn không kém, nhưng tôi phải cố nhẫn nại. Vì biết rằng ở đây để giới tiếng Nhật và đỡ tiền ăn ở là phước lắm rồi. Còn tiền học tự đi làm trong những kỳ nghỉ hè để xoay xở mà đóng học phí. Nên tất cả đều phải vâng vâng dạ dạ và làm việc thật tận tâm cho chùa để ngày tháng trôi qua và phải thành tựu một cái gì đó mới là điều cần làm.

Năm thứ nhất tại Đại Học Teikyo, Thầy giảng phần Thầy, trò nghe phần trò, chẳng hiểu mô tê ất giáp gì hết, mặc dầu tiếng Nhật của tôi cũng không đến nỗi tệ lắm. Đến năm thứ 2 trở đi mới nắm vững vấn đề là nhờ vào thời gian và bạn bè giúp đỡ. Trong đó có Yamada và Iyoda là 2 người bạn trai học cùng phân khoa đã giúp tôi không ít lúc ban đầu. Lúc ấy thì tiếng Nhật phải sử dụng như là ngôn ngữ chính, tiếng mẹ đẻ và tôi đổi sang tiếng Anh làm sinh ngữ I và tiếng Pháp làm sinh ngữ II, trong khi đó ở Việt Nam thì ngược lại.

Mỗi ngày tôi dậy sớm để lau chùi chùa và tụng kinh, sau đó đi học cho đến chiều mới về chùa. Buổi trưa ăn ở Kantine của Đại Học, vào Thư viện nghỉ trưa một chút và chiều học thêm một vài môn nữa, sau đó lên xe Bus phía sau Đại Học đến nhà gare Takahatafudo (Cao Phan Bất Động) thì đi tàu lửa về nhà gare Hachiogi và đi bộ độ 15 phút thì về đến chùa. Khi về chùa báo cho chùa biết là Tadaimasu nghĩa là tôi đã về tới. Người trong chùa sẽ nói lại là: Okaerinasai nghĩa là: hãy trở về. Lúc đi cũng vậy, khi ra khỏi chùa phải nói là Itteikimasu -xin phép được đi- người trong chùa sẽ trả lời là: Itteirasai -xin vui lòng đi. Đó là cung cách của người Nhật rất lịch sự, lễ phép, duyên dáng mà nhiều ngôn ngữ khác như Anh, Pháp, Đức không có.

Công việc của tôi là nấu cho sôi nồi nước tắm chung cho cả chùa bằng một loại củi khô. Ở Nhật ít có nhà nào rộng nên họ đi tắm chung tại một địa điểm nhất định trong phố. Nhà chùa thì rộng rãi hơn nên họ có nhà tắm riêng. Tuy nhiên nồi nước đó chỉ vừa một người ngồi vào sau khi đã hòa nước cho ấm, chứ không thể nào tắm một lúc nhiều người được như ở ngoài. Cuối cùng rồi mọi thành viên trong chùa đều phải tắm trong mỗi ngày cả. Lúc ấy có thêm 3 sinh viên Tăng và tôi nữa là 4 và gia đình Thầy Trụ Trì 6 người, vị chi là 10 người. Nakatomi, Matsunagara, Shimizu là những người Tăng sĩ trẻ đang học tại Đại Học Risso thuở ấy và bây giờ đã là Trụ Trì nhiều ngôi chùa danh tiếng tại Tokyo cũng như Sikokku rồi. Matsunagara và Nakatomi vào mùa hè năm 1974 có cùng tôi về Việt Nam một tháng và họ rất thích phong cảnh cũng như đời sống của người Việt Nam.

Sau đó tôi có giới thiệu Thầy Như Mẫn, tức Thầy An Thiên, vào ở chung chùa Honryuji từ cuối năm 1973 đến năm 1975 thì Thầy ấy không còn ở đó nữa, mà dọn lên gần trường

để học và sau này có trở lại Honryuji để giúp việc trong các lễ Ohigan cũng như Vu Lan bồn v.v... để rồi năm 1991 qua Úc, sau khi tốt nghiệp Tiến sĩ tại Đại Học Riso và ngày 24 tháng 5 năm 2002 nhằm ngày 13 tháng 4 năm Nhâm Ngọ Thầy ấy đã tự thiêu sau chùa Minh Giác ở Sydney để lại một nỗi buồn man mác cho mọi người. Vẫn biết rằng cuộc đời này là huyền mộng, nhưng học lực như thế, hảo tướng như thế, chưa giúp đời, giúp đạo được là bao nhiêu đã vội vào cõi tĩnh, thì thử hỏi ai mà chẳng ngỡ ngàng.

Lúc đầu mới vào ở chùa tôi không rành tiếng Nhật nên mỗi sáng phải đi làm thêm bên ngoài. Trong tuần đi bỏ báo và cuối tuần đi làm thuê cho Nhật tại Takananobaba. Nơi nhà gare này mọi người tập trung đến đó, có người đến ngã giá và chở đi, đến sở làm và làm ở đó suốt ngày, đến chiều thì trả tiền. Đa phần là những công việc xây cất. Chả bù với tấm thân mảnh khảnh của các sinh viên, chẳng làm được một việc gì nặng nhọc, mà bây giờ vì sự sống còn phải kham nhẫn vậy thôi.

Càng ngày tiếng Nhật của tôi càng giỏi hơn, nhờ tiếp xúc hằng ngày tại chùa và cũng có khiếu sinh ngữ nữa, nên tôi đã tụng kinh tiếng Nhật với các sinh viên Tăng này mỗi khi có đám tại chùa cũng như Thầy trụ trì cho nên càng dạn dĩ hơn. Chùa này theo tông Nhật Liên (Nichiren) nên kinh Pháp Hoa là bộ kinh chính. Đa phần chỉ tụng phẩm thứ 2, tức Phương Tiện Phẩm và khi nào có lễ lớn mới tụng Phẩm thứ 16 tức: Như Lai Vô Lượng Thọ Phẩm. Dần dà tôi đi đám bên ngoài được và từ đó ít bận tâm đến chuyện tiền bạc để đóng học phí nữa.

Mỗi năm 4 kỳ như thế, trong chùa khoan vùng ra cho 5 người đi cúng trong số đàn gia và tín đồ của họ. Phần tôi độ 100 căn nhà như thế. Mỗi năm vào trước Tết, vào cuối

tháng 3, vào giữa tháng 7 và cuối tháng 9, từ chùa Tăng sĩ tự động đến nhà Phật Tử để tụng kinh cầu nguyện. Ở Nhật đó là chuyện bình thường. Có lẽ nhờ như vậy mà họ duy trì được sự liên hệ giữa chùa và các tín đồ thuộc môn phái của họ. Nếu đến nhà đó không có người thì đi trở lại một hay hai lần nữa. Khi tụng xong thời kinh là uống một ly trà, ăn một cái bánh ngọt và nhận một bao thơ cúng dường với câu nói của thí chủ là: Cảm ơn sự khổ nhọc của Thầy (Gokurosama desu). Tùy theo nhà giàu nghèo, đa phần họ cúng 1.000 Yen là thường. Thời giá lúc ấy độ 5 USD, còn bây giờ là 10 đô-la, vì đồng Yen đã tăng giá. Đi cúng cả tuần như thế và hết 100 nhà là được 500 đến 1.000 đô-la. Một năm 4 kỳ như thế, quả là con số không nhỏ. Thịnh thoảng còn có đi đám tang với Thầy trụ trì nữa thì có thêm tiền vào.

Có lần tôi đến cúng cho một nhà, tôi mặc Kimono màu đen của Tu sĩ Nhật, khi tụng kinh thì đắp y màu tím, ngắn thôi, không phải như y hậu của người Việt Nam mình, trông cũng giống Nhật lắm. Và lại tiếng Nhật của tôi cũng thuộc loại giỏi, nên bà chủ nhà ít để ý. Đoạn bà ta hỏi:

- Thầy quê ở đâu vậy?

- Tôi ở xa lắm, đi máy bay cả 7, 8 tiếng đồng hồ. Tôi trả lời vậy.

Bà ta tròn xoe đôi mắt và nói tiếp:

- Nước Nhật này bé tí teo, từ Bắc xuống Nam chỉ đi 2 tiếng đồng hồ máy bay là hết sức. Và lại đây là Đông Kinh (Tokyo) đã ở giữa nước Nhật rồi, làm gì có xứ nào mà xa vậy.

Tôi để bà ta ngẫm nghĩ một lát. Vì tôi biết bà ta lầm tôi là người Nhật chánh hiệu. Trong tôi có một niềm vui nho nhỏ, vì như thế tiếng Nhật của mình cũng đủ tự tin lắm rồi đấy chứ! Tôi tiếp:

- Tôi là người Tăng sĩ Việt Nam.
- Mèn đét oi! Cái xứ gì mà mọi rợ thế?
- Tại sao? Tôi hỏi bà.

- Anh em chúng nó một nhà mà giết nhau như vậy, không man di mọi rợ là gì?

Tôi mỉm cười với lối tự ái của dân tộc và tôi cúi đầu xuống để suy nghĩ về thân phận mình. Bây giờ mình là người gì đây? Và cứ thế bằng tư tưởng càng ngày càng nhiều và tôi với bà ta thảo luận về chiến tranh, về chết chóc, về hận thù v.v... để cuối cùng bà ta kết luận là: Kawaiiso desune! nghĩa là tội nghiệp quá nhỉ! Ngày ấy khi còn ở Nhật tôi ít ưa nghe tiếng này từ người Nhật và tôi phải chứng minh cho họ thấy rằng chiến tranh Việt Nam không phải thế.

Có lần tôi cũng đã cãi lại bà cô giáo dạy tiếng Nhật rằng: Người đó giỏi, người đó dở v.v... tiếng Nhật gọi Atama ga ii - nghĩa là cái đầu người kia tốt. Hoặc giả Atama ga warui - cái đầu nó xấu lắm, hư lắm v.v... Tôi nói rằng: Chẳng có cái đầu nào tốt mà cũng chẳng có cái đầu nào xấu cả. Xấu hay tốt cũng sẽ giống nhau thôi. Ví dụ một bài toán được đưa ra cho 2 người giải. Kết quả vẫn giống nhau. Tại sao gọi là tốt hay xấu. Nếu có chẳng đi nữa là do người được gọi là thông minh đó họ giải nhanh hơn. Còn người được gọi là tối dạ đó họ giải chậm hơn, nhưng kết quả đâu có gì sai! Thế là cô giáo cũng chịu thua với lối lập luận của tôi.

Tiếng Nhật là ngôn ngữ thứ 3 của tôi, nhưng tôi dám thừa nhận rằng tôi hiểu tiếng Nhật trọn vẹn, giống như tiếng Việt vậy. Dầu cho 30 năm sau trở lại Nhật vào tháng 3 năm 2002 này suốt 5 ngày thông dịch từ tiếng Nhật sang tiếng Việt và ngược lại, nhưng tôi chỉ quên có một chữ mà thôi.

Vì vậy Hòa Thượng Thích Hộ Giác đi cùng đoàn phát biểu rằng: Tôi rất lấy làm lạ là tại sao hơn 25 năm xa Nhật mà Thầy không quên tiếng Nhật. Tôi chẳng biết tại sao, nhưng có lẽ nhờ ở chùa suốt thời gian ở Nhật nên mới được vậy. Tôi hiểu người Nhật cho đến cái mỉm cười, cái cúi đầu, cái e thẹn, cái ganh ghét, cái thể hiện tình thương v.v... Thế mà lần này quên một chữ. Nguyên là Thầy nào đó ngồi gần tôi bảo rằng nhờ Thầy nói họ cho xin một ít gừng. Tôi đâm ra lúng túng bảo người bồi bàn rằng:

- Chotto Ingwer Kudasai!

- Simasen! nandeska?

Xin vui lòng cho tôi một ít gừng. Chữ gừng tôi nói tiếng Đức -Ingwer- nên bà ta chẳng hiểu. Đoạn tôi bảo:

- Ginger Kudasai.

Lại nói tiếng Anh -bà ta cũng chẳng hiểu gì- hên là có ai đó lôi trong bát canh trước mặt một lát gừng, nên bà ta reo lên! Aa Shoga, Shoga! Gừng mà, gừng mà! Thế là mọi người cười rộ lên, trông như hiểu biết ý vậy. Ngôn ngữ là thế đó. Đúng là bất khả tư nghì, bất khả thuyết là vậy. Không biết tự nhiên sao nó quên cái chữ dễ như vậy, mà chữ ấy hằng ngày lúc ở chùa Honryuji tôi đều gặp phải mà!

Năm 1973 tôi có nhờ chùa Kongoin (Kim Cang Viện) cho Thầy Minh Tuấn ở. Thầy ấy sau khi học tiếng Nhật, sang học Đại Học của tông Chon Ngôn ở Kozasan và sau khi tốt nghiệp đã đi Mỹ. Thầy Yamada trụ trì chùa có quen biết rất nhiều với quý Thầy Việt Nam trước và sau 1975.

Đến cuối 74 đầu 75 thì Thầy Bảo Lạc sang, tôi đã nhờ chùa Shinshoin (Tín Tùng Viện) cho ở thời gian đầu. Lúc ấy chưa quen với khí hậu mùa Đông của Đông Kinh nên Thầy

ấy chảy máu mũi nhiều. Mấy tháng đầu Thầy Bảo Lạc nhận cả hàng trăm lá thư của học trò và Thầy Cô giáo từ Việt Nam gửi sang và Thầy lo đọc cũng như trả lời. Vì Thầy ấy có dạy trường Trung Học Bồ Đề ở nhiều nơi về môn Văn nên có nhiều học trò như thế.

Đến năm 1980 Thầy Bảo Lạc đã xong Cử Nhân Xã Hội Học tại Đại Học Komazawa ở Tokyo và Thầy ấy sang Úc sáng lập cũng như Trụ Trì chùa Pháp Bảo cho đến ngày nay. Thầy Bảo Lạc cũng thích viết và dịch sách, nên cho đến bây giờ tổng cộng đâu chừng 30 tác phẩm đã được xuất bản, đa phần là tiếng Việt và dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt.

Ngày 1 tháng 4 năm Showa (Chiêu Hòa) thứ 48, tức năm 1977, tôi đã ra trường với tước hiệu là Văn Học Sĩ của xứ Nhật ngành giáo dục và kết quả là đứng 2 toàn khoa và toàn trường với luận văn tốt nghiệp bằng tiếng Nhật - Tối Ưu - Tôi xin ghi lại từng môn học một mà tôi đã thành công sau bốn năm ngồi Đại Học Teikyo.

Luân lý học	: Thứ
Luận lý học	: Bình
Tây Dương sử	: Ưu
Pháp học (bao gồm cả Hiến Pháp)	: Bình
Xã Hội học	: Bình
Số học	: Ưu
Vật lý học	: Ưu
Thống kê học	: Thứ

Đây là những khoa giáo dục cơ bản mà một Sinh viên bắt buộc phải chọn và tại Nhật chỉ có 3 loại điểm như vậy. Nếu dưới Thứ là rớt, phải thi lại. Nhưng 62 môn học trong 4 năm của tôi, đã chẳng phải thi lại một môn nào cả.

Phần ngoại ngữ gồm Anh và Pháp văn như sau:

Anh ngữ I	: Thứ
Anh ngữ II	: Thứ
Anh ngữ III	: Ưu
Anh ngữ IV	: Bình
Anh ngữ V	: Ưu
Pháp ngữ căn bản	: Ưu
Pháp ngữ văn phạm	: Ưu
Pháp ngữ trung cấp	: Thứ

Phần ngoại ngữ học tất cả là 8 đơn vị. Ngôn ngữ Anh tại Việt Nam là ngôn ngữ thứ 2, sang Nhật đổi thành sinh ngữ I và Pháp ngữ ở Việt Nam học 7 năm tại Trung Học Đệ Nhất và Đệ Nhị Cấp, sang Nhật Bản đổi thành sinh ngữ 2 ở Đại Học, nên học cũng tương đối thoải mái không khó khăn gì. Chỉ có tiếng Anh ban đầu hơi mệt một chút, nhưng nhờ trường Đại Học có phòng thính thị nên tôi vẫn hay vào đó để nghe và luyện giọng, nên tiếng Anh chuyên khoa sau này tương đối vững, nhưng chẳng phải là một môn học đơn thuần.

Có một điều quan trọng mà mọi sinh viên khi vào đến Nhật nên nhớ là dầu cho đang học ở Đại Học nhưng môn thể dục bắt buộc phải lấy, nếu không, khó mà có thể ra trường được. Đi học, tôi mặc áo dài tu sĩ Việt Nam suốt trong mấy năm học như thế, nhưng khi tập thể dục và chơi bóng bàn thì phải thay đồ thể thao.

Thể dục lý luận	: Thứ
Thể dục thực hành	: Ưu

Trên đây là những môn có thể chọn lựa được. Còn phần phía dưới này hầu như bắt buộc sinh viên học ngành giáo dục phải lấy.

Giáo dục triết học	: Thứ
Giáo dục nguyên lý	: Thứ

Giáo dục khóa trình	: Bình
Giáo dục sử khái luận	: Thứ
Giáo dục tư tưởng sử	: Ưu
Giáo dục tâm lý học	: Bình
Thanh niên tâm lý học	: Thứ
Giáo dục bình giá	: Thứ
Giáo dục phương pháp luận	: Thứ
Xã hội giáo dục khái luận	: Bình
Giáo dục xã hội học	: Bình
Giáo dục công học	: Thứ
Giáo dục hành tài chánh học	: Ưu
Học hiệu giáo dục	: Thứ
Giáo dục học điển tập I	: Bình
Giáo dục học điển tập II	: Bình
Giáo dục học điển tập III	: Ưu
Giáo dục tâm lý học điển tập I	: Thứ
Giáo dục tâm lý học điển tập II	: Thứ
Tốt nghiệp luận văn	: Tối ưu

Sau năm thứ 3 tôi đã bắt đầu đọc sách để viết luận văn ra trường của mình. Có nghĩa là năm 1975 chuẩn bị và năm 1976 viết. Mỗi lần viết được một chương, đưa qua cho Yamada xem trước giùm và sau đó mới đưa qua cho ông Thầy giáo thọ xem và chỉ dẫn. Tôi cũng không ngờ là trình độ tiếng Nhật của mình khá như thế, suốt cả một luận văn viết nháp chừng 150 trang mà những dòng chữ gạch đỏ bên cạnh các câu không tới 10 lần. Tôi rất mừng và về chùa chép lại sạch sẽ để nộp. Hiện tại ở Thư Viện chùa Viên Giác có bản chép tay của tôi năm 1976 bằng tiếng Nhật. Còn bản chính thì đã nộp cho Đại Học rồi.

Tình cờ năm 1980 về thăm lại Nhật, đến thăm chùa xưa và Đại Học cũ thì nhân viên nhà trường có đưa cho tôi xem

một tập luận văn của Đại Học Iwaki đã cho in một phần luận văn của tôi bằng tiếng Nhật vào năm 1978 cho các sinh viên tham khảo. Cuối trang 60 của tập văn còn ghi chú là “Genbun no mama” có nghĩa là sao lại nguyên mẫu. Điều ấy cũng có nghĩa là luận văn ấy đã được các Đại Học khác tại Nhật chú ý và cho in ra để cho các sinh viên Nhật cũng như sinh viên ngoại quốc tham khảo.

Cùng viết trong tập luận văn của Đại Học Iwaki toàn là các bậc Giáo thọ của Đại Học, chỉ có tôi là lưu học sinh Việt Nam mà đã đứng ngang hàng với những người địa phương ấy, quả là một hãnh diện rồi còn gì nữa. Tiện đây tôi xin cho đăng nguyên văn cả phần nghiên cứu của Đại Học Iwaki bằng tiếng Nhật vào đây để làm bằng chứng. Chắc hẳn bề nào cũng có người đọc được tiếng Nhật. Do vậy tôi không dịch ra tiếng Việt để đỡ tốn chỗ cho quyển sách này.

いわき論集

目

次

手漉和紙業における専業の形成について

—分布論的考察— …………… 関 恵 司 …… 1

IMF・GATT体制の意義と限界

—戦前・戦後の経済政策の相違点についての一考察— …… 高 崎 讓 治 …… 7

般若心経における色と空 …………… 山 下 庫 司 …… 21

いわき地方における二・三の地質学的特性について(その1)……柳 沢 一 郎 …… 29

相統制度の歴史性

—南北朝鮮の現行制度を中心に— …………… 李 丙 洙 …… 35

F・ルエラン著

日本における米の生産 …………… 菊 池 一 雅 訳 …… 43

研究資料

明治時代における日本の英語教育について …………… レ・クォン …… 53

いわき短期大学商経学会

1978

資料

明治時代における日本の英語教育について

レ・クォン

ベトナムにいた時、私は、世界史の時間が大好きであった。世界史には、世界の事情、状況、政治、経済、教育などが出て来るのであるが、中でも私が一番関心を持ったのは日本の明治維新のことである。フランス革命（1789年）、中国の革命（1910年）、あるいはロシア革命（1917年）等、数ある革命の中でも、特に日本の明治維新（1868年）について深く研究したいと思った。これは、日本に行きたいという、私の一つの大きな理由となった。

なぜ明治維新は有名になったのか。日本という国はずっと前から東洋文化の影響を受けてきた国である。特に、中国の文化を中心として吸収し、政治、文化、宗教、経済等を形成、実現して来たのである。明治維新というのは、この長い伝統の中で的一大革新であった。ちょうどこの時代から日本は西洋文化の影響を受け、実践科学主義を習いはじめたと言えるであろう。もちろん、明治維新以前においても、西洋の学問を吸収したが、それはオランダ国との国交しか触れる事ができなかった。それが、ひろくヨーロッパ、アメリカの新しい文化を吸収する時代に切りかわったのであるから、明治維新は、日本にとって一大革新であったのである。

この明治維新の特色の一つは、日本は農業国から工業国へと進んで行ったことである。この意味で、この維新ということは現在の日本の近代化の源泉だったと言えるのである。

ところで維新と革命はどういうふうに違うのか、「維新」というのはすべてがあらたまり、あたらしくなることである。「革命」は王朝が代わること、あるいは政府が代わるのである。維新と革命とはそれぞれ意を異にしているのである。

特に日本の王朝は他の諸国の王朝と違っている。日本は、今まで123代も天皇が在位しているが、外国の場合は王朝がよく変わっている。王朝、あるいは政府などが代る時、これは革命と言える。しかし、明治維新は革命と言えない。天皇制が変わらなかったからである。私にとって、維新という言葉には殺す、殺されるという意味がないと思う。というのは、以前が古いから、今から維新する、新しくなおすことと思うからである。しかし、

革命という言葉を知ったら、この言葉の中だけでも、血を見る印象が私の胸に残っているのである。

前王朝、前政府と戦い、人命を落とさなければ政権交代が成功出来ない時に行なうのが革命ではないかと思えるのである。

このような簡単な理由で、私は明治維新について研究したいし、考察しなくてはならないのである。

しかし、何を勉強するにしても、一番大切なことは言語である。西洋の文化で、一番影響が深い言語は英語、フランス語、ドイツ語である。でも、どうしても英国また米国の方が他の国よりも影響が深いのである。

日本の英語学は、文化5年（1808年）からはじまったと言える。これは英艦フェートン号が長崎に侵入した時である。日本人はこの時から英語を勉強する必要が出来たのである。

もちろん、その時期と現在とを比べれば違う点が沢山出て来るのであるが、過去の事を知らなければ現在の結果も解かないし、現在のことがわかれば未来の行き方も理解することができなくなってしまうのである。

私自身、外国人であるので言語という問題は一番大切であると思うから、日本人が初期の英語を受け入れる時、どうであったのか非常に興味を持ち、この「明治時代における英語教育について」を書く理由になったのである。

特に、日本語は文法が難しいから、他の国の言葉よりも勉強に時間がかかる。でも国と国との文化の伝達の為に、私はこの身体を渡り橋にしたいと思い、なんとかこの明治時代の日本の英学について考察したいと思う。

日本人が、学問の中心を蘭学から英学に移したのは、文化6年（1809年）から始まったと言える。その1年前、長崎港に英艦フェートン号が侵入して以来、日本人あるいは日本文学界の関心等がこの時期から転換した。文化6年から明治維新（1868年）にかけて約60年間日本の英学がどの様な進歩をして来たか、詳しく考察してみたい。

60年間をわたっても、日本側の英学者はまだ出て来ない。幕府は日本の学生を留学生として英米に送る。慶應元年（1865年）薩藩の森有礼ら19名はひそかに英国留学へ出発した。もちろん、その前に英語の本、辞書を訳した人もいたが、この時期に、最初における日本の英学の様子が見られる。米国側の宣教師らも渡来する。

明治初期に入ると外国語の学校がだんだん設置された。留学生も英米に何回も送ったのであった。

この時期英米から代表的な人物、伝教師などが多く見えた。やはり、これは、日本国内の英学人材がまだ足りないので外国人が必要であったからだと思われる。

しかし、なぜ蘭学をそのまま続けて行かなかったのか、なぜ日本国民は英語を学ばなければならなかったのであろうか？

事実、英語は世界で一番文明国の国語であったのである。日本が最文明最強国の言葉を学ぼうとするのに何の不思議もなかったかも知れない。その頃の英語は、その栄華の絶頂に達していたから日本は蘭学から英学に変った一つの理由なのであろうか、明治元年は1868年であるが、英国の最盛期は凡そ1870年と思われる。

新日本国を建設するに於いて英国の伝統の経験主義、実利主義などを学ぶため英学に転換したと思える。あるいは英国的自由主義を理解するために日本人の目的が変わったのである。

明治新政府は富国強兵策を実現するため、西洋先進国へ向わなければならないのであるから、留学をしたり、技術を学んだりするのは当然なことである。

明治4年に中村敬宇の訳した「西国立志篇」の影響が強かったから、英学の影響もだんだん広がった。

明治5年日本政府に於ける御雇外国人は、英人119人、仏人50人、米人16人、その他で計214人、3分の2が英米人であった。この統計を見ると、やはり明治初期の日本人に人材がたりないから、外国人教授を雇用したことと思われる。

しかし文学的に見るとヨーロッパ文明の導入以来の英学書の出版は明治5年を以って最高頂とすと言われているが、それから西南戦争が過ぎると翻訳小説が流行し出した。おびただしい小説が訳出された中で、政治小説が特に歓迎された。それは矢野文雄「経国美談」（明治17年）、東海散士「佳人の奇遇」（同18年）、末広鉄腸「雪中梅」（19年）等である。これらは日本の政治小説を創作に導いた始まりである。坪内逍遙の自由太刀余波鋭鋒」（17年）はシェックスピアの「ジュリアス・シーザー」の訳であるが、共に国会開設に至る日本の道を開いたものであったと言えよう。

この西南戦争前後10年が明治英学の初期であるとされる。

明治時代における日本の英語教育には、いろいろな節目があるが、ここで省略する。例えば明治初期の英語学校の設置、英語教師の採用、英和及び和英辞書の発達などはそれぞれ明治初期に始まる。あるいは明治中期（20年—32年）の中期の生徒における英語教育、英語の発音と日本人、明治末期（33年—45年）に入ると英語教育に関する著作、英和訳の著作、森有礼の英語国語化論など、たくさんの節目があるが、ここで「森有礼の英語国語化論」について、私は、外国人の目で見ても論じてみたいと思う。

言語というのはその国の言葉である。その国の民衆の生活を表わしている。習慣、礼儀、信仰、あるいは文化、それらはその国のすべてのことを表現する。その国が文化を持つならばもちろんその国の言語がある。もし、文化があっても自分の国の言葉がなければ、そ

れは不連続の存在となる。もしも言葉があっても文化がなければ、それは未開部族である。だから言葉というものは大切である。

森有礼は英語を国語化するについて沢山の論争を起こした。なぜ森有礼がそういうふう
に考えたのであろうか。

彼は慶應元年（1865年）イギリスに渡航してロンドン大学にて化学や数学を学び、
慶應3年（1867年）アメリカに渡り、その後明治元年（1868）帰朝した。

「森有礼の英語国語化論は森が日本公使として米国に滞在中の明治6年に著わした『日
本の教育』（Education in Japan : A series of letters addressed by prominent
Americans to Arinori Mori, New York, 1873）に出ている。その一部分は「日本教育
策」と題して翻訳されている（『明治文化全集』（教育篇）所収）が、その序論に述べられ
ている森有礼の意見をまとめると次のようになる。

(1) 日常語は数が少なく、くかも大部分が漢語である。漢字を仮名で書くことは不便で
あり、実行不可能である。

(2) 漢語の助けを借りなければ伝達手段として役に立たないということは国語の貧弱性
を示す。

(3) 今日の世界は英語国民の商業力の支配下にある。国の独立維持のためには英語を習
得することが絶対に必要な条件である。

(4) 西洋文明が全面的に採り入れられるとき、日本国内に英語が氾濫する運命にある。

(5) 日本語のような貧弱な伝達手段によっては西洋文明を吸収することはできない。

（日本の英語教育史196項～197項まで）。

以上、森有礼が述べた一つ一つの問題をを分折するとどのようになるか。もちろん、こ
の英語国語化について学者たちが論争したが、私は外国人の目から見て少し意見を述べた
いと思う。

日本語というのは日本人の持つ言語である。なぜ英語を取り入れなければならないので
あろうか。もし、日本語が英語化されれば日本人という言葉は消えてしまったかも知れな
い。アメリカかイギリスの属国になったであろう。日本人が存在する限り、日本語がなけ
れば、日本人とは言えない。歴史を見ると、植民地が広まった時、大きな国が小さな国
を支配した。植民地政策は属国の民衆を愚民化し、言語も自国語を被支配国に強制したの
である。例えば私の国（ベトナム）では19世紀後半（1866年）から20世紀前半（1
945年）まで約80年間フランスの植民地であった。彼等が一番大切にしたのは教育で
ある。教育というよりも言語である。ベトナムのすべての学校はフランス語を教えなけれ
ばならなかった。フランス語はベトナム語の代わりに使わなければならない、ベトナム語は
外国になった。しかし、ベトナムが独立してからは（1945年）ベトナム語を国語とし

て使いはじめた。また自分の国の言葉は他の国よりも良くないと思ったら、その人は売国奴であると言う人もいる。ベトナムの問題だけでなくインドあるいは台湾、それからアメリカ諸国等、独立してからは自分の国の言葉を守ってる。

特にフランスの文化は高いと評判があったがフランスの文化とフランス語とは違うのだ。だからベトナム人はフランスの言語より自国語の方が良いと選んだ。ただ、日本は島の国であり、幸いに日本人は他の国に支配されなかったから森有礼は自分自身、植民主義がわからなかったので、英語国語化と言ったのであろう。

「日本語は大部分が漢語から借りる」と言ったが、これは当然である。しかし日本は音読がある。訓読なら日本語ではないのか？

日本では平安朝以来漢文が学問の言葉である。しかし、日本文化は中国の文化の影響を受けたが、日本語が中国語になったのではなかったのである。

現在英語は世界語と言えるけれども「商業」と貿易のために英語を国語化して良いものであろうか？

西洋文明はギリシヤ、ローマ以外、イギリスやアメリカなどは日本よりも新しい国家ではないのか？アメリカは建国後200年経ったばかりだから、アジアの文明に比べれば未開民族であろう。アジアの文明は精神的な文明である。アメリカの文明は物質の文明ばかりを人間に与えるから、精神不安、精神混乱が問題になった。

以上、私は外国人からみて森有礼に不賛成の意見を述べたが、私自身、日本語について意見を述べたい。

日本語は外国語の中で一番か二番目に難しい言語と言えるけれども、なんとか、簡単にして外国人にわかりやすいようにするのが日本人の責任である。その為、日本語を変化改革しなければならないのである。

もし日本語を全部ローマ字に書いて直したらどうなるであらう。ローマ字は明治時代に盛んとなった。

「明治19年チェンバレンの『ローマ字日本語読本』(A Romanized Japanese Reader) が出版された。同年第3版を出したヘボン辞書はローマ字会式を採用したが、これがほぼ現在のヘボン式となっている。それまでのヘボン辞書は仮名遣い主義であったが、ローマ字会の発音主義となった。たとえば shiyatsu (シャツ) hiyaku (百) → (shatsu, hyaku)。ローマ字会は会員数2万にも達した時もあったが、明治25年に解散した。"Rōmaji zasshi" (19年2月10日号)を見ると「英国公使ブランケット氏の演説(チェンバレン氏訳述)」が出ているので、その一節を紹介する。

Shikashi, shokun yo! kono kai no moukuteki wa, nan de arimashō?
Kouo kai no moukuteki wa, gakujuitsu_じ mizou no dai-henkaku de arimas—

uru . Kore made arikitari no Shina—moji wo haishi , kore ni kaeru ni
 no nijuu—yo—ji wo motte suru toki ni oitewa , fRoomaji utatsu no ooi
 naru rieki uru koto ga arimasu . Hitotsu ni wa , Seiyoo kakkoku to k—
 oosai wo hiroku shi ; futatsu ni wa , Shina—moji ni jikan wo tsuiyasu
 tema wo habuki ; motte konnichi no bummei —sekai ni hitsuyoo naru
 jitsugakujo ni sono tema wo mochiita naraba , sunawachi 37,000,000
 nin no saiwai to iu mono de arimashoo .

(しかし諸君よ、この会の目的は何であります。この会の目的は学術上未曾有の大
 変革であります。これまでありきたりの支那文字を廃し、これに代えるローマ字の24
 字をもってするときにおいては、二つの大なる利益を得ることがあります。一つには西
 洋各国と交際を広くし、二つには支那文学に時間を費やす時間を省き、もって今日の文明
 世界に必要な実学上にその手間を用いたならば、すなわち 37,000,000 人の幸いとい
 うものであります。『日本語の教育史』203—205項)。

上の文章をみると、やはりローマ字になってもまだ日本語である。ここでは英語国語化
 の必要がない。ただ日本語はローマ字ばかりを使うと同じ発音で意味のちがう言葉が沢山
 あるので、これは問題である。しかし、日本人の名前でも日本人に読めないものが沢山あ
 るので、ローマ字になった方が良いのではないかと思う。外国人は始めて日本語を習う時、
 ほとんどローマ字で教えられるのである。外国人は日本語が全部ローマ字であればと思う
 人が多い。私の意見も日本語をローマ字に直した方が良いとする者である。そうすれば外
 国人も日本語の理解をしやすし、日本語も国際的になりやすいと思う。このままでは日
 本語というものは日本人にしかわからないのである。日本人は東西南北の文明に影響を与
 えるのに、伝達するところがなければそれは不幸だと思う。伝達するためには言葉が一番
 大切であるから、何とかして日本語をなおさないと話にくい。例えば私たち留学生は日
 本に来て日本語を勉強し、日本人から日本語を習っても日本人のように日本語をよくしゃ
 べれない。日本に5年いても10年いても決して日本語が上手になれない。私たちはなまけ
 ものではない。ただ日本語が難しいのである。ひらがなもあるし、かたかなもある。漢字
 もある。ローマ字もあるのだから相互理解がしにくい。例えば馬場辰猪の英語採用反対論
 を見ると、彼は明治3年9月にロンドンへ行き、明治6年にその反対論を全部英語で書い
 た。在英3年であったがこのように英語で書けた理由は何であらうか？彼は天才とは言え
 るかも知れないが、やはり英語が日本語よりも勉強しやすかったからであらう。これは
 『日本語文法』 …………… An Elementary Grammar of the Japanese Language
 with Easy Progressive Exercises (1873)……

We have two objects in publishing this book . The first , to give a general idea of the Japanese language as it is spoken , and thesecond , the protest againt a prevalent opinion entertaied by many of our countrymen , as well as foreigners who take some interest in our country , and to show the reasons why we do so . It is affirmed that our language is so imperfect we cannot establish a regular and systematical course of education by meaus of it ; and that thebest way is to exterminate the Japanese language altogether , and to substitute the English language for it . Those who maintain this opinion ought to have examined the language and proved its imperfection as a medium of intelletcual thought and expression , but so far as we are aware they have not done so . 『日本英語の教育史』 195-200項。

結局、森有礼の英語国語化について、外国人の私から、日本の明治時代の事情を見た上での問題についての意見は以上である。多少その意見に対し、反論があるかとも思うが、これは事実だと思われる。

今まで「明治時代にける日本の英語教育」を述べて来たが、私にとって何か深い意味があると思う。ここで、結語の代わりに私の目で見た日本の英語教育（明治時代）について述べたい。

私自身外国人であるが、ヨーロッパ人ではなかったので、西洋の英語の使い方、日常の英語の話し方などの経験がなかった。私はアジア的に私の国と同じく英語を外国語とする日本の現場の教育的制度を検討していきたいと思う。

明治初期から末期にかけての45年間に英学が成長したのを見て分かる様に、日本に於いては明治時代の急激に英学がもっとも有意味であったと言えるだろう。また、明治初期から末期にかけて英語学だけでなく、ヨーロッパの文化、技術なども深く影響したと思われる。

明治初期には日本国内は人材不足のため、外国人教授、技術者、機械などを導入、勧誘したりした。あるいはヨーロッパに留学させた森有礼、津田梅子、馬場、坪内などがいた。こういう人々は自分達のためだけでなく、日本の末来のために勉学した。今日、日本国がこういうふう立派になったのは彼らの働きと言えると思う。

長い間、日本の文化は中国の影響を受けていたが、明治になってヨーロッパの文化、技術と東方の文化とが調和した点に日本の世界的な一つの視点が見える。

私は、外国語を勉強すれば、その国の民族文化、感情、礼儀、教育、社会、宗教などを

理解する事ができると思う。もし、何も研修しなければ、昔の鎖国時代とかわらない。英語は世界語であり、人類の一つの共通性はこの代表的な言語からはじまると思われる。そうすれば、この地球上に於いて人類の未来ではどこに行っても、何を言思でもこまる事がなくなるであろう。その日はまだ遠いかも知れないが、以前から比べれば、今日人類はだんだんそれに近くなって来たと思う。これは、やはり、言語の伝達の方便なのであると思う。

将来も、日本語が改善すれば、世界の共通性をもっとも広くなりやすいと思う。日本の場合も同じように、国の建設、国際親善のために、世界の国と交流してお互いに助け合うという人類は兄弟の様な活躍ができると思う。もちろん優点の中で欠点もあるが、代表的に検討するならば、日本という国は文学的にも技術的にも立派な国、すばらしい国だと思ふ。

これを以って、結語として、以上のことを述べた。

(原文のまま)

執筆者紹介（執筆 順）

関 恵 司	城西 歯科 大学
高 崎 譲 治	いわき短期大学 講 師
山 下 庫 司	いわき短期大学 教 授
柳 沢 一 郎	いわき短期大学 教 授
李 丙 洙	いわき短期大学 教 授
菊 池 一 雅	いわき短期大学 教 授
レ・ク ォ ン	ベトナム人留学生

編集委員（◎印は編集委員代表）

斎藤五蔵 山下庫司 李 丙洙 ◎ 菊池一雅

— いわき 論 集 —

1978年4月20日 発行

（非売品）

発行者 いわき短期大学商経学会
会長 菊池 一雅

〒970 福島いわき市平鎌田山
いわき短期大学 内
電 0246 (74) 9185 6

印刷 水野印刷

IWAKI RONSU

Contents

Keiji SEKI

On the Formation of a Monopoly in the Handmade Japanese
Paper Industry

— A Study of Its Distribution —

Jyoji TAKASKI

The Meaning and Limit of the IMF and GATT Systems

— A View on Difference between Prewar and
Postwar Economic Policies —

Kuraji YAMASHITA

Matter and Void in "Hannyashingyo"

Ichiro YANAGISAWA

On Some Geological Features of the Iwaki District

Byong S. Lee

A Historical Nature of the Inheritance System

—With Special Reference to the Present System in North
and South Korea—

Francis RUELLAN

Kazumasa KIKUCHI

La Production du Riz au Japon

Materials

L E Cuong

On Japan's English Education in the Meiji Era

1 9 7 8

SHOKEI GAKKAI OF IWAKI JUNIOR COLLEGE

Tiếp theo là những môn học chuyên môn của ngành giáo dục mà một Sinh viên đầu là Nhật hay ngoại quốc bắt buộc phải lấy như:

Xã hội tâm lý học	: Ưu
Xã hội giáo dục phương pháp luận	: Bình
Cần lao thiếu niên giáo dục	: Bình
Đạo đức giáo dục nghiên cứu	: Thứ
Sản nghiệp tâm lý học	: Bình
Giáo dục tương đàm	: Bình
Giáo dục học đặc giảng	: Bình
Giáo dục thực tập	: Ưu
Nhật ngữ I	: Ưu
Nhật ngữ II	: Ưu
Nhật ngữ III	: Bình

Điểm mà Đại Học hoặc các vị Giáo thọ cho Ưu có nghĩa là từ 80 đến 100 điểm. Bình có nghĩa là điểm từ 70 đến 79 và Thứ có nghĩa là 60 đến 69 điểm. Đây là một yêu cầu rất cao tại Đại Học của Nhật thuở bấy giờ. Nếu Sinh viên nào học và thi dưới 60 điểm xem như đã bị đánh rớt.

Tôi là sinh viên ngoại quốc tại Đại Học Teikyo nên phải học thêm tiếng Nhật. Ông thầy dạy tiếng Nhật ở Đại Học chuyên về ngôn ngữ học, nên mỗi giờ học ông đem theo tờ báo Yomiuri ra và chọn phần Tienrin Shingo như là phần bình luận về mọi vấn đề thời sự, văn hóa, chính trị, tôn giáo để học và tuy ông ấy khó tánh như thế, sau 3 học kỳ tôi đã lãnh 2 Ưu và 1 Bình.

Tiếp theo là phần chuyên môn về Anh ngữ. Vì tôi chọn ngành giáo dục Anh ngữ, nên luận văn ra trường tôi đã nghiên cứu về: Giáo dục Anh ngữ của Nhật Bản dưới thời Meiji (Minh Trị). Cuộc cách mạng của vua Minh Trị từ năm

1868 và đến năm 1976 tôi mới nghiên cứu sâu vào, nghĩa là hơn 100 năm sau. Tuy nhiên cũng có rất nhiều người quan tâm về đề tài trên.

Anh ngữ học khái luận	: Thứ
Anh ngữ âm thanh học	: Thứ
Anh văn học sử I	: Bình
Anh văn học sử II	: Bình
Anh văn học giảng đọc I	: Thứ
Anh văn học giảng đọc II	: Thứ
Anh hội thoại I	: Ưu
Anh hội thoại II	: Thứ
Anh tác văn điển tập I	: Ưu
Tây dương văn học	: Ưu
Anh văn pháp	: Thứ
Anh ngữ khoa giáo dục pháp	: Thứ

Như vậy trong 62 môn học đó tôi đã có 19 môn được hạng Ưu, 20 môn thuộc hạng Bình và 23 môn thuộc hạng Thứ, nếu bình quân chia ra, điểm ra trường là điểm giữa 1 và 2 nếu tính theo cách tính của Đức. Một sinh viên ngoại quốc học 4 năm ở Đại Học như thế không phải là chuyện đơn giản.

(昭 証第 号)

成 績 証 明 書

昭相 48.年.4.月 日 文学部教育学科入学
昭相 年 月 日 同上 在学・卒業見込・卒業退学・除籍

教育学専攻 8393
LE CUONG
昭相 25年 6月 25日 日生

授 業 科 目	単 位	成 績	授 業 科 目	単 位	成 績	授 業 科 目	単 位	成 績
倫 理 学	4	可	教 育 評 価	4	可	米 文 学 史	4	
哲 学	4		教 育 方 法 論	4	可	西 洋 文 学 史	4	優
理 学	4	良	社 会 教 育 概 論	4	良	英 文 学 法	4	可
国 文 学	4		教 育 社 会 学	4	良	英 語 科 教 育 法	4	可
中 国 文 学	4		教 育 工 学	4	優	日 本 史 概 説	4	
地 理 学	4		教 育 行 政 学	4	可	外 国 史 概 説	4	
日 本 史	4	優	学 校 教 育	4	可	地 理 学 概 論	4	
西 洋 史	4		教 育 学 演 習 I	2	良	倫 理 学 概 論	4	
東 洋 史	4		教 育 学 演 習 II	2	良	政 治 学 原 論	4	
民 族 音 楽	4		教 育 学 演 習 III	2	優	経 済 学 原 論	4	
			教 育 心 理 学 演 習 I	2	可	経 済 政 策	4	
			教 育 心 理 学 演 習 II	2	良	日 本 経 済 論	4	
			卒 業 論 文	6	優	地 誌 学	4	
						刑 法 各 論	4	
						親 族 相 続 法	4	
						保 險 海 商 学	4	
						法 哲 学	4	
						行 政 法 各 論	4	
						勞 働 倫 理 学	4	
						地 方 自 治 論	4	
						比 較 憲 法 論	4	
						社 会 科 教 育 法	4	
						国 語 学 概 論	4	
						国 語 音 声 学	4	
						文 章 表 現 演 習 I	2	
						日 本 文 学 史 I	4	
						日 本 文 学 史 II	4	
						日 本 文 学 史 III	4	
						中 国 文 学 史	4	
						書 写	1	
						上 代 文 学	4	
						中 古 文 学	4	
						中 世 文 学	4	
						近 世 文 学	4	
						近 代 文 学	4	
						現 代 文 学	4	
						国 語 科 教 育 法	4	
						一 般 教 育 科 目		
						外 国 語 科 目		
						保 健 体 育 科 目		
						専 門 教 育 科 目	必 修	
						教 育 専 門 科 目	選 択	
						合 計		

単位および成績は上記の通りであることを証明する

合 格

昭 和 年 月 日

帝 京 大 学 長 沖 永 莊 一

Trước khi xong Đại Học tôi cũng đã dự định là học tiếp lên Cao Học. Chương trình Cao Học ở Nhật gọi là Tu Sĩ Khóa Trình. Có nghĩa là những người tu nghiệp và nghiên cứu sinh không đơn thuần học tập như sinh viên ở Đại Học nữa.

Tôi ở chùa đã 4 năm và tiếng Nhật cũng khá rành. Và lại lúc ấy không có liên lạc được với Việt Nam. Vì sau 1975 một lá thư đi từ Việt Nam sang Nhật phải mất đến 6 tháng và bị kiểm duyệt nát nhàu. Thư đi từ miền Trung vào Sài Gòn, ra Hà Nội, đến Bắc Kinh, chuyển qua Nga rồi mới đến Nhật. Thư đến nhàu nát như tương và giấy đen như mực, chữ viết lem luốt, không thể nào đọc được. Lúc ấy tôi chẳng hiểu cái xã hội chủ nghĩa Cộng Sản Việt Nam nó ra như thế nào cả. Đọc thư của người thân, của gia đình mà ngậm ngùi cho số phận.

Vì không về nước được mà cũng chẳng phải đi đâu. Và lại tôi đã ở chùa theo Tông phái Nhật Liên (Nichiren). Do vậy tôi được nộp đơn thi vào Cao Học phân khoa Phật Học. Lúc ấy tôi làm ngon, lấy chữ Hán làm sinh ngữ chính. Vì suốt 4 năm học ở Đại Học biết rằng sinh viên Nhật chữ Hán không rành. Họ chỉ biết chữ Hán-Nhật chứ không thể biết cổ ngữ Hán văn. Phần tôi đã đọc kinh sách hằng ngày bằng chữ Hán, hoặc Hán-Việt, nên không mấy khó khăn khi chọn môn này làm sinh ngữ chính.

Vào lớp thi họ cho ra đề tài 5 thời giáo nghĩa qua sự phân định của Thiên Thai Trí Giả Đại Sư và họ bắt chấm câu, phân đoạn chữ Hán và bình chú ra tiếng Nhật. Thế là trúng tủ của tôi rồi. Trong khi đó nhiều Tăng sĩ Nhật ngồi bên cạnh vẫn cắn bút. Tôi lấy tiếng Pháp làm sinh ngữ 2 để thi. Do vậy cũng không gặp khó khăn mấy. Sau khi thi, về chùa chờ. Vì biết chắc rằng mình sẽ đậu nên không lo mấy. Cũng giống

như khi còn học Trung Học thi Tú Tài I và Tú Tài II tôi rất tự tin, nên về chùa lúc nào cũng an dạ. Còn nhiều người khác thì phập phồng lo sợ.

Sau 10 ngày tôi có kết quả đỗ vào Cao Học Phật Giáo và theo tôi nghĩ có lẽ cũng có lời gởi gắm nào đó của Thầy Oikawa, nếu lỡ tôi không đậu thì chắc Thầy ấy cũng buồn, nhưng sự cố gắng toàn lực nằm nơi cá nhân tôi khi học ở Đại Học cũng như khi thi, chứ không phải nằm ở sự gởi gắm đó. Đây chỉ là điều dự đoán của tôi thôi chứ không chắc là sự thật, và cho đến nay tôi vẫn chưa hỏi Thầy ấy về vấn đề này.

Lúc đó tiền học phí phải đóng độ chừng 250.000 Yen tương đương với 1.000 USD. Đây là Đại Học Phật Giáo mà Tăng sĩ vẫn phải đóng tiền. Tôi đã có phân nửa tiền do sự đi cúng, phân nửa tiền còn lại do Thầy trụ trì Oikawa cho. Như vậy tôi đã thoát ra khỏi một cơn hiểm nghèo.

Đại Học này có nhiều Thầy Việt Nam tốt nghiệp như Hòa Thượng Minh Tâm, Hòa Thượng Chơn Thành, Hòa Thượng Trí Quảng hoặc Hòa Thượng Thánh Nghiêm người Đài Loan cũng đã đỗ Tiến sĩ Phật Học nơi đây và hiện tại Ngài là người có uy tín về giới nghiên cứu Phật học của Đài Loan tại Mỹ cũng như tại quê nhà. Tôi đã gặp Ngài vài lần ở Nhật và khi qua Mỹ năm 1985 tôi cũng đã có ghé thăm Trung Tâm Thiền Học của Ngài tại New York.

Đang học ngon trớn tại Cao Học ở Đại Học Riso, chẳng biết nguyên nhân gì tôi lại muốn đi ngoại quốc. Thuở ấy đã có thư từ liên lạc với Văn Công Trâm đang học Y khoa tại Đại Học Kiel và cuối cùng anh ta gởi cho tôi một giấy mời đến Đức cũng như giấy học Đức ngữ tại trường Volkshochschule Kiel. Cầm Passport Việt Nam Cộng Hòa lên Sứ Quán Đức xin Visa vào Đức, không ngờ họ thị thực cho thật lạ, mừng quá tôi về lại chùa Honryi để thưa với ông bà trụ trì rằng đi

ngủ hè một thời gian vì sau khi thi cử nhức đầu quá. Và lại sang Âu Châu có cơ hội tìm thêm tài liệu về Phật Giáo Việt Nam bằng tiếng ngoại ngữ để về Nhật làm luận án Cao Học và Tiến sĩ.

Tôi đã mua vé máy bay khứ hồi của hãng Lufthansa có giá trị trong vòng một năm. Điều ấy có nghĩa là tôi còn định trở lại Nhật và đồng thời cũng xin tái nhập quốc vào lại nước Nhật khi từ Đức trở về.

Tôi đến Đức vào một sáng tinh sương ngày 22 tháng 4 năm 1977. Khi đi từ phi trường Haneda ở Tokyo tôi đã nhận được một cái giấy nhắn tin là: Không đến đón Thầy được. Ký tên: Lâm Đăng Châu. Tôi đoán có lẽ Trâm đã nhờ anh Châu đi đón dùm. Vì Trâm vẫn còn đi thực tập tại một bệnh viện ở gần Kiel. Tôi biết thế và khi đến phi trường Hamburg thì điện thoại về chỗ thực tập cho Trâm. Hôm đó là ngày thứ sáu và sau hơn 1 tiếng đồng hồ thì Trâm đến đón về nhà của cô bạn gái người Đức. Ngôi nhà ấy ở trong một làng quê rất đẹp, thật yên tĩnh, rất giống với tâm tình của người Đức. Trong gia đình chỉ có một cụ già, một cô gái và một con chó. Lúc ấy tôi chỉ sử dụng tiếng Anh và tiếng Đức hầu như không biết một chữ nào. Nhưng 2 người ấy cũng không nói tiếng Anh được, nên tôi phải nói tiếng Việt và Trâm dịch lại. Cô bạn gái của Trâm hình như tên là Waldrau thì phải, tôi nhớ mang máng như thế. Vì đã 25 năm rồi còn gì. Cô ta cũng lịch sự vui vẻ, chỉ có hơi già so với Trâm. Còn Trâm thì hơi thấp. So ra 2 người không cân xứng và nhiều khi tôi nghĩ “tình không biên giới” là thế đó.

Tôi ở đó một cuối tuần đầu tiên vào những ngày 22, 23 và 24 tháng 4 năm 1977, không khí thật êm đềm dễ chịu. Mỗi chiều lúc 4 giờ là giờ ăn bánh ngọt và uống cà-phê hay trà. Tôi nâng niu những miếng giấy lau miệng mà không dám xài

và làm nhàu nát. Tôi nghĩ tại sao ở đây lại sang quá vậy. Tôi hỏi Trâm xài một lần rồi bỏ đi sao? Trâm cười và bảo: Giấy mà chú.

Tôi đã thọ Tỳ Kheo từ năm 1971 tại Việt Nam trước khi đi du học Nhật Bản, nhưng Trâm và tôi vốn là bạn bè, do đó gọi nhau như thế cho đến năm 1978, 79 thì thôi. Sau này Trâm đổi lại cách xưng hô là Thầy và xưng con, thỉnh thoảng cũng có xưng tên. Ở Nhật quanh năm suốt tháng tôi chẳng có được một thời giờ rảnh vào giữa chiều như thế để mà uống cà-phê hoặc ăn bánh ngọt. Còn ở đây mới cái cuối tuần đầu tiên mà đã được thư giãn như vậy nên tôi cũng thích. Đặc biệt người Đức rất yêu thú vật, cho chúng sống chung trong nhà và quý mến như một em bé, còn ở Nhật thì không được thế. Trong khi đó, ở Việt Nam lại còn tôi tẻ hơn, chó con, chó lớn chạy ngông nghênh ngoài đường để tự kiếm ăn chứ người còn thiếu ăn, có đâu mà cho chó ăn nữa.

Chiều 24 tháng 4 năm 1977, cô Waldrau chở tôi và Trâm đến chỗ thực tập của Trâm tại một bệnh viện. Ở đây cảnh đẹp và lại còn yên tĩnh hơn tại nhà của cô Waldrau nữa. Mỗi ngày tôi dậy sớm cùng Trâm ăn bánh mì, uống cà-phê, sau đó Trâm đi làm và tôi ở nhà viết thư cho bạn bè khắp nơi báo tin rằng tôi đã đến Đức rồi. Nếu tôi nhớ không lầm mỗi ngày như thế tôi viết độ chừng 10 đến 15 lá thư và Card Postal và tổng cộng độ chừng 100 lá thư như thế. Lúc ấy dán tem một nghỉ và hớn hỏ để đi gói thư. Mỗi trưa Trâm đi làm về thì đã có cơm và chiều thì tôi và Trâm cùng nấu. Những kỷ niệm như thế vẫn còn ở mãi trong lòng, dấu cho có già hay chết đi, chắc không bao giờ phai nhòa trong trí óc của tôi được.

Mỗi chiều tôi cùng Trâm đi dạo ở bờ hồ và xem những cặp tình nhân hay những ông bà già dắt tay nhau đi rất tự nhiên tình tứ. Hình ảnh ấy chẳng có tại Nhật. Vì ở Á Châu

người ta ít thổ lộ tình cảm ra bên ngoài như thế. Ngay cả việc bắt tay với người nữ, ở Á Châu cũng chẳng có ở người dân bình thường. Còn ở đây tôi là người tu, hình ảnh ấy lại càng quá xa lạ với mình. Mỗi ngày đều sinh hoạt đều đặn như thế. Ngoài ra nếu có thì giờ rảnh thì chúng tôi bàn về những sinh hoạt của sinh viên các nơi trên thế giới, ở Mỹ, Nhật hoặc Đức. Thỉnh thoảng cũng đưa ra một vài nhận xét cũng như quan điểm chính trị của mỗi người.

Sau 2 hoặc 3 tuần ở nơi thực tập, Trâm chờ tôi về nơi cư xá sinh viên tại đường Projendorf ở Kiel. Tại đây lúc ấy có khoảng 20 sinh viên Việt Nam đang học ngành Y và Nha và trong hiện tại thì hầu hết đã ra trường đi làm việc, có phòng mạch riêng và cũng có người sang Mỹ để sinh sống và cả hơn 20 người ấy ai ai cũng sống với nghề nghiệp của mình chứ chẳng có ai bỏ cuộc.

Tại cư xá sinh viên tôi được sinh hoạt tự do, tiếp xúc với các sinh viên Đức và sinh viên ngoại quốc ở cùng cư xá. Tôi quan sát mọi hiện tượng và nơi cư trú của họ. Điều đầu tiên và rất đặc biệt là hệ thống sưởi trong nhà của Đức rất tốt. Nhiều khi tôi thấy phí phạm nhiên liệu rất nhiều khi phải sưởi khắp phòng, khắp nhà, khắp hành lang như thế, mà có sử dụng hết đâu. Chẳng bù với Nhật, ở chùa mùa đông phải mở cửa và chân không được mang vớ khi tụng kinh. Người Nhật cũng sưởi nhưng rất giới hạn. Họ chỉ sưởi nơi bàn chân ở một bàn sưởi giữa nhà dùng cho cả gia đình ngồi uống trà hoặc ăn cơm chung, chứ khi ngủ mỗi người rúc vào chăn bông thật ấm phủ lên người, lên đầu là xong, không cần phải sưởi trong khi ngủ. Và lại ở Nhật thường hay động đất, nên nhà cửa xây toàn bằng những vật liệu nhẹ và cửa ngõ thường dán bằng giấy. Nếu lấy ngón tay có thể chọc thủng từ bên này qua bên kia một cách dễ dàng, cho nên nhiều sinh viên hay gọi nhà của Nhật là nhà bằng giấy là vậy.

Mỗi cuối tuần các anh em sinh viên tại Kiel thường hay đá banh với nhau, tôi cũng tham gia cho vui, chứ nguyên tắc chẳng hiểu mô tê gì hết. Cũng có những đêm thứ bảy rảnh rỗi ngồi kể cho nhau về sự sinh hoạt của sinh viên tại Nhật cũng như tại Đức cho nhau nghe và lúc ấy mới hay ra là mọi sinh viên Việt Nam đi du học ở Đức trước năm 1975, sau khi Miền Nam Việt Nam bị thất thủ, họ đã nhận được một giấy gọi là Premdenpaß dùng cho người ngoại quốc trong khi tiến hành thủ tục xin tỵ nạn. Tôi nghe mà ham. Vì lẽ ở Nhật cho đến năm 1977 vẫn chưa có đá động gì tới chuyện giấy tờ cho những sinh viên đến Nhật du học trước năm 1975. Ngoài ra những sinh viên nghèo ở Đức vẫn còn có thể xin trợ cấp học bổng để học nữa. Đây là một số lý do căn bản để tôi suy nghĩ là có nên tiếp tục ở lại Đức hay là về lại Nhật trong thời gian một năm đầu ấy.

Trâm đã ghi danh cho tôi học khóa tiếng Đức căn bản tại Volkshochschule và mỗi chiều Trâm có kèm tôi một tiếng đồng hồ về văn phạm cũng như cách phát âm tiếng Đức. Đây là một loại ngôn ngữ khó tôi đã bắt đầu làm quen. Không biết nên nói tiếng Đức là ngôn ngữ thứ mấy của tôi rồi, nhưng nếu kể theo thứ tự ngoài tiếng mẹ đẻ ra, tôi đã làm quen với tiếng Pháp, Anh, Hán, Nhật và bây giờ là tiếng Đức nữa. Vị chi cũng không ít loại ngoại ngữ khó mà tôi đã kinh qua.

Học độ chừng 3 tháng tại Volkshochschule Kiel tôi đã xin qua học phân khoa Đức ngữ tại Đại Học Kiel. Nơi đây có phòng luyện giọng, tập nói, nghe kể chuyện v.v... nên việc học tiếng Đức của tôi càng ngày càng tiến bộ. Dĩ nhiên tiếng Đức là một loại tiếng khó, ít có người ngoại quốc nào dám tự hào rằng mình nói đúng tiếng Đức hoàn toàn, chỉ trừ những em bé ngoại quốc sinh ra ở đây, lớn lên đi học và tốt nghiệp từ Tiểu Học, Trung Học, Đại Học của Đức thì có thể hãnh

diện nói được điều đó, nhưng lại kẹt một điều là tiếng mẹ đẻ của em ít rành hơn tiếng Đức, nên đó cũng là vấn đề được đặt ra của cha mẹ các em cho chính tương lai của các em khi muốn tiếp tục tồn tại tại xứ này mà phải làm sao bản sắc văn hóa của dân tộc không bị mất gốc. Quả là không đơn giản chút nào cả.

Học tiếng Đức mỗi ngày chừng 4 tiếng đồng hồ và mỗi tuần từ thứ hai đến thứ năm. Ngày thứ sáu tôi ôn bài hoặc làm bài tập để ngày thứ bảy, chủ nhật thì đi hái trái Kirchen, là một loại đào của Đức, ra hoa cỡ tháng 3 và kết trái vào tháng 6, tháng 7. Từ Nhật sang tôi có mang theo một ít tiền, nhưng đã gần cạn. Do đó tôi bắt đầu đi làm thêm với những anh em sinh viên khác. Lúc ấy cũng có một số người tỵ nạn đến sinh sống ở Kiel, nhưng ít lắm, độ chừng 10 gia đình là cùng. Họ cũng cùng đi hái trái Kirchen với chúng tôi. Cứ mỗi giờ đây là 5 Đức Mã. Mỗi ngày, mỗi người hái được 10 giờ như thế là giỏi. Một sinh viên tay trắng mà mỗi ngày làm được 50 Đức Mã là loại siêng năng có hạng và lúc ấy mới thấy được giá trị của đồng tiền là gì.

Nhưng mùa đào, mùa dâu tây, mùa trái dâu có kéo dài suốt năm. Và lại chúng tôi còn phải đi học nữa, nên chỉ đi làm dâu chừng 6 đến 8 cái cuối tuần như thế cũng tạm đủ tiêu vặt trong mấy tháng rồi. Làm việc kiểu sinh viên chắc ai cũng rõ, và lại là sinh viên cũng không được phép đi làm ngoài hè nhiều giờ. Vì bị chi phối bởi việc học.

Ở chung với Trâm chừng 3 tháng thì tôi dọn ra ở riêng tại đường Holtenuerstr. cũng ở Kiel, mỗi ngày đạp xe đạp đến trường để học tiếng Đức. Có chiều ghé qua cư xá sinh viên của Trâm để thăm, ăn cơm chung và sau đó nhờ Trâm chỉ thêm cho một ít văn phạm tiếng Đức. Sở dĩ tôi dọn riêng ra như thế, vì muốn có phòng ốc rộng rãi hơn để thờ Phật và

tụng kinh. Từ Nhật qua tôi chỉ mang theo một cái chuông, một cái mõ và mấy hình Phật, kể cả một cái đĩa và một đôi đũa với một số hồ sơ cá nhân. Như vậy đó mà 25 năm sau ở xứ này đồ cá nhân chắc phải chờ mấy xe cam-nhông mới hết. Nhưng để làm gì và sẽ đi về đâu? Cũng là một con số không to tướng qua sự thành, trụ, hoại, diệt của sự vật mà thôi.

Nhiều lúc nghe mưa rơi thấy nhớ nhà, nhưng chẳng biết nhớ ai. Không lẽ nhớ xứ Nhật. Vì nơi đó không phải là quê hương của mình. Còn nhớ Việt Nam ư? Nếu tính từ 1972 đến 1977 cũng đã hơn 5 năm xa xứ rồi, còn gì để nhớ nữa. Kể từ khi xuất gia 1964 đến 1968 tại Hội An, tôi đã xa nhà cha mẹ và anh chị em, chỉ lấy chốn chùa chiền làm nơi nương tựa. Rồi 1968 vào Sài Gòn ở chùa Hưng Long đi học cho đến năm 1971 và 1972 lại rời Sài Gòn sang Tokyo. Như vậy đối với tôi thuở ấy chẳng có nơi nào là quê hương chắc thật cả.

Một hôm tôi viết thư về Tokyo để hỏi thăm ý kiến của Thầy Bảo Lạc, bào huynh của tôi vẫn còn đang học tại Đại Học Komazawa ở Tokyo rằng có nên về lại Nhật hay nên ở lại Đức? Tiếp theo tôi cũng viết cho Thầy Oikawa một lá thư bằng tiếng Nhật để cảm ơn và để hỏi ý kiến. Vì thăm thoát cũng đã 8 tháng rồi kể từ khi tôi rời Nhật.

Sau chừng vài tuần, tôi nhận được thư của Thầy Bảo Lạc trả lời rằng: Nếu hoàn cảnh bên Đức thuận tiện thì nên ở lại học hành, nếu về lại Đông Kinh cũng không sao. Vì con đường học vấn vẫn còn chờ đợi đó.

Lá thư của Thầy Oikawa gửi đi, nhưng không có thư trả lời. Tôi biết tánh Thầy ấy, bao giờ cũng vậy rất dễ dãi, xuề xòa, nhưng lười trả lời thư cho bất cứ ai. Chỉ thích một điều duy nhất là rượu. Nhiều khi ông ta uống nhiều quá bà vợ bảo sao uống nhiều vậy? Thì ông ta trả lời rằng: “Rượu cũng làm từ gạo ra, chứ sao bắt tôi phải ăn cơm để làm gì?” Quả thật

không sai, nhưng không hoàn toàn đúng. Thế là mọi người cũng phải cười với lối lập luận ấy mà thôi.

Kể từ nhỏ, lúc 15 tuổi vào chùa, mọi quyết định tôi đều phải tự mình lo liệu và giải quyết. Ví dụ như quần áo tự giặt, mền chiếu tự lo, tiền bạc tự phải xoay xở cho có để đi học, bài vở ở học đường tự tìm kiếm bạn giỏi cùng học và cùng làm xong nhiệm vụ của một người học sinh, một Tăng sĩ, một sinh viên. Thế thôi! Không than phiền, không giận hờn, không trách móc, không đòi hỏi và cứ thế mà tiến hành trên con đường thiên lý ấy.

Khoảng cuối năm 1977, tôi nhận được thư của anh Lâm Đăng Châu ở Hannover gửi lên báo rằng có chỗ học (Zulassung) tại Đại Học Giáo Dục Hannover. Thế là tôi mừng và bắt đầu chuẩn bị đồ đạc để dời về Hannover sau khi ở Kiel và học tiếng Đức hơn 8 tháng. Ngày hôm đó có lẽ vào mùa Đông năm 1978, tôi đã đến ở tạm nhà anh Lâm Đăng Châu độ chừng 10 ngày thì anh Châu đọc báo và thuê được căn nhà tại đường Kestnerstr. số 37. Đây chỉ là một Wohnung nhỏ thôi, có 2 phòng, một nhà bếp, một nhà tắm và một hành lang dài. Lúc về đây có Ngô Ngọc Diệp tận tình giúp đỡ, nên những thông tin liên lạc thuở đó mới bắt đầu khởi đi từ chốn này và ngày 2 tháng 4 năm 1978 chúng tôi làm lễ An Vị Phật, có mời Đại Đức Thích Minh Tâm từ Paris tham dự. Lúc ấy Thầy vẫn còn là Đại Đức, đến năm 1983 giới đàn Thiện Hòa ở Mỹ mới tấn phong lên Thượng Tọa và tháng 12 năm 1998 được tấn phong lên Hòa Thượng tại chùa Khuông Việt ở Na Uy.

Về sinh hoạt lễ An Vị Phật độ chừng 30 người. Có vài vị từ Pháp tháp tùng Hòa Thượng Minh Tâm sang. Còn bao nhiêu là anh em sinh viên Việt Nam đang sinh sống tại Hannover và có một ít người ty nạn đến từ Hildesheim tham dự. Lúc đó Ngô Ngọc Diệp làm tổng khậ, có nghĩa là bao đàn từ

trên chánh điện như đánh chuông mõ cho đến nhà bếp như nấu nướng, dọn dẹp v.v...

Sinh hoạt Phật sự tại Niệm Phật Đường hồi đó còn lỏng lẻo, yếu ớt, chậm chạp, chỉ có mấy Thầy trò. Thịnh thoảng Trâm từ Kiel cũng có ghé về để sinh hoạt chung, rồi Thầy trò kéo nhau đi Berlin, Dortmund hoặc Stuttgart để thuyết trình về tình hình Phật Giáo tại Việt Nam qua sự đàn áp của người Cộng Sản. Mỗi tháng vào chủ nhật thứ nhất và chủ nhật thứ ba vào lúc 11 giờ có lễ Phật định kỳ, thuyết pháp và sau đó là cơm nước cũng như sinh hoạt chung và kể từ đó đến nay (1978 - 2002) suốt gần 25 năm chùa Viên Giác đều sinh hoạt thường xuyên như thế. Có lúc đông cả trăm người, nhưng cũng có lúc ít chừng 10 người, nhưng ít nhiều gì cũng cử hành lễ và chưa bỏ một lần lễ Phật định kỳ nào cả. Nếu tôi có đi ra ngoại quốc thì ở nhà Ngô Ngọc Diệp thay thế để làm chủ lễ.

Kể từ tháng 6 năm 1978 đến tháng 5 năm 1979, Ban Hộ Trì Tam Bảo đã kêu gọi bà con xa gần đóng góp định kỳ hằng tháng tùy theo khả năng để trả tiền thuê Niệm Phật Đường nơi tôi ở. Cứ kêu gọi hằng năm như thế và trong số 32 người đóng góp đầu tiên ấy, nay vẫn còn tiếp tục hộ trì Tam Bảo. Quả là một sự giúp đỡ không thể dùng lời nói để tạ ơn, mà năm sau (2003) Lễ Kỷ Niệm 25 năm Chùa Viên Giác, tôi phải có những phần thưởng xứng đáng để tri ân những vị này.

Ngày nay cũng đã có người đi xa, có người còn, có người mất và tôi ghi hết ra đây để cảm tạ sự đóng góp một cách chân tình như thế cho sự trưởng thành của Phật Giáo Việt Nam tại Đức từ đó đến nay.

1. Văn Công Trâm, ở Kiel, mỗi tháng 30 Đức Mã. Sau này ra trường Y khoa, anh ta đóng mỗi tháng 50 Đức Mã

và mãi cho đến hôm nay vẫn còn tiếp tục. Đây là người bạn học cũ cùng trường với tôi hồi còn Tiểu Học, em ruột của Sư Bà Diệu Tâm, anh ruột của Nguyễn Đạo Văn Công Tuấn và năm 1979 Trâm quy y với tôi, tôi cho pháp danh là Thị Minh.

2. Nguyễn Thị Đẹp, ở Neumünster. Chị này đóng mỗi tháng 10 Đức Mã và chỉ kéo dài chừng vài năm là chấm dứt. Hiện bây giờ chị vẫn còn ở Neumünster vì trong danh sách nhận báo Viên Giác chị ấy vẫn còn liên lạc với chùa và thỉnh thoảng có cúng dường bất thường.
3. Nguyễn Thị Tư, ở Kiel, đóng mỗi tháng 10 Đức Mã, nhưng cũng chỉ vài năm đầu rồi ngưng. Nghe đâu bây giờ đã có chồng, có con và vẫn ở tại Kiel.
4. Hồ Kim Lệ, ở Kiel, đóng mỗi tháng 10 Đức Mã và cũng chỉ góp độ 1, 2 năm đầu rồi nghỉ. Anh là một những người đến tỵ nạn ở Đức sớm nhất vào những năm 1976, 77 và nghe đâu bây giờ anh ta vẫn còn ở tại đó.
5. Đoàn Thị Mỹ Lộc, ở Koblenz. Cô này đóng mỗi tháng 20 Đức Mã và kéo dài đến năm 1980 thì hết. Thỉnh thoảng có cúng dường bất thường gửi qua ngân hàng. Mới đây lễ Phật Đản 2546 (2002) tôi có gặp cô và người chồng tên Giáo về chùa dự lễ. Đúng là thời gian có đổi thay, nhưng tấm lòng với Đạo thì càng ngày càng gắn bó nhiều hơn. Vì lẽ khi con người càng lớn thì dễ đi gần với niềm tin Tôn Giáo của mình.
6. Lê Xuân Bình, ở Koblenz. Người này chỉ hộ trì cho chùa một năm, mỗi tháng 20 Đức Mã và từ đó đến nay không thấy liên lạc về chùa nữa.
7. Lê Văn Hồng, ở Koblenz. Anh này hộ trì chùa mỗi tháng 20 Đức Mã và đóng góp chừng 3 hay 4 năm sau đó lại ngưng. Thỉnh thoảng cũng có về chùa.

8. Hồng Hoàng Sơn, ở Koblenz. Anh này mỗi tháng đóng 20 Đức Mã và chùng vài năm thì nghỉ. Cho đến nay vẫn không có liên lạc với chùa.
9. Trương Văn Giáo, ở Koblenz, mỗi tháng đóng 20 Đức Mã và kéo dài trong nhiều năm. Nay vẫn còn ở Koblenz và thỉnh thoảng có về thăm chùa.
10. Lê Thanh Bình, Hannover. Anh này là Sinh viên du học trước 1975. Mỗi tháng đóng 20 Đức Mã cho đến nhiều năm sau này. Sau khi tốt nghiệp Đại Học Hannover thì về Bremen để làm việc. Thỉnh thoảng có ghé thăm chùa lễ Phật.
11. Lâm Đăng Châu. Anh này ở Hannover, mỗi tháng hỗ trợ 20 Đức Mã, đóng độ vài năm thì ngưng và như trong phần đầu có đề cập, anh là một trong những ân nhân của tôi trong giai đoạn ban đầu khi mới đến xứ Đức này.
12. Ngô Ngọc Diệp, ở Hannover. Anh này đã quy y với tôi vào lễ Vu Lan ngày 19 tháng 8 năm 1978 cùng với 2 người khác là Đoàn Thị Thu Hạnh và Nguyễn Đức Hiếu. Diệp tôi cho pháp danh Thị Chơn, Hiếu cho pháp danh Thị Ân và Cô Hạnh tôi cho pháp danh Thị Nhân. Diệp là người mà tôi mang ơn cũng nặng ngay từ lúc ban đầu. Lúc ấy Diệp cũng còn là sinh viên, mỗi tháng hộ trì chùa 20 Đức Mã cho tới khoảng 1992, 93 mới ngưng. Đạo ấy, mỗi sáng trước khi đi làm ở hãng Continental, Diệp thường ghé chùa để tụng kinh Lăng Nghiêm với tôi, từ khi còn ở tại Kestnerstr. cho đến Eichelkampstr. cũng vậy. Anh là một người đa tài, cái gì cũng có thể làm được, không kể công, không trốn tránh trách nhiệm.

13. Lê Huy Cát, Hannover. Anh này mỗi tháng giúp 20 Đức Mã độ chừng một vài năm sau thì ngưng. Vì anh chị ấy dọn sang định cư bên Úc vùng Brisbane nắng ấm.
14. Nguyễn Tiến Hội, ở Hannover, có ghi tên trong số 32 người này, mỗi tháng đóng 10 Đức Mã, nhưng không thấy hỗ trợ. Có lẽ vì hoàn cảnh gia đình. Nay vẫn còn ở Hannover, là một võ sư của Vovinam Việt Võ Đạo.
15. Đạo Hữu Long, ở Hildesheim, có ghi đóng mỗi tháng 30 Đức Mã và chỉ đóng một tháng 6 duy nhất của năm 1978 rồi nghỉ.
16. Phạm Văn Phụng, ở Hildesheim, đóng mỗi tháng 20 Đức Mã và hỗ trợ chừng vài năm sau thì ngưng.
17. Nguyễn Ngọc Tuấn và Nguyễn Thị Thu Cúc, ở Hannover. Đây là hai anh chị cũng có công rất nhiều với Niệm Phật Đường ngay từ lúc ban đầu. Mỗi tháng đóng 20 Đức Mã trong nhiều năm liên tục như vậy. Trong chương trước, tôi có đề cập đến anh chị này rồi. Họ là những sinh viên du học đến Đức từ năm 1968.
18. Lê Hữu Cơ, ở Neuss. Mỗi tháng đóng 10 Đức Mã, được 3 tháng thì ngưng. Chẳng biết ông bà này còn sống hay đã mất. Vì từ lâu không còn liên lạc nữa.
19. Ngô Tài Ba, ở Hòa Lan, hứa cúng mỗi tháng 20 Đức Mã nhưng chưa đóng lần nào cả và từ đó đến nay cũng chẳng có tin.
20. Phạm Bé, ở Hòa Lan, cũng giống như vậy.
21. Đinh Thị Hợi, ở Aachen, đóng mỗi tháng 20 Đức Mã trong nhiều năm như vậy và vị này chắc nay không còn nữa. Vì lúc đó cũng đã lớn tuổi rồi.

22. Nguyễn Đức Quyến, ở Aschaffenburg. Vị này đóng mỗi tháng 20 Đức Mã bắt đầu từ tháng 9 năm 1978 và kéo dài trong vài năm như thế. Nay thì gia đình vẫn còn ở tại Aschaffenburg.
23. Vũ Văn Hà, ở Pháp, sau này xuất gia pháp danh là Nguyên Lưu, đệ tử Hòa Thượng Minh Tâm. Mỗi năm Bác hộ chùa Viên Giác bên này 600 FF và liên tục như thế đến khi Bác mất cách đây chừng 10 năm thì nghỉ. Bác là đệ tử xuất gia rất trung thành với Hòa Thượng Minh Tâm, đã ở Pháp trên 50 năm và cuối đời còn lại vào chùa để hộ đạo.
24. La Thành, ở Herford. Vị này cũng đóng vài năm rồi nghỉ, mỗi tháng 20 Đức Mã và cho đến nay không còn liên lạc gì cả.
25. Nguyễn Thanh Tuy, ở Recklinghausen, mỗi tháng đóng 20 Đức Mã, bắt đầu từ tháng 10 năm 1978 và đóng mãi cho đến khi vị này mất mới thôi.
26. Phan Văn Trường, ở Hannover, là Sinh viên du học trước 75, đóng mỗi tháng 10 Đức Mã độ một năm, sau đó di dân sang Mỹ và đến nay không còn liên lạc nữa.
27. Nguyễn Thị Hạnh, ở Braunschweig, mỗi tháng đóng 20 Đức Mã trong nhiều năm như thế. Chị cũng là sinh viên du học trước 1975 và đã xong Đại Học. Mỗi năm nhân lễ Phật Đản hay Vu Lan chị đều về chùa giúp trong nhà bếp suốt hơn 20 năm như vậy. Công đức thật không nhỏ.
28. Bùi Hữu Tường, ở Münster, cũng là sinh viên du học trước 1975, đã ra Bác sĩ và làm việc tại Đức. Mỗi tháng thuở ấy anh đóng 10 Đức Mã, liên tục trong nhiều năm như vậy.

29. Vương Đắc Mẫn, ở Kiel, nay là Bác sĩ ở Mỹ. Cũng là sinh viên du học trước 75, chỉ ủng hộ bất thường cho chùa chứ không đóng định kỳ, mặc dầu có ghi danh như thế.
30. Đoàn Thị Thu Hạnh, ở Hannover, mỗi tháng đóng 20 Đức Mã và kéo dài trong nhiều năm. Trong Chương trước tôi đã có đề cập đến cô này.
31. Phạm Công Hoàng, ở Bremen, là sinh viên du học trước 1975, nay là Kỹ sư Hàng không làm tại hãng ở Bremen. Mỗi tháng góp 50 Đức Mã và kéo dài từ năm 1978 đến nay chưa nghỉ.
32. Trần Văn Trường, ở Schweringhausen. Anh là gia đình tỵ nạn đến Đức rất sớm và sau đó sang định cư tại Mỹ. Kể từ đó đến nay không còn liên lạc nữa.

Từ 1979 đến cuối năm 1980 có thêm vài vị đóng góp nữa như chị Nguyễn Thị Soan ở Kiel mỗi tháng đóng 10 Đức Mã và có vài vị ghi tên nhưng không hỗ trợ, có lẽ vì lý do gia cảnh. Đó là 32 hóa thân ban đầu của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát và nhờ mỗi người một hạnh nguyện như thế mà ngày nay sau 25 năm ngôi chùa này đã đứng vững vàng trong lòng xã hội Đức và là nơi nương tựa tinh thần của hàng trăm ngàn người tỵ nạn Việt Nam khi bỏ nước ra đi tìm tự do.

Tính trung bình mỗi tháng như thế chùa Viên Giác tại Hannover nhận được số tịnh tài định kỳ là 600 Đức Mã của 32 người đóng. Phải trả tiền nhà 180 Đức Mã, tiền điện, gas, nước, điện thoại v.v... độ chừng 120 Đức Mã nữa. Như vậy mỗi tháng dư độ 300 Đức Mã dùng làm quỹ chi dụng bất thường cho Niệm Phật Đường. Ví dụ như mỗi khi có chư Tăng đến thăm phải cúng dường hoặc làm lộ phí di chuyển đi đây đó v.v... Trong thùng phước sương hầu như không có

đồng nào. Vì ai cũng là sinh viên hoặc người tỵ nạn mới đến Đức nên sự tiêu pha rất chùng mực.

Vào ngày 5 tháng 2 năm 1979, tôi có viết một thư mời Phật Đản và năm đó địa phương Bá Linh đã đóng góp phần văn nghệ cúng dường. Tổ chức tại Bethoven Saal của Stadthalle Hannover. Có độ 400 người Việt và Đức về tham dự. Năm đó chính quyền Tiểu Bang Niedersachsen có giúp tiền để thuê phòng và chỗ đồng bào từ Friedland về tham dự lễ, ở qua đêm trong nhiều gia đình của Đức để trao đổi làm quen, do Hội Hồng Thập Tự đảm trách việc này.

Năm 1979 nhằm Phật Đản 2523 cũng là năm đầu tiên Hội Sinh Viên và Kiều Bào Phật Tử Việt Nam tại Đức được ra mắt tại Hội Trường. Nghĩa là sau 6 tháng thành lập (11.1978). Tất cả cái gì cũng mới mẻ và danh sách cúng dường lễ Phật Đản năm đó của 19 người, đa phần đến từ Berlin tổng cộng là 195 Đức Mã. Số tiền rất khiêm nhường, nhưng giá trị tinh thần thì không nhỏ. Vì đây là lần đầu tiên ra mắt công chúng Đức. Lúc ấy người Đức rất quý mến người tỵ nạn Việt Nam. Vì lẽ những người lớn tuổi họ đã hiểu nỗi khổ của thời Đệ nhị Thế chiến (1939 - 1945) cũng như thời Đức Quốc Xã của Hitler sống khổ cực như thế nào rồi, nên dễ thông cảm. Vì vậy chính quyền của Tiểu Bang Niedersachsen mới dễ dàng đón nhận đầu tiên mấy ngàn người vào ngày 10 tháng 12 năm 1978 từ chiếc tàu Hải Hồng đang bị câu lưu ở Hồng Kông, ra đi từ Việt Nam. Trong đó có mấy ngàn người đói khát, kể cả người già và trẻ con.

Do đó, ông Ernst Albrecht là vị Thủ Hiến Tiểu Bang đầu tiên của nước Đức đã kêu gọi cứu trợ nhân đạo và lập tức nhân dân Đức hưởng ứng ngay. Ở đây xin chấp tay cảm tạ ông cựu Thủ Hiến Tiểu Bang Niedersachsen trong thời gian ấy đã cứu mang người tỵ nạn Việt Nam chúng tôi rất nhiều.

Ngay như việc sau này vào năm 1986, 87 đưa đơn xin phép xây cất chùa Viên Giác tại đường Karlsruherstr. này nếu không có sự lưu tâm của ông, chắc rằng giấy phép cũng còn lâu lắm mới nhận được.

Nhân mùa Vu Lan năm 1998, tôi đã mời cựu Thủ Hiến và phu nhân đến chùa Viên Giác Hannover để nói lời cảm tạ chân thành của người ty nạn Việt Nam tại Tiểu Bang Niedersachsen nói riêng và trên toàn nước Đức nói chung. Ông rất cảm động và lưu lại chùa nhiều giờ hơn ngoài dự tính để đi thăm 7 tầng tháp có thờ Phật, Tổ Đường v.v... do anh Kiến Trúc Sư Trần Phong Lưu hướng dẫn. Những ân tình như thế chúng tôi không thể nào quên, xin ghi hết vào lòng, dấu cho có ở thế giới này hay tái sinh vào một cõi xa xăm nào khác đi chẳng nữa, thì ân nghĩa vẫn là những gì khó đáp đền trong muôn một vậy. Vào tháng 8 năm 2002, phu nhân của cựu Thủ Hiến Tiểu Bang Niedersachsen cũng đã vĩnh viễn ra đi, nhưng ơn cứu tử ấy, người Việt Nam chúng tôi không bao giờ quên cả.

Từ Tết năm 1981, chúng tôi chính thức dời chùa về đường Eichelkampstr. số 35A và tại đây chùa đã nhận được chính thức tiền thuê chùa mỗi tháng 3.000 Đức Mã từ Bộ Nội Vụ Liên Bang để trang trải tiền thuê và các phí khoản khác (xin xem Chương trước). Tuy nhiên, số người ghi tên hỗ trợ định kỳ hằng năm 1991 và 1992 trong vòng một năm ấy có 60 người. Số lượng có tăng nhưng số người đóng góp không đều, chỉ có 42 người đóng thường xuyên. Số người cũ có một ít rút lui và số người mới có một số thêm vào. Tổng số tiền ủng hộ định kỳ là 900 Đức Mã mỗi tháng. Với số tiền này chúng tôi lo chi tiêu cho các lễ lộc cũng như điện, gas, nước v.v...

Trong số những vị đóng định kỳ từ năm 1981 cho đến nay vẫn còn đóng liên tục gồm có: Đạo Hữu Đoàn Thị Thanh

Tú ở Paris, anh Tô Văn Phước tại München, anh Lâm Thành ở Lingen. Đó là những tấm lòng son đáng trân quý và dĩ nhiên là sau này còn nhiều người mới đóng định kỳ nữa, quý vị có thể xem danh sách này trong tập san Viên Giác số 126 tháng 12 năm 2001. Bây giờ vẫn còn 129 vị. Nghĩa là số người hộ trì càng ngày càng tăng và dĩ nhiên là chi phí cũng không có giảm.

Tất cả những hồ sơ này tôi vẫn còn giữ lại đó, để một mai biết đâu có ai đó có ý dò tìm để hiểu rõ ngọn ngành của một thời đã qua thì quả là ơn nghĩa nghìn trùng trong muôn thuở, khó đáp đền, mà kẻ mang chịu ơn trực tiếp đó là tôi. Nếu không có những tâm hồn thanh cao trong sáng ấy, góp nhặt từng đồng tiền, từng lời ca, từng tiếng hát, từng nhịp mõ, từng lời kinh v.v... thì làm sao có được một ngôi chùa Viên Giác như hôm nay sáng ngời long lanh trên bầu trời Hannover này hay trên Internet văn minh của thế kỷ 21 này mà ngồi ở nhà người ta cũng có thể xem được những hình ảnh uy nghiêm của ngôi chùa tại đây.

Để đi đến thành công như thế không phải câu chuyện của một ngày mà là câu chuyện của hơn 30 năm, nên chương này hơi dài hơn các chương khác, khi xem cũng mong quý vị cảm thông cho.

Năm 1978 là năm đầu tiên tôi về thành phố Hannover nên có nhiều việc phải làm, nào là an vị Phật, lễ Vu Lan, đi học tại Đại Học Hannover, đón người tỵ nạn đến Đức v.v... tương đối rất bận rộn và để chuẩn bị cho lễ Phật Đản năm 1979 tại Bethoven Saal ở Stadthalle Hannover, tôi có soạn một vở kịch về “Cuộc Đòi Đức Phật” do các em Phật Tử nghiệp dư trình diễn. Trong đó có chị Giang, anh Tuấn, Giang, Phấn, Danh và một số anh em khác nữa. Tôi phải viết tuồng và đạo diễn luôn. Hình như có cả cô Kim Thêm nữa thì phải. Đó là

vở kịch đầu tiên do tôi soạn và sau này có vài vở khác như “Hoa Roi Trước Cửa Phật” do một số anh em tại Berlin đóng và diễn tại rạp hát *Theater am Aegi*. Tất cả đều tự biên tự diễn. Sự thành công ít, nhưng mệt mỏi thì nhiều. Vì lễ hội đó mỗi lần lễ phải dọn hết tất cả những gì từ Niệm Phật Đường sang Jugendzentrum, từ bàn thờ cho đến nồi niêu soong chảo v.v... Sau khi lễ lại dọn về lại chùa, Thầy trò chúng tôi vất vả vô cùng, nhưng được một cái vui là ai cũng đã thực hành xong nhiệm vụ của mình đã được giao phó.

Học kỳ 78/79 ở Đại Học Giáo Dục tôi phải nghỉ để đi Göttingen và Friedland giúp đỡ cho bà con mới tới, nhiệm vụ là làm thông dịch viên cho Bác sĩ khi người tỵ nạn mới tới đi khám bệnh tổng quát tại bệnh viện. Vì sống chung lâu ngày trên chiếc tàu Hải Hồng nên chí của người này nó lây qua người kia, bất kể là đàn ông hay đàn bà. Nên mọi người ai cũng phải gọi đầu trừ chí và đội một bọc ni-lông trắng toát lên đầu, trông giống như để tang. Lúc ấy tiếng Đức tôi còn bập bẹ và chẳng biết con chí tiếng Đức kêu bằng gì nên phải tra tự điển và còn bao nhiêu chuyện dở khóc dở cười khi diễn tả bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau nữa, làm sao có thể diễn tả hết được.

Nhờ làm thông dịch như thế mà có 2 việc có kết quả:

- Thứ nhất là chính quyền Đức lưu tâm về vấn đề tôn giáo, xã hội. Người mình có thể tự giúp cho mình, nên Bộ Nội Vụ Liên Bang mới kêu đến và giúp đỡ. Chứ thật tình lúc ấy chúng tôi có biết đâu mà gõ cửa các cơ quan công quyền.
- Thứ hai là chuyện ơn nghĩa. Người mình được cái là không bao giờ quên ơn kẻ khác, cho nên những người được tôi giúp đỡ lúc ban đầu như thế, sau này họ có công ăn việc làm và khá giả, họ trở về chùa để giúp lại

chùa bằng nhiều cách khác nhau. Thật ra thì khi thi ân, tôi không cầu đền đáp, nhưng đó là kết quả trước mắt đã thành tựu như vậy.

Đến học kỳ mùa Đông 79/80 thì tôi làm xong Referat về một môn Emperie, dịch là kinh nghiệm luận của ngành Giáo Dục Học bằng tiếng Đức và thuyết trình trước nhiều sinh viên để có một Chứng Chỉ còn thiếu về môn ấy. Ở Nhật học 62 môn mà không có môn này và cuối năm 80 thì tôi không còn tiếp tục đến Đại Học nữa. Vì lẽ chùa chuẩn bị dọn qua nơi rộng rãi hơn, nên cần phải chăm sóc nhiều hơn. Nhiều khi ở chùa lo việc chùa thì nghĩ rằng không biết trong Đại Học các bạn đang học gì và lúc ngồi tại Giảng Đường Đại Học thì lại nghĩ không biết ở chùa có ai đến lễ Phật, thăm viếng không v.v... và v.v... Do đó tôi quyết định không tiếp tục đi nốt con đường học vấn để ra Tiến sĩ ngành này vì một số lý do chính bên trên và cũng có kèm theo một số lý do phụ nữa.

Tôi có điện thoại hỏi thăm Hòa Thượng Thích Minh Tâm và có ý về lại Nhật, hoặc ở Đức, không ra hoạt động, để học cho xong học trình Tiến sĩ mới ra làm việc, nhưng Hòa Thượng cũng có bảo rằng: Có nhiều vị có bằng cấp Tiến sĩ nhưng có làm được gì đâu! Đó là câu an ủi để tôi không còn vấn vương với con đường học vấn nữa, nhưng bây giờ nhiều lúc thấy cũng tiếc. Vì lẽ sức học của tôi vẫn còn.

Ở Đức không có bậc Cao Học như ở Mỹ và ở Nhật, mà học 5 năm ở Đại Học, sau đó vào nghiên cứu sinh để làm luận án Tiến sĩ ra trường. Và lại ở Trung Học họ đã học 13 năm rồi, trong khi đó ở Nhật hay Việt Nam chỉ có 12 năm thôi. Nếu cộng chung lại số năm từ Trung Học lên Cao Học vẫn tương đương với các nơi khác trên thế giới. Thật ra sự học thì nó vô cùng, nhưng trên nguyên tắc học đến Đại Học là hết, để sau đó mỗi người tự nghiên cứu mà thôi.

Thuở đó tôi cũng có một quyết định quan trọng cho chính mình là phải tự chọn lựa con đường để đi trong tương lai lâu dài hơn, chứ không thể gián đoạn ở nơi này được. Ví dụ chọn con đường học vấn, thật ra ở ngoài đời có không biết bao nhiêu người lo cho vấn đề này. Chỉ có con đường sở trường, con đường chuyên môn của mình là tu học, lo Phật sự không có ai ngoài mình ra lúc đó có thể gánh vác được. Cho nên tôi nằm đêm suy nghĩ thật nhiều và cuối cùng là không tiếp tục chương trình ở Hậu Đại Học nữa là vậy.

Những năm 1978, 79, 80, 81, 82 v.v... là những năm tôi thường hay lui tới chùa Khánh Anh tại Paris nhiều nhất và từ đó tôi có được sự ủng hộ của một số Phật Tử thuần thành cho đến bây giờ. Thuở đó Hòa Thượng Thích Minh Tâm cũng chỉ một mình, nên mỗi khi đi dự Hội Nghị hay đi đâu xa là tôi phải sang trông chùa. Mặc dầu lúc ấy cũng có Bác Hà, nhưng là một cư sĩ và sau này Bác mới xuất gia. Tôi đã thuyết giảng cho Phật Tử nghe và chỉ bày cách thực hành chuông mõ cho một số Phật Tử và sau này có những người đã xuất gia như Quảng Đạo, Diệu Trạm hiện ở tại chùa Khánh Anh bây giờ.

Hòa Thượng Khánh Anh vốn là bậc đàn anh của tôi, Thầy ấy chưa trực tiếp dạy tôi ngày nào, nhưng nhiều lúc tôi cũng cung kính như là một bậc Thầy. Vì Thầy ấy có nhiều cử chỉ đối đãi đẹp với đồng môn và bạn bè, tử đệ. Chỉ đơn giản có thể thôi mà người ta có thể sống chết cho cả một đời người. Thầy ấy đã hỗ trợ chùa Viên Giác bên này bằng nhiều cách khác nhau và bây giờ đây khi xây chùa Khánh Anh bên Pháp tôi cũng thể hiện lại tinh thần tương thân tương ái ấy.

Khi được sự chấp thuận tài trợ của chính quyền tiền thuê hằng tháng của chùa mới, chúng tôi đi tìm cơ sở để thuê, nhưng nó chẳng đơn giản chút nào. Vì lẽ - có chỗ làm lẽ được cho số đông người thì không có chỗ ở. Có nơi có chỗ ở thật

tốt thì lại không có chỗ làm lễ v.v... thiên nan vạn sự. Dịp may hiếm có, hình như anh Lâm Đăng Châu, hoặc ai đó, đọc báo thấy ông Steimann có cho thuê một cái hăng cũ, có văn phòng và chỗ ở, nên chúng tôi đến đây liền và hỏi thăm điều kiện thì được ông chấp nhận ngay. Thế là cuối năm 1980 đầu năm 1981 Thầy trò chúng tôi lo thiên di những gì đang có tại Kestnerstr. về đường Eichelkampstr.

Khi mới về đây cũng chỉ có một mình tôi, đến cuối năm 1981, đầu 1982 có Phật Tử Thị Chánh Trương Tấn Lộc và cô Diệu Niên dọn vào ở cùng. Sau đó có thêm Thầy Minh Phú nữa. Nhân sự lúc ban đầu chỉ có thế và mỗi bữa trước khi đi làm, Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp có ghé chùa để cùng tụng kinh Lăng Nghiêm. Tết âm lịch năm 1981 nhằm ngày 5 tháng 2, tức ngày thứ năm trong tuần và năm ấy là năm Tân Dậu, nhưng chẳng có một người nào đến lễ chùa cũng như đón Tết, ngoại trừ mấy Thầy trò chúng tôi cùng nhau tụng một thời kinh là xong. Chẳng bù với sau này, bây giờ (2002) mỗi lần Tết đến có cả hàng năm, bảy ngàn người về chùa lễ Phật đầu năm. Hồi đó nhiều khi không có tiền đi chợ và mua hoa để cúng Phật, tôi phải ra ngoài vườn bứt những cây hoa dại về cắm lên bàn Phật. Có lẽ Phật cũng đã mỉm cười cho cái thanh bần của chúng tôi thuở ấy.

Đến năm 1984, 1985 có Thiện Phước từ Phần Lan qua xuất gia với tôi và chú này có lẽ là người chịu thiệt thòi nhất. Vì hồi đó tôi rất khó tánh và ngay cả bây giờ có thể cũng vậy, nên chú hay bị quở, bị la rất nhiều. Được cái là chú không buồn lâu, nhưng có lẽ chú tội phận chú tại sao bị quở trách hoài như thế. Chuyện cũng dễ hiểu thôi. Vì đánh chuông mõ sai, mặc dầu đã chỉ rồi. Học hành quá chậm chạp. Vì trình độ của chú chỉ có thế mà nhu cầu của tôi thì cao, nên sau khi thọ Sa Di -năm 1987- chú trở về lại Phần Lan sinh sống.

Tiếp đến có Thiện Thành và Thiện Nam xuất gia, một người Việt và một người Đức nói tiếng Việt rất rành, nhưng các chú này ở cũng không lâu, sau đó lại trở về với cuộc sống thế tục vì nhiều lý do khác nhau.

Năm 1983 gia đình của Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp qua đoàn tụ gia đình, trong đó có thân phụ của Thị Chơn là Bác Thị Tâm Ngô Văn Phát, cựu Trung Tá Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, có khả năng hành chánh rất vững vàng, nên bắt đầu từ nhiệm kỳ 4 của Hội Phật Tử (1984) đến nay Bác luôn được tín nhiệm và bầu làm Hội Trưởng. Nhiệm kỳ 1 (1978-1980) Thị Minh Văn Công Trâm làm Hội Trưởng. Nhiệm kỳ 2 và 3 (1980-1984) Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp làm Hội Trưởng và kế tiếp Bác là người thông thạo nhiều ngoại ngữ như Anh, Pháp, Đức nên tôi cũng đã được Bác giúp đỡ rất nhiều về phương diện giấy tờ ngoại giao bên ngoài.

Những người đóng góp vào việc văn phòng thuở ấy có Ni Sư Diệu Ân, Chị Nga, Bác Phát. Còn Lâm thì đứng máy quay báo. Hưng, Lộc bỏ dấu bài đã đánh máy xong, Thị Chơn lo layout cho báo và sách. Còn tôi thì lo vấn đề thuyết giảng, ngoại giao và đi đây đó để lo những công việc Phật sự như ma chay, cưới hỏi, thuyết trình v.v...

Tôi những tưởng về ở đường Eichelkampstr. là trụ ở đó lâu dài, nhưng cũng chỉ 10 năm thôi. Nghĩa là từ năm 1981 đến 1991 và từ 1991 đến nay 2002 dọn qua chùa mới tại đường Karlsruherstr. này. Trong đời tôi từ khi sinh ra đến nay 54 năm đã ở những chỗ quan trọng như sau:

- Từ 1949 đến 1964 ở quê là Mỹ Hạc, Xuyên Mỹ, Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.
- Sau khi xuất gia ở chùa Phước Lâm tại Hội An từ 1964 đến 1966.

- Từ 1966 đến 1968 ở chùa Viên Giác, Hội An.
- Sau đó vào Sài Gòn ở chùa Hưng Long từ năm 1968-1972.
- Ở chùa Honryuji tại Nhật Bản từ 1973 đến 1977. Trước đó có 1 năm ở với Thầy Chon Thành và các bạn học Nhật ngữ khác.
- Từ 1977 đến 1978 sống ở Kiel, Đức.
- Từ 1978 đến 1980 ở tại Kestnerstr. 37 Hannover, kể theo như bên trên đã nói.

Như vậy có thể nói trong 54 năm của cuộc đời tôi ở 3 nơi lâu nhất. Đó là nơi sinh ra 15 năm, tại đường Eichelkampstr. 10 năm và nơi hiện tại 11 năm rồi. Tôi không biết ở tại nơi này còn bao nhiêu năm nữa, nhưng ở vào những lúc cuối đời như thế này có lẽ không còn bay nhảy như lúc còn trẻ nữa cũng nên.

Đến năm 1986 có Thiện Tín vào chùa xin ở và sau đó xuất gia để năm 1987 thọ Sa Di và năm 1991 thọ Tỳ Kheo và đây là một trong những Thầy đệ tử của tôi có thực tu và thực học. Tốt nghiệp Tú Tài Đức, Cao Học Tôn Giáo tại Đại Học Hannover và ở Ấn Độ học tại Đại Học New Dehli cấp bậc Tiến Sĩ từ năm 1993 đến năm 2000. Hiện bây giờ là Phó Trụ Trì chùa Viên Giác và sang năm 2003 sẽ được tấn phong lên làm Trụ Trì chùa Viên Giác. Còn tôi sẽ trở thành sáng lập trụ trì chùa Viên Giác cũng như dành nhiều thì giờ để nhập thất, tu tịnh và dịch kinh sách v.v...

Sau đó có Cô Hạnh Tịnh, Cô Hạnh Châu và đến năm 1989 thì có Hạnh Bảo về ở chùa và xuất gia để đến năm 1994 thì thọ Đại Giới.

Năm 1984 chùa Viên Giác chính thức vận động mua đất cất chùa. Năm 1987 nhân mùa Phật Đản là lễ đặt viên đá đầu tiên, đến Phật Đản 1989 bắt đầu khởi công xây cất, đến

tháng 7 năm 1991 làm lễ Khánh Thành và tháng 8 năm 1993 là lễ Hoàn Nguyên. Cả một công trình kiến trúc đồ sộ như thế nhưng chạy vạy để lo chuyện tài chánh phải nói là có rất ít người. Đặc biệt ở đây phải cảm ơn anh Kiến Trúc Sư Từ-Hùng Trần-Phong-Lưu. Nhà anh ở tại Saarland và suốt 2 năm xây cất đó từ 1989 đến 1991 anh luôn có mặt tại công trường để coi sóc thầy thợ xây cất và bổ sung những bản vẽ chi tiết cho nhà thầu, nhưng anh cũng đã chẳng tính tiền công như một Kiến Trúc Sư người Đức mà chỉ nhận những thù lao khiêm nhường thôi.

Đến tháng 4 năm 1991 có Đại Hội Ban Chấp Hành Hội Đồng Tăng Già Thế Giới gồm 16 nước nhóm họp tại chùa Viên Giác và những khâu tổ chức càng ngày càng bận rộn hơn. Nào lo cho chùa mới, cho lễ Khánh Thành, cho Đại Hội v.v... ai cũng mệt phờ người. Tiền bạc, nhân sự, sức lực v.v... cả là một vấn đề không đơn giản chút nào cả. Nhiều lúc không đủ tiền 8 Đức Mã để đi mua thêm một bao xi-măng, nhưng nhiều lúc có sự cúng dường cả 300.000 USD của cô Thị Nguyệt Thanh Hải từ Đài Loan gửi về, quả thật Phật Pháp vô biên và Phật Pháp nhiệm màu là thế.

Năm 1991, vào tháng 12, tôi dọn qua chùa mới. Lúc ấy chẳng có gì. Nước, sưởi chưa có, phải đem sưởi gas vào phòng để sưởi và nước phải đun sôi mới có nước nóng để tắm. Tiện đây cũng xin cảm ơn tất cả các anh em công quả làm thợ điện bắc điện khắp chùa như: Tuấn, Sơn, Phong, Đông v.v..., các anh em làm ống nước, sưởi như Phúc, Long. Những anh em làm thợ mộc như Bác Kiệm, ông Chử, anh Dũng, đặc biệt là các anh em Đông Âu từ khi bức tường Berlin được thông suốt năm 1989 và từ đó đến nay vẫn còn người ở chùa làm công quả, không tính với chùa một đồng nào cả, nếu có chỉ là tiền túi thôi. Họ làm mọi công việc như lát gạch, quét vôi,

phụ dọn dẹp v.v... nghĩa là ngày nào cũng có mặt các anh em từ sáng cho đến tối như thế và chính trong các anh em này cũng có đến 6 hay 7 người phát tâm xuất gia với tôi sau này.

Khi dọn qua chùa mới có phòng ốc rộng rãi hơn nên có nhiều người về ở và phát tâm xuất gia. Cho đến nay chính thức xin xuất gia với tôi là 34 người. Trong ấy có 3 người đã mất là cô Hạnh Niệm, cô Hạnh Tịnh và cô Hạnh Như, 5 người ra đời là Thiện Thành, Thiện Nam, Hạnh Mãn, Hạnh Trí, Thiện Phước. Tất cả số còn lại hiện còn đang tu học tại chùa Viên Giác hoặc đang học tại Ấn Độ, Trung Quốc v.v... Trong số này có người đang có học vị Tiến sĩ như Hạnh Giới, tương đương với Tiến sĩ như Hạnh Tấn. Thạc sĩ như Hạnh Hảo, Cử nhân như Hạnh Giả v.v... và sẽ còn nhiều người tiếp theo con đường như thế nữa.

Năm 1995 có Đại Hội Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại họp tại chùa Viên Giác và tôi cũng đã phát nguyện là nên chọn nơi đây để làm cơ sở đào tạo nhân tài cho Giáo Hội như là một Phật Học Viện. Nhớ lại năm 1991 khi cử hành lễ Khánh Thành tôi cũng đã phát nguyện dâng cơ sở này cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất với nhiều lý do khác nhau. Điều ấy có nghĩa là Giáo Hội có quyền can thiệp vào sự sinh hoạt của chùa này và ngay cả việc công cử vị Trụ Trì sau khi tôi không còn tại thế nữa, nếu đệ tử của tôi không có khả năng cúng đáng được. Vì qua kinh nghiệm, có một số quý Hòa Thượng sau khi dày công sáng lập chùa viện, nhưng không cúng cho Giáo Hội. Vì vậy Giáo Hội không có trách nhiệm với ngôi chùa ấy, nếu người đệ tử của vị Sư tiền nhiệm có làm sai đi nữa, Giáo Hội cũng không có lý do để can thiệp vào.

Ngoài ra tại đây tông phong môn phái của Lâm Tế Chúc Thánh cũng rất quan trọng, cho nên tôi đã dành cho môn

phái một lá phiếu hộ trì cũng như duy trì ngôi Tổ Đình Viên Giác này. Vì đây là ngôi chùa đầu tiên của Phật Giáo Việt Nam tại Đức và cũng là ngôi chùa thuộc dòng Lâm Tế Chúc Thánh có xuất xứ từ Quảng Nam qua gần 400 năm lịch sử truyền thừa.

Đó là 3 lá phiếu để duy trì và phát triển ngôi chùa Viên Giác tại đây và tôi mong rằng dẫu còn tôi hay sau này tôi không còn nữa, nguyên tắc ấy vẫn được duy trì. Vì qua bao kinh nghiệm của bản thân, của xã hội và của lòng người, tôi đã rút ra được một bài học căn bản cho công việc Phật sự tại đây là vậy.

Mỗi năm có 3 ngày lễ quan trọng của riêng tôi mà Đại Chúng Viên Giác hay cử hành, có lúc nhỏ có lúc lớn, tùy theo từng năm và từng hoàn cảnh. Đó là:

- Ngày sinh nhật của tôi vào 28 tháng 6 mỗi năm.
- Ngày mất của thân mẫu tôi vào 27 tháng 3 âm lịch. Tôi chỉ cử hành lễ này đến 25 năm rồi nghỉ. Vì theo Phật Giáo sau 49 ngày đã đi đầu thai rồi, nên những ngày kỵ giỗ sau này chỉ còn là những ngày nhớ ơn cha mẹ mà thôi. Bà cụ tôi mất năm 1966 và đến năm 1991 đã 25 năm, tôi không còn giỗ nữa. Mỗi năm đến ngày 27 tháng 3 âm lịch tôi mua một bình bông cúng mẹ để nhớ về người mẹ hiền đã tần tảo nuôi con, để cuối đời chẳng an hưởng được gì mà chiến tranh đã làm nát tan thân mẹ.
- Ngày 8 tháng 7 âm lịch mỗi năm, trước lễ Vu Lan, là ngày giỗ của phụ thân tôi. Ông mất năm 1986, nghĩa là sau 20 năm thân mẫu tôi mất. Ông thọ đến 89 tuổi. Tính theo tuổi Việt Nam, ông sinh vào cuối thế kỷ 19 (năm 1898) và hôm nay là thế kỷ 21 (2002) rồi. Nghĩa

là từ ông đến tôi chỉ một đời mà đã trải qua 3 con mốc của thế kỷ rồi. Có lẽ chỉ giỗ đến năm 2011 là ngưng. Vì năm ấy ông đúng 25 năm và nếu tôi còn sống thì sẽ lo giỗ 50 năm, nhưng có lẽ ngày ấy vẫn còn xa và vô thường làm sao ai mà biết được chết sống lúc nào. Do vậy, con cháu của các anh chị hoặc đệ tử của tôi nếu ai đó có còn nhớ nghĩ đến ơn dưỡng dục của Sư phụ mình thì cúng giỗ tưởng niệm như lúc tôi còn sống. Nếu không cũng chẳng sao. Vì lúc sống nếu đã không làm được gì để vui lòng nhau, thì lúc chết có bày biện lên bao cây trái hoa hương hoặc khóc lóc kể lể v.v... đó cũng chỉ là vấn đề hình thức mà thôi !

Mỗi năm tôi thường dành trọn ngày 1 tháng 5 dương lịch để đi du ngoạn với Gia Đình Phật Tử Tâm Minh và 10 ngày với Đại chúng chùa Viên Giác từ ngày 1 đến ngày 10 tháng 7 dương lịch. Nhưng với Đại chúng chùa Viên Giác thì sau này không còn thực hiện nữa, mà thay vào đó là khóa Tu Gieo Duyên của các Phật Tử tại gia được tổ chức tại chùa mỗi năm vào ngày 1 đến 14 tháng 7 và nay đã đến năm thứ 4 rồi.

Hồi đó Thầy trò chúng tôi lên xe 9 chỗ ngồi, nếu đông thì đi 2 hoặc 3 xe tùy theo từng vùng đã định sẵn tại Âu Châu. Ví dụ như có năm thì đi miền Nam nước Pháp, sang Tây Ban Nha, quay sang Ý và về lại Đức. Có năm đi miền Bắc Âu qua Anh Quốc, sang Thụy Điển, trở lại Đan Mạch rồi về lại Đức. Có lúc Thầy trò chúng tôi đi Đông Âu sang Ba Lan, Tiệp Khắc rồi về lại Đức. Cứ mỗi chuyến đi như thế có một niềm vui khác nhau. Mục đích là cũng để cảm tạ thâm ân với quý vị làm công quả cho chùa và tạo thêm sự hiểu biết, thông cảm giữa quý Thầy, quý Cô, quý Chú trong chùa nhiều hơn nữa. Đó là động cơ chính mà tôi tổ chức những chuyến hành hương mini như vậy. Có ra đi như thế đầu óc mới thông

thoáng, chứ quanh năm suốt tháng quanh quẩn bên chùa, bên Thầy, bên công việc, ít tìm được một sự thoải mái với khung cảnh thiên nhiên. Nên những chuyến đi như thế đều có kết quả nhất định của nó. Bây giờ thì những chuyến đi như thế không còn nữa. Vì lẽ tôi ngày càng lớn tuổi, ít muốn đi xa, ngồi xe cả ngày như thế, mặc dầu có nhiều chú lái xe còn trẻ có thể chở cho đi nhiều đoạn đường dài hơn như thế nữa, nhưng không kham nổi.

Vào ngày 2 tháng 4 năm 1988 chúng tôi đã làm lễ kỷ niệm 10 năm chùa Viên Giác và trong năm đó tôi có biên một quyển sách nhan đề là: “Hình ảnh 10 năm sinh hoạt Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức” bằng tiếng Việt và tiếng Đức. Năm đó tổ chức 2 lần, một cho người Việt và một cho người Đức. Năm đó tôi cũng viết một bài nghiên cứu, báo cáo thành quả của 10 năm hoạt động Phật sự qua 10 thể tài khác nhau và sang năm 2003 đúng ra phải tổ chức Lễ Kỷ Niệm 25 năm Chùa Viên Giác vào ngày 2 tháng 4 năm 2002, nhưng đến cuối tháng 6 năm 2003 chúng tôi sẽ tổ chức Kỷ Niệm 25 năm Báo Viên Giác và phát giải thưởng cho những người trúng giải «Viết Về Âu Châu» để cảm tạ những chính quyền Âu Châu đã giúp đỡ cho đồng bào Việt Nam trong suốt 25 năm qua. Đồng thời sẽ tổ chức Lễ Tấn Phong Trụ Trì Chùa Viên Giác vào ngày 28 tháng 6 năm 2003 (thứ bảy) là ngày sinh nhật lần thứ 54 của tôi. Do vậy lễ kỷ niệm 25 năm sẽ tổ chức vào ngày ấy.

Mười năm kỷ niệm viết 10 đề tài và 25 năm kỷ niệm có lẽ có hơn 25 tiêu đề như thế để viết, nhưng viết dài như thế chắc quý vị nghe và đọc cũng chán. Do đó tôi chỉ viết một số ý chính trong sách này, cũng như đăng tải lại tài liệu của 15 năm trước lúc làm lễ kỷ niệm 10 năm chùa Viên Giác cho quý vị theo dõi và đồng thời năm 2003 có lẽ không có quyển sách

ra đời với tiêu đề 25 năm chùa Viên Giác mà là một hoặc hai quyển sách tổng hợp đã xuất bản những bài viết của tôi suốt trong 25 năm qua đã đăng trên báo Viên Giác chưa in thành sách và một quyển sách in tất cả những Thư Tòa Soạn của gần 140 số báo gồm bộ cũ và bộ mới do tôi viết để giới thiệu với tất cả bà con Phật Tử xa gần và cũng để kỷ niệm 25 năm, tôi sẽ cho đóng thành tập một số văn kiện cần thiết của chùa để giới thiệu và làm đề tài cho nhiều người cần tham khảo về sử liệu của Chùa Viên Giác, Báo Viên Giác sau này.

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Chi bộ Tây Đức

Chùa Viên Giác, Eichelkampstr.35a, 3000 Hannover 81. Tel. 0511-864638

Phật lịch 2531-Hannover ngày 2 tháng 3 năm 1988

Kính gửi: Quý Thầy, Quý Cô trong Chi Bộ

Trích yếu: v/v cung thỉnh Quý Thầy, Quý Cô tham dự lễ kỷ niệm 10 năm ngày thành lập chùa Viên Giác vào ngày 2 tháng 4 năm 1988 (thứ bảy) tại Hannover.

Nam Mô A Di Đà Phật

Kính thưa Quý Thầy, Quý Cô,

Thấm thoát mà 10 năm đã trôi qua một cách nhanh chóng, 10 năm qua là 10 năm Phật Giáo Việt Nam đã bắt đầu hiện hữu tại xứ Đức này và 10 năm qua cũng là 10 năm của sự hình thành cũng như phát triển mọi Phật sự tại Tây Đức.

Để kỷ niệm 10 năm ngày thành lập Chùa Viên Giác tại Hannover, chúng tôi xin cung thỉnh Quý Thầy, Quý Cô bỏ chút ít thì giờ về chùa tham dự ngày lễ kỷ niệm trên.

Sự hiện diện của Quý Thầy, Quý Cô sẽ tăng thêm phần long trọng cho buổi lễ.

Kính chúc Quý Thầy, Quý Cô pháp thể khinh an, chúng sanh dị độ.

Nam Mô A Di Đà Phật
Thích Như Điển
Trụ Trì chùa Viên Giác Hannover

Chương trình
Buổi lễ kỷ niệm ngày 2/4/1988 (thứ bảy)
tại Chùa Viên Giác Hannover

15:00 - Tuyên bố lý do, khai mạc lễ kỷ niệm 10 năm ngày thành lập Chùa Viên Giác

15:20 - Trình bày những quá trình hoạt động Phật sự trong 10 năm qua

16:30 - Chiếu phim sinh hoạt ngày An Vị Phật Niệm Đường Viên Giác của 10 năm về trước và những hình ảnh sinh hoạt trong thời gian qua.

19:00 - Com tối

20:00 - Sinh hoạt chung và sau đó chấm dứt chương trình.

Ghi chú: Ngày hôm sau 3/4/88 là lễ định kỳ của chùa và có đài truyền hình ZDF đến quay hình.



Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất
Chi bộ Tây Đức

Chùa Viên Giác, Eichelkampstr.35a, 3000 Hannover 81. Tel. 0511-864638

Phật lịch 2531-Hannover ngày 2 tháng 3 năm 1988

Kính gửi:

- Ban Chấp Hành Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Tây Đức
- Ban Chấp Hành các Chi Hội Phật Tử tại các địa phương
- Các Ban Hộ Trì Tam Bảo thuộc các chùa, các Niệm Phật Đường và các Tịnh Thất tại Tây Đức
- Các Gia Đình Phật Tử - Quý vị trong Ban Biên Tập Báo Viên Giác
- Cùng với Quý Đạo Hữu và Quý Phật Tử xa gần

Trích yếu: v/v mời Quý vị tham dự lễ kỷ niệm 10 năm ngày thành lập chùa Viên Giác vào ngày 2 tháng 4 năm 1988 (thứ bảy) tại Hannover.

Nam mô A Di Đà Phật

Kính thưa Quý vị,

Thấm thoát mà 10 năm đã trôi qua một cách nhanh chóng, 10 năm qua là 10 năm Phật Giáo Việt Nam đã bắt đầu hiện hữu tại xứ Đức này và 10 năm qua cũng là 10 năm của sự hình thành cũng như phát triển mọi Phật sự tại Tây Đức.

Để kỷ niệm 10 năm ngày thành lập chùa Viên Giác tại Hannover, chúng tôi xin mời Quý Vị về chùa Viên Giác tham dự ngày lễ kỷ niệm trên. Sự hiện diện của Quý Vị sẽ tăng thêm phần long trọng của buổi lễ.

Kính chúc Quý Vị trong Ban Chấp Hành Hội Phật Tử, các Chi Hội Phật Tử, các Ban Hộ Trì, các Gia Đình Phật Tử, Quý

Vị trong Ban Biên Tập Báo Viên Giác cùng Quý Đạo Hữu Phật Tử xa gần được sở cầu như nguyện.

Nam Mô A Di Đà Phật

Thích Như Điển

Trụ Trì chùa Viên Giác

Chương trình
Buổi lễ kỷ niệm ngày 2/4/1988 (thứ bảy)
tại Chùa Viên Giác Hannover

15:00 - Tuyên bố lý do, khai mạc lễ kỷ niệm 10 năm ngày thành lập Chùa Viên Giác

15:20 - Trình bày những quá trình hoạt động Phật sự trong 10 năm qua

16:30 - Chiếu phim sinh hoạt ngày An Vị Phật Niệm Đường Viên Giác của 10 năm về trước và những hình ảnh sinh hoạt trong thời gian qua.

19:00 - Com tối

20:00 - Sinh hoạt chung và sau đó chấm dứt chương trình.

Ghi chú: Ngày hôm sau 3/4/88 là lễ định kỳ của chùa và có đài truyền hình ZDF đến quay hình.

Kính mong Quý Vị tham gia đông đủ.



Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Chi bộ Tây Đức

Chùa Viên Giác, Eichelkampstr.35a, 3000 Hannover 81. Tel. 0511-864638

Phật lịch 2531-Hannover ngày 2 tháng 3 năm 1988

Kính gửi:

- Quý Thầy, quý Cô trụ trì các Chùa, các Niệm Phật Đường và Tịnh Thất tại Tây Đức
- Quý vị trong Ban Chấp Hành Hội Phật Tử và các Chi Hội Phật Tử địa phương trực thuộc Hội Phật Tử VNTN tại Tây Đức.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch quý Thầy, quý Cô,
Kính thưa Quý vị,

Để ghi lại những sinh hoạt Phật sự tại Tây Đức trong suốt thời gian qua, năm nay chúng tôi định cho xuất bản quyển sách song ngữ Việt-Đức với nhan đề là “Hình ảnh 10 năm sinh hoạt Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức”. Vì thế chúng tôi mong mỗi có sự cộng tác của Quý Thầy, quý Cô trong Chi Bộ cũng như Ban Chấp Hành Hội Phật Tử và các Chi Hội địa phương gồm những phần chính sau đây:

1. Viết và giới thiệu về Chùa hay Niệm Phật Đường cũng như Tịnh Thất trong mọi hoạt động tại địa phương về các lễ Phật Đản, Vu Lan, Tết Nguyên Đán, Đám Cưới, Đám Tang, những công tác Từ Thiện, Văn Hóa, Xã Hội v.v... (Bài viết này không quá 10 trang đánh máy khổ A5, theo mẫu đính kèm).
2. Những nơi nào chưa có Quý Thầy, Quý Cô hay Niệm Phật Đường hoặc Tịnh Thất, xin các Chi Hội tường thuật đầy đủ như phần 1 ở trên.

3. Mỗi một sinh hoạt của mỗi năm, từ ngày thành lập cho đến ngày nay (1988) chúng tôi mong muốn nhận được một hình ảnh đính kèm, có ghi chú bên dưới và phía sau bức hình theo số thứ tự để dễ nhận diện. Hình đen trắng hoặc hình màu cũng được. Cỡ hình được giới hạn là 9cm x 13cm. (Tất cả hình không quá 30 tấm).
4. Tất cả những điểm 1, 2 và 3 bên trên ngoài phần tiếng Việt chúng tôi xin yêu cầu Quý Vị dịch sang tiếng Đức và đánh máy theo mẫu đính kèm để chúng tôi bớt tốn thì giờ trong việc soạn thảo lại. Phần tiếng Việt và tiếng Đức xin ghi rõ ràng tên người viết và người dịch phía dưới bài.
5. Thời gian in sách được dự định vào cuối năm 1988 này. Vì thế chúng tôi cần tất cả những tài liệu và hình ảnh trên của các Chùa, các Niệm Phật Đường, các Tịnh Thất, Ban Chấp Hành Hội Phật Tử và các Chi Hội địa phương từ nay cho đến 30.9.88 là hạn chót. Kính mong Quý Vị lưu tâm cộng tác cho.

Đây là một tập tài liệu bằng hình ảnh ghi lại các sinh hoạt Phật sự tại Tây Đức trong 10 năm qua để giới thiệu với người Đức cũng như người Việt Nam hay những ai muốn nghiên cứu về sự hình thành cũng như phát triển của Phật Giáo chúng ta tại Tây Đức này, nên chúng tôi kêu gọi Quý Thầy, Quý Cô và BCH Hội PT cũng như các Chi Hội địa phương cố gắng hoàn thành những yêu cầu của chúng tôi bên trên càng sớm càng tốt. Đó là những việc cần phải làm của Phật Giáo chúng ta tại nước Đức nói riêng và Hải Ngoại nói chung vậy.

Lời cuối, xin nguyện cầu Quý Thầy, Quý Cô pháp thể khinh an, chúng sanh dị độ, Quý vị trong BCH Hội PT và các Chi Hội được sở cầu như nguyện.

Nam Mô Thường Tinh Tấn Bồ Tát Ma Ha Tát
TM. CBPGVN tại Tây Đức
Chi Bộ Trưởng
Thích Như Điển
Trụ Trì Chùa Viên Giác



**Congregation der Vereinigten Vietnamesischen
Buddhistischen Kirche
Abteilung in der Bundesrepublik Deutschland
- gemeinnütziger Verein e.V**

C/O PAGODE VIEN GIAC, EICHELKAMPSTR.35A, 3000 HANNOVER 81 - TEL. 0511-864638

Hannover, den 28 März 1988

EINLADUNG ZUR JUBILÄUMSFEIER

Sehr geehrte Damen und Herren!

Wir freuen uns, Ihnen heute mitteilen zu dürfen, daß die VIEN GIAC Pagode am 23. April 1988, anläßlich des 10-jährigen Bestehens des vietnamesischen Buddhismus in der Bundesrepublik Deutschland, eine Jubiläumsfeier veranstaltet. Zudiesem feierlichen Anlaß möchten wir Sie herzlich einladen. Die Veranstaltung findet statt:

Um 15 Uhr, am Sonnabend, den 23. April 1988

In der VIEN GIAC Pagode,

Eichelkampstr. 35a, 3000 Hannover 81

Ende gegen 18 Uhr

Es wird außerdem ein kulturelles Beiprogramm mit musikalischen Darbietungen einiger Jungbuddhisten

-Familien in Niedersachsen, zudem wir Sie ebenfalls herzlich einladen.

Bitte teilen Sie uns mit, ob Sie an unserer Jubiläumsfeier teilnehmen können. Für Ihre Kenntnissnahme und Bemühung bedanken wir uns bei Ihnen sehr herzlich.

Mit freundlichen Grüßen
Abt der VIEN GIAC Pagode

PROGRAM

DER 10-JÄHRIGEN JUBILÄUMSFEIER AM 23. APRIL 1988 IN DER VIEN GIAC PAGODE

Beginn der Jubiläumsfeier gegen 15 Uhr

Drachentanz zur Begrüßung

- Begrüßungsrede von Rev. Thich Nhu Dien (Abteilungsleiter der C.V.B.D: in der Bundesrepublik Deutschland & Abt der VIEN GIAC Pagode)
- Dias-Vorführung über die Geschichte des 10-Jährigen Vietnam-Buddhismus in Deutschland
- Glückwünschreden der Vertretung der Landesregierung, der kommunalen Politiker, der caritativen Verbände, der Kirche, der Schulen, der öffentlichen Institutionen ...
- Beisamensein beim Tee und traditionellen Süßigkeiten samt musik. Einlagen Ende der Jubiläumsfeier gegen 18 Uhr !

Bitte hier abtrennen

Nam und Vorname:

Adresse:

- Ich nehme teil.
- Ich nehme nicht teil.



**Chương Trình Chi Tiết Lễ Kỷ Niệm 10 Năm
Phật Giáo Việt Nam Tại Tây Đức
Ngày 2.4.1988 Tại Chùa Viên Giác Hannover**

- 14.50 : Thị Chơn mời quý Đạo Hữu vân tập vào Chánh điện
- 14.55 : Cung thỉnh Chư Đại Đức Tăng Ni quang lâm Chánh điện
- 15.00 : Thị Chơn đọc qua chương trình lễ
 - Cung thỉnh Đại Đức trụ trì ban Đạo Từ nhân dịp lễ kỷ niệm 10 năm Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức
- 15:30 : Đại diện phát biểu cảm tưởng
- 16.00 : Chiếu phim sinh hoạt 10 năm qua
- 17.00 : Nghỉ giải lao, ăn bánh uống trà
- 17.45 : Múa lân, Vũ
- 18.45 : Bế mạc chương trình kỷ niệm
- 19.00 : Dùng cơm tối
- 20.00 : Sinh hoạt chung, văn nghệ cộng đồng
- 21.30 : Chấm dứt chương trình

Kỹ thuật tổng quát:

Âm thanh: Thị Chơn (chiều và tối)

Điều khiển chương trình: Thị Chơn (chiều và tối)

Quay phim: Anh Hưng và Anh Triết

Chụp hình: Anh Như Thân và Anh Việt

Chiếu phim: Thị Chơn và Thị Hiện (Berlin)

Kỹ thuật múa, vũ: Cô Diệu Hiền, Thị Nguyệt, Thị Nhơn và Ban HT GDPT Tâm Minh

Kỹ thuật tổng quát: Chú Thị Tín, Chú Quảng Ngộ, Anh Thị Chánh và HT GDPT Tâm Minh (như việc sắp bàn ghế cho quý Thầy, Cô, và dọn...)

Dụng cụ âm nhạc: Đàn của Đức Thụ mang đến, tập nhạc sinh hoạt của GDPT Tâm Minh ...

10 NĂM PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Thích Như Điển

Năm nay chùa Viên Giác tại Hannover tổ chức kỷ niệm 10 năm ngày thành lập vào ngày 2 tháng 4 năm 1988. Vì thế chúng tôi có bài viết này để gởi đến quý vị, nhằm trình bày cũng như lược thuật những gì đã xảy ra trong 10 năm qua tại đất Hannover này nói riêng và Tây Đức nói chung qua 10 điểm phân tách sau đây để quý vị lãm tường.

1. Thời gian

Yếu tố đầu tiên mà chúng tôi muốn nói đến là thời gian. Tục ngữ Âu Châu hay Á Châu định nghĩa về thời gian như sau: “Thời gian là vàng bạc.” “Thời gian trôi qua sẽ không bao giờ trở lại.” “Thời gian và thủy triều chẳng đợi chờ ai.” v.v... Cứ từ đó mà nhìn, chúng ta thấy rằng thời gian quý là dường nào. Những gì đã xảy ra rồi thì sẽ không lặp lại giống hệt như những gì đã xảy ra nữa. Vì mỗi sát na, mỗi giây, mỗi phút, mỗi giờ là một sự chuyển động không ngừng của vũ trụ vạn hữu vậy.

Nếu so với một thế kỷ gồm 100 năm. Mỗi năm có 365 ngày thì 10 năm cũng chưa đáng là bao so với thiên nhiên và vũ trụ, đất trời. Nhưng nếu lấy 10 năm so với 1 năm hoặc ít hơn nữa, thì thời gian ấy có vẻ dài lâu. So sánh như vậy để thấy rằng lâu hay mau là tùy theo sự quan niệm của mỗi người và mỗi hoàn cảnh vậy. Ví dụ như chư Thiên có tuổi thọ 10.000 năm so với chúng ta chỉ sống trong ngoài 100 năm, thì đời sống của chúng ta quá ngắn ngủi thật. Cũng như vậy, nếu so sánh lịch sử Phật Giáo từ khi khởi nguyên cho đến ngày nay trải qua hơn 2.500 năm với 10 năm của Phật Giáo Việt Nam hiện hữu tại xứ Đức này quả thật nhỏ bé vô cùng.

Tuy nhiên, muốn có tương lai, không thể thiếu hiện tại và quá khứ. Cho nên, đầu hiện tại là một hạt nhân nhỏ đi chăng nữa, nó cũng sẽ là một nhân tố quan trọng cho bao sự thành đạt cũng như phát triển sau này.

Mười năm trôi qua thật nhanh hơn điều chúng tôi dự tưởng. Những gì chúng ta chờ đợi, thường thấy thời gian hay kéo dài ra. Những gì chúng ta cố gắng thâm nhập thời gian lại, thường thời gian càng đến nhanh hơn như chúng ta dự tưởng.

Nhìn lại quãng đường 10 năm đã đi qua của Phật Giáo Việt Nam tại xứ Đức quả chưa có gì cả để trình bày với quý vị nơi đây, nhưng chúng tôi sẽ lần lượt đi vào chiều sâu trong từng chi tiết một.

2. Hoàn cảnh

Nếu không có ngày 30 tháng 4 năm 1975 thì có lẽ ngày hôm nay người Phật Tử nói riêng hay người Việt Nam nói chung không có mặt tại xứ Đức này, hay bất cứ một nơi nào trên thế giới. Nếu có đi chăng nữa, cũng chỉ đến du lịch, học

hành rồi trở lại quê hương sinh sống làm ăn, chứ không định cư khắp nơi trên quả địa cầu như chúng ta trong hiện tại.

Người Do Thái sau gần 2.000 năm mới trở lại được quê cha đất tổ. Trong khi sống tại xứ người họ đã chúc nhau “mai này sẽ gặp nhau tại Thánh địa Jerusalem”. Và điều đó đã trở thành sự thật. Người Việt Nam cũng thế. Khi gặp nhau, thường chúc nhau “mai này chúng ta cùng về Việt Nam”.

Chim có tổ, người có tông, loài người không thể thiếu quê cha đất tổ. Ngày nay người Việt Nam sống khắp nơi trên quả địa cầu chẳng biết là niềm vui hay nỗi buồn. Nhưng theo Phật Giáo, đây có lẽ là một cộng nghiệp mà người Việt Nam phải đền trả vậy.

Cũng vì hoàn cảnh 30.4.1975 nên nhiều người trong nước đã chạy ra nước ngoài lánh nạn Cộng Sản, cộng thêm những người ra đi khỏi nước trước năm 1975 để học hành, tu niệm, không về nước được, nên cũng phải cùng chung số phận với bao nhiêu người Việt Nam khác tạm sống nơi xứ người, để mong rằng một ngày nào đó sẽ trở lại quê hương. Trong số người đó có chúng tôi.

Bản thân mình là một Tăng sĩ của Phật Giáo, vừa là một người Việt Nam tỵ nạn, nên trong tôi có hai vấn đề phải quan tâm. Đó là Đạo Pháp và Dân Tộc. Đối với Đạo Pháp, người Tăng sĩ có bốn phận phải hoằng truyền giáo pháp của Như Lai. Vì đó cũng là báo đáp công ơn cha mẹ và Thầy Tổ vậy. Đối với Dân Tộc, là một Tăng sĩ bao giờ cũng phải biết rằng vận mệnh của Đạo Pháp luôn luôn nối liền với vận mệnh của Dân Tộc. Vì thế tuy hai mà một, tuy một mà hai.

Ngày xưa khi Trung Hoa có loạn phương Bắc, các nhà Sư Trung Hoa chạy sang Việt Nam để lánh nạn, dần dà sau đó chính những nhà Sư này đã cống hiến cho Dân Tộc Việt Nam

của chúng ta những di sản văn hóa, nghệ thuật cũng như tinh thần từ bi bác ái của Đạo Phật. Đó chẳng phải là những điều tốt hay sao?

Các nhà Sư Ấn Độ ngày xưa qua Việt Nam chúng ta bằng con đường hàng hải trên những chuyến thương thuyền của người Ấn trong việc cầu nguyện mưa thuận gió hòa, rồi dần dần ảnh hưởng của Phật Giáo đã có tại xứ ta lúc bấy giờ.

Ngày nay chúng ta cũng làm thân tỵ nạn, chúng ta cũng đang sống tạm tại xứ Đức này và cũng chính nhờ cơ hội đó mà chúng ta mang được Đạo Phật vào đây. Chúng ta đến đây vì hoàn cảnh tỵ nạn, nhưng chúng ta cũng không quên đóng góp mặt cho dân tộc Đức những tinh hoa của văn hóa Phật Giáo và văn hóa Dân Tộc cho xứ này, chẳng khác nào trong vườn hoa đầy hoa thơm cỏ lạ, lại có thêm được một loài hoa quý từ phương xa mang tới. Hẳn nhiên những người bạn Đức của chúng ta phải vui hơn là buồn. Đành rằng những người bạn Đức của chúng ta phải chia sẻ với chúng ta một ít tự do, một ít vật chất lúc ban đầu để chúng ta sinh sống, nhưng bù lại, chúng ta đã, đang và sẽ cống hiến cho xứ Đức này những gì tốt đẹp nhất để đền đáp lại những cảm tình mà người Đức đã đối xử với chúng ta.

3. Địa thế

Người ta thường bảo “Đất lành chim đậu.” Câu nói ấy có nghĩa là nơi nào có tự do, có hòa bình là nơi ấy có những người yêu tự do sinh sống và làm việc. Nơi nào không yên ổn thì người ta có quyền lựa chọn một nơi khác xứng đáng để ở vậy.

Có những loài chim khôn khi đến mùa lạnh lại bay đến xứ ấm để ẩn thân, khi trời ấm áp trở về trên quê hương của

đàn chim ấy, thì chim lại kéo nhau từng đoàn để trở lại cố hương. Loài vật còn biết vậy, huống nữa là người. Chúng ta có trí tuệ, hẳn chúng ta phải khác hơn loài chim nhiều chứ không chỉ như thế.

Có nhiều người Đức hỏi chúng tôi rằng: “Ông thấy ở Đức như thế nào?” Câu trả lời đương nhiên là có nhiều lối. Nhưng tựu trung được đáp lại như sau: “Tôi rất hài lòng ở nơi đây nhưng tiếng Đức khó quá và trời mùa Đông lạnh quá.” Những ai sinh trưởng ra nơi ấm áp, hẳn phải gồng mình chịu lạnh mỗi độ Đông sang tại xứ này. Và ngược lại cũng thế, nếu người Đức đi đến xứ Phi Châu hoặc Á Châu có lẽ họ cũng sẽ không chịu được cái nóng bức tại những nơi đó.

Còn ngôn ngữ thì sao? Có lẽ ai trong chúng ta cũng phải thừa nhận rằng tiếng Đức là một loại sinh ngữ khó nhai, ba trên thế giới. Không những khó về cách phát âm mà khó cả đến văn phạm và cách dùng chữ nữa. Đối với những trẻ em nước ngoài sinh ra và học hành tại xứ Đức ít có gặp khó khăn về ngôn ngữ, nhưng ngược lại về tiếng mẹ đẻ thì chúng có phần yếu kém hơn nhiều.

Khí hậu, địa thế, ngôn ngữ, phong tục, tập quán v.v... chẳng qua là thói quen của con người. Nếu một người sinh ra tại một nơi nào đó trên quả địa cầu này, chắc hẳn họ phải chấp nhận hơn là so sánh với nơi này hay xứ nọ, chỉ trừ những người đã ở xứ nóng rồi thì mới sợ lạnh và ngược lại cũng thế. Còn những gì đã an bài con người thường hay vui vẻ mà chấp nhận.

Chúng tôi vẫn thường bảo với những người chung quanh rằng ở đây xứ lạnh có lẽ cây Bồ Đề khó đâm chồi nảy lộc được như ở các xứ Á Châu. Cây Bồ Đề có nghĩa là cây giác

ngộ. Cây ấy chính Đức Phật đã mang trồng từ xứ Ấn Độ qua Trung Hoa, Việt Nam, Nhật Bản và ngày nay những người Đệ Tử của Ngài đã mang cành cây ấy đi trồng ở trời Tây này. Nếu chúng ta trồng ngoài trời không được thì trồng trong nhà, có sao đâu. Có người bảo tôi như thế. Mà quả thật đúng vậy. Vì loài người cần sưởi ấm vào đông, thì vạn vật cũng phải cần hơi ấm chứ. Có thể trồng cây Bồ Đề nơi xứ lạnh tốn công hơn xứ nóng, nhưng hy vọng, dầu trồng trong phòng hay ở bất cứ nơi đâu, rễ và lá cây Bồ Đề ấy cũng sẽ được mọc dài ra và cành lá lại sum sê hơn nữa.

4. Tình người

Loài vật còn biết che chở cho nhau khi đông về giá lạnh. Chúng thường hay tụ tập từng đoàn, quây quần bên nhau để sưởi hơi thở với nhau, hướng nữa là loài người. Vì thế tôi thường bảo: “Ở xứ Đức lạnh, nhưng tình người lại ấm lắm.” Không ấm sao được, khi chúng ta không cùng màu da, huyết thống, ngôn ngữ, tập tục, mà họ đón nhận chúng ta vào đây để tỵ nạn, giúp đỡ cho chúng ta mọi điều, thì còn đòi hỏi gì hơn nữa. Chúng tôi vẫn thường nói rằng: “Nếu một mai đây, biết đâu thế thường thay đổi, người Đức sẽ đi tỵ nạn, nước Việt Nam chúng ta hòa bình, không biết lúc ấy chúng ta có đón nhận người Đức như người Đức đã đón nhận chúng ta trong hiện tại hay không? Hay lúc đó cánh cửa tình thương của chúng ta lại khép kín, nhường chỗ cho ích kỷ và tư lợi cá nhân?!” Câu trả lời thường là cái mỉm cười, vì chuyện gì của tương lai chưa xảy ra nên họ không biết được. Nhưng với tinh thần Phật Giáo thì có lẽ chúng tôi sẽ không bao giờ quên ơn ấy. Vì Đức Phật có dạy rằng: Đang đi trong sa mạc, nếu có lần núp nắng dưới bóng cây, là đệ tử của Phật, phải nhớ ơn cây ấy bằng cách lấy nước tưới vào thân cây vậy. Đối

với thực vật người Phật Tử còn có tình thương thay. Huống lại là tình người như người Đức nói riêng hay nhân dân tự do của thế giới ngày nay nói chung đã giúp đỡ người tỵ nạn Việt Nam chúng tôi như vậy.

5. Văn hóa

Theo Việt Nam tự điển của Thanh Nghị định nghĩa: Văn là văn minh, hóa là sự giáo hóa. Như vậy văn hóa nghĩa chung là sự giáo hóa của văn minh vậy.

Á Châu có văn minh của Phật Giáo, Khổng Giáo và Lão Giáo. Ba tôn giáo này đã tồn tại qua 25 thế kỷ tại Á Châu.

Âu Châu cũng có nhiều nền văn hóa của Ai Cập, La Mã và Thiên Chúa Giáo. Trong 3 trào lưu văn hóa này, chúng tôi nhận thấy rằng các Dân Tộc Âu-Mỹ ảnh hưởng rất sâu đậm trong đời sống hằng ngày bởi văn minh và văn hóa của Thiên Chúa Giáo rất nhiều và dù muốn dù không Thiên Chúa Giáo cũng đã đóng góp một vai trò quan trọng tại nơi đây.

Ngày nay có nhiều nước chỉ có văn minh mà không có văn hóa. Văn minh được định nghĩa là văn vẻ, dáng vẻ. Minh có nghĩa là sáng sủa. Nói chung lại văn minh là cái văn vẻ, sắc thái sáng sủa, lối sinh hoạt của loài người khi đã ra khỏi thời kỳ man muội, khi đã được khai hóa tới chỗ sáng sủa. Văn minh gồm những lý thuyết, tư tưởng, phong tục, tập quán của nhân loại sống trong xã hội đã được tổ chức mà con người đã biết giao hảo với nhau thường thường (theo Thanh Nghị - Việt Nam Tự Điển). Như vậy trong văn hóa đã bao hàm ý nghĩa của văn minh rồi. Nếu văn minh mà không có sự giáo hóa của đạo đức thì văn minh đó vô cùng nguy hiểm. Nhưng ở đây, các nước Âu Châu, nhất là nước Đức đã có một nền văn hóa tổng hợp, nên thế đứng khá vững vàng

suốt trong dòng lịch sử vừa qua và hy vọng trong tương lai sẽ triển khai nhiều hơn nữa với sự dung hợp các trào lưu tư tưởng của văn hóa Á Châu, trong đó có văn hóa Phật Giáo, văn hóa của tình thương, của bất bạo động và bình đẳng trong mọi lãnh vực của cuộc đời.

Thật ra Phật Giáo đã có mặt tại xứ Đức này vào hậu bán thế kỷ 19 chứ không phải cho đến nay mới hiện hữu. Nhưng giai đoạn đầu chỉ là giai đoạn tiếp xúc, làm quen với văn hóa tại đây. Có thể cả hàng bao nhiêu thế kỷ nữa Phật Giáo mới ảnh hưởng sâu rộng tại xứ này. Nhưng như trên đã trình bày nếu không có những viên gạch đầu tiên ấy, thì nền tảng của Phật Giáo tại đây sẽ không có được. Cũng như Đạo Phật đã truyền vào Trung Hoa từ thế kỷ I mà mãi đến thế kỷ VI mới phát triển mạnh mẽ tại đó và tại Việt Nam cũng thế, mặc dầu Đạo Phật đã truyền vào đây từ thế kỷ I nhưng mãi đến thế kỷ IX và X mới triển khai hết được văn hóa của Phật Giáo kể từ khi du nhập cho đến triều đại Lý, Trần.

Ở Âu Châu đã có văn hóa của 3 trào lưu tư tưởng bên trên làm gốc, nếu có thêm được văn hóa Phật Giáo góp mặt vào, quả thật đấy là một phước duyên cho những dân tộc Âu Châu này, trong đó có nước Đức.

6. Tôn giáo

Như trên đã trình bày văn hóa chính của Âu Châu nếu không có sự góp mặt của Thiên Chúa Giáo thì văn minh và văn hóa ở đây có một khoảng trống to lớn vô cùng.

Các nhà làm chính trị ngày nay thường hay nói: “Tôn giáo biệt lập khỏi chính trị.” Có lẽ vì ngày xưa tôn giáo đã xen vào chính trị hơi nhiều, nên ngày nay người ta muốn độc lập chẳng? Nhưng chúng ta cũng đừng quên rằng khi văn

minh của loài người chưa tiến bộ, nhất là về phương diện khoa học, kỹ thuật như ngày nay, thì tôn giáo ở những giai đoạn về trước quả thật rất cần thiết. Nếu khoa học phát triển mà tôn giáo dừng lại thì chính tôn giáo đó phải đặt lại vấn đề để tiến thân. Nếu không, tôn giáo đó sẽ bị bánh xe luân chuyển của dòng đời cuốn phăng vào sự chi phối của tạo vật. Nếu khoa học càng tiến triển bao nhiêu mà những giáo điều của tôn giáo ấy còn có giá trị thì chúng ta nên tiếp tục thừa hưởng giá trị tinh thần này mà phát triển hơn lên.

Người Việt Nam khi đến tỵ nạn tại xứ Đức đã mang theo một Đạo. Đó là Đạo Phật. Có nhiều người Âu Châu chưa hiểu Đạo Phật là gì nên có vẻ còn dè dặt và hồ nghi. Điều đó cũng có lý thôi. Vì Phật Giáo quá mới mẻ tại quê hương này. Nhưng có một điều đáng mừng là đầu cho tôn giáo nào đi nữa các đấng giáo chủ của họ cũng đã dạy họ rằng: Hãy tự yêu thương chính mình và hãy yêu thương đồng loại như chính thân mình. Vì thế, đầu chúng ta có khác tôn giáo với nhau đi chăng nữa, chúng ta cũng có thể sống hòa mình với nhau trong một quốc gia để phát triển quốc gia ấy.

Phải thành thật quan niệm rằng: Sự hiện hữu của tôn giáo không phải là một gánh nặng của quốc gia mà còn ngược lại là đặng khác. Vì tôn giáo sẽ giúp cho tín đồ hiểu được nhân quả luân hồi, biết được tội lỗi và phước thiện, giúp đỡ, cải thiện con người xấu trở thành tốt, làm cho an ninh trật tự của xã hội được yên ổn, há điều ấy không ích lợi sao?

Phật Giáo luôn luôn hiểu hòa và chủ trương từ chối bạo lực. Do đó Phật Giáo sẽ là một chất liệu dưỡng sinh cho bao nhiêu tâm hồn biết hướng thượng vị tha. Chúng ta cũng không nên sợ vì sự hiện diện của tôn giáo khác mà giá trị hoặc tín đồ của tôn giáo mình lại kém đi. Nếu quả thật như vậy thì chính tôn giáo của mình cần xét lại.

Chúng tôi xin nhấn mạnh lại một lần nữa là Phật Giáo không chi phối ai cả, mà chỉ nhằm tô bồi và cố gắng hiến những tinh hoa của Phật Giáo và Dân Tộc cho xứ ấy mà thôi. Đó là đặc điểm của Phật Giáo vậy.

Chúng tôi cũng vô cùng cảm ơn quý vị Đại Diện các cơ quan Caritas, Tin Lành v.v... đã không phân biệt tôn giáo mà giúp đỡ chúng tôi trong nhiều phương diện để hiện hữu với quý vị cho đến ngày hôm nay vậy.

7. Chính trị

Người Nhật thường bảo rằng: “Nếu kẻ nào không có thủ đoạn thì không nên làm chính trị.” Nếu quả thật chính trị là những sự lừa lọc, bạc đãi như vậy thì người làm Tôn Giáo không nên làm chính trị. Vì Tôn Giáo khước từ những sự tệ hại đó. Nhưng nếu đem phân tách từng chữ theo nghĩa của chữ Hán thì chúng ta sẽ thấy như sau: Chính là chính sách, chính đáng, những việc cần phải làm. Trị là giữ yên. Như vậy định nghĩa chung lại chúng ta sẽ thấy rằng: Chính trị là giữ yên một sự chính đáng. Đó gọi là chính trị. Nhưng người đời nay quan niệm về chính trị một cách sai lầm, nên khi nghĩ đến chính trị tức đồng hóa với những thủ đoạn, lừa đảo đối phương, để khi thắng thế thì lên nắm quyền.

Cũng vì chính sách không công bằng, không tự do, tôn giáo bị đàn áp do người Cộng Sản Việt Nam chủ trương nên chúng ta mới bỏ quê cha đất tổ để ra đi tìm tự do. Nếu người Cộng Sản biết dừng lại những chính sách phi chính trị thì dân tộc chúng ta đã không lâm than khổ sở như ngày hôm nay. Thân phận chúng ta chẳng khác nào một quả bóng đá. Người ta để yên, chúng ta yên. Người ta đuổi thì chúng ta bị động. Hãy xem mấy trăm ngàn người Việt hiện đang tạm cư

tại các nước Đông Nam Á Châu thì rõ. Mà ngay cả thân phận của chúng ta ở đây cũng vậy. Vì ở đây đâu có được bình an, chúng ta vẫn là những người ngoại quốc. Mà đã là người ngoại quốc thì có kẻ thương người ghét. Nhưng dầu thương hay ghét chúng ta vẫn sẵn sàng cống hiến những tinh hoa của Phật Giáo cho xứ này như là một hình thức đóng góp những gì quý báu nhất cho quê hương nơi chúng ta đang tạm dung thân, nhằm đáp lại phần nào tấm chân tình mà người Đức đã đối xử với chúng ta trên đường đi tỵ nạn.

Kẻ nào chưa mất quê cha thì không thể nào biết được thế nào là sự ray rứt khi không trở lại thăm quê hương mình được, mặc dầu quê hương mình vẫn còn đó. Cũng như có khát nước, mới thấy nước là có giá trị. Những người đang ở một nơi yên ổn có thể chẳng hiểu gì về những người trôi nổi trên đại dương để tìm đường sống và cũng thế, trên cuộc đời này cái gì cũng phải thử nghiệm qua chính bản thân mình thì cái ấy có giá trị đích thực hơn.

8. Nhân sự

Bất cứ trong một tổ chức, một đoàn thể nào, vấn đề nhân sự là một vấn đề then chốt nhất.

Ngày 22 tháng 4 năm 1977, một mình một bóng tôi đã đến xứ này, với bao nhiêu điều mới lạ phải học và làm quen, từ ngôn ngữ, khí hậu, phong tục, tập quán, cho đến việc nơi ăn, chốn ở v.v... Đã có những lúc tôi muốn trở lại Nhật để tiếp tục con đường học hành tu niệm, nhưng rồi thời gian qua đi mang theo biết bao nhiêu sự suy nghĩ. Cuối cùng, tôi đã ở lại nơi đây.

Mới đến Đức, tôi đi một vòng thăm các Hội Sinh Viên Việt Nam lúc bấy giờ tại các thành phố lớn như Kiel, Hannover,

München, Stuttgart, Berlin, Aachen, Köln, Dortmund v.v... để dò xét tình hình. Sau một vòng đi du thuyết và tìm hiểu sự tình như vậy, tôi đã trở về phòng trọ trong cư xá sinh viên ở đường Projendorfstr. tại Kiel, ở đó và tiếp tục học tiếng Đức để vào Đại Học sau này.

Cuối cùng Đại Học Giáo Dục Hannover đã có chỗ ghi danh và tôi về đây để học. Đó là lý do chính tại sao tôi chọn đất Hannover để lập chùa mà không chọn những nơi khác.

Đến Hannover vào tháng 2 năm 1978 để lo chuyện học hành. Lúc bấy giờ tôi chưa nghĩ đến chuyện lập Niệm Phật Đường hay chùa chiền gì cả. Nhưng có một số anh em sinh viên Việt Nam đề nghị là nên làm cái gì đó cho có nơi chốn để Phật Tử đến lễ bái nguyện cầu, nên mới chung sức cùng nhau đóng góp mỗi người 10 đồng, 20 đồng, thuê một nơi tại đường Kestnerstr. số 37 để làm chỗ ở và nơi lễ bái cho Phật Tử Việt Nam.

Một tượng Phật độ cao chừng 30 cm tôi đã thỉnh từ chùa Khánh Anh bên Pháp về, một bàn thờ nho nhỏ xinh xinh ba tầng, tượng trưng cho 3 ngôi Tam Bảo: Phật, Pháp, Tăng, đã được sửa soạn xong xuôi đâu đó, tôi thảo giấy mời gọi đến một số Phật Tử quen biết mời về tham dự lễ An vị Phật Niệm Phật Đường Viên Giác tại Hannover. Hôm đó là ngày 2 tháng 4 năm 1978 và đến 2.4.1988 này là đúng 10 năm. Lễ An vị Phật vào ngày đó có Thượng Tọa Thích Minh Tâm, tọa chủ chùa Khánh Anh tại Pháp đến chứng minh buổi lễ và có chừng 20 Phật Tử đến tham dự lễ này.

Diện tích căn phòng rộng độ chừng 20 thước vuông dùng làm chánh điện và một phòng phụ dùng để tiếp khách cũng như chỗ ngủ, nghỉ v.v... Một nhà bếp nho nhỏ, một phòng tắm xinh xinh. Mỗi tháng giá thuê độ chừng 180 Đức Mã.

Mùa hè thì trong nhà lạnh hơn ngoài vườn. Mùa đông đến, sưởi bao nhiêu cũng không thấm vào đâu cả. Vì nhà quá cũ. Nhưng được một cái là những người láng giềng Đức quá tốt, không có một tiếng nhỏ to với chúng tôi. Mặc dầu đôi khi có lẽ lộn hay làm ồn họ.

Năm 1978 nhân sự rất ít, nhưng sau 10 năm số nhân sự ấy có thể nhân lên 100 hoặc 1000 lần nữa. Nếu tôi kể hết vào đây chắc rằng giấy mực sẽ không đủ chỗ để dung chứa. Mong rằng những vị đã, đương và sẽ đóng góp cho sự phát triển của Phật Giáo tại xứ này hiểu và thông cảm cho tôi điều này.

Phật sự ngày nay tại Tây Đức có vững vàng hay không, đều lệ thuộc vào những nhân tố chính bên trên. Nếu không có được sự thống nhất ý chí, giúp đỡ tận tình, hy sinh xả kỷ của mọi người, chắc rằng tôi vẫn chưa hoặc không làm nên được một việc gì cả tại xứ này.

Một chiếc xe dầu đầu máy có mạnh bao nhiêu đi chẳng nữa mà kéo theo một số toa xe cũ mục, hư nát, chắc rằng cũng không có lợi ích. Vì thế, sau 10 năm sự thành đạt của Phật Giáo nơi đây là do công sức của mọi người Tăng sĩ cũng như Phật Tử mà có được vậy.

9. Tài chánh

Nếu một chiếc xe có dàn máy tốt mà không có xăng thì sẽ không bao giờ chạy được. Nguồn nhiên liệu ấy rất cần thiết cho việc chuyên chở khách hàng. Nếu định nghĩa Đại Thừa Phật Giáo là cỗ xe lớn để chở hành khách đến nơi an lạc giải thoát của kiếp nhân sinh, thì chiếc xe và nhiên liệu của chùa Viên Giác cũng phải mang ý nghĩa tương tự như vậy.

Người ta thường nói: «Đồng tiền là huyết mạch.» Tiền như dòng máu luân lưu trong cơ thể con người. Nếu máu

không chảy về tim trở lại, xem như là sự chết đã gần kề. Ở đây cũng thế, nếu chỉ chuyên tâm làm việc đạo mà không có những yếu tố căn bản ấy để chuyên chở Đạo vào Đời thì cũng giống như máu không chảy trở lại tim vậy.

Tuy nhiên Đức Phật cũng thường hay dạy đệ tử của Ngài rằng: «Tiền là con rắn độc», thật đúng như vậy. Nếu chúng ta biết sử dụng tiền một cách đúng phép thì tiền ấy chính là phương tiện giúp chúng ta thành công mọi việc trong cuộc đời. Ngược lại, nếu chúng ta sống chỉ vì tiền và coi tiền trọng hơn nhân nghĩa, quả thật tiền đã làm hại nhân phẩm của chúng ta rồi. Nên tôi có thể nói, tiền độc hơn rắn độc.

Tăng sĩ Phật Giáo hầu hết đều sống nhờ vào sự cúng dường của Phật Tử. Vì thế một ngôi chùa, một giáo hội có vững mạnh hay không đều lệ thuộc vào năng lực của ngôi chùa đó, giáo hội đó hấp dẫn quần chúng Phật Tử đến độ nào. Nếu một ngôi chùa không có hoạt động hữu hiệu và đáp ứng những nhu cầu cần thiết của quần chúng Phật Tử, quả thật khó tồn tại với thời gian, dầu ở trong nước hay ngoại quốc cũng vậy.

Mười năm về trước, Niệm Phật Đường Viên Giác chỉ là một mái nhà tranh, không bàn, không ghế. Ăn uống, tiếp khách phải ngồi dưới sàn nhà. Lễ Phật phải chịu chen chúc, chật chội. Rồi 10 năm sau, một nơi chốn như tại đây (đường Eichelkampstr. 35a, 3000 Hannover 81) đủ chỗ dung chứa cho 300 Phật Tử lễ bái nguyện cầu cùng một lúc, nhưng cũng trở nên chật chội lạ thường, nhất là khi có những lễ lớn như Phật Đản, Vu Lan v.v...

Gia sản ngày nay của chùa có được một Thư Viện với trên 2.000 quyển sách đủ loại đạo, đời. Một bộ Đại Tạng Kinh bằng chữ Hán 100 cuốn. Một nhà máy in của Bộ Nội Vụ Tây Đức giúp. Những tượng Phật, chuông trống bát nhã, chuông

trống gia trì và những kinh sách, pháp khí khác đều mang một giá trị vô song, không thể tính bằng tiền được.

Tờ báo Viên Giác ra mỗi 2 tháng 1 lần. Cách 10 năm về trước mỗi lần là 300 số. Bây giờ là 2.700 số. Con số độc giả tăng gấp 9 lần so với 10 năm về trước.

Sở dĩ chúng ta có được những thành quả ấy đều nhờ vào sự giúp đỡ tài chánh của Bộ Nội Vụ Cộng Hòa Liên Bang Tây Đức, sự cộng tác đặc lực của các biên tập viên báo Viên Giác và phần lớn khác nhờ vào sự đóng góp của các Phật Tử xa gần, nên mới có được như ngày hôm nay.

Giá trị vật chất quý nhưng chưa bằng giá trị tinh thần, sau 10 năm những người hiểu đạo càng ngày càng nhiều hơn qua các kinh sách, báo chí của chùa phát hành cũng như các khóa Giáo Lý và Thọ Bát Quan Trai qua sự hướng dẫn của quý Thầy, quý Cô trong Chi Bộ. Khi niềm tin được củng cố bằng sự hiểu biết về Tôn Giáo của mình thì niềm tin ấy mới vững mạnh được.

Một Hội Phật Tử Việt Nam Ty Nạn tại Tây Đức đã được thành hình và các Chi Hội Phật Tử tại các địa phương Aachen, Berlin, Hamburg, Hannover, Münster, Freiburg, Stuttgart, München, Frankfurt, Wiesbaden, Fürth + Erlangen + Nürnberg v.v... đã được thành lập và phát triển không ngừng. Đó là điều đáng quý biết bao.

Một Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo có tầm vóc Liên Bang đã được thành lập và hiện đang giúp đỡ cho đồng bào Phật Tử cũng như không Phật Tử về các vấn đề liên quan đến người ty nạn tại đây. Đồng thời Trung Tâm cũng có một vai trò quan trọng trong việc xuất bản các kinh sách Phật Giáo, là sợi dây liên lạc chặt chẽ giữa các tổ chức Việt Nam cũng như người Đức tại xứ này.

Những Gia Đình Phật Tử đã được thành lập. Con em của chúng ta có cơ hội đến chùa để học tiếng mẹ đẻ, tập tụng kinh, lễ bái và sinh hoạt chuyên môn. Đây là hình thức tốt đẹp nhất để bảo tồn và phát huy Văn Hóa Phật Giáo cũng như Văn Hóa Dân Tộc tại xứ người.

Chúng ta là những người tỵ nạn tại xứ này. Đành rằng chúng ta phải hội nhập vào văn hóa và làm quen với văn hóa nơi đây. Nhưng đồng thời chúng ta cũng không được phép quên đi tiếng mẹ đẻ, Tôn Giáo và Văn Hóa của chúng ta. Một Dân Tộc mà không còn ngôn ngữ, văn hóa nữa, tức dân tộc ấy bị đồng hóa rồi, không còn trong ý nghĩa hội nhập nữa.

Giá trị vật chất quan trọng, mà giá trị tinh thần lại còn quan trọng hơn thế nữa. Vì nếu đời sống vật chất cao mà mức sống tinh thần thấp sẽ làm cho giá trị của Đạo Đức và Luân Lý không còn tồn tại nữa. Ngược lại nếu đời sống tinh thần thật dồi dào mà phương tiện vật chất lại thiếu thốn, như vậy tổ chức sẽ không bao giờ phát triển được. Vậy chúng ta có thể nói rằng vật chất và tinh thần phải gắn bó với nhau như nước với sữa, tâm thức và tế bào. Nếu thiếu một trong hai yếu tố ấy thì cơ thể con người sẽ không phát triển được.

10. Triển vọng tương lai

Nhìn quá khứ để biết hiện tại và nhìn hiện tại để biết đến tương lai. Đó là một định luật tuần hoàn của tạo hóa vậy.

Đã 10 năm trôi qua, chúng ta có tất cả trong ý nghĩa tri túc của nó và chắc chắn rằng 10 năm sau nữa sẽ khác với 10 năm đầu tiên tại xứ Đức rất nhiều. Nếu lấy 10 năm đầu tiên ở xứ người để làm chuẩn, chúng ta có thể nói rằng đây là giai đoạn hội nhập, làm quen với đời sống tại đây và 10 năm sau mới là 10 năm phát triển Phật Giáo tại xứ này.

Giai đoạn sắp tới là giai đoạn kiến thiết cơ sở, để có nơi chốn lễ bái thích hợp, đào tạo nhân lực và có chỗ làm việc công quả cho những ai lưu tâm về Đạo.

Nhiều người Việt Nam đã phát tâm xuất gia và chắc chắn rằng còn có nhiều người sắp xuất gia nữa. Có nhiều người Đức cũng đã có cảm tình với người Việt Nam, nên đã tìm cách làm quen với Phật Giáo. Có nhiều người Đức đã quy y theo Đạo Phật. Có nhiều học sinh Trung Học và Đại Học Đức đến ngồi thiền, học hỏi giáo lý của Phật Giáo Việt Nam nói riêng và Đạo Phật nói chung. Đây là niềm vui vậy.

Như trên chúng tôi đã trình bày, Phật Giáo đi vào mỗi dân tộc bằng con đường tự nguyện và cũng chính từ điểm này đã có nhiều người giúp đỡ cũng như hòa nhịp với chúng ta để sống chung trong cùng một lý tưởng. Đó là niềm tin nơi Đức Phật, một sự giải thoát chính tự mình cởi bỏ mọi sự ràng buộc của thế gian, một tình thương vô bờ bến của đấng cha lành muôn thuở luôn cận kề bên cạnh.

Con đường chúng ta đã đi và đã chọn, chúng ta sẽ không lùi bước, hãy cố gắng lên nhiều hơn nữa, để xứng đáng với đại sự này là:

*«Một cây làm chẳng nên non
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.»*

Tương lai có vẻ lạc quan. Vì thế chúng ta hãy hân hoan tiến bước. Hy vọng trên đỉnh núi tương lai kia, chúng ta sẽ bắt gặp những hạt minh châu quý giá nhất của cuộc đời.

Kết luận

Qua 10 thể tài của 10 năm Phật Giáo Việt Nam như trên chúng tôi đã trình bày. Hy vọng đây chỉ là một mô thức nhỏ

trong sự thể tổng quát của 10 năm. Nếu quý vị còn có những thắc mắc hoặc những đóng góp ý kiến bổ túc cho những phần trên đây, quả là điều quý giá vô cùng.

Mong rằng với tất cả niềm tin vào tương lai và hiện tại, chúng ta cố gắng sẽ đạt thành những ước nguyện như chúng ta đã vạch sẵn để đi trên con đường từ bi không thù hận ấy.

Lời cuối xin nguyện cầu cho thế giới có một nền hòa bình vĩnh cửu, để biến trần gian thành Cực Lạc, để máu không còn đổ, đầu không còn rơi, mà loài người hãy ngồi gần lại với nhau như huynh đệ đại đồng.

Nguyện cầu cho đất nước Việt Nam sớm thanh bình, không còn cảnh chém giết, cấu xé với nhau như xưa nay nữa mà hãy lấy tình thương để rửa sạch hận thù. Vì chỉ có từ bi mới trừ dứt được oán thù. Nếu oán thù càng chồng chất thì tình thương sẽ không bao giờ thể hiện được.

Nguyện cầu cho tất cả chúng ta hiện ở nơi đây được «chân cứng đá mềm» để chúc nhau như người Do Thái đã chúc nhau trong suốt 2000 năm xa nước, để mong ngày trở lại đất mẹ thân yêu trong bao nỗi nhớ đợi chờ mong.

Xin thành thật cảm ơn quý Đạo Hữu và quý Phật Tử xa gần đã tích cực đóng góp công cũng như của để ngôi Viên Giác Tự bây giờ và mai hậu được thành công viên mãn.

Nam Mô A Di Đà Phật



KỶ NIỆM 25 NĂM

Ngày xưa khi Kim Trọng quen Thúy Kiều trong duyên hội ngộ có định sẵn và sau 15 năm lưu lạc giang hồ khi Kim - Kiều gặp lại nhau còn bỡ ngỡ, cho nên nàng Kiều mới thốt lên rằng:

“Kể từ sen ngó đào tơ

Mười lăm năm ấy bây giờ còn đâu”

Mười lăm năm biết bao nhiêu là tình và 15 năm ấy biết bao nhiêu là hận sâu, bao lần ly biệt, bao nỗi chua cay. Còn tôi, hôm nay kỷ niệm 25 năm gắn bó với ngôi chùa Viên Giác này, với tờ báo Viên Giác, với quý vị người Việt cũng như người Đức tại một khung cảnh ấm áp tình người như thế này, tôi biết nói gì đây để đáp ứng sự chờ mong của quý vị? Đây là một niềm hạnh phúc, một sự an lạc miên viễn, một cử chỉ cao cả của tất cả mọi người đã dành cho cá nhân tôi, tốt có, xấu có, phũ phàng có mà đầy đủ ý nghĩa của tình người cũng có. Nhân đây tôi xin viết tặng quý vị một câu chuyện đạo đức mà tôi đã đọc được trong báo Nguồn Đạo số 56 xuất bản vào mùa Phật Đản năm 2546 (2002) tại Washington DC, Mỹ Quốc. Câu chuyện được bắt đầu kể rằng:

“Gia đình nọ có một người con rất khó dạy, bản tính của hắn ta hay nóng nảy, cãi cọ với người thân và hàng xóm thường xuyên, nhưng khó ai có thể sửa đổi hắn ta. Một hôm người cha muốn dạy con, nên gọi vào phòng và bảo:

- Nay con! Con hãy đến lấy túi đinh, ba để nơi góc đó, mỗi ngày mang ra bức tường bằng gỗ ở sau nhà để đóng vào đó.

- Để làm gì vậy ba? Người con hỏi.

- Thì như con biết đó, con hay nóng giận với mọi người nhiều khi vô cớ nữa. Cứ mỗi lần con giận, con đóng vào đó một cây đinh.

- Rồi sao nữa ba?

- Rồi con sẽ biết.

Ngày đầu người con đóng vào tường gỗ tổng cộng là 37 cây đinh. Anh ta thấy xấu hổ quá. Đến ngày hôm sau anh ta kèm giữ con giận và anh ta chỉ đóng vào đó có 30 cây. Anh ta thấy tiến bộ rõ rệt và mình có thể kèm chế tiếp tục. Đến ngày thứ 10 thì chỉ còn có mấy cây thôi và ngày thứ 15 thì anh ta rất vui vẻ để khoe với Ba anh ta rằng:

- Ba ơi! Cho đến hôm nay thì con không còn phải đóng một cây đinh nào vào bức tường gỗ phía sau nhà cả.

Người cha bảo rằng:

- Con ngoan! Thật con đã làm một chuyện vĩ đại, nhưng này con, con hãy cảm phiền làm thêm một chuyện khác nữa.

- Chuyện gì vậy Ba?

- Mỗi ngày con không còn nóng giận thì con hãy nhổ ra một cây đinh.

- Việc ấy dễ thôi mà! Con sẽ cố gắng.

Đến một ngày nọ người con rất hớn hờ khoe với Ba rằng:

- Con đã nhổ hết sạch rồi Ba ơi!

- Tốt lắm! Con ngoan của Ba.

Đoạn ông dẫn cậu ta ra gần bức tường và bắt đầu hai cha con nói chuyện.

- Con thấy đó, mặc dầu con đã cố gắng nhổ hết tất cả những cây đinh con đã đóng vào đây. Có nghĩa là những sân si, phiền não của con không còn nữa. Nhưng con thấy đó, sau khi rút đinh ra, tại chỗ này chỗ kia vẫn còn lưu lại những dấu vết đó, làm sao xóa nhòa được.

Người con bưng tỉnh và thưa Ba:

- Vậy con phải làm sao đây?

- Con chẳng cần phải làm sao cả! Nhưng con thấy đó, những sân hận, khổ đau, tội lỗi, nóng giận, nếu có sửa đổi đi chẳng nữa, những vết tích của sự khởi lên lòng sân hận, si mê vẫn còn đó, dấu cho con có hối cải. Vậy thì từ nay về sau con nên khởi lên những niệm lành và những niềm vui để mang đến cho mọi người chung quanh, thì chính những việc tác ý đó, nó sẽ xóa tan đi những vết sẹo trong lòng con và nó sẽ để lại nhiều dấu ấn tốt trong lòng mọi người."

Câu chuyện kết thúc ở đó và người con đã chấp nhận cũng như thực hành lời dạy của người cha đối với mình một bài học luân lý có một không hai trong đời như thế.

Đó chẳng phải là lời Phật dạy. Nếu Phật dạy có lẽ cũng chỉ tương tự như thế. Cũng chẳng phải là những lời hay ý đẹp trong "Cổ Học Tinh Hoa", mà nó là một hình ảnh sống, hình ảnh ấy ta tiếp cận hằng ngày, mỗi người đều đã gặp và đều có thể áp dụng để sửa chữa trở nên tốt vậy.

Hôm nay nhân viết kỷ niệm 25 năm chùa và báo Viên Giác, tôi hiến tặng quý vị câu chuyện trên cũng để nói lên một tấm lòng của chính mình là cảm tạ thâm ân với quý vị đâu là người Việt hay người Đức. Biết đâu trong 25 năm ấy đâu vô tình hay cố ý khi soạn, viết bài cho báo Viên Giác, khi kiểm duyệt trước khi đăng tin, hoặc giả có những lời dạy đồ quá chí tình đâm ra gắt gỏng với đệ tử xuất gia cũng như

tại gia thì tôi xin nhận lỗi về phần mình, vì làm kẻ lãnh đạo nhưng chưa tròn bốn phận. Vậy từ nay tôi xin trải rộng tấm lòng của mình để chỉ gieo vào tâm thức của mọi người bằng những hình ảnh đẹp, bằng những lời nói dịu dàng, có ý thức, để đỡ gậy những hiểu lầm, hờn giận, mà tôi chỉ muốn hóa giải những khổ đau của người đối diện để mọi người được an lạc, hạnh phúc thì tâm tôi sẽ thanh thản nhẹ nhàng.

Ở đời, sau 25 năm cưới hỏi chung sống với nhau, người ta tổ chức những buổi tiệc thật lớn để cảm ơn trời đất và tình nghĩa vợ chồng đã gắn bó với nhau như thế, nhưng đúng ra bên trong phải hiểu là: suốt 25 năm năm qua cả 2 người đều phải nhẫn nhục chịu đựng với nhau, nên bây giờ mới được yên nhà yên cửa. Vì thế chiếc nhẫn cưới, tượng trưng cho sự nhẫn nhục chịu đựng đó đâu có ai dám cởi ra bao giờ. Họ sẽ giữ nó cho đến 50 năm, rồi một ngày ra đi, họ cũng sẽ mang vào lòng đất lạnh.

Còn tôi kỷ niệm 25 năm không hẳn như thế. Vì lẽ tôi không phải chịu đựng như vợ chồng đã chịu đựng suốt 25 năm qua. Tôi chỉ thực hiện một bốn phận là trên đền 4 ơn nặng, dưới cứu khổ muôn loài.

Đó là ơn quốc gia đã bảo bọc che chở cho tôi được yên ổn để tu hành. Nói gần hơn là quê hương Việt Nam đã sinh trưởng ra tôi và nước Đức đã nuôi tự do, cơm áo cho tôi sống.

Tiếp đến là ơn sanh thành dưỡng dục của mẹ cha tôi phải đáp đền. Nếu không có song thân, tôi không có cơ hội để hiện hữu trên đời này.

Ơn thứ ba không kém phần quan trọng là ơn Thầy Tổ đã nuôi dạy tôi nên người, và ơn thứ 4 là ơn của tín đồ đã hỗ trợ cho tôi thành tựu các công việc trong cuộc sống, trong đó có ơn những thiện hữu trí thức và bè bạn đã giúp đỡ.

Đồng thời tôi cũng không quên những người nghèo khổ hơn mình như ở Việt Nam, Ấn Độ, Phi Châu v.v... đó là chưa nói đến những chúng sanh vô hình ở những cõi địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh nữa.

Ngoài ra việc lập chùa, xây dựng cơ sở đó đây, cũng chỉ có một mục đích duy nhất như trong bài Sám Khế Thủ là:

*Kiến pháp tràng u xú xú
Phá nghi võng u trùng trùng
Hàng phục chúng ma
Thiệu long Tam Bảo ...*

Nghĩa là:

*Tạo chùa viện khắp nơi nơi
Phá lòng nghi đang bao phủ
Hàng phục ma vương
Hưng long Tam Bảo*

Đó là bổn phận và trách nhiệm của người Tăng Sĩ ở trên cõi đời này, đi đến đâu cũng phải có nhiệm vụ như thế. Có nghĩa là xây dựng chùa chiền, đào tạo Tăng Ni, Phật Tử chỉ nhằm một mục đích duy nhất là hiển chánh trừ tà, làm cho giáo pháp càng ngày càng rạng rỡ, mọi người học đạo, hiểu đạo và thực hành theo đạo ấy. Vì ma vương bên trong và ma vương bên ngoài lúc nào cũng đẩy dẩy chung quanh mình. Do vậy mà cần có chùa viện để cho mọi người lui tới học hỏi, tu niệm, thiền tọa v.v... tất cả những điều đó là một việc làm đáng quý, đáng trọng, chỉ để làm hưng long ngôi Tam Bảo. Đó là Phật, Pháp, Tăng, những giá trị trân quý của cuộc đời mà ta khó có được.

Ngày mai đây ngôi chùa Viên Giác này cũng có thể còn phát triển nhiều hơn nữa do Thầy Hạnh Tấn lèo lái và sự cố vấn của tôi, nhưng cũng phải chấp nhận một điều, không có

một vấn đề gì mà tồn tại mãi với thiên thu không biến đổi. Ngay cả giáo lý của Đức Phật còn phải biến đổi qua bốn thời kỳ, Đó là: thành, trụ, hoại và diệt, của 3 giai đoạn chánh pháp, tượng pháp và mạt pháp.

Cuộc đời của chúng ta cũng giống như một Đạo hàm được diễn tả qua đường biểu diễn Parabol và được giải bởi 2 hàm số là cực cộng và cực trừ. Một viên đạn bắn lên, một phi thuyền đi vào không trung cũng thế. Nó chỉ lên thẳng đến một độ nào đó thôi, khi tự lực của nó không kham nổi nữa thì nó sẽ theo chiều ngang để thay đổi vị thế hoặc giả quay về vị trí cũ. Nó sẽ không mất, nó sẽ tiếp tục để tự tồn và biến đổi như dòng điện với bóng đèn thế thôi. Do đó định lý hợp tan, tan hợp, có không, không có, là một điều hiển nhiên mà một người Phật Tử chúng ta khi đã hiểu giáo lý của Đức Phật rồi sẽ sẵn sàng chấp nhận, không có gì để hối hận cả.

Hai mươi lăm năm qua tôi đã thể hiện trọn vẹn một tấm lòng cho con người, cho quê hương và cho đạo pháp và tôi mong rằng những tình cảm ấy vẫn còn gắn bó keo sơn để chúng ta người xuất gia và tại gia sẽ nương tựa vào nhau mà tồn tại, cốt làm sao cho giáo pháp của Đức Phật càng ngày càng phát triển nhiều hơn ở nhiều khía cạnh khác nhau ngay cả trong cộng đồng người Việt cũng như người Đức. Được như vậy quả là một phước báu vô cùng.

Chương V

LÀM THẾ NÀO ĐỂ ĐI ĐẾN THÀNH CÔNG

Lâu nay có nhiều sách vở và thầy dạy học trực tiếp truyền trao kinh nghiệm này cho quý vị rồi. Tuy nhiên mỗi sách chỉ một khác, mỗi thầy dạy phương pháp cũng khác nhau, chẳng ai giống ai bao giờ. Ở đây không phải là một khuôn mẫu để quý vị áp dụng hoàn toàn vào trong cuộc sống, lối làm việc của mình, mà là một sự giáo nghiệm, chọn lọc. Nếu thấy thích hợp thì hãy dùng, còn không, hãy cho nó vào nơi quên lãng, không cần thiết để cố gắng hoặc gượng ép để áp dụng. Vì sao vậy? Vì lẽ thực phẩm là một loại thức ăn cho con người, kể cả những loài động vật khác, nhưng không phải là mọi người đều thích hợp một loại thực phẩm nhất định nào đó, mà mỗi cơ thể thích hợp khác nhau là lẽ đương nhiên. Đừng bao giờ ứng dụng phương pháp ấy không đúng rồi bảo rằng người kia sai. Ở đây sai hay đúng cũng chỉ có tính cách tương đối mà thôi.

Tôi bắt đầu đi học từ lúc 6 tuổi cho đến bây giờ 54 tuổi vẫn còn học, nhưng vẫn thấy chưa đủ thiếu vào đâu. Từ lúc học mẫu giáo cho đến xong Tiểu Học năm 1961, vì không có kinh nghiệm, vả lại cũng chẳng có ai chỉ bày nên đã thua kém bạn bè xa, đến năm 1964, lúc xuất gia vào chùa đi học đòi và đạo, tự chọn cho mình một lối tu và một lối học, có rất nhiều kết quả và sau đó (1972) ra ngoại quốc cho đến nay (2002) tôi vẫn ứng dụng như thế. Do vậy, hôm nay xin mách cho quý vị một số phương pháp đơn giản dễ thực hiện, có thể nói ai cũng có thể thành công, nếu biết cố gắng thay đổi. Về cuộc

đòi lúc tuổi thơ và thanh thiếu niên, tôi sẽ biên lại một tập Hồi Ký trong những năm tháng tới, quý vị chờ đọc tập sách này. Riêng phần ở ngoại quốc từ 1972 đến nay dưới nhiều hình thức khác nhau tôi đã tự giới thiệu với cả một tấm chân tình của cuộc đời của mình rồi. Thiết nghĩ không cần phải mô tả chi tiết gì nữa.

Sau đây là một số phương thức thiết thực để đi đến thành công :

- Nếu có ai đó mời bạn một ly trà, nhưng họ cố tình rót thật đầy và nước gần tràn ra mé tách, đoạn mời bạn uống. Bạn phải làm thế nào đây cho nước khỏi đổ để chứng tỏ rằng mình là người lịch sự và trân quý người đối diện?

Có thể bạn sẽ bảo - chia đôi ly nước ra à? Cũng sẽ bị đổ ra bên ngoài. Làm sao đây? Hoặc giả không uống? Cũng không thể được.

- Nếu là người lịch sự, bạn sẽ lấy một cây gạt nhỏ để ngang tách trà, gạt ngang qua một cái thật nhẹ, nước trà sẽ chảy ra ngoài, nhưng điều ấy không có nghĩa là bạn làm đổ trà, mà đó là một cử chỉ đẹp. Đoạn bạn mang ly trà lên uống thì người đối diện sẽ nhoén miệng cười ngay và ngầm bảo rằng: bạn là người biết thưởng thức trà. Nếu bạn là người nữ thì cung cách này càng đẹp hơn nữa.
- Nếu bạn là nam giới, có thể kê miệng mình xuống để hóp bớt một ít trà, sau đó mình sẽ nâng ly. Động tác này hơi thô kệch. Mặc dầu bạn không làm đổ trà ra ngoài đó, nhưng cử chỉ cúi xuống để hóp trà trông ra nó chẳng thanh lịch chút nào.

Người Nhật, người Đại Hàn, người Trung Hoa và ngay cả người Việt Nam cung cách uống trà rất quan trọng, đã trở

thành một cái đạo, nên tiếng Nhật gọi là Trà Đạo (Chado). Bạn muốn thành công có thể chọn một trong 2 phương pháp trên.

- Một hôm nào đó chúng ta được mời đi dự một buổi tiệc thật sang trọng ở nhà một người mình mới quen. Khi đến nhà người ấy, bạn được mời ngồi ở một chiếc ghế hết sức lịch sự sang trọng. Điều ấy chứng tỏ rằng người mới quen ấy rất nể trọng bạn. Nếu bạn sau khi chào hỏi và nhún nhường có thể từ chối không ngồi vào chiếc ghế đó để tỏ ra rằng bạn biết phép xã giao. Nhưng bạn phải hiểu rằng chiếc ghế đó chỉ đặc biệt dành cho bạn, bạn phải làm sao đây?

- Có nhiều cách khác nhau: Nếu bạn là người lịch sự và tế nhị, bạn chỉ cần xích chiếc ghế ấy sai đi vị trí cũ một chút là được rồi, nếu chiếc ghế ấy nhẹ. Đoạn bạn ngồi xuống. Lúc ấy nếu bạn để ý gương mặt của người chủ, bạn sẽ thấy họ vui lòng ngay.

- Nếu trường hợp chiếc ghế quá nặng, bạn không thể nào nhấc nổi, thì bạn hãy nên thận trọng một chút là mời mọi người đối diện ngồi xuống trước và bạn là người ngồi xuống sau cùng, mặc dầu bạn là người khách quý nhất được chủ nhà mời đến dự tiệc. Thế là bạn đã thành công rồi đó. Dĩ nhiên là người ta sẽ xem cách ăn uống của bạn và cách xã giao cũng như cách gọi chuyện, nhưng hình ảnh đẹp lúc ban đầu ấy sẽ tạo cho những người đối diện một ấn tượng tốt, bạn từ từ sẽ thành công ở những điểm tiếp theo.

- Giải quyết như thế nào để công việc được hoàn hảo?

Việc đời, việc đạo, việc gia đình, việc chùa, việc con cái, việc đệ tử, việc tình duyên, việc tu học v.v... Việc nào cũng có những khó khăn nhất định. Nếu người có suy nghĩ, hiểu biết, tính toán thì không có vấn đề nào mà không giải quyết được.

Nếu rối trí, loạn tâm thì vấn đề còn rối bời hơn nữa. Riêng tôi có một câu châm ngôn tự mình đặt ra là: “Phải giải quyết vấn đề chứ không chạy trốn vấn đề.” Nhưng giải quyết như thế nào đây?

- Ở đây có thể chia ra làm bốn loại người và sự giống nhau như một vật cản to lớn nằm trước mắt, mỗi người có một cách giải quyết khác nhau để đi đến thành công.

- a) Nếu bạn là người có ý chí và sức mạnh thì hãy cố gắng hết mình nhảy ngang qua vật cản ấy không cần suy nghĩ, tính toán. Thế là cái đích thành công đang chờ bạn bên kia rồi đấy.
- b) Nếu bạn ngại sức bạn không có, bạn do dự và tính nhảm rằng: Nếu ta nhảy qua khúc cây lớn kia, cục đá lớn nọ chắc không nổi, chi bằng ta đi quanh qua phía phải để đến phía bên kia. Tuy có tốn thì giờ chút đỉnh, nhưng cái đích trước sau rồi sẽ đến.
- c) Nếu bạn thấy quá khó khăn, không thể vượt qua cũng không thể đi quanh qua khúc cây, hòn đá ấy và bạn tự nghĩ mình không có đủ khả năng cũng như sức lực, nên cứ hiên nhiên đứng chờ cho khúc cây kia mục đi, hòn đá kia mòn đi, tự nhiên bạn sẽ thấy đích. Mặc dầu thời gian tốn kém nhiều lắm đó.
- d) Cũng có thể khúc cây kia quá lớn, hòn đá ấy quá vĩ đại. Do vậy bạn đối diện với vật cản trở, điều đầu tiên là bạn có ý muốn quay về liền, không có ý tự chủ phần đầu. Nghĩa là bạn đầu hàng trước khó khăn trở ngại.

Trên đây là bốn ví dụ điển hình, bạn nên xem mình nằm trong trường hợp nào và thử giải quyết theo phương pháp như trên, có được kết quả không?

Chúng ta phải biết rằng cuộc sống này nó như một cuộn chỉ rối, phải biết phẳng mối rối mà gỡ, không nên quấn trí

làm cho nó bị rối thêm lên. Cuối cùng rồi cuộc đời này sẽ trở nên vô dụng. Bạn thấy đó, cuộc đời này có ý nghĩa lắm chứ. Tại sao cũng trong cuộc đời này sản sinh ra những nhà bác học tài ba, đem lợi lạc không ngừng cho khoa học và các ngành nghề khác. Còn ta tại sao không được vậy? Ta và nhà bác học, học giả kia khác nhau điều gì? Có phải ý chí phấn đấu? Lòng tự tin? Hay họ là những nhà thông thái đã được sắp đặt trước?

Người có óc tổ chức, tính toán thì xem vấn đề không khó. Nếu người không có khả năng và suy luận thì việc gì cũng là một trở ngại trong cuộc đời mình. Do vậy, ý nghĩ thù hận, quyên sinh, giam mình vào bóng tối luôn luôn hiện hữu với những tâm hồn như thế. Còn người yêu đời, thiết tha với sự sống cũng như biết lối rẽ nào mình sẽ sang thì đối với họ cuộc sống này đầy đủ ý nghĩa vô cùng.

Cho đến nay, đối với tôi ở mọi phương diện như chuyện tu, chuyện học, chuyện làm việc, chuyện ngoại giao, chuyện thi cử, chuyện dạy học v.v... có thể nói là thành công từ 90 đến 95%, chỉ có chừng 5% là thất bại. Nói tóm lại một câu là biết đắc nhân tâm. Nghĩa là phải làm sao cho được lòng người. Mà như bạn biết đó, người xưa thường nói:

«Dò sông dò biển dễ dò

Nào ai lấy thước mà đo lòng người»

Sông sâu bao nhiêu, bể rộng đến bao nhiêu người ta còn đo được, chứ lòng người thì không có đáy, không có giới hạn cho nên khó có thể đo được, nhưng người xưa cũng có nói: *“Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân.”* Nghĩa là, việc gì mình không muốn thì đừng làm cho người khác. Nếu ứng dụng được điều này vào cuộc sống thì mình sẽ thành công. Xem lại thử mình muốn cái gì và mình không muốn cái gì? Có phải mình

muốn rằng công việc của mình phải được ông chủ của mình quan tâm không? Hãy làm như sau:

Khi một nhân viên làm việc nặng hoặc việc bụi bặm dơ nhớp, bạn là giám đốc, bạn chỉ cần hỏi thăm vài lời về công việc. Hoặc tốt hơn bạn nên xắn tay áo lên, lấy cái chổi và quét vài đường thì bạn sẽ được đổi lại bằng cái cười thông cảm của người thợ và họ sẽ giành hết công việc và sẵn sàng làm không than thở và cũng không kể đến giờ giấc nữa. Bạn phải đặt vị trí của bạn vào vị trí của người làm công thì bạn sẽ hiểu họ nhiều hơn.

- Nếu bạn giao cho người bên dưới một công việc nào đó, bạn phải làm gì?

- Thứ nhất là bạn phải tin tưởng thuộc hạ của mình bạn mới giao công việc. Bạn không cần phải kiểm soát thường xuyên họ. Vì như kinh nghiệm của bạn thì rõ. Khi nào bạn đang thực hiện một chương trình chưa xong mà sếp của bạn cứ can thiệp vào hoài, bạn cảm thấy ra sao thì phải thông cảm với người thuộc hạ của mình cũng như vậy, trừ phi họ có ý hỏi bạn.

- Thứ hai là bạn phải giao công tác cho rõ ràng như thời gian và số lượng. Nếu đến thời điểm A, B, C nào đó mà công việc không xong thì bạn mới có thái độ. Nếu xong trước và công việc tốt đẹp thì sẽ có thưởng. Nếu trễ nải thời hạn và sai trái nguyên tắc, hư hao của hãng xưởng, của chùa viện v.v... lúc ấy bạn mới có quyền khiển trách thuộc hạ và khi ấy lời nói của bạn mới có giá trị. Nếu lúc nào bạn cũng nói, cũng cần nhắc, hóa ra mình là ông chủ khó tính và ít có người muốn gần mình.

- Bạn nhiều lúc nổi nóng? Làm như thế để làm gì?

- Để chứng minh quyền uy của bạn. Điều ấy đúng nhưng không cần thiết đối với thuộc hạ của mình. Còn đối với kẻ trên lại là điều không nên làm, vì thiếu lễ độ và thiếu tư cách.

Một người giận dữ, nóng nảy. Vì họ biết bạn làm sai và họ có ý chỉ lại cho bạn, nhưng như thế cũng chẳng giúp được gì cho người kia cả. Vì họ cũng tự ái như bạn đã tự ái dưới cái quyền của người trên bạn. Tốt nhất, muốn thành công, bạn nên từ tốn khuyên bảo thì thuộc hạ của bạn sẽ nghe lời bạn ngay, không cần thiết phải nổi nóng và chứng minh rằng mình là người có uy quyền. Vì dẫu sao đi nữa bạn cũng là người có quyền rồi. Nếu không có quyền do sự học, do tiền bạc tạo nên thì làm sao bạn có thể làm seeps của những người kia được?

- Khi giao tiền bạc hoặc công việc cho thuộc hạ làm, bạn cũng cần phải thoải mái. Không cần phải kiểm soát thường xuyên. Vì người dưới bạn sẽ khó chịu. Chỉ thỉnh thoảng thôi, mình ghé mắt vào một chút. Có thể một tuần hay một tháng một lần, tùy theo công việc nhiều hay ít, lớn hay nhỏ. Không nhất thiết là ngày nào hay lúc nào cũng quan tâm một cách thái quá, sinh ra việc không tin tưởng thuộc hạ. Nếu đã không tin tưởng thì không nên giao tiền bạc và việc làm. Bạn phải là người quyết định những vấn đề quan trọng như thế trước khi bạn giao, mà khi đã giao rồi thì tin tưởng. Lúc nào họ không làm xong, đến khi đó mới được quyền khiển trách. Ví dụ bạn giao con của bạn cho một người khác chăm sóc thì bạn phải biết trước rằng người ấy có thể chăm sóc con mình hay không? Nếu sau khi giao phó rồi, tự nhiên bạn vô cớ đòi con mình lại thì hóa ra bạn là người không hiểu biết chút nào. Cũng có thể bạn chưa có kinh nghiệm nên bạn đã trao con lầm người giữ, nhưng điều ấy cũng chẳng muộn màng gì. Bạn hãy yên chí, đứa trẻ cũng có những cảm nhận

tự nhiên, nếu người kia không thương yêu nó thì nó sẽ khóc la phản đối và bạn sẽ có lý do chính đáng để đòi con trở lại.

* Phải tin tưởng nơi người khác thì bạn mới dễ thành công và điều quan trọng hơn là bạn phải làm sao cho họ tin tưởng mình, mới xứng đáng là người lãnh đạo. ch úng

- Luôn luôn đúng giờ. Không nên đến quá sớm, mà cũng không được đến quá trễ trong buổi họp, hay lúc tụng kinh, khi ngồi thiền, khi thuyết pháp v.v... Bạn là người quan trọng đấy. Nếu để người khác chờ quá lâu thì sự tin tưởng, sự chùng mực và chính xác nơi bạn sẽ giảm dần. Có nghĩa là lần sau họ đến sẽ trễ hơn, thế là những việc dự định của bạn tiếp theo sau đó sẽ hỏng. Nếu đã hứa một việc gì, bắt buộc phải thực hiện như tăng lương, hoặc thưởng phạt v.v... không thể nói rồi quên, chúng tỏ rằng mình không giữ lời hứa.

Có thể một lời hứa bạn không giữ đúng, ví dụ như hứa đi cắm trại với các Đoàn sinh của Gia Đình Phật Tử chẳng hạn, nhưng chẳng may bị trời mưa. Thế là bạn có lý do chính đáng để không đi cắm trại, mà không lâm vào việc hứa cuội. Tuy nhiên, theo tôi, tốt nhất bạn nên tìm cách để đi, dầu cho trời có mưa đi chẳng nữa. Điều ấy sẽ giúp bạn dễ thành công sau này khi bạn đề nghị một điều gì.

Tuổi trẻ nhớ rất lâu và chờ đợi trông cậy nơi người lớn. Công nhân viên có niềm hy vọng nơi ông giám đốc. Học trò, đệ tử đang chờ đợi ở ông Thầy và Sư phụ, do đó không thể nuốt lời hứa và không được phản bội lời hứa của mình. Có nhiều người vui miệng cứ hứa vô tội vạ. Cuối cùng việc nào cũng chẳng thực hiện cho hoàn hảo, làm cho cả người trên lẫn người dưới đều không tin tưởng nơi mình.

Sau đây là một số điểm căn bản khác có thể giúp bạn đi đến thành công một cách dễ dàng. Đó là tánh thuyết phục,

phải làm cho kẻ khác kính, phục và nể mình. Muốn làm được vậy không phải đơn giản. Vậy bạn phải là người như thế nào có thể đi chinh phục kẻ khác được?

Một cậu thanh niên muốn tán tỉnh một cô thiếu nữ. Nếu cậu ta có mẫu mã đẹp trai, ăn mặc bảnh bao, nói năng lưu loát v.v... đó cũng là những yếu tố để chinh phục người đẹp, nhưng điều ấy không quan trọng bằng sự thành thật. Nếu sau này mà thiếu nữ ấy phát hiện ra anh chàng này là một cái thùng rỗng thì sẽ nguy to. Vậy sự chinh phục hoặc thuyết phục ấy không thành công trọn vẹn.

- Bạn phải là một người đứng đắn, không thô lỗ và vụng về đối với người nam và đặc biệt là người nữ. Dầu trước mặt hay sau lưng họ, bạn phải là một người tử tế, có tư cách, chứ không phải là một kẻ quân tử giấy, có nghĩa là chờ không có ai thì bạn sẽ dỏ trò hạ tiện đối với thuộc hạ của mình. Dầu bạn có đem tiền bạc ra để mua chuộc, đem quyền thế ra để lấn áp và đặc biệt là đem chỗ làm ra để hù dọa là cho thất nghiệp v.v... tất cả những điều đó không có ý nghĩa gì cả đối với những người biết tự trọng nhân cách của mình. Họ có thể thôi việc, đi tìm việc khác, chứ không nhất thiết phải làm ở hãng của bạn.
- Muốn cho người ta phục bạn, bạn chứng tỏ khả năng của mình là người tài giỏi, nhưng không phách lối. Xem nhẹ chuyện tăng bốc và hối lộ, mà lúc nào cũng chứng tỏ khả năng lèo lái của mình. Tuy bạn thỉnh thoảng cũng có vài điều làm cho họ bất như ý, nhưng vì họ phục bạn có tài, nên họ có thể tha thứ và công việc còn có thể tiếp tục chạy được.

Còn nể? Nếu bạn muốn người khác nể nang bạn, thì bạn phải là người có khả năng và trình độ, lời nói và việc làm

luôn luôn đi đôi với nhau, không thể nay nói thế này mai nói thế khác được. Người ta thường nói “Tôi nể ông lắm đó, cho nên tôi mới đến đây.” Nể trong trường hợp này có nghĩa là: nếu người khác thì tôi không đến, nhưng với ông là chỗ quen biết, hoặc ơn nghĩa nhau, hoặc so tài nhau mà mình thua, nên mình mới nể người ta.

Còn kính trọng? Đây là điểm tốt nhất của người lãnh đạo. Ai là người sẽ được kẻ dưới, thuộc hạ, đệ tử và ngay cả những người bên trên kính và trọng? Dĩ nhiên không phải là người tầm thường và bình thường rồi. Người đó phải là kẻ siêu phàm, kẻ có đạo đức cao cả, người mà được mọi người tôn xưng vì đức hạnh, vì lòng từ bi hoặc trí tuệ. Có như vậy thì người ta sẽ đánh lễ sát chân mình để lãnh hội tôn ý, để được ban phước, để gọi nhuần tấm lòng từ ái từ bên trên ban xuống. Điều kính trọng này chỉ có nơi các bậc lãnh đạo Tôn Giáo, chứ thông thường trong cuộc sống ngoài thế gian ít có người được như vậy. Có thể là Thánh Gandhi, là Albert Einstein v.v... nhưng không nhất thiết phải lễ bái những người này.

Tôi vẫn thường hay nói với Đại chúng chùa Viên Giác rằng: Nếu anh có được cả ba đức tính ấy thì tốt. Nghĩa là anh là người có tu, có học và có hạnh. Nếu không thì phải có hai trong ba, hoặc giả ít nhất là một trong ba điều đã trình bày ở trên. Còn nếu anh hay chị chẳng có một điều nào cả thì không nên lãnh đạo quần chúng. Nếu cố lãnh đạo, họ không nghe theo anh mà còn hướng dẫn anh nữa là đằng khác, như thế là hỏng mất đại sự rồi.

Một hôm, chúng Viên Giác đang học về một đề tài nào đó của Đại Trí Độ Luận, quyển thứ 51, tôi có đưa ra một câu chuyện để giảng giải như sau: Nguyên là trong một chùa nọ có chia ra 4 phe, mỗi phe cầm đầu độ 10 người và phe nào

cũng muốn Thầy trụ trì đứng về phía họ. Vậy theo Thầy, Cô thì phải theo phe nào?

Có Thầy trả lời rằng: Con sẽ không theo phe nào hết, mà con sẽ đứng lên trên tất cả mọi phe để lèo lái họ.

- Tốt, rất tốt! Tôi trả lời như thế. Nhưng nếu muốn làm được điều đó không phải việc đơn thuần. Thầy phải là người gồm cả ba đức tính như bên trên tôi mới trình bày, mới có thể giữ yên bốn nhóm được. Nếu không có đủ ba đức tính ấy thì Thầy theo một nhóm cũng chưa yên, làm sao đứng trên bốn nhóm và lãnh đạo họ được? Nếu Thầy đã lãnh đạo họ được, làm gì có bốn nhóm bị chia ra như thế. Trong trường hợp này tốt nhất nên đóng vai trò là mình không biết gì cả và không có ý kiến trong bất cứ một nhóm nào. Đây cũng là một thành công nhỏ của bạn đấy. Có thể bạn đóng vai trò người mù, người câm, người điếc, nhưng trong trường hợp này bạn sẽ không bị lỗ vốn. Vì lẽ bạn không phải là đối tượng để mọi người đáng sợ. Từ đó bạn có thì giờ để tự rèn luyện kinh nghiệm nhiều hơn. Ở đời này có nhiều người giả ngu, giả dại để được việc, không phải là họ không biết điều đâu, mà họ biết an phận. Vì họ nghĩ rằng: Nếu không nắm hết được quần chúng, tổ chức, mọi người, thì ít ra cũng nằm đó để chờ ngày tiến xa hơn nữa. Đây có lẽ là mục đích của nhiều chính trị gia. Còn người Tăng sĩ không nhất thiết phải như vậy, mà phải tự rèn luyện đạo đức, tác phong, tư cách, nghiêm trì giới luật để lãnh đạo mọi người.

Người lãnh đạo cũng giống như một người đang mặc một chiếc áo trắng, nếu bị làm lồi, dàu nhỏ bao nhiêu đi chăng nữa, cũng giống như một chấm mực đen đã bị dính lên áo rồi, ai cũng dễ nhận ra được. Trong khi quần chúng, tín đồ, họ là một tổng thể, cũng giống như một miếng vải nâu, nếu có thêm màu chàm vào cũng khó mà phát hiện được. Do đó

bạn muốn thành công hãy học cách làm người trước. Sau đó sẽ đi vào lãnh vực quần chúng thì mới có kết quả được.

Sau khi chùa Viên Giác mua đất xong thì chuẩn bị mời các hãng đến đấu thầu. Hãng nào cũng cho giá khá đắt và họ xem đồ án vẽ, họ tính không có cái nào dưới 2 triệu Đức Mã, đó là chỉ mới xây khung sườn thôi và đặc biệt các hãng thầu bảo tôi rằng phải có hai phần ba số tiền trong ngân hàng họ mới bắt đầu thi công.

Tôi thuyết phục hãng được chọn là Mehmel như thế này: Nếu ông đợi đủ hai phần ba tiền thì vĩnh viễn sẽ không bao giờ có. Vì chúng tôi là một hội đoàn tôn giáo. Người tín đồ chỉ cúng dường, hỗ trợ khi nào thấy công việc của chúng tôi tiến hành. Còn bây giờ chỉ thấy một miếng đất hoang mà bảo họ cúng vào để xây thì khó thực hiện lắm.

Sau đó ông Mehmel thấy có lý và chấp nhận xây cho chùa và quả nhiên đúng như vậy, xây đến đâu thì bà con cúng dường đến đó. Đến hai phần ba công việc thì tiền đã cạn, khó kêu gọi. Lúc ấy tôi thuyết phục ông Mehmel là ông nên cho xây hết đi, có 2 điều lợi. Thứ nhất là danh dự của hãng ông. Thứ hai là công việc của chúng tôi cũng tạm xong và từ đó tôi sẽ trả góp cho ông số tiền còn lại trong nhiều năm. Quả đúng như thế! Ông ta xây hoàn thành ngôi chùa Viên Giác và tiền trả góp cho ông cũng đã lên gần 1 triệu rưỡi Đức Mã không gián đoạn từ năm 1994 đến nay. Số nợ còn lại không nhiều, chỉ trả trong vài năm nữa thì hết.

Trong khi đó tôi phải chạy mượn thêm nơi ngân hàng 700.000 Đức Mã nữa. Nhà băng đến xem công trường và bảo:

- Nếu ông mượn để xây nhà thờ Tin Lành hoặc xây nhà thờ Thiên Chúa thì tôi cho mượn, chứ mượn xây chùa thì khó có thể cho mượn.

- Tại sao vậy? Tôi hỏi.

Ông ta trả lời rằng:

- Nếu nhà thờ Tin Lành trả nợ không được thì còn bán lại cho nhà thờ Thiên Chúa giáo, chứ chùa thờ Phật thì bán ai mua!

Tôi nghe câu trả lời của nhà băng mà đau nhói cả tim gan và tôi trả lời rằng:

- Thật ra tôi đâu có muốn các ông bán chùa của chúng tôi, nhưng tôi xin hỏi: Nếu một người bình thường đi mượn tiền của nhà băng, ông cần những điều kiện gì?

- Phải có công ăn việc làm và tiền đầu nhập vào đều đặn. Ông ta trả lời như thế.

- Điều ấy hẳn đúng thôi. Tuy chúng tôi không có tiền đều đặn hàng tháng, nhưng như ông thấy đó, từ chỗ không có gì hết, nhưng nay qua sự cúng dường, chúng tôi đã xây xong phần sườn của ngôi chùa cũng không dưới 2 triệu Đức Mã. Vậy tôi xin hỏi ông: Nếu người đi làm bị thất nghiệp thì sao?

Ông ta không trả lời câu hỏi của tôi, mà tuần sau ông ta đến chùa và bảo với tôi rằng:

- Ông Thầy nói có lý. Vậy tôi sẽ ký giấy cho ông mượn 700.000 Đức Mã.

Từ tháng 7 năm 1992 đến tháng 7 năm 2002, chúng tôi đã trả tổng cộng 700.000 Đức Mã tiền lời cho ngân hàng và bắt đầu 5 năm còn lại trả tiền vốn, kể cả của chùa đóng và của hãng bảo hiểm đóng thêm vào. Như vậy, tuy không có công ăn việc làm, tuy Phật Tử không đóng tiền định kỳ thường xuyên, nhưng chúng tôi đã trả được nợ của ngân hàng. Như vậy chỉ cần một lời hứa và sự tin tưởng cũng như tính thuyết phục. Nếu người đứng đầu một Tổ Chức, một Tôn Giáo mà thiếu sự tin tưởng, thiếu tính thuyết phục thì khó có thể đi

đến chỗ thành công được. Đó là chưa kể về phương diện giấy tờ của chính quyền, của nhà băng, của hãng xưởng gọi đến tới tấp. Bạn phải làm sao đây?

Nếu bạn không có khả năng ngoại ngữ, bạn phải đành để chờ cho học trò của bạn đến thăm nhà, thăm chùa đọc giùm, sau đó sẽ giải quyết, nhưng như thế công việc đã quá chậm trễ rồi. Nếu chẳng may học trò, đệ tử của bạn bảo rằng: Tuần này con bận lắm, xin Thầy, Cô để lại tuần sau, con đến, con sẽ giải quyết. Như vậy là bạn hoàn toàn lệ thuộc về phương diện ngôn ngữ rồi đấy. Bạn phải làm sao không phải bị lệ thuộc về phương diện này, thì bạn chỉ có một con đường là phải học ngoại ngữ thôi.

Tôi chừng tuổi này mà mỗi tuần vẫn còn học tiếng Phổ Thông Trung Quốc. Vì lẽ tôi muốn học hỏi để đệ tử noi theo. Đồng thời tôi sẽ được độc lập, tự chủ hơn khi đi Trung Quốc. Vì ở Trung Quốc, nhất là những vùng nhà quê, ít người giỏi tiếng Đức, tiếng Anh hoặc tiếng Nhật, mà họ chỉ nói tiếng Trung Quốc là chính. Do vậy tôi phải học tiếng Trung Quốc. Đây cũng là một nguyên nhân không kém phần quan trọng trong vấn đề ngoại giao và ngôn ngữ cũng như tránh lệ thuộc vào người khác nhiều chừng nào hay chừng ấy.

Đó là chưa kể những sự lệ thuộc về tiền bạc hay tình cảm rắc rối. Nếu bạn bị như thế thì hãy xem những phương pháp coi trói rắc rối như bên trên đã hiến kế để bạn trở lại làm con người bình thường, sau đó hãy từ từ vực dậy và đi lên theo chiều thẳng tiến của xã hội vậy.

Đa phần thì bạn phải biết tự chủ và tự làm được mọi vấn đề, từ chuyện nhà bếp đến chuyện văn phòng, chuyện trên chánh điện cho đến nơi thư viện. Ở phòng học, trên giảng đường, chỗ lễ tang, đám cưới v.v... nghĩa là bất cứ nơi đâu bạn cũng có thể làm được, thì cái cán của sự thành công nó ở

nơi bạn. Nếu không, bạn là người chỉ nắm có cái ngọn của sự việc thì bạn chỉ có thể đi vào nước bí, một là sẽ bị đứt tay khi cầm lưỡi dao, hai là bạn sẽ vượt hết tất cả những gì ở ngoài tầm tay của bạn. Vì vậy bạn phải là người biết đánh máy, nếu thư ký làm eo sách. Bạn phải là người biết nấu ăn, nếu có người làm reo. Bạn sẽ là người biết cách tổ chức nơi văn phòng, nơi thư viện. Bạn cũng có thể làm chủ lễ cho một lễ cưới hay một đám tang, một đám cúng vong hay một cuộc tiếp rước Thủ Tướng chính phủ. Nhiều khi bạn cần phải biết hát hoặc ngâm thơ để điều khiển một chương trình văn nghệ nữa. Ôi thôi! Thì nhiều chuyện để phải làm, nếu bạn muốn công việc ấy thành công. Còn ngược lại, xin tùy ý bạn chọn lựa.

Trên đây là một số phương thức căn bản mà tôi đã thực hiện trong mấy chục năm qua, đem ra áp dụng và giới thiệu với bạn trong cuộc sống tương đối này. Tôi xin nhắc lại, ở đây nó chỉ có tính cách tương đối thôi. Nếu bạn là người tu theo tánh không của Đại Thừa, hoặc Bát Nhã, hoặc tu theo tinh thần vô ngã của Đạo Phật thì tất cả những gì tôi giới thiệu bên trên đó chẳng có ích lợi gì cho bạn cả và bạn cũng không cần phải bận tâm đến chúng nữa, mà hãy đem chúng vứt vào thùng rác là xong. Vì sao vậy? Vì những điều tương đối bên trên không có giá trị nơi cõi tuyệt đối vô sanh của chư Bồ Tát và chư Phật.

Tôi mong rằng những đóng góp nho nhỏ của tôi đó cũng là những đóng góp cho nước Đức để tạ ơn quê hương này đã nuôi dưỡng tự do cho tôi được trọn vẹn, nhằm thực hiện bốn phận của một người tu, chứ không chỉ đơn thuần tôi và quý vị đến đây để ăn bám vào xã hội này, làm cho người địa phương nghĩ rằng chúng ta là những sự trở ngại của quê hương họ. Tôi mong rằng mọi người sẽ đóng góp được một chút ý thức của mình là xã hội này sẽ đẹp đẽ hơn lên.

Chương VI

NHỮNG ĐIỀU KIỆN ĐÃ GIÚP TÔI ĐI ĐẾN SỰ THÀNH CÔNG

Có thể sự thành công của người này không phải là sự thành công của người khác và đồng thời không là tiêu chuẩn, mẫu mực cũng như công thức cho mọi người thực hiện, nếu tốt thì cứ thế mà tiến, nếu không hay thì hãy bỏ đi. Cùng là loại trà ấy, nhưng nếu dùng nước giếng tại Việt Nam thì khác, đem trà ấy sang Nhật Bản nấu với nước Nhật Bản sẽ có mùi khác, và hôm nay loại trà kia được mang từ Nhật Bản qua nước Đức để nấu với nước ở đây để tôi có được một tách trà. Nếu bạn hỏi tôi uống có ngon không? Làm sao tôi có thể trả lời chính xác được. Do vậy những gì tôi viết bên dưới đây chỉ nằm trong 2 ý nghĩa:

- Cảm ơn nước Đức đã cứu mang tôi mấy chục năm trường, sống trên đất nước này và cũng có thể một mai đây tôi sẽ chết trên đất nước này nữa.
- Mặt khác, để trao truyền lại cho những thế hệ tương lai sau này, nếu có ai đó giờ chông sách cũ ra tìm tòi, thì biết đâu có một vài điều họ có thể chọn ra để học hỏi và thực hành cho cuộc sống của họ.

Đó là 2 lý do chính mà tôi viết chương này. Quyết một điều là không có khoe khoang và tôi không giới thiệu cái tự ngã của mình trong này.

Cuộc đời tôi từ khi đi xuất gia cho đến bây giờ, gần 40 năm qua, cũng gặp nhiều hoàn cảnh khác nhau, nhưng tựu

trung tôi đã vượt qua và căn bản nhờ những sự tự lực và cố gắng nơi mình qua sự tu học, rèn luyện, nhẫn nại mà thành. Ví dụ như:

-Nghỉ lễ: Trong đạo Phật có một môn gọi là tán tụng hay lễ nhạc hoặc nói chung là nghỉ lễ. Trong này gồm có việc đọc, tụng và kéo dài làn hơi tạo thành những nốt nhạc thiền, nhằm ca tụng và tán dương công đức của chư Phật hoặc chư vị Bồ Tát.

Không phải ai cũng có thể tán được. Nếu một người có giọng kim, giọng đồng hoặc giọng âm thì khó có thể học tán được, mà người đó phải có giọng thanh thì khi cất giọng lên mới có thể chinh phục người khác được. Trong chùa hay nhắc đi nhắc lại câu: “Học kinh 3 tháng, học tán 3 năm” để nói lên sự khó khăn khi học tán như thế nào. Học kinh như thần chú Lăng Nghiêm là khó hết chỗ nói, nhưng chỉ cần 3 tháng là một chú tiểu có thể thuộc lòng được. Sau khi thuộc, hòa chung với chúng để tụng và chú tiểu ấy sẽ hoặc đánh chuông, đánh mõ cũng như học những kinh điển khác như A Di Đà, Phổ Môn, Sám Hối, Mông Sơn Thí Thực v.v... để tụng trong mỗi ngày vào sáng, trưa, chiều, tối. Còn nói tới tán tụng ư! Không phải ai cũng có giọng và điệu để thực hành được những lễ nghi này.

Trong chùa có chia ra nhiều loại Thầy. Đó là: Thầy tu, Thầy chùa và Thầy cúng.

- Thầy tu là Thầy chuyên môn tu học, không màng đến chuyện gì bên ngoài cả. Vị Thầy như thế có thể vừa thế học và Phật học rất thâm hậu. Vị này có thể ở trong thất, trong chùa lâu năm và cũng có thể là giảng sư danh tiếng của Giáo Hội.
- Thầy chùa là danh từ để chỉ chung cho mọi người đi tu. Vì tu phải ở chùa, nên mọi người gọi là Thầy chùa.

Cũng như tại Trung Quốc nếu một người mà bỏ tục đi xuất gia thì họ nói là đi làm Hòa Thượng. Hòa Thượng là một danh từ chung để chỉ cho mọi người xuất gia, chứ không phải là một cấp bậc được tôn trọng như của Phật Giáo Việt Nam.

- Còn Thầy cúng. Có thể Thầy này không ở chùa, có gia đình, trước đó ông ta đã đi tu rồi và sau không tu nữa, ra đời lập gia đình và khi ở chùa có được giọng hay tiếng tốt nên đã đi làm đám nhiều nơi, do vậy khi ra đời không có chuyện gì làm để nuôi vợ con, nên làm nghề Thầy cúng, nhưng điều ấy cũng chưa hẳn hoàn toàn đúng. Vì có rất nhiều Thầy đang ở trong chùa và cúng cũng rất hay. Trong luật Sa Di gọi những vị này là “ứng phó đạo tràng” có nghĩa là làm nghề Thầy cúng đó.

Đàn tràng thì có nhiều loại như: cầu an, cầu siêu, chẩn tế, vớt vong, lễ phan, bạt độ, sám hối, phóng sanh v.v... Có đàn kéo dài tới 7 ngày đêm. Trong thời gian ấy thì Ban Kinh Sư gồm có: Thầy chủ sám và các vị Linh sư phải túc trực tụng kinh, trì chú, cúng ngọ, cúng linh cho gia chủ và sau đó là chẩn tế cô hồn. Mỗi một nghi lễ như thế phải cần nhiều người Tăng sĩ và mỗi một Tăng sĩ như vậy phải sử dụng nhiều nhạc khí khác nhau như: mõ, linh, tang, đầu, khánh, trống, mộc bảng, bảo chúng v.v... nghĩa là tất cả phải nhịp nhàng, ăn khớp với lời của vị Sám chủ.

Khi đi xuất gia tôi ở Tổ Đình Phước Lâm tại Hội An hai năm (1964-1966). Nơi đây không phải là chùa chuyên cúng đám, nên tôi không học được những lễ nhạc cần thiết, chỉ khi về chùa Viên Giác, Hội An, sống và đi học từ 1966-1968 và sau đó vào chùa Hưng Long ở Sài Gòn (1969-1971) là chuyên môn đi cúng, tụng, cầu an, cầu siêu và cũng đã nhiều

lần tham dự các trai đàn chẩn tế theo nghi thức tán tụng xứ Quảng Nam, nên từ đó nhịp linh, tang, chuông, mõ, trống đã khá vững vàng. Dĩ nhiên là tôi không chủ trương để sau này trở thành ông Thầy cúng đám, nhưng nếu ở chùa các nhạc cụ, nhạc khí này được hòa tấu lên để cúng dường chư Phật vào mỗi buổi tụng kinh như trong kinh Pháp Hoa đã dạy, hoặc các luật Sa Di mà chúng tôi đã học khi còn nhỏ thì quá tốt, không có lỗi gì cả.

Phật Tử lúc đi chùa hoặc tham gia những nghi lễ như thế đa phần là thích thú. Vì những âm điệu thiên ấy đã làm cho họ lắng đọng tâm tư trở lại theo nhịp điệu của chuông, mõ, linh, tang... Từ đó, nếu có đám ma hay những nghi lễ cúng về nhà mới, đám cưới v.v... họ đều mời chùa Viên Giác. Ngày xưa tôi đi rất nhiều đám như thế, nhưng ngày nay có quý Thầy, quý chú đệ tử thay thế, nên chỉ đi một số đám cho những vị ở lâu trên nước Đức từ những năm đầu tiên đã góp công, góp của với chùa mà thôi. Còn những vị đến Đức 5 hay 10 năm thì tôi cho Thầy khác đi thay.

Đa phần người Phật Tử Việt Nam không phải ai cũng thuần thành. Theo tôi thì trong số 100.000 người Việt Nam đang sinh sống tại Đức thì có khoảng 15.000 người theo Thiên Chúa và Tin Lành, khoảng 5.000 người không có đạo nào hết và còn lại trong khoảng 80.000 người gọi là Phật Tử có thể chia ra làm 3 hạng.

- Hạng thứ nhất là những Phật Tử thuần thành, hạng này độ 20%, nghĩa là có quy y Tam Bảo, có ăn chay mỗi tháng 2 đến 10 ngày, có biết tội phước, có cúng dường Tam Bảo, in kinh ấn tống v.v...
- Hạng thứ hai độ 40%, có nghĩa là có biết tội phước, nhưng ít đi chùa thường xuyên và thỉnh thoảng mới phát tâm bố thí cúng dường.

- Còn hạng thứ ba độ 40% còn lại. Hạng này thì hầu như hoàn toàn không biết đến chùa, nhưng họ tự cho mình là Phật Tử. Vì họ có thờ ông bà, chứ không thờ giáo chủ của một đạo nào khác. Mỗi năm họ đi chùa chỉ một vài lần và ăn chay cũng thế, nhưng khi cha mẹ hoặc người thân của họ chết, họ gọi điện thoại về chùa nhờ Thầy đến đi đám. Trong trường hợp này rất quan trọng. Quý Thầy phải nên đi. Vì lẽ “độ tử cũng như độ sanh”. Nhân cơ hội trong gia đình có thân nhân mất đó, một vị Thầy đến đi đám và cúng tụng, sau đó thuyết giảng về sự vô thường, khổ, không và vô ngã, làm phước, bố thí v.v... sẽ dễ ngấm sâu vào lòng họ hơn và từ đây trong số người ấy sẽ có người trở thành những người Phật Tử thuần thành hộ đạo, để đạo được phát triển. Ở trong Đạo Phật không có cơ quan đi truyền giáo để khuyến dụ người khác theo đạo của mình, nhưng đây là cơ hội để xiển dương lòng tin đối với những người chưa tín kính Tam Bảo, để họ hiểu biết giáo lý nhà Phật nhiều hơn nữa.

Có lần tôi sang thăm Mỹ và gặp Hòa Thượng Thích Đức Niệm. Hòa Thượng hiện là Giám Đốc Phật Học Viện Quốc Tế tại Los Angeles, California - USA, đã đỗ Tiến sĩ Quốc gia Sư phạm Đài Loan năm 1980 thì phải. Hòa Thượng có nói với tôi rằng:

- Thầy Như Điển thấy đó! Ngày xưa khi tôi mới vô chùa làm điệu, Thầy tôi giao cho tôi cái mõ, cái chuông và bây giờ tôi đã học xong Tiến sĩ rồi đó, cũng chỉ có cái chuông, cái mõ mà thôi !

- Vì là người tu mà! Bạch Hòa Thượng. Tôi cười và phát biểu như vậy.

Đúng là cái duyên và cái nghiệp của người tu, đi học cho đến bằng cấp nào, có địa vị gì gì đi nữa trong xã hội này thì mình vẫn là người Tăng sĩ, thì chuông với mõ đi kèm là đúng rồi chứ còn cái gì thêm nữa.

Điều ân nghĩa đối với người Á Châu trong đó có người Việt Nam rất khó quên. Khi họ đã nhận, chịu ơn thì trong suốt cuộc đời ấy họ mong sẽ đền đáp lại và người làm ơn thì bao giờ cũng chẳng muốn nhớ. Tuy vậy, nhưng gia đình có hữu sự như ma chay, cưới hỏi ấy sau này họ về chùa và tìm hiểu học hỏi giáo lý càng ngày càng đông. Đây là một thành công nho nhỏ của tôi. Tuy tôi không phải là ông Thầy cúng chuyên nghiệp. Vì vậy tôi khuyên những vị tu học sau này, nếu có phương diện khác giỏi thì càng tốt, nhưng cũng đừng quên những việc lễ nghi quan trọng của gia đình Phật Tử như tôi vừa nêu trên.

Điều thứ hai mà tôi muốn đề cập đến là việc thuyết giảng. Dĩ nhiên không phải ai học ngành giáo dục lúc ra trường đều đi làm thầy giáo và cũng không phải ai đi tu cũng có thể thuyết pháp được. Cũng có nhiều bài pháp vô ngôn mà cũng có nhiều bài pháp phải dùng đến nhiều loại ngôn ngữ để diễn đạt. Nếu bạn đã đi tu, mà bạn không học hỏi giáo lý, nghiên tâm kinh điển, có một lúc nào đó bị Phật Tử hỏi đến, bạn sẽ cảm thấy chới với. Vì đó là sở trường của người xuất gia mà. Người xuất gia không thể viện dẫn lý do là tôi không rành giáo lý, trong khi đó lại thạo chuyện thế gian. Điều ấy quá nghịch lý. Dĩ nhiên người Phật Tử mới hiểu đạo, chỉ cần những cái căn bản, chứ đâu có cần những giáo nghĩa sâu xa. Nếu người tu không đáp ứng được nhu cầu tâm linh này, quả là một thiếu sót rất lớn.

Nhiều người học thật giỏi, đậu thật nhiều bằng cấp về Đạo cũng như về đời, nhưng khi giảng chẳng ai hiểu được

bao nhiêu. Vì vị ấy nói những ngôn từ và triết lý cao xa khó hiểu. Thành công của người giảng không phải là nói nhiều, mà phải nói làm sao cho dễ hiểu mới là điều tối quan trọng.

Khi giảng nên để ý thính chúng muốn điều gì. Nếu đang giảng mà nửa chừng có nhiều người bỏ ra ngoài, hoặc nói chuyện ồn ào, chứng tỏ bài giảng của mình không hấp dẫn. Hoặc từ bên trên nhìn xuống thấy có nhiều người ngủ gục thì phải biết rằng ta nên chuyển hướng câu chuyện đang giảng sang một câu chuyện vui. Thính chúng phải làm như thế. Nếu không, bài giảng sẽ nhọt nhọt lăm và trở thành vô vị. Lần sau nếu thính chúng nghe đến tên và đề tài của mình giảng họ sẽ không đến nghe. Thế là mình thất bại.

Có nhiều Thầy giảng rất hay, làm cho thính chúng cười hoài không ngớt, nhưng cuối bài giảng không lãnh hội được một điều gì quan trọng cho đức tin cả, thì đây cũng chẳng phải là một sự thành công được.

Có nhiều vị Thầy giảng làm cho họ cảm động và khóc sụt nước mắt, hoặc khóc nức nở v.v... như thế là thành công rồi. Giảng cho họ cười thì dễ, chứ làm cho họ khóc không phải là chuyện đơn thuần đâu. Điều ấy chứng tỏ rằng họ đã hiểu bài giảng của vị Thầy kia một cách rất rõ ràng rồi.

Có nhiều Thầy khi vào đề rất hay, nói một chút đi lạc đề hơi nhiều. Sau hơn một tiếng đồng hồ giảng thuyết chẳng có kết luận và không đưa ra được một sự tiêu biểu nào để cho Phật Tử tu tập cả, thì đây là một sự thất bại không nhỏ. Người giảng sư có quyền triển khai vấn đề rộng bao nhiêu cũng được, nhưng đừng quên rằng đề tài lúc ban đầu mình đề ra là gì, phải quay trở lại mục tiêu ấy.

Thính chúng của những buổi giảng công cộng như thế rất phức tạp. Vì có nhiều trình độ khác nhau, nên phải làm

sao cho lớp tuổi nào và ở vào trình độ nào cũng có thể hiểu được, không phải là chuyện dễ dàng. Ở đây không phải là một lớp học của bậc Trung Học, hoặc giảng đường của Đại Học mà giáo sư chỉ cần một đề tài nhất định là có thể làm xong bốn phần của mình, mà ngược lại phải chu toàn trách nhiệm về lãnh vực tạo được đức tin cho người nghe và làm cho họ càng ngày càng thấm sâu vào giáo lý của Đạo Phật.

Cho đến nay tôi đã giảng nhiều đề tài khác nhau từ dễ đến khó, từ giáo lý căn bản cho đến những bộ kinh mấy chục băng như: Kinh Bách Dụ, kinh Pháp Hoa, kinh Đại Bi, Đại Thừa Khởi Tín Luận, kinh Viên Giác v.v... tổng cộng độ 40 đề tài và 140 loại băng, mỗi băng độ 90 phút. Tôi không phải là một diễn giả có nhiều tài hùng biện, nhưng nghe những băng giảng của tôi, có nhiều người đã rút ra được những bài học cho cuộc đời, nên họ rất thích.

Một hôm tôi đi vào một tiệm Việt Nam ở phố Bolsa, Westminster, California, Mỹ Quốc, đang đứng ngắm nhìn mặt hàng bày ra trong tủ kính, tự nhiên nghe có băng thuyết pháp, thì hóa ra đó là băng của tôi giảng. Hỏi ra mới biết là các Phật Tử ở đây sang ra rất nhiều băng của tôi giảng như thế để biếu cho các bạn đạo nghe. Người chủ tiệm bảo rằng: Lâu nay con đã nghe băng Thầy, nhưng bây giờ mới được gặp mặt Thầy, quá là một nhân duyên và “Văn kỳ thanh bất kiến kỳ hình” là vậy.

Ngày nay thông tin rất nhanh, qua Radio, Internet, Csette, CD v.v... đủ chuyên chở những lời giảng ấy đến mọi nhà, mọi nơi và mọi hoàn cảnh, nên rất tiện lợi. Nếu ở nhà họ không có thì giờ để nghe thì khi đi trên đường đến sở làm họ có thể để băng tụng, băng giảng của quý Thầy vào nghe cũng tiêu đi một số thì giờ trống vắng. Ngoài ra họ còn hiểu thêm được một số giáo lý căn bản khác nữa.

Giảng về Duy Thức học, Tâm Lý học Phật Giáo rất khó, nhưng ai là người biết đắc nhân tâm thì sẽ thành công ở lãnh vực này. Thông thường người nghe chờ đợi ở người giảng một lời khuyên, một sự phân tích, một sự dạy dỗ, một hình ảnh đẹp nào đó. Do vậy mà giảng sư phải là người đáp ứng được những nguyện vọng của thính chúng. Tôi không là một vị giảng sư nổi tiếng như bao nhiêu vị khác, nhưng có nhiều người nghe bằng giảng của tôi. Điều ấy chứng tỏ rằng qua lối thuyết giảng, tôi cũng đã thành công một phần nào trong cuộc đời hoằng pháp của tôi.

Điều thứ ba là ngoại giao. Người đi tu chẳng phải là một quan chức chính quyền. Tuy nhiên, nếu muốn tổ chức mình phát triển mạnh mà không có ngoại giao với các tổ chức khác, các tư nhân v.v... thì quả là điều thiếu sót.

Ngày nay ở ngoại quốc khi nói đến ngoại giao, điều đầu tiên phải biết nhiều ngoại ngữ, hoặc ít nhất là tiếng Anh. Ở Đức bắt buộc phải nghe, hiểu, nói và đọc được tiếng Đức. Nếu ở Pháp thì tiếng Pháp là căn bản. Ví dụ có một ngôi chùa nào đó ở xa gửi đến cho chùa mình một thư yêu cầu gì đó bằng tiếng Hoa hay tiếng Nhật. Nếu vị trụ trì ấy biết những ngôn ngữ kia, quả là điều thuận lợi, đọc xong thư có thể trả lời liền. Bằng ngược lại, đọc chẳng hiểu gì, cứ để đó chờ đợi người biết ngôn ngữ ấy đến chùa để hỏi thăm và trả lời giùm, thì ở đây thời gian tính đã qua đi. Bên kia chờ lâu quá không có trả lời. Thế là họ nãn và không còn liên lạc trực tiếp với mình nữa.

Ngôn ngữ ngoại giao rất quan trọng, cần ngắn gọn và đầy đủ ý nghĩa, không cần dông dài mà mục đích chính mình lại không nói lên được. Mình phải biết chủ đích của mình khi đi đến đó. Hoặc bài diễn văn của mình, mình muốn người nghe

ghi nhận được điều gì. Nếu nói cho có nói và làm cho có làm thì đây không phải là mục đích của sự ngoại giao.

Tôi được cái may là biết nhiều ngoại ngữ. Tuy không giỏi, nhưng có thể dùng nhiều ngôn ngữ khác nhau để diễn đạt khi đi dự Hội Nghị Phật Giáo Tăng Già Thế Giới, hoặc những Hội Nghị khác tại Á , Âu Châu, tôi có thể dùng tiếng Việt, tiếng Hoa và tiếng Nhật. Nếu ở Âu Châu tôi có thể dùng tiếng Anh, tiếng Đức và tiếng Pháp. Còn Mỹ và Úc Châu nơi nào cũng dùng tiếng Anh, nên rất tiện lợi. Dĩ nhiên, mỗi ngành đều có lãnh vực sâu thẳm của nó, nhưng căn bản của mỗi vấn đề nếu nắm vững thì lãnh vực ngoại giao sẽ thành công nhiều hơn. Đó là phạm trù lớn ở ngoài xã hội. Còn một ngôi chùa phải như thế nào đây?

Người ta đi đến chùa chắc chắn mỗi người có một mục đích khác nhau, không ai giống ai cả. Có người vì thấy chùa lớn nên tới. Có người vì nhu cầu tâm linh nên tới. Có người vì hẹn hò bạn bè nên tới. Có người vì tìm chỗ an tịnh nên tới. Có người thích ăn đồ chay ở chùa nên tới v.v... Nghĩa là có hàng trăm lý do như thế, nhưng tựu trung chỉ hướng về chùa. Vậy chùa phải đáp ứng lại tất cả những nhu cầu như thế. Tôi thường hay ví rằng ngôi chùa cũng như một nhà hàng vậy. Ngày nay người ta đi nhà hàng ăn cơm không phải vì đói bụng hay vì không biết nấu ăn, mà ăn uống ngày nay là một nghệ thuật và thưởng thức cảnh trí của nhà hàng cũng như cách tổ chức, sự đối xử của nhân viên v.v... Nếu một nhà hàng không đủ những điều kiện ấy thì ít người tới lắm. Ngoài ra, một lý do không kém phần quan trọng là giá cả phải chăng và tiếp đãi ân cần lịch sự. Chừng ấy yếu tố là yếu tố ngoại giao của một nhà hàng để được thành công rồi.

Còn đối với một ngôi chùa, khi người ta nhìn vào, nếu là một người trí thức, người ta phải tự hỏi rằng vào đó để làm

gì? Và học hỏi được gì? Còn người bình dân cũng phải có nhu cầu của họ nữa. Vì vậy vị Trụ trì, Tăng chúng tại tự viện ấy phải là những giọt mật mời gọi qua công phu tu hành, gia trì tu tập, nghiêm trang đạo hạnh v.v... thì dẫu có ở xa trong muôn vạn dặm người Phật Tử họ cũng sẽ kéo về chùa càng ngày càng đông. Còn khi nào Phật Tử lánh xa chùa thì phải biết rằng nơi đó không dụng công tu hành đúng mức vậy. Đâu có gì để bắt buộc họ được. Việc đến chùa là một chuyện tự do và là một việc làm tự nhiên của mỗi người Phật Tử mà. Do vậy sự đi lại thăm viếng, tiếp xúc han hỏi một cách ân cần, tế nhị v.v... là những thành công trong sự ngoại giao. Danh từ ở chùa thường gọi để chỉ cho vị ngoại giao ấy là «tri khách». Có nghĩa là biết lòng người khách, hiểu tâm lý người khách muốn gì. Nếu đã hiểu được ý của người khách thì không cần khách sáo trong lời ăn tiếng nói, khách cũng có thể bộc lộ hết cả tâm tình của mình. Đây là sự thành công của vị tri khách vậy.

Có nhiều ngôi chùa khi nhìn vào thấy như đang giãy chết, vì lẽ điều hiu quá, cô quạnh quá. Không có nội dung tu học, không thể thu hút được tín đồ. Nơi ấy chỉ có một vị sư già hoặc một vài bà vải, không có hoạt động nào đáng kể nhằm giúp tín đồ tu học và tìm hiểu thêm giáo lý của nhà Phật. Ngôi chùa ấy trước sau cũng sẽ bị quần chúng quên đi. Chùa do Phật Tử, dân chúng xây lên. Nếu xứng đáng họ sẽ hỗ trợ tiếp tục, nếu không xứng đáng, nó sẽ tự nhiên băng hoại, không cần ai đập phá làm gì. Vì vậy, công việc hoằng dương Phật Pháp, kiến tạo đạo tràng tu học rất cần thiết cho cả giới xuất gia lẫn tại gia. Cho nên, đừng khinh thường những gì dẫu cho đó là điều nhỏ nhoi nhất.

Điều thứ tư mà tôi sẽ đề cập đến là thông tin, sách báo v.v... rất là quan trọng. Ngày nay có nhiều người bận rộn ít

đi chùa, họ phải ở nhà, phải làm việc ở hãng xưởng, ít có thì giờ đi đến chùa để nghe pháp. Do vậy sách báo gửi đến nhà biểu họ quả là điều quý hóa vô cùng.

Năm 1978, 79, 80 chúng tôi có cho xuất bản tờ báo Viên Giác. Mỗi lần như vậy in 500 quyển bằng lối Photocopy để gửi đi khắp nơi. Lúc đầu vì chưa có kinh nghiệm nên bài vở, tin tức rất khô khan. Tuy nhiên khi Viên Giác đổi sang bộ mới khổ A4 và được sự tài trợ của Bộ Nội Vụ Cộng Hòa Liên Bang Đức thì con số độc giả càng ngày càng tăng. Từ 500 người lên 1.000 người, rồi 2.000 người, 3.000 và 4.000 để cuối cùng sau 25 năm miệt mài với thông tin, tờ báo Viên Giác đã lên gần 6.000 số và được gửi đi 38 quốc gia để biểu. Tất cả đều không phải trả tiền, chỉ có ủng hộ mà thôi. Điều này chỉ có tổ chức Tôn Giáo mới làm được. Còn tư nhân thì khó tồn tại. Vì lẽ tổ chức Tôn Giáo có nhiều người làm thiện nguyện, nên không phải chi phí tiền công. Thế nhưng chỉ riêng tiền giấy, mực cũng đã hãi hùng rồi. Thông thường mỗi tờ báo ít nhất 3 người trong gia đình hoặc bạn bè chuyền tay nhau đọc. Như vậy bình quân mà nói báo Viên Giác có độ gần 20.000 độc giả. Nội dung của báo Viên Giác gồm có các mục như: Thư Tòa Soạn, phần Phật học, phần tiếng Đức, phần Trang Thiếu Nhi, phần Thơ văn, phần sáng tác, phần điếm sách, phần Y học, phần Gia chánh chay, phần Tin tức thời sự, tin Phật sự, những bài Bình luận về Văn học, Chính trị, Phân ưu, Cáo phó, Tìm thân nhân và cuối cùng là Phương Danh Cúng Dường cũng như quảng cáo. Chỉ chừng ấy mục thôi cũng đã đáp ứng được rất nhiều nhu cầu cho người Phật Tử cũng như không Phật Tử. Nếu họ không thích thì họ không đọc, mà đã không đọc thì không ủng hộ, thì làm sao tờ báo đạo sống nổi. Chúng ta sống bằng tình thương của độc giả và sự tin tưởng của độc giả đối với tờ báo, nên họ đã ủng hộ

và gởi gắm tâm sự của mình vào trên giấy trắng mực đen. Tạo được sự tin cậy như vậy không phải dễ. Nghĩa là còn mấy tháng nữa là 25 năm rồi đấy. Kể ra chính quyền cũng như độc giả, tờ báo Viên Giác đã và đang được sự tin cậy rất cao. Từ đó chúng tôi đã vững tin vào lý tưởng và con đường phụng sự cho Dân Tộc và Đạo Pháp là thiết yếu. Vì vậy suốt 25 năm qua tôi vẫn đóng vai trò Chủ Nhiệm cho tờ báo và Thị Chon, anh Phù Vân đóng vai trò Chủ Bút của báo Viên Giác suốt từ hơn 2 thập niên qua và đây là một cơ quan ngôn luận đáng kể về lượng cũng như về phẩm đối với người Việt đang tỵ nạn cộng sản ngày nay tại châu lục này.

Những sách vở của tôi viết cũng đã góp phần không nhỏ vào sự thành công này. Đa phần những sách tôi viết đủ loại, đủ thể tài như giáo lý, ký sự, hành hương, giáo dục, dịch thuật, tường thuật, biên khảo, tiểu thuyết v.v... bộ môn nào cũng có một vài cuốn tiêu biểu. Từ năm 1974 đến nay tôi viết và dịch kể cả quyển này là 34 quyển. Như vậy trung bình mỗi năm xuất bản một quyển bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau.

Đa phần tôi viết hoặc dịch ra tiếng Việt rồi anh Tuấn, chị Cúc, Thị Chon, Hạnh Tấn, Hạnh Giới đã chuyển sang tiếng Đức và những sách này cũng được Bộ Nội Vụ giúp tiền xuất bản. Đồng thời cũng là một nguồn thông tin đáng tin cậy, nên các Giáo sư Đại Học Hannover như Giáo sư Tiến sĩ Martin Baumann, Giáo sư Tiến sĩ Rump đã trích dịch sách của tôi viết, nhằm làm tài liệu nghiên cứu cho các sinh viên Đại Học về ngành Tôn Giáo học. Ví dụ như quyển *Deutsche Buddhisten* xuất bản năm 1995 của nhà xuất bản Diagonal và quyển *Migration, Integration Religion - Buddhistische Vietnamesen und Hinduistische Tamilen in Deutschland* - nghĩa là: Sự di cư, hội nhập về tôn giáo của người Phật Tử và Ấn Độ giáo của dân Tamil tại nước Đức. Đây là những cuốn

sách tiếng Đức rất có giá trị mà nhiều sinh viên cũng như Giáo sư Đại Học đều biết đến.

Giáo sư Tiến sĩ Rumpf là người Ấn Độ lấy chồng Đức. Bà theo Ấn Độ giáo, nhưng rất quan tâm đến Phật Giáo. Bà đang dạy tại Đại Học Hannover trong phân khoa Tôn Giáo học, vừa rồi bà cũng cho xuất bản một quyển sách tiếng Đức nhan đề là: Weltreligion Buddhismus, cũng đã trích dẫn nhiều tài liệu trong sách của tôi đã viết.

Bộ sách “Nghiên Cứu Giáo Đoàn Phật Giáo Thời Nguyên Thủy”, 3 cuốn, tôi dịch từ tiếng Nhật sang tiếng Việt và Hạnh Tấn đã dịch những sách này sang tiếng Đức và có một lúc Dharma College ở Innsbruck, Áo Quốc, đã dùng làm sách giáo khoa cho các sinh viên học về Phật khoa tại đây.

Riêng những sách tiểu thuyết như: Tình Đòi Nghĩa Đạo, Vụ Án Một Người Tu v.v... đã được đăng nguyên văn lên Internet và trở thành những quyển tiểu thuyết hay cho mọi người, đã được nhiều người đọc. Từ đó chữ nghĩa chuyên chở tư tưởng cũng như tư tưởng giải thoát đã mang đến cho mọi người xa gần nhiều cảm nhận khác nhau.

Đọc văn tức hiểu người là ý này vậy. Câu văn viết càng đơn giản chừng nào, ý nghĩa càng sâu sắc chừng nào thì càng dễ làm cho người ta có cảm tình và chấp nhận. Một văn sĩ nổi tiếng không phải tự nhiên viết một hay hai quyển sách mà nổi tiếng. Người ta phải qua hàng chục năm kinh nghiệm mới gởi gắm tâm tình của mình vào sách vở được. Đến nay tôi đã hoàn thành 34 tác phẩm rồi và dĩ nhiên từ đây cho đến cuối đời còn tiếp tục sáng tác dịch thuật nữa. Trong 34 tác phẩm ấy, có tác phẩm tôi rất hài lòng, nhưng cũng có tác phẩm chưa vừa ý mấy. Có lẽ cũng giống như 34 người đệ tử đã xuất gia với tôi từ bấy lâu nay đây thôi. Đây là một con số

trùng hợp rất có ý nghĩa. 34 tác phẩm và 34 người xuất gia. Có thể mỗi người đại diện cho một tác phẩm được chăng?

Người xưa bảo: “Thư trung hữu ngọc.” Nghĩa là trong sách có ngọc là vậy. Nhiều người lấy tiền bạc đi mua ngọc ngà châu báu để trang sức cho sắc đẹp sẽ tốn kém hơn, chi bằng trang sức tâm niệm mình bằng những tư tưởng của sách vở, sẽ làm cho nội tâm mình phong phú hơn nhiều. Có nhiều người không tiếc tiền để mua cả hàng trăm thức ăn khác nhau chất trong tủ lạnh. Trong khi đó bỏ tiền ra mua một cuốn sách lại chẳng dám, nhưng ngược lại cũng có lắm người cho việc ăn uống chẳng cần thiết, nhưng việc bổ dưỡng cho trí tuệ là một điều không thể nào thiếu trong cuộc sống hàng ngày.

Mỗi ngày tôi đọc ít nhất là 2 tiếng đồng hồ, bất cứ sách, kinh gì. Điều ấy gần như bắt buộc. Nếu không đọc sách, trí óc sẽ mù lòa. Vì vậy ngày nào tôi cũng bắt buộc đầu óc của mình nó làm việc nhằm khơi dậy những chủng tử nơi A Lại Da Thức phải luôn luôn tỉnh thức và nhận chân lối đi về của mình.

Có người thích đọc sách về triết học, về nghiên cứu, về địa lý, về tiểu thuyết, về xã hội, về giáo dục, về kỹ thuật v.v... nhưng cũng có lắm người chỉ muốn thực tập chứ không muốn đọc sách. Điều ấy cũng tốt thôi. Miễn sao lý thuyết và thực hành bổ sung với nhau là được.

Tôi chưa bao giờ tự nhận mình là văn sĩ, cũng không là tiểu thuyết gia, mặc dầu tước hiệu văn học sĩ của Nhật Bản đã có từ năm 1977. Tôi phải làm gì cho Văn Học Nhật Bản, Văn Học Việt Nam và Văn Học Đức đây? Tôi quan niệm mỗi một người, một loại ngôn ngữ là một chiếc cầu có thể bắt nhịp từ quá khứ đến hiện tại và từ hiện tại sẽ có một nhịp

cầu bắt tiếp qua tương lai, chứ tuyệt nhiên không có chiếc cầu nào có thể bắt trực tiếp từ quá khứ sang tương lai cả, mà phải có sự chuyển giao, đào tạo và kế cơ, kế lý trong từng thời đại v.v...

Tôi đã nhò vào sách vở và kinh điển mà học hỏi được rất nhiều. Bây giờ tôi lại nấu, xào những gì đã thâm nhập được, làm một loại thực phẩm khác để trao truyền lại cho quý vị, nó cũng chỉ là bốn phận của người đi trước mà thôi. Nếu các bạn và quý vị rút tĩa ra được một số điều căn bản nào để tu tập hoặc giả làm phương tiện trong đời sống tâm linh của mình thì đó cũng là sự thành công nho nhỏ của người viết muốn gởi gắm đến quý vị rồi.

Điều thứ 5 đã giúp tôi đi đến chỗ thành công là cách tổ chức và sắp đặt công việc.

Tôi thường hay nói với mọi người rằng: Nếu so sánh đầu óc, học lực giữa người Á Châu và người Âu Mỹ, chưa chắc ai đã hơn ai. Nhiều khi người Á Châu có sức học nhiều hơn là người Âu Mỹ. Nhưng tại sao ở Âu Mỹ có nhiều nhân tài như Bác học, Bác vật, trong khi đó thì tại Á Châu lại ít hơn? Đây là một câu hỏi mà sự trả lời có thể nhắm đến là: Phương pháp tổ chức, cách điều hành một cơ sở, hãng xưởng, chùa viện v.v... Nếu người làm việc có phương pháp, chắc chắn sẽ dễ thành công hơn là người không có đầu óc tổ chức. Vậy người Âu Mỹ tổ chức như thế nào?

Đầu tiên là người nào việc ấy. Việc của ai kẻ ấy biết, chứ không cần biết việc của người khác, ngoại trừ ông Giám đốc có trách nhiệm phải coi ngó công việc chung cho hãng. Ví dụ một người thợ sửa xe hơi của Đức, mỗi người chỉ làm một việc khác nhau như người lo cho dàn đồng riêng, người thợ sơn riêng, người thợ làm ngội riêng. Trong khi đó người

thợ Á Châu có thể sửa chiếc xe từ A đến Z, cái nào cũng làm được, nhưng cuối cùng chẳng có cái nào ra cái nào cả. Vì không có chuyên môn nên tay nghề yếu. Từ sự yếu kém này thì không thể có sự chuyên nhất được. Đã không chuyên nhất thì làm sao có thể tiến thân cao xa hơn nữa.

Trong khi đó ở những xã hội Âu Mỹ này có điều kiện để nghiên cứu và thời gian ăn học lâu hơn. Ví dụ như cha mẹ có tiền cho con ăn học, hoặc giả chính phủ nâng đỡ, cho mượn học bổng học cho xong học trình, sau khi ra trường đi làm việc lấy tiền trả dần lại cho chính phủ. Ở đây phải nói rằng chính phủ có quan tâm đến sự học và hỗ trợ cho sự học ấy thành tựu. Còn ở Á Châu lại không có được điều đó và nếu có cũng không thoải mái chút nào.

Có nhiều người đặt câu hỏi. Tại sao ở Đức chính phủ lại giúp cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất và chùa Viên Giác suốt hơn 20 năm qua như thế? Dĩ nhiên là có nhiều câu trả lời và đây là ý chính theo cái nhìn của tôi.

- Nhà nước Đức trên thực tế chỉ cho mỗi năm một cho mọi hoạt động. Nếu anh làm tốt thì năm sau sẽ được tiếp tục. Nếu làm không thành công, dĩ nhiên là năm sau không có lý do gì để xin tiếp tục nữa. Ví dụ tờ báo Viên Giác chẳng hạn. Đầu tiên ra 500 số và sau 24 năm, bây giờ con số độc giả đã gần 6.000 số phát hành mỗi kỳ. Mỗi năm chúng tôi phát hành 6 số, liên tục trong 24 năm qua không gián đoạn. Do vậy đây là sự tin tưởng mà chính quyền đã có và sự giúp đỡ vẫn còn tiếp tục.
- Giúp để tự giúp. Điều ấy có nghĩa là chính phủ cho vốn liếng và từ vốn liếng nhỏ ấy, cứ tiếp tục tăng trưởng mãi và dĩ nhiên trong đó cũng có sự đóng góp của Giáo Hội nữa. Nếu với số lượng tiền bạc giúp đỡ đó mà chính phủ tự làm thì không thành công bằng giao

cho người Việt làm. Người Việt làm trực tiếp ít tốn kém hơn, mà hiệu năng nhiều hơn. Vì lẽ không ai hiểu người Việt bằng người Việt cả.

- Điều kế tiếp cũng không kém phần quan trọng là chính phủ Đức đang thực hiện chương trình đa văn hóa trên quê hương này. Họ giúp đỡ những nhóm nhỏ để tự tồn và phát triển để bảo tồn và phát huy văn hóa của quê hương cũ đồng thời hội nhập vào đời sống văn hóa mới tại xứ Đức này. Điều này chính phủ Đức rất khôn khéo và đã tạo được sự tin tưởng của những người ngoại quốc đang sinh sống hoặc tỵ nạn tại xứ này. Có nhiều người Đức cực đoan nghĩ rằng: Xứ Đức phải là xứ thuần chủng, không bị lai giống. Nhưng nghĩ như vậy là sai. Vì lẽ trong một vườn hoa, nếu có nhiều bông hoa nở, khoe sắc thắm thì vườn kia càng ngày càng khởi sắc chứ có sao đâu. Còn hơn là chỉ đơn điệu nở có một loài hoa, trông nó lẻ loi và đơn độc. Ngày nay thế giới đã sống chung đại đồng rồi. Không còn ai có thể đứng độc lập mà tồn tại cả. Ngay tại Âu Châu này ngày nay mọi người cũng đã ý thức và đang sống chung như vậy.
- Chính phủ không giúp cho một Tôn Giáo nào phát triển tại đây cả, mà Tôn Giáo phải tự lo phát triển trong tinh thần tự do của Tôn Giáo mình là được. Nếu có giúp đỡ như trường hợp của người tỵ nạn Phật Tử Việt Nam là giúp đỡ văn hóa của tôn giáo đó mà thôi.

Trên đây là một số lý do chính mà chính quyền Đức đã tài trợ cho người tỵ nạn Phật Tử Việt Nam qua cái nhìn và suy nghĩ của tôi. Còn lý do nào khác nữa thì tôi không biết, nhưng tựu trung có thể hiểu như những gì đã giới thiệu bên trên.

Người biết tổ chức là người biết điều hành, sử dụng mọi người vào công việc. Người xưa thường nói: “Dụng nhân như dụng mộc.” Có nghĩa là dùng người như dùng cây gỗ. Cây cong thì làm theo dáng cong, cây thẳng thì làm theo dáng thẳng. Nếu cây cong kễ cho thẳng, hoặc cây thẳng kễ cho cong, sẽ có vấn đề. Cái khôn khéo của người lãnh đạo quần chúng là ở chỗ này. Phải biết tâm lý quần chúng như thế nào và muốn gì thì mình dựa vào đó mà quyết định, xử trí v.v... thì sẽ dễ đi đến chỗ thành công. Mình nên bán những gì người ta thích mua, chứ đừng nên bán những gì mà mình thích bán. Người mua bao giờ cũng xem về giá cả, mẫu mã trước. Nếu hợp túi tiền thì sẽ mua và mua những gì họ thích. Người bán cũng thế, khi bày hàng ra thì phải muốn bán cho được hàng. Không phải muốn cho có lời nhiều mà hàng của mình là loại hàng dỏm được. Đa phần thì người ta chỉ thích bán những gì họ đang bán, nhưng phải hiểu tâm lý của người đi mua nữa, nó cũng không kém phần quan trọng trong khi thể hiện chỉ bán một món hàng. Nếu là hàng tốt mà đắt bao nhiêu, họ cũng cố gắng mua, nhưng là hàng không tốt mà treo giá cao, thì chắc chắn sẽ khó thành công trong việc thương mại.

Khi một công việc đã được phân công thì người được phân công chỉ có bốn phận làm công việc của mình và không cần để tâm đến công việc của người khác. Ví dụ như công tác của tôi là lo dọn cơm cho khách, chẳng may trong lúc dọn cơm có người nhờ tôi ra nhà gare để đón một người nào đó, tôi không thể bỏ nhiệm vụ dọn cơm của tôi mà đi làm một chuyện không phải là công tác của mình. Nhiệm vụ này do người lãnh đạo giải quyết chứ không phải là chuyện của mình phải giải quyết. Nếu vị nể người nhờ mà đi đón khách. Cuối cùng trách nhiệm đã được giao không làm tròn. Ở Tây

Phương cái tinh thần trách nhiệm này người ta học rất kỹ, trong khi ở Á Châu, nhất là Việt Nam, cái tinh thần trách nhiệm này không được tôn trọng mấy. Do đó ít đi đến chỗ thành công là lý do chính vậy. Người Á Đông xuề xòa hơn, cởi mở hơn, nhưng đồng thời cũng ít tự chủ vấn đề hơn. Trong khi đó người Âu Mỹ khép kín, tính toán kỹ lưỡng, nhưng có mục đích và kế hoạch rõ ràng hơn là người Đông Phương.

Người Á Châu, có lắm người hối lộ trắng trợn, người Âu Châu cũng không ít, nhưng cái hối lộ, cái gian trá ấy có giấy tờ bảo chứng. Ví dụ họ đến sửa máy chỉ một tiếng đồng hồ, nhưng giá thành phải trả là 2 tiếng ruồi. Đó chỉ là một ví dụ nhỏ thôi. Còn nhiều mảnh lối khác giữa Đông và Tây đều có, nhưng xét về quyền lợi và bốn phận cái nào phải hy sinh cho cái nào thì tùy theo mỗi hoàn cảnh của mỗi châu lục khác nhau mà đi đến kết luận của vấn đề.

Người đứng ra tổ chức không nhất thiết phải là người làm tất cả mọi công việc, mà là người biết tất cả việc và biết phân chia công việc cho người khác một cách hợp tình hợp lý. Ví dụ người có khả năng tại nhà bếp không thể chia công việc ở văn phòng được. Ngược lại người làm vườn không thể chia cho công việc của một kỹ sư về computer được. Một ông Giám đốc của một hãng, xưởng hay một vị Trụ trì của một ngôi chùa, tự viện không nhất thiết phải làm được tất cả mọi việc từ nhà bếp đến văn phòng. Dĩ nhiên biết được càng tốt, nhưng ít có người như thế lắm. Điều căn bản là phải biết dùng người, trong trường hợp này rất là quan trọng. Mọi người đang chờ ta đó, ta phải làm sao để dung nạp họ là một thành công của người tổ chức.

Sau bao nhiêu năm học tại Nhật và Đức, tôi đã rút ra nhiều kinh nghiệm cho người Việt Nam và đã ứng dụng cho

chùa Viên Giác trong các kỳ lễ Phật Đản, Vu Lan cũng như Tết và Rằm Tháng Giêng nên đã đi đến một kết quả rất khả quan. Ban đầu cũng có nhiều người chống đối, nhưng bây giờ đã đi vào nề nếp. Ví dụ như đi chùa vào các lễ lớn mỗi phần cơm phải trả 5 Đức Mã. Có nhiều người bảo đi chùa đã cúng tiền rồi, ăn cơm tại sao phải trả tiền nữa? Nói như vậy không sai nhưng không hoàn toàn đúng. Vì lễ cúng dường là một phước đức riêng, ai cúng cũng được, ai không cúng cũng không sao. Điều này không bị bắt buộc. Còn ăn uống. Nếu ta ở nhà hoặc ra tiệm cũng phải mua sắm đồ ăn vậy thôi. Khi đi tiệm hoặc mua sắm chắc chắn phải trả tiền rồi. Và lại một buổi lễ 5, 7 ngàn người như thế không thể nào phát không mà không tiêu lệ phí nào cả được. Khi có phát hành và trả tiền như thế chắc chắn phần ăn 5 Đức Mã kia sẽ xứng đáng với đồng tiền, chứ không phải là một sự phát chẩn muốn phát như thế nào cũng được.

Bây giờ thì mọi người đã hiểu và hầu như chùa nào tại Đức này hay tại Âu Châu cũng như Mỹ Châu và Úc Châu cũng đã ứng dụng vào cách tổ chức phát hành như vậy. Tuy cũng còn một số chùa vẫn còn áp dụng như lối sinh hoạt tại Việt Nam, nghĩa là cái gì cũng miễn phí để tùy hỷ cúng dường. Như vậy sẽ khó phát triển cơ sở lớn rộng hơn về lâu về dài được.

Mới đây tôi có nhận được một băng Niệm Phật phát hành tại Hoa Kỳ. Phía ngoài của máy niệm Phật để là: Hỗ trợ tùy hỷ. Điều ấy có nghĩa là cúng vào bao nhiêu cũng được để nhận được cái máy này, nhưng mấy ai có thể bỏ ra hơn 5 US\$ để có máy ấy. Trong khi ấy mỗi máy này hỏi ra giá căn bản để có là 10 US\$. Như vậy nếu có ai đó bỏ vào chỗ cúng dường 1 hoặc 2 US\$ để lấy cái máy, lúc ấy tâm phân biệt của mình lại nổi lên là tại sao cúng dường vào đó ít quá

nhỉ? Tại sao ta không để giá thành, hoặc ít ra phải ghi rõ là phát hành không cần lợi nhuận, nhưng giá chính thức là như vậy để cho cả người thỉnh lẫn người phát hành dễ dàng hơn. Đây cũng là một cách tổ chức thôi. Muốn thành công phải có nhiều cải cách nữa mới được.

Ở ngoài đời sống bình thường khi làm việc như thế có lãnh lương, có tiền thưởng, có nghỉ hè v.v... thì nhân công siêng năng làm việc, nhưng ở trong chùa, nhất là những hội từ thiện tôn giáo, ai ai cũng đến với đạo chỉ một tấm lòng. Nếu căng thẳng điều hành giống như một mô hình nhất định thì sẽ hỏng ngay. Khi viết sách cũng thế, người lãnh đạo phải viết những gì thực tu, thực chứng và thực học họ mới nghe theo. Còn nếu nói cho có nói, viết cho có viết sẽ không chinh phục được ai bao giờ.

Có nhiều loại sách bán rất chạy như tiểu thuyết tình cảm, tâm thư, sách chửi bới nói xấu kẻ khác, nhưng khi đọc xong chẳng có một ý nghĩa gì cả, ngoài cái ý nghĩa làm thỏa mãn tự ái cá nhân. Thế nhưng lại rất nhiều người lưu tâm. Vì trình độ họ chỉ đến đó, họ không cần suy nghĩ thêm mất thì giờ và không cần tính toán cho xa. Điều ấy không cần thiết. Cũng ví như có nhiều nghề lợi nhuận rất nhiều, chẳng mấy chốc mà giàu to như buôn ma túy, nhưng kết quả là gì thì ai cũng rõ, làm cho bao nhiêu thế hệ trẻ, già, trung niên bị sa ngã và đọa lạc. Quốc gia không thể nào phát triển được với những công dân bệnh hoạn như thế. Gia đình sẽ chẳng có hạnh phúc khi mà người chồng hay người vợ chỉ vui sống với khói mây, hơi men mà quên đi bổn phận giáo dục con cái v.v...

Cũng có những tờ báo ở xứ Đức này bán rất chạy và mỗi lần xuất bản cả mấy trăm ngàn số, tiền lời vô kể. Trong khi đó những tờ báo đứng đắn thì rất khó phát hành, nhiều khi bị phá sản vỡ nợ, không phải là họ không có ý chí và khả năng,

nhưng thiên thời, địa lợi và nhân hòa là 3 yếu tố chính, họ đã chưa trọn vẹn đạt tới được. Trong truyện Kiều Việt Nam có câu thơ rằng:

*“Có tài mà cậy chi tài
Chiữ tài liền với chữ tai một vần.”*

Người có tài thường hay gặp nhiều khó khăn trở ngại. Nếu không nhờ hồng phúc của chính mình và ông bà ở nhiều đời nhiều kiếp thì khó mà thành tựu trong kiếp này.

Có nhiều người xem đá banh xong ra bình luận rằng: Đội A đá đá hay nhưng chẳng may bị xui xẻo quá khi «sút» cú banh bị thủ môn chụp được. Hoặc giả hôm đó trời mưa, nên đội A không làm chủ tình hình được. Còn đội B quá hên, vì đến phút cuối cùng mà đã thắng. Hoặc giả đó là sân nhà của đội B cho nên mới có được kết quả như vậy.

Học thì nhiều người đã đi học, khi thi ra trường người ta cũng đậu bằng này bằng nọ, nhưng nhìn kỹ lại bạn bè thì có nhiều người may mắn hơn nên có chỗ làm tốt hoặc được ông chủ tin cậy giao phó nhiều vấn đề quan trọng. Còn mình cũng bằng cấp như ai, nhưng có ra gì đâu. Nhiều khi còn kém hơn những người công nhân nữa. Vậy thì điều gì nó tạo nên cái yếu tố thành công đó? Có phải là nhân duyên, sự may rủi chăng?

Dĩ nhiên là không hoàn toàn đúng 100% nhưng cũng có một phần nào đó. Ví dụ như người học trò trước khi đi thi sửa soạn rất kỹ, làm bài rất tốt, nhưng hôm đó xui là gặp ông Thầy có vấn đề trong gia đình, buồn rầu, nên khi chấm bài cho anh ta không hứng thú mấy và thế là bị cho điểm thấp. Như thế đó và trong cuộc sống lại cứ liên tục có nhiều vấn đề tương tự như vậy.

Riêng tôi cũng nằm trong những trường hợp trên. Dĩ nhiên là tôi phải tự lực rồi, nhưng sức tự lực của con người bao giờ cũng có giới hạn, phải cầu đến tha lực của chư Phật và chư vị Bồ Tát nữa. Sự gia hộ, sự gia trì, sự hỗ trợ vô hình, sự tin tưởng có nhiều đời nhiều kiếp, sự hy vọng, sự nhẫn nại, ý chí cương quyết v.v... Tất cả những thứ đó dựng nên con người của tôi. Vì vậy cho nên nhiều Thầy, Cô hay Phật Tử thường nói tôi là người có phước. Bên trái cũng có người giúp đỡ, bên mặt cũng có người hộ vệ. Ở sau lưng, ở phía trước, ở chung quanh nơi nào cũng có người luôn luôn chia sẻ những khó khăn của mình. Tôi xin thừa một điều, tôi không phải là người tài giỏi. Vì trên tôi có nhiều người tài giỏi hơn mình. Tôi thành công trong 5 lãnh vực vừa kể như: cung kính, thuyết giảng, ngoại giao, viết sách, óc tổ chức v.v... là nhờ biết điều nghiên, thay đổi phương pháp làm việc, thích hợp thời cơ và đặc biệt là phải thường lắng nghe những ý kiến đóng góp. Khi ra làm việc phải chấp nhận một nguyên tắc chung, chứ không nên thiên vị. Ví dụ như không phải lúc nào cũng chỉ nghe lời người lớn nói chuyện, mà không để ý đến những ý kiến đóng góp của thanh niên hay trẻ con. Nếu người lớn nói sai làm sao ta có thể tin tưởng hoàn toàn vào những lời nói đó. Trong khi trẻ con đóng góp ý kiến đúng mà ta không thực hành. Đây là những cái tíc-tắc, những cái quyết định rất nhanh của người lãnh đạo cần phải có, nếu muốn công việc được thành công.

Chương VII

PHÁP MÔN TU HỌC, HÀNH TRÌ CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM TẠI ĐỨC NHƯ THẾ NÀO?

Ngày xưa khi Phật còn tại thế Ngài đã chỉ dạy cho mọi người xuất gia cũng như tại gia chỉ một con đường thôi. Đó là làm sao cho được giác ngộ giải thoát. Ngài là một vị giáo chủ ở cõi Ta Bà này, thế nhưng Ngài đã dùng không biết bao nhiêu là phương tiện để hóa độ quần sanh. Tuy nhiên Ngài cũng đã không độ hết cho mọi người được. Vì trong đó có nhiều người thiếu nhân duyên với Phật Pháp.

Ngài nói pháp từ cao đến thấp, rồi từ thấp đến trung bình. Sau đó tiến cao hơn là trí tuệ bát nhã, tánh không và cuối cùng là siêu việt Tam Giới, chứng được Niết Bàn diệu tâm. Thuở ban đầu ấy, giáo lý của Đức Phật như một dòng sông lớn, chuyên chở hết tất cả mọi tốt xấu của cuộc đời và suốt 25 thế kỷ qua, dòng sông ấy chảy sang các nước Đông Nam Á Châu, sang Trung Hoa, Việt Nam, Nhật Bản, Đại Hàn, Mông Cổ, Tây Tạng, Bhutan... Đến thế kỷ 20, 21 dòng sông ấy lại chảy mãi đến những xứ xa xôi khác như Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Úc, Châu Phi chứ không còn ở yên nơi Châu Á nữa. Do vậy mà đã mọc thêm không biết bao nhiêu là dòng sông con. Có dòng sông con phát triển rất mạnh chia ra làm 10 nhánh như Phật Giáo của Trung Quốc thời Đường, hoặc Phật Giáo Nhật Bản hay ở Tây Tạng cũng thế. Ở Việt Nam không chia ra 10 Tông phái như thế nhưng sau này phái nào cũng muốn

thủ chấp cho mình là đúng và tập hợp một số tử đệ để tạo ra một môn phái riêng, nhằm xiển dương tâm niệm của người tạo ra chi nhánh đó. Nhưng đồng thời cũng có những dòng sông nhỏ bị nghẽn lối, không tiếp xúc được với dòng sông mẹ, nên đã bơ vơ lạc lõng và chảy hiu quạnh, lạc loài ở một khung trời xa lạ khác.

Ngay cả từ thời Đức Phật cũng đã có nhiều người tu nhưng chấp vào có, có người chấp không, có người chấp còn, có người chấp mất và chính trong thời Phật ấy sau 12 năm Tăng chúng thanh tịnh không có vấn đề tranh cãi nhau và đến khi Tăng đoàn quá đông thì sinh ra tạp lục. Ví dụ như thuở ấy, Phật có người đệ tử tên là Da Xá (Yasas). Vị này là con trai của vị trưởng giả ở thành Tỳ Xa Ly. Sau khi xuất gia còn quay về nhà ngủ với vợ cũ. Đức Phật chê trách, bèn đặt ra giới dâm. Đây là duyên có đầu tiên chế định ra giới trong Phật Pháp. Vị này trở thành một đối tượng bị chê bai trong Tăng chúng lúc bấy giờ. Rồi sau đó cũng trong thời Phật còn tại thế, có nhiều vị Tỳ Kheo muốn thay đổi cách ăn uống và cũng có nhóm muốn hành trì theo khuôn khổ giới luật như Phật đương thời.

Khi Phật thuyết giảng, Ngài đã tùy theo từng trình độ để thuyết pháp và sau này các vị Tổ Sư căn cứ theo đó mà chia ra Tiểu Thừa (Hinayana), Nguyên Thủy (Theravada), Đại Thừa (Mahayana) và trong mỗi Tông như vậy còn có nhiều phái khác nhau. Ví dụ như khi Phật Giáo truyền vào Trung Quốc thì chia ra đến 10 phái. Đó là:

1. Luật Tông (Nam Sơn Tông)
2. Câu Xá Tông (Hữu Tông)
3. Thành Thực Tông
4. Tam Luận Tông (Tĩnh Không Tông)

5. Thiên Thai Tông (Pháp Hoa Tông)
6. Hiền Thủ Tông (Hoa Nghiêm Tông)
7. Từ Ân Tông (Pháp Tướng Tông - Duy Thức Tông)
8. Thiền Tông
9. Mật Tông (Chân Ngôn Tông)
10. Tịnh Độ Tông (Liên Tông)

Phật Giáo Nhật Bản cũng có 2 thuyết nói về 10 Tông này.

Thuyết thứ nhất cho rằng 10 Tông của Phật Giáo Nhật Bản là: Đại Thừa Luật Tông, Câu Xá Tông, Thành Thực Tông, Pháp Tướng Tông, Tam Luận Tông, Thiên Thai Tông, Hoa Nghiêm Tông, Chân Ngôn Tông, Tiểu Thừa Luật Tông, Tịnh Độ Tông.

Thuyết thứ hai không nêu Đại Thừa Luật Tông vào trong Thập Tông, thay vào đó là Thiền Tông.

Trong 10 tông ấy có Thành Thực Tông và Câu Xá Tông là những tông thuộc Phật Giáo Tiểu Thừa, không thích hợp với Phật Giáo Nhật Bản và Trung Quốc nên không còn tồn tại nữa. Ngày nay, tại Trung Quốc và ngay cả Nhật Bản đều thịnh hành nhất là Tịnh Độ Tông, Thiền Tông, Pháp Hoa Tông và Hoa Nghiêm Tông. Mật Tông ở cả 2 nước này cũng như Việt Nam không thịnh hành lắm. Chỉ có Tây Tạng là chuyên sâu vào việc hành trì của Mật Tông mà thôi.

Ở Việt Nam, Nhật Bản và Trung Quốc, Tông Tịnh Độ rất thịnh hành. Tông này tại Trung Quốc lấy Ngài Phổ Hiền Bồ Tát làm Sơ Tổ, lấy việc niệm Phật cầu vãng sanh làm trọng tâm. Sau đó được truyền sang Nhật Bản và Việt Nam. Có 3 dịch giả dịch 3 bộ kinh quan trọng của Tịnh Độ Tông là:

1. Ngài Khang Tăng Khải, thế kỷ 2, là nhà sư Thiên Trúc đã dịch kinh Vô Lượng Thọ ra chữ Hán.

2. Ngài Cưu Ma La Thập, vào cuối thế kỷ 4, cũng người Thiên Trúc dịch kinh A Di Đà, và
3. Ngài Cương Lương Da Xá, vào đầu thế kỷ 5, cũng người Thiên Trúc dịch kinh Quán Vô Lượng Thọ, 3 quyển.

Đó là những kinh căn bản của Tịnh Độ Tông.

Ngài Tuệ Viễn người Trung Quốc, vào thế kỷ 7, đời nhà Tấn, chuyên tâm dẫn pháp về môn Tịnh Độ. Ngài trụ trì ở núi Lư Sơn, lập ra Liên Xã gồm 123 người cùng nguyện được vãng sanh sang cõi Cực Lạc. Các Ngài Đàm Loan đời Ngụy, Đạo Xước đời Đường cũng đều chuyên nhất tu theo pháp môn này, lấy việc chuyên tu quán tưởng, trì danh Đức Phật A Di Đà làm chính. Tông này còn có tên là Liên Tông. Tông này rất thịnh hành tại Việt Nam và Nhật Bản.

Thầy Trí Siêu Lê Mạnh Thát mới đây khi viết quyển Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam, tập 1, Từ khởi nguyên đến thời Lý Nam Đế (thế kỷ 6) cũng đã chứng minh rằng Tịnh Độ Tông đã có mặt tại Việt Nam từ thế kỷ 4 và thịnh hành ở núi Tiên Du, Bắc Việt. Như vậy, qua lịch sử truyền thừa chúng ta thấy được rằng mỗi một nước, mỗi một Tông phái được tiếp nhận một cách khác nhau, tuy cùng phát sinh từ Đức Phật. Rồi Phật Giáo được truyền sang Âu Mỹ ngày nay còn khác xa Phật Giáo thời nguyên thủy nhiều hơn nữa. Điều đó phải chấp nhận thôi. Vì lẽ “ở bầu thì tròn, ở ống thì dài” là lẽ ấy. Phật Giáo phải khế hợp với nhân sinh và lòng người mà tồn tại, chứ Phật Giáo không thể sống ra ngoài văn hóa phong tục của nơi truyền đến.

Thiền Tông cũng được truyền vào Trung Hoa, Nhật Bản và Việt Nam rất sớm. Ví dụ Thiền Tông từ Ấn Độ do Ngài Bồ Đề Đạt Ma tổ thứ 28 của xứ này mang Thiền qua Trung

Quốc vào đời Lương Vũ Đế niên hiệu Phổ Thông (520-527) và truyền tiếp cho đến 5 đời nữa như: Huệ Khả, Tăng Xán, Đạo Tín, Hoàng Nhân và Lục Tổ Huệ Năng. Kế tiếp việc truyền thừa vẫn còn tiếp tục cho đến thế kỷ 20, 21.

Mặc dầu Phật Giáo từ Ấn Độ được truyền sang Trung Quốc trước đó hàng 500 năm, nhưng chưa phát triển mấy. Cho đến khi Thiền của Bồ Đề Đạt Ma truyền đến Trung Quốc, Thiền phái này mới phát triển mạnh về sau này.

Sau đây là một phần sử liệu căn bản về sự truyền thừa của Thiền Tông Trung Quốc:

“Thiền tông, còn gọi là Phật Tâm tông, Đạt Ma tông, Vô Môn tông. Chỉ một tông phái Đại Thừa lấy Ngài Đạt Ma làm Sơ Tổ, nghiên cứu bản nguyên của tâm tính, để mong “kiến tính thành Phật”. Đó là một trong 13 tông của Trung Quốc, một trong 13 tông của Nhật Bản. Hệ thống chuyên chú tọa thiền từ cổ ở Trung Quốc là Thiền tông, bao gồm cả hai hệ Thiền Thai, Tam Luận, chứ không chỉ giới hạn ở Thiền tông. Từ Trung Đường trở đi, Đạt Ma tông hưng thịnh thì Thiền Tông là chỉ Đạt Ma tông. Về truyền thừa của tông này, Trung Quốc lấy câu chuyện của Đức Phật trong Hội Linh Sơn gio bông hoa, và Ngài Ca Diếp mỉm cười làm nguồn gốc. Thuyết này tuy không có căn cứ lịch sử, nhưng thuyết “lấy tâm truyền tâm, truyền riêng ngoài giáo” từ sau Lục Tổ trở đi vẫn nhấn mạnh câu chuyện Ngài Ca Diếp được trao pháp truyền thừa này. Sau Ca Diếp đến các Ngài A-Nan, Thương-na-hòa-tu, Ưu-bà-cúc-đa, Đề-đa-ca, Di-già-ca, Bà-tu-mật, Phật-đà-nan-đề, Phú-na-dạ-ca, A-na-bồ-đề, Ca-tỳ-ma-la, Na-già-ư-lạt-thục-na, Ca-na-đế-bà, La-hầu-la-đa, Tăng-già-nan-đề, Già-da-xá-đa, Cưu-ma-la-đa, Xà-dạ-đa, Bà-tu-bàn-đậu, Ma-nô-la, Cưu-lặc-na, Sư Tử bồ-đề, Bà-xá-tư-đa, Bất-như-mật-đa, Bất-nhã-đa-la, đến Bồ-đề Đạt-ma gồm 28 vị, đó cũng là

28 vị Tổ của Thiên tông Ấn Độ. Bồ-đề Đạt Ma vào niên hiệu Phổ Thông (520-527) đòi vua Lương Vũ Đế, từ vùng Nam Thiên Trúc đến Kiến Nghiệp (Nam Kinh) truyền bá tông này vào Trung Quốc. Đó là vị Sơ Tổ của Thiên tông Trung Hoa. Ngài Đạt Ma khi mới đến có yết kiến Lương Vũ Đế, nhưng không hợp. Sư bèn tới chùa Thiếu Lâm núi Tung Sơn quay mặt vào vách đá ngồi thiền 9 năm. Mọi người gọi Sư là Bích quán Bà La Môn.

“Ngài Thần Quang (Tuệ Khả) đứng ngoài trời tuyết tự chặt cánh tay, thành tâm cầu Phật Pháp, cuối cùng được Sư truyền tâm ấn cho, trở thành vị Tổ thứ 2 của Thiên tông Trung Quốc. Tuệ Khả truyền cho Tăng Xán, Tăng Xán truyền cho Đạo Tín. Tông này dần thịnh. Học trò Đạo Tín có hai người giỏi là Hoàng Nhẫn và Pháp Dung. Dưới Dung có Trí Nghiêm, Tuệ Phương, Pháp Trì... Vì hệ phái này trụ trì ở núi Ngưu Đầu Kim Lăng, nên gọi Ngưu Đầu thiền, lấy “Muốn đắc tâm tĩnh, dụng công vô tâm” làm yếu chỉ. Ngũ tổ Hoàng Nhẫn trụ trì ở núi Hoàng Mai, Kỳ Châu (Hồ Bắc), xiển dương áo chỉ của kinh Kim Cương, kinh Bát Nhã. Môn đệ có nhiều người tài giỏi như Ngọc Tuyền Thần Tú, Đại Giám Huệ Năng, Tung Sơn Huệ An, Mông Sơn Đạo Minh, Tư Châu Trí Sần v.v... Trong số môn đệ của Ngũ Tổ có ngài Thần Tú là vị thượng thủ số một, gọi là “Tú Thượng tọa”. Sau khi Ngũ Tổ thị tịch, Thần Tú lên phương Bắc truyền bá, gọi là “Bắc Tú”, môn đệ giỏi xuất hiện nhiều, sư được tôn là vị Tổ của Thiên Tông Bắc phương. Bắc phương lấy Trường An, Lạc Dương làm trung tâm, pháp vận hưng thịnh chừng 100 năm, chủ trương tinh thần cần cù và thực tiễn tu hành thiền pháp. Dưới Thần Tú có Phổ Tịch ở Tung Sơn, Nghĩa Phúc ở Kinh Triệu... truyền được 4, 5 đời thì dứt. Ngoài ra, có ngài Huệ An ở Tung Sơn lập ra “Lão An thiền”, Trí Sần

ở Tư Châu lập ra “Nam Sơn thiền”. Ngài Huệ Năng ở Đại Giám nhân bài kệ mà được Ngũ Tổ truyền tâm ấn, y bát, trở thành vị Tổ thứ 6. Về sau sư lánh nạn về phương Nam, trụ trì ở Tào Khê Thiệu Dương (Quảng Đông), chấn hưng Thiền phong, trở thành vị Tổ của Thiền tông Nam phương. Do thiền phong của hai tông Nam-Bắc khác nhau, nên có thuyết “Nam đốn, Bắc tiệm”. Đệ tử nổi pháp của Huệ Năng có hơn 40 người, trong đó có các ngài Nam Nhạc Hoài Nhượng, Thanh Nguyên Hành Tư, Nam Dương Tuệ Trung, Vĩnh Gia Huyền Giác, Hà Trạch Thần Hội là nổi tiếng nhất.

“Hà Trạch Thần Hội lập ra “Hà Trạch tông” cực lực đề xướng pháp môn Đốn Ngộ, lấy “một niệm không khởi” là tọa, “liễu kiến bản tính” là Thiền. Nam Nhạc Hoài Nhượng theo Lục Tổ được truyền tâm ấn, trụ trì ở chùa Bát Nhã, giáo hóa trong 30 năm, đệ tử nổi pháp có 9 người, mà ngài Mã Tổ Đạo Nhất là Thủ tọa.

“Mã Tổ ở núi Cung Công Giang Tây hoằng dương Thiền pháp, tác phong mạnh mẽ, lập ra thiền phong quát hết, đánh gậy, đòi gọi là Hồng Châu tông. Sư chủ trương về thuyết những hoạt động của thân tâm hằng ngày như khởi tâm động niệm, nhíu mày trợn mắt đều là Phật tính, đều có «tính đại tác dụng», «kiến tính thành Phật» cả. Môn hạ của Mã Tổ có hơn trăm người, nổi tiếng là các ngài Bách Trượng Hoài Hải, Nam Tuyên Phổ Nguyên, Tây Đường Trí Tạng, Đại Mai Pháp Thường, Chương Kính Hoài Huy, Đại Châu Tuệ Hải...

“Sau khi ngài Hoài Hải ở núi Bách Trượng xây dựng chùa chiền, lập ra thanh quy, thiền tông bắt đầu thoát ly chế độ các Thiền tăng phải nương nấu ở các chùa Luật tông. Dưới Bách Trượng có Hoàng Bá Hy Vận, Quy Sơn Linh Hựu... Dưới Hy Vận có Lâm Tế Nghĩa Huyền. Nghĩa Huyền lập ra Tam huyền tam yếu, Tứ liệu giản... để giáo hóa môn đệ, có phong

cách mạnh mẽ, học trò rất đông, trở thành Lâm Tế tông. Lúc đó là vào thời Văn Đường.

“Đến đời Tống, trải các ngài Hưng Hóa Tôn Thượng, Nam Viện Tuệ Ngung, Phong Huyệt Diên Chiêu, Thủ Sơn Tinh Niệm, Phần Dương Thiện Chiêu, đời thứ 7 truyền đến Thạch Sương Sở Viên có hai môn hạ là ngài Hoàng Long Tuệ Nam và ngài Dương Kỳ Phương Hội thì sinh ra hai phái Hoàng Long và Dương Kỳ, và hai tông Tào Động, Vân Môn cũng được thành lập. Ngài Qui Sơn Linh Hựu ở Đàm Châu (Hồ Nam), người tham học tới 1500 người. Môn hạ có ngài Ngưỡng Sơn Tuệ Tịch là nổi tiếng nhất. Hệ phái này gọi là Quy Ngưỡng tông. Dưới Thanh Nguyên Hành Tư có Thạch Đầu Hy Thiên, soạn sách Tham đồng kế, cùng với ngài Mã Tổ được gọi là hai con Long Tượng lớn. Môn hạ có Dục Sơn Duy Nghiêm, Đan Hà Thiên Nhiên, Thiên Hoàng Đạo Ngộ. Hệ phái Dục Sơn sinh ra Vân Nham Đàm Thạch, Động Sơn Lương Giới, Vân Cư Đạo Ứng, Tào Sơn Bản Tịch... trở thành Tào Động tông. Thiên Hoàng Đạo Ngộ truyền ba đời đến Tuyến Phong Nghĩa Tôn, trụ trì ở núi Tuyết Phong Phúc Châu, pháp tự có hơn 50 người, trong đó có ngài Vân Môn Văn Yến phát huy tông chỉ độc đáo, hình thành Vân Môn tông. Ngoài ra còn có ngài Huyền Sa Sư Bị truyền tới các ngài La-hán Quê Thâm, Pháp Nhân Văn Ích. Ngài Văn Ích trụ trì ở chùa Thanh Lương Kim Lăng, lập ra Pháp Nhãn tông.

“Ngoài việc nêu tên các tông phái trên đây, sách *Thiền nguyên chư thuyết tập đô tự* của ngài Khuê Phong Tông Mật còn cho biết, các giáo phái Thiền tông đời Đường gồm: Hồng Châu, Hà Trạch, Bắc Tú, Nam Sần, Ngưu Đầu, Thạch Đầu, Bảo Đường, Tuyên Thập (Niệm Phật môn thiền), Huệ Điều, Cầu-na, Thiên Thai v.v... Sách Viên Giác kinh sớ của Tông Mật còn nêu ra 7 tông: Bắc Tông thiền, Trí Sần thiền, Lão

An thiên, Nam Nhạc thiên, Ngưu Đầu thiên, Nam Sơn niệm Phật môn thiên, Hà Trạch thiên. Sách Thập di môn của Tông Mật còn phân loại cho Ngưu Đầu tông, Bắc tông, Nam tông, Hà Trạch tông, Hồng Châu tông là Ngũ gia. Ngũ gia thất tông của Tông Mật có khác với Ngũ gia thất tông sau này...

“Tóm lại, từ Đạt Ma tới Huệ Năng, trong khoảng thời gian 250 năm thiên phong của tông này nêu ra thành một nhà riêng, Tổ Sư ngữ lục thường dẫn kinh điển để xướng thành chính thể Phật Pháp, không rơi vào sự đối lập giữa các tông phái, có thể coi đó là thời kỳ thành lập của Thiên tông.

“Từ các ngài Nam Nhạc, Thanh Nguyên cho tới cuối Đường, Ngũ đại, trong khoảng thời gian 250 năm, một cánh Nam tông thiên nảy nở. Về tư tưởng, trừ bỏ những dây leo văn tự, xây dựng tinh thần “Tức tâm là Phật, tâm bình thường là Đạo”. Trong đời sống thực tế, xây dựng quy chế lấy tăng đường làm trung tâm Thiên viện. Hoằng truyền thiên pháp, lấy phương pháp linh hoạt sinh động để hướng dẫn người học, lấy tác phong gậy đánh, quát hét để tuyên dương tông phong. Rồi lâu dần, chia ra thành 5 nhà. Thời kỳ này có thể gọi là phát đạt nhất của Thiên tông.

“Trong 320 năm nhà Lương Tống, tông Lâm Tế lại chia ra làm hai phái Hoàng Long và Dương Kỳ, mà trở thành “Ngũ gia thất tông” của Thiên tông Trung Quốc. Trong đó phái Hoàng Long về sau từ Vĩnh Tây truyền sang Nhật Bản. Phái Dương Kỳ từ sau Dương Kỳ Phương Hội, lần lượt có Ngũ Tổ Pháp Diễn, Viên Ngộ Khắc Cần, Đại Huệ Tông Cảo v.v... phát huy Thiên chí, trở thành chủ lưu trong dòng Thiên. Lại ngài Hoàng Trí Chính Giác thuộc hệ thống Tào Động và Đại Huệ Tông Cảo thuộc hệ thống Lâm Tế đều đề xướng Mặc Chiếu thiên, Khán thoại thiên. Ở thời kỳ này, các đạo giáo dung hợp dẫn đến khuynh hướng Tam giáo nhất trí. Giáo

Thiền hòa hợp, Thiền Tịnh song tu, Thiền tông dần mất đi tính cách độc lập. Đó là thời kỳ thủ thành của Thiền tông.

“Từ Nguyên, Minh tới đời Càn Long nhà Thanh, thời gian 450 năm, là thời kỳ suy vi của Thiền tông. Thời kỳ này tuy có các vị tông sư nối theo nhau như: Hải Vân Ấn Giới, Vạn Tùng Hành Tú, Pháp Am Tổ Tiên, Vô Chuẩn Sư Phạm, nhưng nhìn từ đại thể của một tông thì vẫn là khuynh hướng Nho Thích hòa hợp, Giáo Thiền nhất trí.

“Thời cận đại có vị đại sư đứng đầu là Hư Vân Hòa Thượng (1839-1958) cả cuộc đời 120 tuổi của mình, ngài hoàng pháp không mệt mỏi, xây dựng nhiều chùa, hết sức chấn hưng Thiền tông, giữ gìn mạch pháp từ Lục Tổ đến nay. Tác phẩm truyền ở đời là Hư Vân Hòa Thượng pháp tập, Hư Vân Hòa Thượng thiền thất khai tông lục, v.v...”¹

Trong khi đó, Thiền Tông được chính thức truyền từ Trung Quốc vào Việt Nam vào cuối thế kỷ 6 do Ngài Tỳ Ni Đa Lưu Chi mang vào. Ngài là người Ấn Độ, đến Trung Quốc gặp Tam Tổ Tăng Xán và Tổ sai ngài hãy đi về phương Nam để truyền bá Phật Pháp. Ngài Tăng Xán được Ngài Huệ Khả thiền sư truyền pháp cho, sau ẩn ở núi Hoàn Công đất Thư Châu. Trong thời gian Chu Vũ Đế phá hoại Phật Giáo, sư bỏ đến núi Tư Không huyện Thái Hồ. Năm Khai Hoàng thứ 12 đời Tùy, sư tìm được Sa Di Đạo Tín liền truyền pháp cho. Năm Đại Nghiệp thứ 2, đời Dạng Đế, sư viên tịch, được vua Đường Huyền Tông ban tên thụy là Giám Trí Thiền Sư.

Ngài Tỳ Ni Đa Lưu Chi đến Việt Nam vào cuối thế kỷ 6 và truyền Thiền tông tại đây. Về sau có các tông như Thảo Đường, Vô Ngôn Thông và Trúc Lâm Yên Tử đời Trần (1222-1400) đã xiển dương Thiền tông rất mạnh mẽ.

¹ Từ Điển Phật Học Hán-Việt, trang 1275 đến 1278.

Đến thế kỷ 17, Ngài Nguyên Thiều từ Trung Quốc sang Việt Nam truyền pháp thiền, Ngài là đệ tử đời thứ 33 của Tổ Lâm Tế Nghĩa Huyền và Việt Nam kể từ thế kỷ 17 đến nay ở miền Trung và miền Nam Việt Nam ảnh hưởng bởi tông thiền này rất lớn. Đến cuối thế kỷ 19 bước sang thế kỷ 20 thì Tịnh Độ tông ở Việt Nam vượt trội. Có nhiều người tu học hơn. Do vậy mà Thiền Tông tại Việt Nam đã Tịnh Độ hóa. Nếu kể theo truyền thừa thì Ngài Lâm Tế Nghĩa Huyền là đời thứ 38 kể từ thời Đức Phật và đời thứ 11 của Thiền Tông Trung Hoa kể từ Ngài Bồ Đề Đạt Ma là Sơ Tổ. Đến khi Ngài Nguyên Thiều sang Việt Nam để truyền pháp, thì Ngài thuộc về phổ hệ thứ 33 kể từ thời Ngài Lâm Tế và đời thứ 70 kể từ thời Đức Phật. Ngài Nguyên Thiều truyền pháp cho Ngài Minh Hải (1610-1687). Ngài Minh Hải từ Trung Quốc sang Việt Nam ở và tịch tại đây và bắt đầu kể Ngài là đời thứ 34. Đây là bắt đầu kể từ Ngài Lâm Tế.

Sau gần 400 năm Thiền Tông phát triển tại miền Trung và miền Nam, đến bây giờ thế hệ của tôi là đời thứ 41 và cũng có nơi đã cho truyền thừa đến đời thứ 45 rồi, dĩ nhiên là kể từ Ngài Lâm Tế Nghĩa Huyền. Do vậy tông này gọi là Lâm Tế chánh tông. Ngoài ra miền Bắc Việt Nam cũng có Thiền, nhưng là Thiền Tào Động. Ngày hôm nay ở trong nước có một số quý vị Thiền Sư muốn phát triển lại tinh thần thiền của Trúc Lâm Yên Tử thế kỷ 13, được gọi là Thiền chơn truyền của người Việt Nam, nhưng cũng không được nhiều và ở tại ngoại quốc ngày nay cũng có một số quý vị Thiền Sư Việt Nam cải cách, sửa đổi cách thức Thiền cũng như tên gọi và ngay cả hiện đại hóa kinh điển. Những việc này người Tây phương có thể chấp nhận dễ dàng vì đối với họ cái gì cũng mới. Còn người Phật Tử có truyền thống truyền thừa từ Tổ sang Tổ, đời này qua đời khác nên không phải đơn thuần

một sớm một chiều mà họ có thể chấp nhận được. Nếu có theo thì nên theo sự truyền thừa, vì lẽ không có người này thì người khác thay thế. Còn một vị nào đó đứng lên lập một tông phái riêng, khi vị ấy tịch rồi thì tông ấy cũng không còn tồn tại được bao lâu. Nhìn lịch sử thì sẽ rõ. Có biết bao nhiêu vị Tổ sáng giá như Ngài Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường và ngay cả Trúc Lâm Yên Tử cũng chỉ truyền thừa được mấy chục đời là nhiều, rồi sau đó lại thất truyền.

Nếu ngược dòng truyền thừa mà kể thì Ngài Minh Hải nối dòng thiền của Ngài Lâm Tế, Ngài Lâm Tế nối dòng thiền của Ngài Lục Tổ Huệ Năng, Ngài Lục Tổ nối dòng thiền của Ngài Bồ Đề Đạt Ma, Ngài Đạt Ma nối dòng thiền của Ngài Ca Diếp, rồi Ngài Ca Diếp trực tiếp lãnh hội tâm thiền nơi Đức Phật. Như thế gọi là chơn truyền. Nhưng đến đời 30, 40, 50, 60, 70, 80 v.v... mỗi đời lại có thêm nhiều chi nhánh khác nữa được thành lập. Do vậy cũng khó mà nói là tông phái nào vẹn toàn. Tuy nhiên có truyền thừa liên tục như thế, biết được rằng tông Thiền ấy thực sự kế cơ và kế lý với chúng sanh qua nhiều thời đại khác nhau, trải qua hơn 2500 năm lịch sử.

Có nhiều người Đức khi học Zen của Nhật thì nghĩ rằng có cái gì đó bí mật lắm, cao cả lắm và thần kỳ lắm, nhưng đâu có gì lạ. Đây là cách phát âm của Nhật từ chữ Thiền mà ra đấy thôi! Tiếng Tàu gọi là Ch'an. Tiếng Sanskrit gọi là Dhyana, tiếng Nhật gọi là Zen và khi qua tiếng Anh, Pháp, Đức thì nó trở thành là Meditation chứ không còn là Zen nữa. Thỉnh thoảng tôi có xem một số tạp chí của người Đức viết về văn hóa Nhật và chữ Sensei họ bảo là dịch ra tiếng Đức không được. Đâu có gì lạ mà tạo nên khó khăn như thế. Chữ này viết và đọc theo âm Hán-Việt là *tiên sinh* (先生). Tiên sinh có nghĩa là ông thầy dạy học, ông giáo sư. Theo nghĩa

tiếng phổ thông Trung Quốc có nghĩa là người đi trước, sanh ra trước. Nhiều khi cũng dùng để gọi chồng mình nữa.

Không có gì để nhân cách hóa và thần thánh hóa ngôn ngữ cả. Dĩ nhiên là cũng có nhiều chữ khó dịch thật, nhưng không phải là chữ nào cũng vậy.

Cho đến tôi, thuộc đời thứ 41 của Thiên Lâm Tế có pháp danh đứng đầu bằng chữ NHƯ, pháp tự đứng đầu bằng chữ Giải và pháp hiệu đứng đầu bằng chữ Trí, ngày nay tôi vẫn thực tập Thiền mỗi ngày, nhưng cái Thiền này đã pha trộn với Tịnh Độ. Vì lẽ ở đây tụng kinh, niệm Phật, kinh hành, lễ bái nhiều hơn là ngồi Thiền. Nếu chỉ chuyên về Thiền, mỗi ngày ngồi mấy tiếng đồng hồ và tham khảo công án hoặc thoại đàm liên tục, như thế mới gọi là chơn truyền. Còn bây giờ đa phần đã Tịnh Độ hóa rồi.

Ngày nay tại Âu Mỹ này phần lớn một số người thích tu theo lối Mật Tông của Tây Tạng dưới sự hướng dẫn của các vị Đại Sư Tây Tạng hoặc trực tiếp dưới sự dạy dỗ của Đức Đạt Lai Lạt Ma. Để hành trì giống như Tây Tạng không phải đơn giản. Ví dụ, một vị muốn nhập thất, đầu tiên phải lay sám hối hàng trăm ngàn lần với một vị Phật, sau đó mới vào thất và hành trì trong 1 năm 1 tháng 1 ngày hay 3 năm 3 tháng 3 ngày v.v... Thông thường thì ta chỉ thấy các Hội Phật Giáo Tây Tạng tại Đức dạy theo phép Lamrim, nghĩa là tiệm tu, sau đó học theo phép quán Tiểu Thừa gồm 37 phẩm trợ đạo, kế tiếp là học Phật Giáo Đại Thừa và cuối cùng là đi vào con đường Mật Giáo Tây Tạng.

Nhiều người Âu Mỹ nghĩ rằng việc tu đến Niết Bàn và giải thoát giác ngộ là đơn giản, nhưng thật ra việc ấy theo bất cứ tông phái nào cũng phải cần có thời gian và năm tháng, chứ không phải chỉ trong một đời người. Số đếm thời gian

trong Phật Giáo nó không có ý nghĩa gì cả. Ví dụ như một ngày tại cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên, cõi này vẫn còn ở trong cõi dục, bằng 1.600 năm tại cõi Ta Bà nơi chúng ta đang ở. Đó là chưa kể những chúng sanh đang ở trong những cõi Sắc và cõi Vô Sắc, thời gian đối với những chúng sanh này chẳng có ý nghĩa gì cả.

Sau khi ra khỏi ba cõi này mới chứng nhập vào địa vị của Bồ Tát. Bồ Tát có 10 thứ bậc khác nhau. Đến Thập địa Bồ Tát có nghĩa là giai đoạn cuối cùng để thành Phật phải cần 3 A Tăng Kỳ kiếp như thế nữa. Nếu làm con số thống kê về thời gian cụ thể thì đó là một con số 3 đứng đầu và 52 con số 0 đứng liên tục phía sau như thế nữa. Như vậy thời gian cần có để thành Phật phải nói là vô lượng vô biên, đâu phải chỉ ngồi xếp bằng hít vào thở ra là thành Phật, thành Tổ? Dĩ nhiên là người Âu Mỹ cũng có thể thành Phật, nhưng thời gian phải kể là vậy, chứ không thể chỉ nôn nóng muốn biết Niết Bàn là gì hoặc giác ngộ là gì.

Cũng có một pháp môn đơn giản hơn, đó là pháp môn Tịnh độ. Giáo chủ cõi Tịnh độ là Đức Phật A Di Đà. Qua sự giới thiệu của Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, ta thấy rằng ai có đủ 3 điều là Tín, Nguyện, Hạnh thì sau khi lâm chung sẽ được Đức Phật A Di Đà, Đức Quán Thế Âm Bồ Tát và Đức Đại Thế Chí Bồ Tát đến cõi này đón ta về Tây Phương Tịnh Độ. Cõi Phật ấy hiện cách xa nơi ta đang ở là 100.000 quốc độ Phật và ở về phía phương Tây. Khi về đây rồi không còn sợ tái sanh trong 6 đường luân hồi sanh tử nữa, mà ở đây có thể tu tiếp để trở thành những bậc đẳng giác Bồ Tát. Ở cõi này hay ở cõi kia cũng đều phải nương theo tha lực của Đức A Di Đà Phật, còn tự lực của ta là phải tinh tấn dũng mãnh niệm Phật để cầu vãng sanh. Tuy rằng tu pháp môn này phải nương vào tha lực, nhưng tự lực cũng không phải là không cần đến.

Trong khi đó có nhiều người tu Thiền nghĩ rằng chỉ cần tự lực là ta có thể tự giác ngộ giải thoát được. Điều ấy có thể có, nhưng vào thời kỳ chánh pháp kia, còn bây giờ là thời mạt pháp rồi làm sao có được những bậc thiện căn, thiện trí như thế.

Có nhiều người Âu Mỹ ngày nay, có cả người Đức, nghĩ rằng theo Đạo Phật là một hoppy, một cách trị liệu tâm sinh lý. Đành rằng giáo lý của Đạo Phật sẽ bao gồm tất cả như vậy, nhưng nếu chia chẻ riêng ra như thế nó không có một ý nghĩa nào cả. Cũng không phải vì mặc chiếc áo tôn giáo như Tin Lành và Thiên Chúa đã hơn 2.000 năm rồi, nên bây giờ phải thay đổi một chiếc áo khác, mà điều căn bản là phải phát tâm tin tưởng như thế nào để tâm mình hướng vào con đường giải thoát giác ngộ đó.

Kể từ khi tôi đến nước Đức này cho đến nay, đã 25 năm tạo dựng cơ sở, xây dựng niềm tin cho các tín đồ và ở tại chùa Viên Giác này tôi cũng như Đại chúng xuất gia tu học theo các nguyên tắc sau đây. Tôi chia người xuất gia ra làm 3 loại:

- Thứ nhất là những người vừa tu vừa học văn hóa bên ngoài như các ngành Tôn Giáo, Triết học, ngôn ngữ, giáo dục, Phật học tại các Đại Học, phải cần hai phần ba thì giờ để đi học bên ngoài. Cho nên loại này học ngoại điển nhiều và nội điển ít.
- Thứ hai là những người chỉ ở chùa, chuyên môn học nội điển và ngoại điển ít hơn. Do vậy người học ngoại điển bên ngoài có thể hướng dẫn bổ sung cho người học nội điển về ngoại ngữ. Ngược lại, người học nội điển nhiều có thể hướng dẫn bổ khuyết giáo lý cho những người thuộc loại thứ nhất.

- Thứ ba là những người chuyên tu. Trong số này có 2 thành phần. Một là những vị đã tốt nghiệp ở loại 1 hoặc loại 2. Bây giờ không còn bận chuyện học hành thi cử nữa, chỉ còn lo hạ thủ công phu mà thôi. Hai là những vị không có trình độ nào cả, nhưng quyết chí xuất gia tu học cũng có thể gộp chung lại với những vị chuyên tu này để hạ thủ công phu tu hành.

Trong 3 loại ấy, thỉnh thoảng vẫn có một vài trường hợp cá biệt, nhưng trường hợp này rất ít. Vậy mỗi ngày, mỗi tháng, mỗi năm, Tăng chúng chùa Viên Giác tại Hannover tu theo pháp môn gì?

Ở đây có thể chia ra làm 2 phần chính. Đó là phần tịnh tu vào mùa hè, ba tháng từ sau lễ Phật Đản đến lễ Vu Lan và phần mùa Đông hay 9 tháng còn lại từ tháng 9 đến tháng 5 mỗi năm, có những giờ giấc và khóa tu khác.

Nếu là mùa hè, có những vị dậy từ 4 giờ 30 sáng. Sau đó lên chánh điện hành trì, hoặc lễ Phật, hoặc sám hối, hoặc trì chú hay niệm Phật. Sau đó 6 giờ kém 15 là ngồi thiền. Đúng 6 giờ sáng tụng Thần chú Thủ Lăng Nghiêm. Độ 7 giờ 15 thì xong. Tiếp theo lo dọn dẹp vệ sinh, chuẩn bị ăn sáng. 08 giờ 00 điểm tâm. Người nào đi học thì đến trường, kẻ nào ở nhà thì lo tự học, ôn tập bài vở. Đến gần 11 giờ thì cúng ngọ. Lúc 11 giờ tất cả Đại chúng đi qua đường kinh hành nhiễu Phật. 12 giờ đến 14 giờ 30 là giờ cá nhân. Từ 14 giờ 30 đến 16 giờ 00 là giờ học. 17 giờ 00 công phu chiều. 18 giờ 30 dùng cháo. 20 giờ 00 lay kinh Đại Bát Niết Bàn, mỗi chữ mỗi lay. 21 giờ 00 ngồi Thiền độ 10 phút. Sau đó là giờ riêng của mỗi cá nhân và chỉ tịnh. Mỗi ngày đều như thế và 3 tháng đều như vậy.

Từ tháng 9 đến tháng 5 mỗi năm thì chương trình tu và học ít hơn mấy tiếng đồng hồ. Dĩ nhiên là phần cá nhân mỗi người có thể tu nhiều ít tùy theo thời tiết và công việc. Ví

dụ như sáng dậy sớm lúc 5 giờ, sau đó lên chánh điện hành trì. 6 giờ kém 15 phút ngồi thiền đến 6 giờ. Tụng kinh Lăng Nghiêm đến 7 giờ 15, sau đó mỗi người làm công chuyện riêng của mình, rồi 8 giờ dùng sáng. Từ sáng đến 12 giờ trưa mỗi người làm công việc riêng của mình. Đến 12 giờ dùng cơm trưa. Từ 12 giờ 30 đến 14 giờ 30 nghỉ trưa hoặc làm việc riêng của mình. Đến 14 giờ 30 học 1 tiếng rưỡi, chừng 16 giờ thì nghỉ. 17 giờ công phu chiều, 19 giờ cơm tối, 10 giờ trở đi là giờ của cá nhân. Cũng có một số quý Thầy, Cô lên chánh điện để trì tụng những bộ kinh Đại Thừa như Hoa Nghiêm hay Bảo Tích v.v... nhằm cầu nguyện cũng như nghiên tâm thêm giáo điển trong kinh sách ấy.

Phần trì tụng thần chú Lăng Nghiêm rất quan trọng, bản thân tôi đã ở ngoại quốc hơn 30 năm và kể từ khi xuất gia đến nay gần 40 năm, chưa có một buổi sáng nào mà không lên chánh điện để hành trì thần chú này cả. Trừ những ngày bệnh và đi xa chùa. Thế nhưng số ngày như thế không nhiều. Đây là một Đại Thần Chú gọi là Suramgama. Dịch nghĩa là “kiện tướng, kiện hạnh, nhất thiết sự kính”, chỉ tên gọi Đức Phật có được pháp tam muội. Kiện tướng là so sánh sự vững chắc của cò phướn giống như đức của Phật chắc bền, ma quỷ không thể phá hoại được. Nhất thiết sự kính là chỉ cứu cánh của Đức Phật như Đại Trí Độ Luận quyển 47, Kinh Niết Bàn quyển 27, Huyền Ứng âm nghĩa quyển 23 có viết đến. Riêng trong Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội có viết: “Bồ Tát có được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, có thể đem 3.000 đại thiên thế giới bỏ vào trong hạt cải, mà tất cả núi sông, mặt trời, mặt trăng và các tinh tú vẫn hiện ra như cũ, không thấy chật hẹp. Điều ấy chứng tỏ cho chúng sanh rằng: “Sức mạnh không thể tưởng tượng của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội là như thế.”

Khi Ngài A-Nan đi khát thực bị Ma Đăng Già quyến

dụ vào phòng dâm, nếu không nhờ Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm của Đức Phật thì đã hỏng cả một đời tu hành của con người vương giả đa văn ấy. Bên Đại Học Pháp Giới (Dharma Realm) ở Vạn Phật Thánh Thành vùng San Jose, California, khi Ngài Tuyên Hóa còn tại thế, Ngài bắt buộc tất cả những sinh viên khi thi vào Đại Học này đầu cho người Mỹ, người Hoa, người Việt gì cũng đều phải thuộc lòng chú Lăng Nghiêm phiên âm tiếng Trung Quốc mới được vào học. Cuối đời Ngài có thuyết giảng nhiều lần và trong Bồ Đề Hải có đăng lại lời Ngài đoan chắc rằng: Ai trì tụng chú Lăng Nghiêm một cách miên mật thì không thể bị đọa địa ngục và các tội cực ác đầu có phạm cũng nhờ thần chú Thủ Lăng Nghiêm mà vượt qua tất cả những hiểm nạn.

Tại đây có 6 phương pháp để tu như hành thiền, tụng kinh, trì chú, niệm Phật, lễ bái, trì giới. Đó là 6 pháp môn mà người nào cũng có thể chọn 1 hoặc 2 để hành trì. Cũng có thể nhập thất trong nhiều ngày và bên ngoài có người hộ thất. Sau khi ra thất, mình lại hộ thất cho người đã giúp mình và như thế là ai cũng có cơ hội để nhập thất cả.

Tại chùa Viên Giác này cũng thế. Trong khoảng từ tháng 9 đến tháng 5 mỗi năm đều có nhiều người nhập thất, không ra ngoài phòng, không tiếp xúc với ai. Tới giờ cơm có người mang đến để trước phòng, cần gì cứ viết giấy gói ra ngoài và cứ ở trong thất lo hành trì, có thể là 1 tuần, 10 ngày, 30 ngày, 49 ngày hay lâu hơn nữa, tùy theo mỗi người vậy. Có hạ thủ công phu như thế thì chư Long Thần Hộ Pháp mới hộ trì và nội tâm càng ngày càng vững vàng khi đối diện với chính mình hay với quần chúng.

Thần chú Thủ Lăng Nghiêm cho đến nay vẫn còn nhiều tranh luận, vì nguyên bản tiếng Sanskrit không còn nữa. Ngày nay chỉ thấy nơi Đại Tạng tiếng Hán, Nhật, Việt và Đại

Hàn. Ngay như tạng Tây Tạng cũng không có. Và đây cũng thuộc về Đại Thừa Mật Giáo. Tuy nhiên, việc hành trì liên tục từ đời này qua đời khác đã trở thành thói quen và kinh nghiệm, nên nhiều nước cũng không muốn truy cứu nguyên gốc làm gì. Điều chắc chắn là nhờ thần chú này cho nên Ngài A-Nan mới khỏi lụy vào tay dâm nữ khi Phật còn tại thế. Noi các kinh Nam truyền, tức là tạng Pali, dĩ nhiên là không có. Và tạng Pali không những không có kinh Lăng Nghiêm, thần chú Thủ Lăng Nghiêm mà một số lớn kinh điển của Đại Thừa cũng không có. Ai đúng ai sai, khó mà giải thích được.

Lễ bái cũng là một phép tu rất quan trọng của bản thân tôi cũng như tại chùa Viên Giác này. Mỗi nước theo Phật Giáo có một cách lạy khác nhau. Ví dụ các xứ Nam Tông như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Cam Bốt thì ngồi để lạy. Các xứ Tây Tạng, Bhutan, Mông Cổ, Trung Hoa, Đại Hàn, Nhật Bản, Việt Nam thì đứng lên quỳ xuống để lạy, nhưng cách lạy của Tây Tạng mới đúng là «ngũ thể đầu địa». Nghĩa là cả thân mình gồm: trán, 2 khuỷu tay, 2 đầu gối đều phải chạm sát đất. Có nhiều người lạy mỗi ngày như thế cả ngàn lạy. Hoặc tại chùa, hoặc tại Bồ Đề Đạo Tràng, hay đi hành hương về Lahsa, nơi cung điện Potala của Đức Đạt Lai Lạt Ma. Cũng có người đi quanh Tứ động tâm, từ nơi Đức Phật sanh ra (Lumbini) đến nơi Đức Phật thành đạo (Buddhigaya), nơi Đức Phật thuyết pháp lần đầu tiên (Varunasi) rồi đến nơi Đức Phật nhập Niết Bàn (Kushinagara).

Hoặc giả ở Trung Quốc có nhiều vị danh Tăng như Ngài Hư Vân Lão Hòa Thượng đi ba bước lạy 1 lạy khắp 4 đại danh sơn như: Ngũ Đài Sơn, nơi thị hiện của Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Nga Mi Sơn, nơi thị hiện của đức Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát, Phổ Đà Sơn, nơi thị hiện của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát và Cửu Hoa Sơn, nơi thị hiện của Đức Địa Tạng

Vương Bồ Tát. Mỗi nơi như thế cách nhau cả hàng ngàn cây số, núi non hiểm trở, đường dốc gập ghềnh. Chỉ có những người có ý chí mới có thể thành công được.

Mỗi một lay sẽ tiêu một tội trong hàng hà sa số kiếp về trước. Phải tin như vậy thì việc lễ lay mới có công đức thù thắng và khi lay như thế toàn thân cũng như tâm đều hướng về mục đích của mình đã vạch ra. Trí huệ bát nhã cũng từ đó phát sanh, khi tất cả huyết mạch, nội tạng, luân xa trong người của chúng ta được khai mở. Hãy đừng chờ đợi và mong cầu, khi nào sáng suốt thì hãy để tự nhiên như vậy, đừng bắt giữ, đừng tìm kiếm, đừng mong chờ.

Từ năm 1984, cá nhân tôi và cả Đại chúng chùa Viên Giác tại Hannover đã thực hành phép lễ bái này. Đầu tiên chúng tôi lay 500 danh hiệu của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát nhân mùa An Cư Kiết Hạ đầu tiên tại ngoại quốc (đối với tôi). Xuất gia từ 1964, thọ giới Tỳ Kheo năm 1971, mà 1984 mới bắt đầu hạ thủ công phu. Như vậy thời gian chuẩn bị tương đối dài. Tôi có nhân duyên quan sát nhiều Phật Tử lớn tuổi đi chùa, nhưng phải ngồi lễ, không đứng lên ngồi xuống được. Do vậy tôi liên tưởng đến bản thân mình một ngày nào đó cũng vậy thôi. Do từ khởi niệm này mà mỗi năm 3 tháng, tôi và Đại chúng chùa Viên Giác đã lay gần 20 năm rồi.

Sau khi lay kinh Ngũ Bách Danh xong, chúng tôi phát tâm lay kinh Tam Thiên Phật Danh. Nghĩa là lay tên của 3.000 vị Phật. Trong quá khứ Trang Nghiêm Kiếp có 1.000 vị Phật. Trong hiện tại Hiền Kiếp có 1.000 vị và trong vị lai Tinh Tú Kiếp có 1.000 vị Phật như thế. Mỗi đêm hồi đó lay chừng 100 lay. Có nhiều lúc lay 200 lay và cho đến bây giờ khi lay đã thuần thục rồi, chỉ trong vòng 1 tiếng đồng hồ có thể lay đến 350 lay nếu đánh khánh nhanh, còn trung bình thì chừng 300 lay.

Khi lạy kinh Tam Thiên Phật Danh xong, tôi phát nguyện lạy bộ kinh Vạn Phật. Tuy nói là 10.000 vị Phật, nhưng trên thực tế là 11.100 vị. Xương mỗi danh hiệu Phật, lạy một lạy. Đến đó vẫn chưa dừng nghỉ. Tôi phát tâm lạy kinh Pháp Hoa, mỗi chữ mỗi lạy. Trong kinh Pháp Hoa có nói là Phật đã dạy trên 60.000 ngàn lời, nhưng trên thực tế là 75.802 chữ. Chúng tôi bắt đầu lạy ngày 7 tháng 6 năm 1990 và đến ngày 10 tháng 6 năm 1995 là xong 75.802 lạy ấy. Trung bình trong hơn 5 năm đó, mỗi năm lạy chừng 13 đến 14 ngàn lạy. Kinh Pháp Hoa là một bộ kinh quan trọng của Đại Thừa giáo, chúng ta đã có cơ hội tụng, đọc, nghe giảng pháp và nay lễ lạy mỗi chữ trong kinh quả là công đức không nhỏ. Đến đây vẫn chưa dừng lại. Tôi cùng đại chúng chùa Viên Giác vẫn còn hăng say trong sự tu niệm, cho nên bắt đầu ngày 11 tháng 6 năm 1995 trở đi cho đến nay, chúng tôi đã lạy kinh Đại Bát Niết Bàn, cũng mỗi chữ mỗi lạy.

Kinh này chùa Khánh Anh in còn lại mấy cuốn, chữ nhỏ. Cuốn một độ 750 trang. Đến nay chúng tôi đã lạy cuốn một được 515 trang. Cuối tháng 8 năm 2002 có lễ lạy thêm được mấy chục trang nữa. Nếu tính trung bình mỗi trang là 200 chữ thì cho đến nay chúng tôi đã lạy hơn 100.000 lạy cho bộ kinh này trong 8 năm. Như vậy mỗi năm cũng hơn 10.000 lạy, lạy trong 3 tháng an cư kiết hạ. Năm 2000, vì Hannover có tổ chức Hội Chợ Thế Giới (EXPO) nên một số công việc tu học cũng bị gián đoạn. Nếu lạy hết 2 quyển kinh dày này phải tính thời gian tổng cộng trên 10 năm mới xong.

Mỗi ngày lạy một ít, mỗi tháng sẽ được nhiều, mỗi 3 tháng trong năm sẽ thành một số lớn và cứ hằng 10 năm như vậy làm thống kê, thì con số kết quả ấy thấy không nhỏ. Cũng như thế ấy, tội đầu nhỏ đến đâu nếu ta không để ý, nó cũng có thể tạo thành sông, thành núi. Phước đầu lớn đến

bao nhiêu, nếu chúng ta không tiếp tục tu hành làm phước, thì phước ấy sẽ hao mòn. Do vậy, người tu học Phật Pháp phải lo tích tụ phước đức hằng ngày, hằng giờ, hằng tháng, hằng năm, như việc lạy Phật bên trên thì sẽ có những thành quả nhất định của nó.

Ngày xưa tại Việt Nam cũng có một số quý vị Đại Sư thực hiện pháp môn lạy Phật này, nhưng không đại chúng hóa mấy. Khi ra ngoại quốc, bắt đầu từ năm 1984 trở lại đây có lẽ tôi là người đầu tiên chủ xướng pháp môn này và ngày hôm nay cả nước Đức, lan ra nhiều nước ở Âu Châu, rồi Mỹ Châu, Úc Châu và ngay cả Việt Nam bây giờ đang có nhiều chùa, nhiều Thầy, Cô hướng dẫn cho Phật Tử cũng như chính tự thân của quý vị này đang lễ Phật hằng đêm trong các mùa An Cư Kiết Hạ hoặc những buổi lễ tu Bát Quan Trai hay những kỳ huân tu Tịnh Độ. Thật là một pháp môn thù thắng vậy.

Khi lễ lạy quen rồi, mỗi đêm 300 lạy trở lên thì việc Bố Tát (uposatta) và lạy Hồng Danh Sám Hối vào mỗi tối 14 hay 30 âm lịch chỉ 108 lạy tất cả từ đầu đến cuối không còn là vấn đề khó khăn nữa. Nếu ai dụng công và dụng tâm sẽ thấy có nhiều kết quả ngay, kể cả việc lạy nhiều hay lạy ít, khi đã thuần thục rồi, quả là điều rất vô cùng vi diệu.

Đi kinh hành sau mỗi lần quá đường cũng là thực tập Thiền quán. Buổi trưa và chiều niệm danh hiệu của Đức Phật A Di Đà. Buổi khuya khi đi kinh hành niệm danh hiệu của Đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Việc thực tập thiền không nhất thiết chỉ có ngồi thiền mà còn phải thể hiện trong lúc đi, đứng và nằm nữa. Tất cả 4 động tác ấy phải luôn luôn chánh niệm và thể hiện sự tập trung cao độ thì mới có kết quả tốt.

Ngoài ra khi đi thiền hành như thế cũng giúp cho ta chấn chỉnh oai nghi của mình trong mọi động tác, đầu cho lúc

động cũng như khi tịnh. Đây là giới đức tự phát sinh, do việc giữ giới của mình mà thành tựu vậy. Giới thể, giới tướng và giới tánh là những điều căn bản của người học Phật. Nếu lơ là trong việc trì giới và không thể hiện tư cách chánh niệm của người tu trong mọi động tác thì việc hành trì ấy xem như thiếu sót.

Giờ tụng kinh công phu chiều gồm có kinh A Di Đà, Hồng Danh Sám Hối và Mông Sơn Thí Thực là thể hiện lòng từ bi của mình đối với tất cả chúng sanh muôn loài còn nổi trôi trong lục đạo. Để cho ta và mọi loài chúng sanh đều cùng chung cộng hưởng những lợi lạc từ cõi dương đến cõi âm ấy, chúng ta không thể thiếu tấm lòng vị tha đối với những linh hồn không nơi nương tựa kia được. Do vậy, việc tụng niệm cũng cần phải chí tâm chí thành. Như thế mới có thể xoay đổi tình thế được. Tụng cũng có nghĩa là niệm, niệm cũng có nghĩa là tập trung tư tưởng, tập trung tư tưởng cũng có nghĩa là sự hành trì miên mật của một hành giả Phật Giáo. Vậy thì cuối cùng Thiên hay Tịnh, Mật Tông hay Hoa Nghiêm, Pháp Hoa cũng dẫn con người đến một mối: đó là làm cho nội tâm an lạc và ngoại cảnh ngày càng đổi thay để trở thành những điều diệu dụng hơn.

Tu là chuyển nghiệp, tu là cội phúc, tu là sửa đổi, tu là đem lợi lạc đến cho tha nhân và cho chính bản thân mình, chứ không phải tu là trốn đời, tránh người, mà là chấp nhận những khổ đau và hóa giải những khổ đau ấy trở thành an lạc hạnh phúc vậy.

Tôi vẫn thường nói, sự học không làm cho con người giải thoát được, nhưng nếu thiếu sự học thì người tu khó có thể mở cánh cửa giải thoát. Cả 2 phải bổ sung cho nhau, cả vấn đề học ngoại điển lẫn nội điển. Thực ra, việc học giúp người ta thêm kiến thức, nhưng nếu không biết chuyển hướng thì

cái tri thức kia sẽ trở thành thế trí biện thông và chấp chặt vào cái tri thức của mình thì mục đích tu học giải thoát khó mà thành tựu được.

Ở chùa Viên Giác này thỉnh thoảng cũng có huân tu Đại Bi hoặc huân tu Tịnh Độ trong nhiều dịp cuối tuần trong năm. Người thực tập giữ thân, khẩu, ý thanh tịnh và từ đó vào trong đàn tràng của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát hành trì miên mật Thần Chú Đại Bi nhiều lần trong ngày và nhiều ngày liên tục như vậy. Khi có huân tu Tịnh Độ thì lấy hình ảnh Đức Phật A Di Đà làm bốn tôn, cứ niệm Phật liên tục hằng nhiều giờ, nhiều ngày thì giữa ta và Phật có nhiều sự cảm ứng. Không nhất thiết phải chờ cho đến lúc lâm chung mới thấy Phật, mà hiện tiền trong đạo tràng ấy, Phật đã và đang phóng quang và tiếp dẫn những chúng sanh nào muốn sanh về thế giới của Ngài.

Mỗi tối trong mùa an cư kiết hạ tại chùa Viên Giác sau phần lạy Phật như vậy đều có ngời Thiền từ 10 đến 15 phút. Ngày xưa khi Phật còn tại thế có nhiều vị Tăng sĩ ngời Thiền suốt đêm như vậy. Mỗi canh ngời mấy chục phút. Mỗi canh có 2 tiếng đồng hồ. Ví dụ như:

- Canh một : từ 7 đến 9 giờ tối.
- Canh hai : từ 9 đến 11 giờ khuya.
- Canh ba : từ 11 giờ đến 1 giờ sáng.
- Canh tư : từ 1 đến 3 giờ.
- Canh năm : từ 3 đến 5 giờ sáng.

Trong tất cả những giờ giấc như thế, người tu lúc nào cũng phải tỉnh thức. Nếu còn mê, tức chưa vực dậy cái tâm hướng thượng của mình. Do đó, lúc nào cũng phải luôn luôn tinh tấn hành trì. Ngày nay ở ngoại quốc có nhiều chùa 7 giờ sáng vẫn chưa dùng đến chuông mõ. Vì sự ảnh hưởng đến hàng xóm,

nhưng ngày xưa thì không được phép như vậy. Chư Tăng ở trong các chùa hay tự viện phải dậy trước 5 giờ sáng. Nghĩa là trước lúc mặt trời mọc. Trên thế giới này có nhiều nơi chư Tăng dậy sớm hơn thế nữa. Ví dụ như tại Đại Hàn, đa phần chư Tăng tu trên các chùa ở trên núi, cảnh vật rất hữu tình, sáng sủa, tiếp xúc trực tiếp với cây cỏ, đất trời, với thái dương và hằng nga, nên thường hay dậy lúc 2 giờ sáng để ngồi thiền, tụng kinh, kinh hành nhiều Phật. Dĩ nhiên là họ đi ngủ sớm. Từ 4 giờ chiều đã ăn cơm tối và 6 giờ tối đã tọa thiền để chuẩn bị cho một đêm dài của núi rừng cô tịch ấy.

Có nhiều người Đức đến tu với chùa Việt Nam tại đây khó thích hợp vì không quen cách lạ Phật, không quen dậy sớm và không quen tụng kinh, nên đã tìm đến những đạo tràng khác ít dùng ngôn ngữ hơn để thực hiện hoài bão của họ. Tuy nhiên, như bên trên đã trình bày, người tu không thể thành Phật trong một đời, mà phải huân tập nhiều chủng tử thiện trong nhiều năm nhiều tháng thì hạt giống giác ngộ tâm linh ấy mới có thể triển khai và khiến cho con đường đi đến giải thoát có những tiến trình nhất định của nó.

Tại nước Đức ngày nay có 17 Chi Hội và 7 Gia Đình Phật Tử cùng 10 chùa. Trung bình mỗi năm tôi và Tăng chúng chùa Viên Giác đi đến mỗi chùa và mỗi địa phương từ 1 đến 2 lần và ngược lại Phật Tử tại các Chi Hội địa phương cũng về chùa Viên Giác tại Hannover là trụ sở trung ương của Giáo Hội từ 1 đến 2 lần nhân các lễ Phật Đản, Vu Lan hay Tết Nguyên Đán.

Đặc biệt từ năm 1999 đến nay, mỗi năm từ ngày 1 đến 14 tháng 7 dương lịch tại chùa Viên Giác đều có tổ chức các khóa Tu Gieo Duyên cho các Phật Tử tại gia. Đây là cung cách mới của Giáo Hội nhằm giúp cho người tại gia chưa có cơ hội tu suốt đời ở chùa như người Tăng sĩ thì mỗi năm được nghỉ

hè 2 tuần để về chùa tu niệm. Đa phần là những vị đã thọ Bồ Tát giới tại gia, họ tự nguyện xuống tóc, đắp y nâu và mỗi ngày trong 14 ngày ấy nhằm vào mùa an cư kiết hạ của chư Tăng nên họ tu và học, sống như một vị Tăng hay Ni tại đạo tràng chùa Viên Giác này. Mỗi năm như vậy số lượng không đồng đều. Có năm 150 vị, có năm 100 vị và có năm ít hơn. Tùy theo công ăn việc làm của mỗi người Phật Tử.

Ngoài ra, những Phật Tử tại gia này còn tham gia các khóa tu học Phật Pháp Âu Châu nữa. Mỗi năm, mỗi nước tại Âu Châu sẽ đảm trách một lần tổ chức như thế. Mỗi lần quy tụ từ 500 đến 1.000 Phật Tử tại gia, độ chừng 100 Tăng Ni và khóa tu học thường kéo dài 10 ngày, thường tổ chức vào mùa hè, cuối tháng 7 đầu tháng 8 mỗi năm để cho học sinh và sinh viên cũng có cơ hội tham gia tu học. Năm nay (2002) là kỳ thứ 14 được tổ chức tại Anh Quốc và năm 2003, kỳ thứ 15, sẽ được tổ chức tại Đan Mạch. Cứ như thế luân phiên nhau cho mười mấy nước tại Âu Châu như vậy. Cứ trước một năm là học viên đã biết năm sau khóa tu học Phật Pháp sẽ được tổ chức tại nơi đâu rồi, để họ sắp xếp hành trang và thời giờ lên đường tu học, gặp gỡ bạn đạo, Thầy xưa.

Các vị giảng sư đa phần là thành phần cốt cán của Giáo Hội Âu Châu, nhưng theo thông lệ mỗi năm Giáo Hội đều có mời một hay hai vị đến từ các châu lục khác ngoài Âu Châu. Mỗi ngày nghe thuyết giảng 3 thời, tụng kinh 3 thời, chấp tác, ăn cơm v.v... Cuối khóa thường có những ngày du ngoạn thăm danh lam thắng cảnh địa phương, nên đã có rất nhiều người ưa thích và cũng chính từ những người trẻ lần già trưởng thành trong các khóa tu học Phật Pháp như thế đã phát tâm xuất gia và trở thành những người giỏi, tốt cho Giáo Hội sau này.

Tại các Chi Hội địa phương ở nước Đức, mỗi lần tổ chức

Thọ Bát Quan Trai hay huân tu như thế thường rất cực nhọc. Vì chưa có Niệm Phật Đường hay Chùa, nên phải thuê Hội Trường để tổ chức. Một phần tốn kém, nhưng phần khác cũng rất nhiều khê vì vấn đề nhân sự, số người tham dự, thời tiết v.v... Mỗi lần Thọ Bát Quan Trai tại mỗi địa phương như thế ít nhất là 25 người và nhiều nhất là 120 người. Tùy theo nơi nào có ít hoặc đông Phật Tử. Thường thường thì những Phật Tử địa phương này đến các địa phương khác để tham dự và vì vị nể, cảm tình nên địa phương khác tổ chức họ cũng đi để trả nghĩa, trả ơn. Đồng thời tham gia các khóa giảng kinh được liên tục. Thông thường mỗi nơi tôi giảng từ 1 đến 2 lần, mỗi lần 1 tiếng rưỡi. Có những bộ kinh phải giảng gần 30 lần như Đại Thừa Khởi Tín Luận, hơn 20 lần như kinh Đại Bi. Gần 20 lần như kinh Viên Giác, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, hơn 10 lần như kinh Bách Dụ hay Duy Thức học v.v...

Tại các Đạo Tràng Tu Bát Quan Trai như thế, các giới tử thường vân tập vào sáng thứ bảy và bế mạc vào sáng chủ nhật, gồm có nghe giảng 2 đến 3 lần. tụng kinh 2 đến 3 lần và trao đổi những kinh nghiệm hoặc giải đáp những thắc mắc của các học viên. Cuối cùng là buổi lễ Phật công cộng. Các Phật Tử địa phương không có thời giờ tham gia suốt 24 tiếng đồng hồ thì có thể tham gia những buổi lễ Phật với thời gian ngắn từ 1 đến 2 tiếng đồng hồ như vậy. Ngoài việc tụng kinh còn có thuyết giảng, nhưng những phần giảng này có tính cách đại cương, tổng quát, chứ không đi vào chi tiết như các buổi giảng kinh trong khóa Tu Gieo Duyên hay trong các khóa Tu Bát Quan Trai giới. Vì vậy, nếu ai muốn thực hành giáo pháp sâu xa hơn phải đi sâu vào phần thực hành và nghe những buổi giảng kinh như thế.

Trong trường hợp tôi không đích thân đi, có các Thầy đệ tử đi về các địa phương thì thường hay tổ chức Huân Tu

Tịnh Độ hay Đại Bi. Nghĩa là hình thức cũng giống như Tu Bát Quan Trai, nhưng thời gian ngắn hơn, có thể chỉ trong một ngày là chấm dứt và nghe giảng ít hơn. Chủ yếu là tập trung vào sự tu luyện như tụng kinh, trì chú, niệm Phật và ngồi Thiền trong nhiều giờ liên tục như thế.

Riêng về phần người Đức như bên trên đã trình bày, mỗi năm có cả 10.000 người về chùa Viên Giác thăm viếng, học hỏi, làm quen với giáo lý nhà Phật. Đa phần là họ thích học Thiền và hay hỏi về luân hồi, tái sinh là gì? Sau khi chết đi về đâu? Niết Bàn như thế nào? Và giác ngộ là trạng thái ra sao v.v... Dĩ nhiên là không phải đơn giản hoàn toàn, tuy nhiên những câu hỏi đó không phải là khó trả lời, mà có nhiều trường hợp chưa cần trả lời nữa. Nếu có trả lời bây giờ họ cũng khó hiểu và khó chấp nhận. Vì nếu đứng từ quan niệm hữu thần, nghĩa là có một vị thần sáng tạo để hiểu Phật Giáo thì không làm sao mà hiểu nổi Đạo Phật.

Kể từ năm 1994 đến năm 2001, tôi có một lớp chuyên tu cho những người Đức, đa phần là giới trí thức như Luật sư, Bác sĩ, Giáo sư, Giáo viên và người thường có tín tâm đối với Đạo Phật. Học suốt 7 năm như thế. Mỗi lần đông nhất là 25 người và ít nhất là 5 người. Mỗi tháng chỉ tu và học một lần thôi. Mỗi lần chừng 2 tiếng đồng hồ. Đầu tiên chúng tôi ngồi thiền 30 phút, sau đó là học một bộ kinh nhất định nào đó. Ví dụ như kinh Bát Nhã, kinh Vu Lan Bồn, kinh Dược Sư, kinh Pháp Hoa và giáo lý căn bản Đại Thừa giáo. Cứ đọc qua một đoạn kinh là giải thích ý nghĩa của những từ mới và nội dung của kinh văn. Nếu ai có thắc mắc thì hỏi, hoặc đưa ra những nhận xét của mình về những gì đã học được.

Tôi thấy việc học ấy cũng có kết quả nhất định của nó, nhưng đa phần người Đức thích lý luận và đi vào tri thức nhiều hơn. Còn việc hành trì họ ít thực tập nên cũng khó mà cân bằng cho sự học và hành theo giáo lý Đạo Phật.

Có nhiều vị Đại Sư Á Châu có học vị tốt nghiệp tại Âu Châu này, khi đi vào cộng đồng người Phật Tử Đức cũng có những cái khó khăn nhất định của nó. Ví dụ theo tinh thần của lục độ vạn hạnh hay lục Ba La Mật là bố thí đi đâu rồi mới đến trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ. Phải thuận chiều như thế, nhưng người Âu Mỹ khi học Phật lại muốn ngồi thiền trước, đây là điều nghịch lý vậy. Thiền sẽ sinh ra trí tuệ, nhưng nếu trí tuệ không qua giai đoạn hiến dâng phần vật chất của mình để xả thân cầu đạo thì thiền định và trí tuệ kia vẫn còn thiếu sót.

Người Đức có thể trả 5 đồng, 10 đồng hay đến 100 đồng để nghe một buổi giảng, hoặc mua một quyển sách, nhưng nói đến từ bố thí (Dana) hay Geberfreundlichkeit thì họ không thể hiểu nổi như người Á Châu hiểu. Do vậy mà giữa Tây và Đông vẫn còn nhiều điều khác biệt nhau. Mặc dầu ngày nay tại Đức này có rất nhiều chùa, trung tâm thiền học v.v... nhưng họ sinh hoạt dưới dạng khác.

Một hôm tôi gặp một Thiền sư người Đức, ông đang vận động xây cất một ngôi chùa tại miền Bắc Đức. Tôi có đề nghị là nên kêu gọi mỗi người một thước đất, mỗi gia đình nhiều thước. Nếu có nhiều gia đình cúng dường như thế thì mấy ngàn thước đất ấy cũng như ngôi chùa sẽ xong ngay. Ông ta nhìn tôi cười và trả lời rằng:

- Thầy nói đúng! Nhưng người Đức của chúng tôi nếu họ cúng 10 thước đất thì họ đòi có quyền lợi trong 10 thước đó họ mới cúng, chứ không phải họ cúng vô điều kiện như người Việt Nam hay những người Á Châu.

- Thế thì đâu còn ý nghĩa của Dana và Geberfreundlichkeit nữa. Tôi trả lời như thế.

Đó là một mẩu chuyện đối thoại nhỏ thôi, chúng ta đủ thấy bản chất của mỗi dân tộc khác nhau rồi. Ở đây không

nói việc tốt xấu, hay dở, mà ở người Đức là phải rõ ràng, sòng phẳng thế thôi. Còn người Á Châu chúng tôi có tâm phụng sự, dâng hiến đối với Tôn Giáo không có một điều kiện nào cả.

Nói vậy những tổ chức từ thiện như Caritas, Diakönie v.v... họ dựa trên nguyên tắc nào để hoạt động? Dĩ nhiên là có nhiều lý do và hoàn cảnh khác nhau. Ví dụ nhiều người Đức giàu có, không có người thừa hưởng gia tài, trước khi chết họ cúng tài sản ấy vào cho Giáo Hội. Các Giáo Hội Thiên Chúa và Tin Lành tại Đức này nhờ vào những tài sản ấy và tiền thuế nhà thờ. Họ lấy thuế của những người vô (trong) đạo và từ đó họ đem đi đầu tư ở mọi lãnh vực. Có như thế Giáo Hội mới tồn tại và phát triển được. Đây là những điểm chính. Do vậy việc lạc quyền hay cúng dường họ thường chỉ bỏ vào thùng bạc các chứ ít khi có số tiền lớn. Nếu đem ứng dụng việc cúng dường vào bên Đạo Phật thì sẽ có một khoảng không to tướng, không có gì để điền bù vào chỗ trống này được. Do vậy mà những tổ chức của Phật Giáo tại Âu Mỹ này mỗi khi tổ chức Hội Thảo, nghe giảng pháp hay hội họp v.v... đều lấy tiền vào cửa để bù đắp vào những chi phí như phòng ốc, xe cộ, tiền thù lao cho diễn giả v.v... Nhưng tại Á Châu chúng tôi thì hầu như không lấy một lệ phí nào của tín đồ khi vào nghe giảng pháp, dầu cho đó là một vị Đại Sư nổi tiếng đi chẳng nữa. Tất cả cũng chỉ tự nguyện đóng góp theo sức mình mà thôi. Bởi vậy tục ngữ Việt Nam có câu: "Con giàu một bó, con khó một nén", có nghĩa là ai giàu có, có khả năng thì cúng tiền bạc vào chùa nhiều. Trong khi người nghèo khó chỉ có một nén nhang để cúng Phật thôi. Mong Phật chứng minh. Đây cũng chẳng phải giống như chế độ bao cấp trong các xã hội chủ nghĩa, mà là một sự bình đẳng giữa con người với nhau, giữa lòng tin và Đức Phật.

Đức Phật không quở trách những người không cúng, nhưng đồng thời cũng không cứu vớt những người giàu có nếu sự cúng dường đó mang ý nghĩa đút lót, hối lộ. Chùa chiền, Giáo Hội sẽ san bằng sự hiến tặng ấy đến với mọi người, mọi nơi, nếu nơi nào thiếu và cần đến.

Người Đức hay người Âu Mỹ thành tựu nhiều công trình lớn, vì họ có tính toán. Trong khi đó người Á Châu thì khác. Có tiền đến đâu thì xây chùa đến đó, không có thì thôi. Mặc dầu như thế nhưng khi quý vị sang Việt Nam, Đại Hàn, Nhật Bản, Trung Quốc, Tây Tạng, Thái Lan, Bhutan v... nơi nào cũng có những ngôi chùa lớn cả. Tất cả đều do sự đóng góp tự nguyện của tín đồ. Ở Trung Quốc có nhiều ngôi chùa còn lớn hơn cung điện của vua chúa nữa. Cho nên nhiều nơi có câu: “Phép vua thua lệ làng”, ý nghĩa là khi dân đã một lòng hỗ trợ cho vấn đề tín ngưỡng của mình thì dẫu vua có ban phép xuống bảo không nên làm thì dân vẫn cãi lại để thực hiện lý tưởng của họ là phụng sự Đạo Pháp vậy.

Đạo Phật đã đến nước Đức 200 năm rồi, kể từ ngày Schopenhauer làm quen với giáo lý Đạo Phật, rồi đến Hermann Hesse, Nietzsche v.v... là những triết gia rất nổi tiếng của nước Đức, nhưng thuở 100 hay 200 năm trước những triết gia này đi tìm những nguyên lý sống hợp với đạo đức và cái nhìn khác với hữu thần giáo. Họ không phải là những tu sĩ hay những người lãnh đạo tinh thần. Do vậy họ không cố võ việc xây chùa cũng như tạo dựng những trung tâm tu học to lớn. Nhưng bây giờ bắt đầu từ từ họ thấy tầm quan trọng của cơ sở và thể đứng của Phật Giáo trong cộng đồng xứ Đức này. Do vậy, những cơ sở Phật Giáo được mọc lên khắp nơi, không phải để giải quyết vấn đề tín ngưỡng như người Á Châu, mà để giữ cái thể diện của niềm tin khi họ tìm về với Đạo Phật.

Đạo Phật không phải chỉ để riêng cho người Á Châu, mà cũng chẳng dành đặc ân cho một dân tộc nào cả. Nếu ai đó thấy giáo lý ấy thích hợp thì hãy chấp nhận và thực hành. Chỉ đơn giản vậy thôi và Phật Giáo cũng không mong có một số tín đồ thật lớn để rồi phải đi xâm chiếm xứ này hay xứ nọ. Do vậy mà Phật Giáo không có cơ quan đi truyền đạo. Cũng giống như thế những người Việt Nam khi đến xứ Đức này vì lý do tỵ nạn chính trị, khi không thể sống chung với người Cộng Sản Việt Nam nữa, cũng giống như người Đức không thể sống chung với chủ nghĩa Đức Quốc Xã nên mới đi tỵ nạn khắp nơi trên thế giới. Khi đến đây người Việt Nam, người Tây Tạng hay những người Á Châu khác có mang theo một Tôn Giáo đã có mặt mấy ngàn năm tại đó và họ tiếp tục thực hành tại đây. Người địa phương thấy thích hợp, hài hòa, có lòng từ bi lợi tha rộng lớn, nên họ có thể chấp nhận được và họ theo. Cuối cùng rồi số tín đồ Phật Giáo ở Đức này càng ngày càng lớn. Đây là một kết quả tự nhiên, không mong cầu, không ý lại vào bất cứ thế lực nào từ bên trong lẫn bên ngoài cả.

Chương này tôi đã giới thiệu tổng quát về phương pháp tu của chùa Viên Giác tại Hannover cho người Việt lẫn người Đức. Ngoài ra mỗi người tu theo Phật nên thực hiện tâm từ bi và hỷ xả để đối đãi với nhau thì mọi người đều được an lạc. Thông thường, trong cuộc sống này ai cũng có khổ đau nhiều hơn là hạnh phúc. Vì vậy giáo lý của Đạo Phật phải là một giáo lý mang lại cái hạnh phúc miên viễn cho con người. Sự an lạc ấy có nơi nụ cười của Đức Phật, sự tiếp xúc với Tăng Ni, những lời an ủi chí tình v.v... nhưng đó mới chỉ nằm bên ngoài thân ta, làm sao sự an lạc ấy phải xuất phát ngay từ tâm ta thì mới tốt hơn. Vì lẽ khi tâm ta thể hiện lòng từ bi thì mọi cử chỉ, mọi hành động, mọi đối tượng đều được an hòa, dầu ít hay nhiều. Nếu tâm ta không an và không tịnh thì chính mình đã khổ, làm sao giúp kẻ khác an ổn được?

Tâm mình có đầy dẫy tham, sân, si và nghiệp chướng, nếu chúng ta biết thực hành những thiện pháp thì các ác pháp kia sẽ tự động tiêu diệt. Chúng ta không cần mang cái tham, sân, si ấy đi giao cho người khác giữ gìn. Vì người nào cũng muốn vứt bỏ chúng, nên chẳng ai có can đảm đâu mà nhận thêm những của nợ của người khác bao giờ. Thông thường ai cũng muốn buông bỏ, chứ ít ai muốn cột chặt vào. Nhưng buông bỏ như thế nào, lại chẳng thực hiện. Nhiều lúc còn cột chặt thêm vào thì có, đâu có dễ gì buông bỏ, đâu biết rằng đó là những điều không tốt với nội tâm mình.

Nói tóm một điều, dầu cho tông phái nào đi nữa cũng nhằm giúp đỡ, chỉ rõ mặt mũi của tự thân, thấy rõ mình là ai thì lúc đó tu Thiền, tu Tịnh Độ hay tu Mật cũng chẳng muộn. Ngược lại càng tu càng bị hoàn cảnh chung quanh hoặc nội kết nó trói buộc, làm cho mình lúng túng, không biết lối ra, thì liệu tu hành như thế có được lợi ích gì?

Người Phật Tử Việt Nam theo Đạo Phật giống như một truyền thống. Vì cha mẹ là Đạo Phật nên con cái tự nhiên là Phật Tử. Tuy nhiên, nếu muốn hiểu giáo lý Đạo Phật một cách chính xác thì cần phải nghiên cứu tìm tòi, thực tập, chứ không phải chỉ đóng khung nơi truyền thống mà thôi.

Người Đức vì sống với truyền thống tôn giáo lâu đời có tính cách hữu thần, khi tìm hiểu đến Đạo Phật thấy không phải như vậy, nghĩ rằng dễ dàng hơn để đi đến Niết Bàn, giải thoát. Trên thực tế thì không đơn giản như vậy. Vì muốn tìm vàng và kim cương thì người ta phải tốn công đào sâu vào lòng đất, chứ không thể hời hợt ở trên mặt đất là có vàng hay kim cương! Sự tu hành cũng hoàn toàn giống như vậy.

Chương VIII

VỊ TRÍ CỦA NGÔI CHÙA VIÊN GIÁC TẠI HANNOVER ĐỐI VỚI NGƯỜI VIỆT CŨNG NHƯ NGƯỜI ĐỨC

Chùa Viên Giác là một ngôi chùa Việt Nam được xây dựng tại thành phố Hannover thuộc Tiểu Bang Niedersachsen, Bắc Đức, mà cũng có thể nói đây là ngôi chùa đầu tiên của người ngoại quốc cũng như của người Đức xây dựng kể từ khi Phật Giáo được du nhập vào nước Đức đến nay.

Thật ra, cho đến năm 2002 là hơn 200 năm Phật Giáo có mặt tại đây và đã có gần 500 Hội Đoàn, Tổ Chức Phật Giáo của người Đức cũng như của người ngoại quốc sinh hoạt, nhưng chỉ có 2 ngôi chùa xây theo kiểu Á Đông và hoàn toàn mới là ngôi chùa Viên Giác tại Hannover và ngôi chùa Nikko của người Nhật tại Düsseldorf được xây dựng khoảng năm 1994. Còn đa số các chùa khác đều mua hoặc thuê những lâu đài cũ, nhà ở hay nhà tư nhân để làm chùa. Ngay cả ngôi nhà Phật Giáo tại Berlin (Buddhistisches Haus) được Dr. Dahlke hiến dâng cho Phật Giáo Tích Lan từ đầu thế kỷ 20, nhưng tại đây cũng là một ngôi nhà biến thể chứ không phải toàn diện được xây dựng như một ngôi chùa.

Chùa Viên Giác ở tại Tiểu Bang Niedersachsen. Do vậy cũng nên biết rõ thêm hơn về Tiểu Bang này một chút, đầu rằng trong chương trước đã có giới thiệu sơ qua. Tiểu Bang

hiện có 7.815.000 người đang sinh sống. Xem như 9,5 phần trăm dân số của toàn Cộng Hòa Liên Bang Đức. Trong đó có 3.999.600 đàn bà, 3.815.500 đàn ông và ngoại kiều chiếm tổng số là 476.700 người. Trong số này có 4.735.000 người theo đạo Tin Lành và 1.401.000 người theo đạo Thiên Chúa. Đây là con số thống kê mới nhất vào ngày 18.6.2002 của Phủ Thủ Hiến Tiểu Bang Niedersachsen.

Như vậy, Tiểu Bang này có số đàn bà nhiều hơn đàn ông và Tin Lành gấp 3 lần Thiên Chúa. Về các đạo khác chưa có thống kê chính thức trong số gần nửa triệu người đó, nhưng chắc chắn có lẽ là Hồi Giáo. Vì người Thổ Nhĩ Kỳ sống ở đây rất đông. Tôi đang sao lục, tìm kiếm về tài liệu của người Việt Nam tại Tiểu Bang này để thực hiện một chương trình công ích từ thiện rộng lớn cho toàn Tiểu Bang và có thể trong tương lai cho cả Liên Bang nữa.

Chùa chúng ta chính thức sinh hoạt từ năm 1978 tại đây, như vậy là đã 25 năm rồi. Chúng ta chỉ còn 5 năm nữa là đủ điều kiện để được công nhận là một Tôn Giáo như nước Ý, Áo đã thực hiện thành công. Trong vòng 5 năm đó Phật Tử Việt Nam, hoặc Đức, hoặc bất cứ một người ngoại quốc nào ở tại Tiểu Bang này theo Phật Giáo cũng được tính chung vào để chúng ta có được tư cách quyền công cộng (Offenliches Rechts) như những tôn giáo khác.

Điều kiện đầu tiên là cần có 30 năm sinh hoạt.

Điều kiện thứ nhì là có 1 phần ngàn người theo đạo. Nghĩa là phải có ít nhất là 7.800 người Phật Tử chính thức ghi tên tuổi, ngày sinh, có địa chỉ, chữ ký và được quyền sinh sống lâu dài tại đây. Số người ấy không phải là nhiều, nhưng sợ 5 năm nữa sẽ có người sinh sản thêm và đồng thời cũng có người mất đi. Do đó chúng ta có thể tính xác suất thay đổi là 8.500 đến 9.000 người là tốt nhất. Dĩ nhiên khi chính thức

khai báo như thế, sau khi được công nhận chúng ta sẽ có nhiều quyền lợi và điều kiện hơn. Ví dụ con em của quý vị có nhu cầu học giáo lý bằng tiếng Đức tại trường học, những ngày lễ của Đạo Phật, sự chết chóc ma chay của các Phật Tử nơi nghĩa trang v.v... tất cả đều có tính cách đại chúng hóa, nếu chúng ta được công nhận, nhưng với điều kiện chúng ta phải liên kết hỗ trợ cho việc này thật chặt chẽ mới thành công được. Khi chúng ta có quyền lợi, dĩ nhiên chúng ta cũng phải có một số bổn phận. Bổn phận chi tiết như thế nào chúng tôi sẽ gọi đến quý vị trong thời gian tới.

Điều kiện thứ ba là có liên hệ tốt với Bộ Tài Chánh và Bộ Nội Vụ. Điều kiện này cho đến nay sau 25 năm sinh hoạt, chúng ta được biết là rất tốt, không những liên hệ bình thường với các Bộ này mà còn rất chặt chẽ nữa là đằng khác.

Đây là một công việc lâu dài có tính cách lịch sử cho hàng trăm hàng ngàn năm về sau này. Chúng tôi mong rằng quý vị Phật Tử không nên bỏ qua cơ hội đóng góp phần mình vào sự lợi ích chung cho Đạo Pháp.

Theo thống kê ngày 31.12 năm 1996 của Phủ Thủ Hiến Tiểu Bang Niedersachsen, thì Tiểu Bang này có những thành phố sống trên 100.000 dân như sau:

- Hannover : 523.000 người
- Braunschweig : 251.000 người
- Osnabrück : 167.000 người
- Oldenburg : 114.000 người
- Göttingen : 126.000 người
- Wolfsburg : 125.000 người
- Salzgitter : 117.000 người
- Hildesheim : 105.000 người

Chính quyền địa phương của Tiểu Bang gồm có 4 nơi.
Đó là:

- Braunschweig và Vùng phụ cận : 1.678.000 dân
- Hannover và Vùng phụ cận : 2.147.000 dân
- Lüneburg và Vùng phụ cận : 1.616.000 dân
- Wesses - Ems : 2.374 dân

Diện tích tổng cộng của Niedersachsen là 47.609 km², chiếm tỷ lệ 13,3% của Cộng Hòa Liên Bang Đức, trong đó có 29.700 km² là diện tích nông nghiệp cho chăn nuôi và trồng trọt. Ngoài ra còn có 9.850 km² rừng, 2.850 km² diện tích đất xây dựng và mặt bằng còn trống, 2.250 km² về giao thông, 10.000 km² về vùng cảnh trí được bảo trì và 1.300 km² vùng thiên nhiên được bảo trì.

Về phương diện địa lý của Tiểu Bang này, điểm cao nhất cũng như thấp nhất so với mực nước biển như sau:

- Wurmberg (Harz) : 971 m
- Bruchber (Harz) : 927 m
- Achtermann (Harz) : 925 m
- Freepsumer Meer sâu : 2,3 m
- Wynhamster Kolb sâu : 2,3 m

Tiểu Bang này cũng có những con sông và kênh đào quan trọng như sau:

- Sông Weser (cùng với Werra và Fulda) dài 378 km
- Sông Elbe dài 262 km
- Sông Ems dài 241 km
- Sông Line dài 211 km
- Con kênh đào giữa Tiểu Bang dài 195 km
- Con kênh đào Dortmund - Ems dài 147 km
- Con kênh đào Elbe - Seiten dài 115 km

Ngoài ra tại Tiểu Bang này cũng có những đầm và hồ được kể như sau:

- Steinhuder Meer rộng 27 km²
- Dümmer rộng 13 km²
- Zwischenahner Meer rộng 5,5 km²
- Großes Meer rộng 2,6 km²
- Okertalsperre rộng 2,3 km²
- Granetalsperre rộng 2,2 km²

Phần bên trên thuộc về dân số, đất đai, địa lý, sông ngòi, ao hồ v.v... sau đây xin đơn cử một vài dữ liệu tương đối quan trọng để chúng ta có một cái nhìn cụ thể hơn.

Hiện tại (2002) Đảng SPD có 47,9% số ghế trong Quốc Hội Tiểu Bang và có 83 Dân Biểu.

Đảng CDU chiếm 35,9% có 62 Dân Biểu.

Đảng Xanh chiếm 7% và có 12 Dân Biểu.

Chính quyền trong hiện tại do Đảng SPD cầm quyền và những nhiệm vụ được phân chia như sau:

- Thủ Hiến Tiểu Bang: Sigmar Gabriel (SPD)
- Bộ Tài Chánh: Heinrich Aller (SPD)
- Bộ Nội Vụ: Heiner Nartling (SPD)
- Bộ Văn Hóa: Jürgens-Pieper (SPD)
- Bộ Thực Phẩm, Nông Nghiệp Lâm Sản: Uwe Bartels (SPD)
- Bộ Phụ Nữ, Lao Động & Xã Hội: Dr. Gitta Trauernicht (SPD)
- Bộ Tư Pháp: Dr. Christian Pfeiffer (SPD)
- Bộ Kinh Tế, Kỹ Thuật và Giao Thông: Dr. Susanne Knorre (không đảng phái)

- Bộ Khoa Học và Văn Hóa: Thomas Oppermann (SPD)
- Bộ Môi Sinh: Wolfgang Jüttner (SPD)
- Bộ Liên Bang và Âu Châu: Wolfgang Senff (SPD)

Ngoài ra cũng nên biết về những vị Thủ Hiến Tiểu Bang tiền nhiệm như sau:

1946 - 1955	: Hinrich Wilhelm Kopf (SPD)
1955 - 1959	: Heinrich Hellwege (DP)
1959 - 1961	: Hinrich Wilhelm Kopf (SPD)
1961 - 1970	: Georg Diederichs (SPD)
1970 - 1976	: Alfred Kubel (SPD)
1976 - 1990	: Ernst Albrecht (CDU)
1990 - 1998	: Gerhard Schröder (SPD)
1998 - 1999	: Gerhard Glogowski (SPD)
và từ 1999 đến nay	: Sigmar Gabriel (SPD)

Trong 9 đời Thủ Hiến Tiểu Bang chỉ có Thủ Hiến Albrecht là lâu dài nhất, nghĩa là 14 năm thuộc Đảng CDU, còn Đảng SPD tuy chiếm đa số và lâu dài, nhưng người tại vị lâu nhất trong 2 lần làm Thủ Hiến là Hinrich Wilhelm Kopf cũng chỉ được 11 năm. Đặc biệt trong thời gian ông Dr. Ernst Albrecht làm Thủ Hiến, ông chủ trương cứu vớt người Việt Nam vượt biển tìm tự do. Tôi đã có cơ hội 2 lần tiếp xúc trực tiếp với ông tại dinh Thủ Hiến và một lần hai Ông Bà đến thăm chùa Viên Giác nhân lễ Vu Lan cách đây mấy năm.

Ngôi chùa Viên Giác ngày nay đứng sừng sững tại số 6 đường Karlsruher, tại thành phố Hannover, chiếm một diện tích 4.000m² đất và 3.000m² diện tích sử dụng, là nhờ ý tốt của ông cựu Thủ Hiến Tiểu Bang Albrecht không ít. Nếu không có ông lưu tâm thì chùa cũng khó mà nhận được giấy phép xây cất sớm như thế. Hồi đó khi xây chùa mặc đầu Tiểu Bang

Niedersachsen không giúp cho được một khoản tài trợ nào, nhưng xổ số Loto Lotto của Tiểu Bang đã giúp chùa được 10.000 Đức Mã và suốt từ năm 1978 đến nay Bộ Văn Hóa Tiểu Bang cũng chỉ giúp một lần năm 1979 để tổ chức lễ Phật Đản tại Bethoven Saal độ hơn 10.000 Đức Mã. Tuy vậy công ơn của đất nước này, của Tiểu Bang này chúng tôi không bao giờ quên cả.

Từ hướng Messiegelände queo mặt qua đường Karlsruher khách hành hương sẽ thấy có bảng chỉ công cộng “Pagode Viên Giác” màu nâu. Như vậy ngôi chùa của chúng ta cũng đã có nhiều người nhìn thấy bảng. Mặc dầu không có ý đi tìm chùa, nhưng họ cũng sẽ gặp chùa. Còn những người có ý đi tìm thì trở nên dễ dàng hơn.

Ngoài ra trong quyển bản đồ thành phố Hannover xuất bản năm 2000 có ghi địa chỉ nơi chùa là một dấu thánh giá và chú thêm “Tibetisches Buddhist-Zentrum”. Thật sự ra khi làm bản đồ, người vẽ không biết biểu hiệu ngôi chùa bằng dấu gì, nên cho dấu thánh giá cho tiện. Đây là ngôi chùa Việt Nam chứ không phải là của người Tây Tạng. Có lẽ họ thấy chùa là họ nghĩ về Phật Giáo Tây Tạng chăng? Điều ấy cũng quý thôi, vì lẽ họ có cơ hội để biết đến chữ Buddhismus hay Buddhisten, chứ ngay cả bây giờ nhiều người Đức viết chữ Phật Tử hoặc Phật Giáo đó chỉ có 1 chữ d, hoặc không có chữ h phía sau.

Trong chùa Viên Giác cũng có một phòng nhỏ, tôi đã cho Hội Phật Giáo Chöling, gồm nhiều người Đức theo Phật Giáo Tây Tạng sinh hoạt cả 7, 8 năm nay và năm 1995 Đức Đạt Lai Lạt Ma cũng đã đến phòng này làm lễ cầu nguyện cho các Phật Tử Đức. Do vậy mà cũng có người gọi đây là Trung Tâm của Phật Giáo Tây Tạng chăng?

Tiện đây cũng xin giải thích thêm mấy chữ như thế nào là một Niệm Phật Đường, thế nào là một ngôi chùa? Thế nào là một Pagode? Thế nào là một Tu Viện? Thế nào là một Đại Tông Lâm?

Niệm Phật Đường là nơi nhỏ dùng cho ít người có thể đến đó ngồi tụng kinh hoặc niệm Phật. Không nhất thiết phải to lớn, mà ngay cả tại tư gia cũng có thể biến thành nơi thờ Phật trang nghiêm và có thể gọi là một Niệm Phật Đường. Nơi đây cũng có thể có Tăng Ni trụ trì, mà cũng có thể là cư sĩ tại gia cũng có quyền coi sóc cơ sở như thế.

Một ngôi chùa, tiếng Đức gọi là Tempel, tiếng Anh gọi là Temple. Chùa là nơi thờ Phật, lớn hơn Niệm Phật Đường, chỗ dành cho người lui tới sinh hoạt định kỳ vào mỗi cuối tuần hay ngày Rằm và Mồng Một. Đây phải là nơi công cộng, ai cũng có thể đến để lễ bái, cầu nguyện, làm lễ cầu an, cầu siêu, cưới hỏi, ma chay, học giáo lý v.v...

Thế nào gọi là một Pagode? Chữ Pagode người Việt Nam thường hay dùng để chỉ cho chùa, nhưng thật ra không đúng hoàn toàn. Vì từ này tiếng Đức không có, nên phải vay mượn của tiếng Pháp và tiếng Anh (Pagoda). Nếu tiếng Phạn thì gọi là Stupa. Nghĩa là một ngôi tháp có nhiều tầng, nên gọi là Pagode. Có nhiều chùa có cả Pagode, nhưng cũng có nhiều chùa không có tháp. Ngày nay có nhiều người Đức vẫn còn nghĩ Pagode là một nhà hàng (Restaurant), nhưng trên thực tế Pagode là nơi để thờ Xá Lợi Phật chứ không phải để bán đồ ăn. Nhiều hôm tôi đứng trước cổng chùa, có người Đức đến gặp và hỏi:

- Hôm nay có mở cửa không?

- Có chứ! Chùa lúc nào cũng mở cửa từ 6 giờ sáng đến 10 giờ đêm. Tôi trả lời thế.

- Thế có bán không?

Tôi bảo:

- Ở đây là chùa thờ Phật của Phật Giáo chứ không phải nhà hàng. Nếu quý vị muốn dùng cơm thì xin ra chỗ góc đường kia sẽ có tiệm.

Thế là họ lui thủi ra đi. Cũng có lần tờ báo địa phương của Mittelfeld chụp hình cái tháp của chùa Viên Giác và ra câu đố, ai trả lời được đó là cái gì và nằm ở đâu? Nếu ai đáp trúng sẽ được thưởng 35 Đức Mã. Tôi không biết là có bao nhiêu người đáp đúng, mà chắc chắn sẽ có nhiều người nói đúng, nếu họ là những Phật Tử Việt Nam hay đi chùa, hoặc những người Đức sống ở gần chùa thì sẽ biết. Tiếc rằng hôm tôi nhận được tờ báo ấy thì đã trễ 2 ngày rồi, nhưng nghĩ ra cũng vui vui. Vì người Đức cũng có những sáng kiến mới lạ và do vậy mà ngôi chùa đã trở thành chỗ công cộng cho người Đức lẫn người Việt lui tới lễ bái nguyện cầu.

Nếu quý vị mở máy computer lên và vào tìm xem chỗ Pagode Viên Giác hoặc Thích Như Điển thì sẽ có nhiều tin tức, hình ảnh về chùa cũng như những bài thuyết trình của tôi bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau, nếu quý vị muốn tra cứu, tham khảo. Ngày nay cái gì trên máy computer cũng có, nếu có thiếu thì chỉ thiếu thiện chí của con người mà thôi.

Tu Viện là gì? Có nhiều người nghĩ vào đó tức không được tiếp xúc với ai cả. Không nhất thiết phải như vậy. Có lẽ bên Thiên Chúa giáo có những dòng tu kín như thế, nhưng bên Phật Giáo Việt Nam thì rất hiếm, người Tăng sĩ hay Ni cô đang sinh sống tại các Tu Viện hay Phật Học Viện là nơi có nhiều người, kể từ số trăm trở đi. Họ cùng chấp tác chung, ở chung, tụng kinh chung, học chung, tụng luật, bố-tát chung v.v... nghĩa là cái gì cũng có tính cách công cộng, nên gọi là

Tu Viện. Nhiều khi gọi điện thoại cho người Đức, xưng là tôi từ chùa (Pagode) Viên Giác gọi thì họ không hiểu, thế là chúng tôi phải nói là Tu Viện (Kloster) Viên Giác thì họ hiểu ngay. Vì danh từ này họ đã quen bao đời nay rồi với danh từ của Thiên Chúa, hoặc Tin Lành.

Còn Đại Tòng Lâm là gì? Đó là nơi tu học của chư Tăng Ni, không ở thành phố mà phải nằm xa thành thị. Nơi đó có thể là vùng núi non, vùng thung lũng và chỗ ấy có thể ở, sinh hoạt, tu học cho cả mấy ngàn người chứ không phải chỉ vài trăm người. Trong ấy vẫn có một ngôi chùa chính và nhiều ngôi chùa phụ cũng như trường học để Tăng chúng học tập, tu luyện..

Tại Việt Nam, Trung Quốc, Đại Hàn, Nhật Bản v.v... đều có nhiều danh từ để chỉ về một ngôi chùa như thế. Còn trong ngôn ngữ tiếng Đức này có sự giới hạn và người Đức cũng khó phân biệt thế nào là một ngôi chùa hay một tu viện. Do vậy tôi đã giới thiệu qua một số nét căn bản để người Đức hoặc các trẻ em Việt Nam sinh ra ở đây có cơ hội để biết rõ ngọn ngành hơn.

Nhiều người Đức cũng đi chùa, mới đầu họ còn bỡ ngỡ và khó gần gũi với nếp sống của người Á Châu nhưng dần dần rồi cũng quen đi. Ví dụ như vào chùa phải bỏ giày dép bên ngoài, hoặc giả không được mặc y phục ngắn trên đầu gối. Ngoài ra sự cầu nguyện, lễ bái của người Á Châu động hơn và người Đức thường hay thích tịnh. Tuy nhiên tất cả đều là thói quen và theo thời gian năm tháng người ta sẽ tự nhiên thích hợp.

Đây là một ngôi chùa Việt Nam được xây dựng đầu tiên ở xứ Đức và cũng có thể nói từ khi Đạo Phật truyền vào xứ Đức này đã 200 năm rồi, đây cũng là ngôi chùa đầu tiên được xây dựng theo lối kiến trúc kết hợp giữa Á và Âu, nên có

nhều nét đặc thù. Khi một đứa bé con của một gia đình Việt Nam sinh ra và lớn lên tại đây, chúng sẽ hãnh diện và tự hào là ông cha, tổ tiên của chúng đã đến đây tỵ nạn bằng hai bàn tay trắng, chỉ có một ý chí cương quyết tạo dựng một cuộc đời mới tại xứ Đức này, trong ấy đã xây dựng một ngôi chùa tại đây. Chúng sẽ hãnh diện giới thiệu với bạn bè Việt và Đức của chúng là nơi ngôi chùa Viên Giác ấy xứng đáng đại diện cho Văn Hóa Việt Nam và nếu có ai muốn đến đó xem thì tại đó sẽ cung ứng những nhu cầu về tâm linh mà họ cần hiểu biết. Người Việt lập nghiệp ở đây hơn 25 năm nên cơ sở thương mại, kinh doanh, nhà hàng rất nhiều, nhưng đấy không phải là văn hóa của dân tộc, nên những người trẻ không thể vào một nhà hàng bán thức ăn, hoặc tiệm thực phẩm Á Châu bảo rằng: Đây là quê hương của tôi, là văn hóa của dân tộc tôi. Như vậy sẽ là một sự sai lầm lớn.

Người Việt ra đi đã bỏ lại sau lưng tất cả và trong ấy có bỏ lại ngôi chùa. Do vậy mà trong sự nhớ thương đặc biệt, bao giờ ngôi chùa cũng xuất hiện đầu tiên trong tâm trí của họ. Thi sĩ Huyền Không, tức Hòa Thượng Thích Mãn Giác, cách đây 50 năm đã làm một bài thơ Nhớ Chùa rất hay, đã diễn tả đúng tâm trạng của những người xa quê khi hướng về nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Bài thơ ấy nhan đề là Nhớ Chùa:

*Từ thuở ra đi vắng bóng chùa
Đường đời đã nhọc chuyện hơn thua
Trong tôi bừng dậy niềm chua xót
Sao xuyên mơ về lại cảnh xưa.*

Đây là lối thơ thất ngôn trường thiên. Nghĩa là mỗi câu 7 chữ và không nhất thiết bài thơ phải dùng nơi 4 câu như những loại thơ Đường luật bị gò bó niêm luật, mà ở đây gồm 9 đoạn, mỗi đoạn 4 câu như thế.

Con người khi xa quê mong muốn làm nên một cái gì đó cho đời, nên phải bon chen với danh lợi, tranh đấu hơn thua để phần thắng được về mình, nhưng khi sự tĩnh lại, thấy sao mà chua xót quá. Do vậy mới mơ màng nhớ lại cảnh cũ người xưa, trong ấy có bóng dáng một ngôi chùa.

*Thấp thoáng đâu đây cảnh tượng làng
 Có con đường đỏ chạy lang thang
 Có hàng tre gọi hồn sông núi
 Im lặng chùa tôi ngập nắng vàng.*

Cảnh cũ người xưa đâu còn nữa, nhưng trên con đường đất đỏ chạy vào làng đó, hai bên có những hàng tre thẳng tắp, đứng sừng sững với núi sông, tượng trưng cho cuộc đời của người quân tử. Chỉ đơn giản thế thôi, nhưng là biểu tượng cho làng tôi đấy. Và nơi đó, dưới ánh nắng chói chang hay những chiều tà âm đạm, ngôi chùa vẫn im lìm trong cuộc sống trầm lặng của dân quê.

*Có những cây mai sống trọn đời
 Bên hàng tùng bách vẫn xanh tươi
 Nhìn lên phảng phất hương trầm tỏa
 Đức Phật từ bi miệng mỉm cười.*

Thật là hạnh phúc biết bao! Thật là hoan hỷ biết bao! trong tất cả hoàn cảnh, trong tất cả nhịp điệu sống của dân làng đều có sự hiện diện của ngôi chùa, trong ấy có Đức Phật dưới làn khói hương nhẹ tỏa. Ngài ngồi yên đó mỉm cười với cuộc thế đổi thay từ bên trong lẫn bên ngoài bản thân của mỗi con người. Tuy vậy trong vườn chùa kia có những cây mai sống rất lâu. Mỗi năm Đông đến Xuân sang thì hoa mai đua sắc thắm để chào đón nàng Xuân, mặc cho gió Đông có khe khắt. Ngoài những gốc mai già ra còn có những cây tùng và cây bách vẫn sừng sững với gió sương, tro gan cùng tuế

nguyệt, chịu đựng với bao nhiêu gian khổ khó khăn, nhưng lá vẫn xanh, cây vẫn thẳng, chịu đựng gian khổ với thời tiết, với hoàn cảnh. Điều này cũng nói lên được ý chí của những người ở lại quê, khi họ đã chấp nhận sống chết với lũy tre làng, nương khoai, bờ giậu ấy.

*Tôi nhớ làm sao những buổi chiều
Lời kinh giải thoát giọng cao siêu
Đây ngôi chùa cổ ngày hai buổi
Câu nguyện dân làng sống mến yêu.*

Dưới mái chùa hiền hòa ấy có hình bóng của vị Sư già ngày 2 buổi với kinh kệ, mõ chuông, cầu nguyện cho dân làng sống hạnh phúc qua lời dạy của chư Phật, bỏ ác làm lành, giữ tâm ý cho được thanh tịnh. Lời kinh tiếng kệ ấy như là những tiếng vọng cao cả dội vào tâm tư của người dân, ngay cả những người đang sống nơi viễn xứ. Lời kinh ấy cứ vang vọng mỗi ngày sớm chiều hai buổi, khiến cho khách trần ai tục lụy cũng phải hướng về cảnh giới giải thoát nhiệm mầu để tu thân tích đức.

*Vì vậy làng tôi sống thái bình
Sớm khuya gần gũi tiếng chuông linh
Sắn khoai gạo bắp nuôi dân xóm
Xây dựng tương lai xứ sở mình.*

Cuộc sống nông thôn rất đơn giản, chỉ có gạo, khoai, sắn, bắp, rau cải chứ có gì đâu, nhưng từng người dân chất phác ấy được sinh trưởng, lớn lên tại làng quê kia đều có mục đích rõ ràng là tô bồi quê hương xứ sở cho đẹp đẽ, mà muốn thế phải nương theo sự cầu nguyện, nương theo chuông mõ, linh tang, gõ nhịp vào thành trống, thành chuông để gióng lên bao hồi chuông cảnh tỉnh. Để từ đó con người sống trọn vẹn trong cảnh thái bình an lạc. Sự yên ổn đó không phải tự

nhiên mà có. Đó là do sự cầu nguyện, do ý chí mong cầu, do sự hướng về Đấng Toàn Giác. Do tâm nguyện ấy mà đời sống của mọi người trong thôn trở nên an lạc.

*Mỗi tôi dân quê đón gió lành
Khấp chùa dào dạt ánh trăng thanh
Tiếng chuông thức tỉnh lan xa mãi
An ủi dân hiền mọi mái tranh.*

Đời sống của nông dân rất là hồn nhiên chất phác. Cật lực làm ruộng suốt ngày để có miếng cơm, manh áo, tối về tắm rửa sạch sẽ, sau đó com nước và dẫn vợ con lên chùa để ngắm trăng. Vì sao vậy? Vì tại chùa bao giờ cũng có cây to bóng mát. Xuyên qua ngàn cây nội cỏ đó, ánh trăng rằm sẽ rọi chiếu khắp đó đây trở nên lung linh huyền ảo hòa lẫn với tiếng chuông ngân nga như đem mùi Thiền làm nên cảnh vật của thiên nhiên. Khiến người nông dân thư thái, hạnh phúc vô cùng. Đây là niềm an ủi, một sự động viên, không phải dùng thuốc uống để chữa lành bệnh tật mà tất cả đều khởi đi từ chỗ tâm hướng thượng của mỗi con người.

*Trầm đốt hương xông thơm ngạt ngào
Thôn trên xóm dưới dạ nao nao
Dân làng tắm gội lên chùa lễ
Mùi bốn, ba mươi mỗi tôi vào.*

Đến ngày sám hối vào tối 14 âm lịch hoặc tối 30. Mỗi tháng 2 lần như thế sau khi com nước tắm gội, vợ chồng con cái cả nhà lên chùa với sản phẩm trong vườn như rau, chuối, đậu, mè mang lên chùa để cúng dường Sư cụ và thập phương bá tánh. Đây là tâm nguyện của dân làng khi đi chùa lễ Phật. Cho nên ai ai cũng nôn nao mong cho đến những ngày trọng đại ấy để lên chùa dâng hoa hương cúng Phật và trầm mình trong trầm hương khói tỏa, để như thấy mình cũng được sám hối những tội lỗi từ lâu đời, lâu kiếp đã gây ra.

*Biết đến bao giờ trở lại quê
 Phù vân lòng gởi nhớ nhung về
 Tang thương dù có bao nhiêu nữa
 Cũng nguyện cho chùa khỏi tái tê.*

Ngôi chùa với phong sương cùng tuế nguyệt ấy, với thời gian năm tháng chất chồng, với chiến tranh đổ nát, với sương gió phủ phàng, chắc chắn phải có ảnh hưởng, nhưng trong tâm trạng của kẻ xa quê vẫn muốn rằng những hình ảnh của năm xưa, một ngôi chùa hiền hòa yên tĩnh tọa lạc trong một ngôi làng và trong tâm thức của người xa quê như thế cũng mong rằng không bị ảnh hưởng gì nặng nề cả. Vì ngôi chùa trong lòng người xa xứ là cả một bầu trời, một đất nước, một quê hương. Chưa biết là bao giờ mới có thể trở lại thăm quê, nhưng mong rằng ngôi chùa trong lòng của tuổi ấu thơ ấy vẫn còn mãi mãi nơi tâm thức của người xa quê.

*Chuông vắng nơi nao nhớ lạ lùng
 Ra đi ai chẳng nhớ chùa chung
 Mái chùa che chở hồn dân tộc
 Nếp sống muôn đời của Tổ Tông.*

Thật là tuyệt vời! Thật là vi diệu khi bên tai mình vắng vắng đâu đây tiếng chuông và nhiều tiếng chuông liên tục như thế vọng ra từ một ngôi chùa, cho nên mình đã thức tỉnh và nhớ lại chùa xưa. Ai là người đã ra đi, chắc chắn không bao giờ quên được ngôi chùa ấy. Vì sao vậy? Vì lẽ mái chùa kia đã che chở hồn dân tộc qua bao nhiêu năm tháng chất chồng, qua các triều đại thịnh suy của dân tộc, che chở hết tất cả những muộn phiền của thế sự đổi thay và đó, đó chính là nếp sống nghìn đời của ông bà, cha mẹ ta trong tinh thần của Phật Giáo vậy.

Chỉ một bài thơ 36 câu gồm 9 đoạn thôi, mà đã diễn tả

được tất cả hình ảnh của một ngôi chùa đối với bên trong của nội tâm qua bao thăng trầm của thế sự cũng như đối với những hoàn cảnh đổi thay ở bên ngoài của cảnh vật, của đất nước quê hương.

Thật ra, tác giả đã gói gắm tâm sự của mình vào đây khi xa quê và hình ảnh ngôi chùa ấy tại một làng quê hẻo lánh nơi chôn nhau cắt rốn đã chiếm trọn vẹn cuộc đời và tuổi thơ của tác giả. Hai câu thơ cuối là 2 câu quan trọng nhất. Đã là người Việt Nam, không nhất thiết là Phật tử hay không phải Phật tử, tất cả đều được và bị ảnh hưởng bởi tiếng chuông chùa. Trong dân tộc Việt ấy, dĩ nhiên là có nhiều tín ngưỡng khác nhau nữa, nhưng mái chùa ở đây đã phủ kín mọi khuynh hướng tôn giáo, để tất cả cùng nhau xây dựng cho một dân tộc Việt Nam sớm thanh bình thịnh vượng.

Còn tôi, sau 30 năm xa xứ, ngôi chùa ấy luôn luôn hiện hữu trong tâm thức và hôm nay đã làm trụ trì ngôi chùa này đã 25 năm rồi, nên có rất nhiều kỷ niệm. Tuy đây không phải là một làng quê hẻo lánh như ở Việt Nam, nhưng hình ảnh từ bi của Đức Phật thì ở đâu cũng tương tự như vậy. Không biết một mai đây tôi về với Phật hoặc đi nước khác, có lúc nào đó tôi rảnh rỗi ngồi lại để nhớ và nghĩ về ngôi chùa Viên Giác này suốt 25 năm qua hay còn nhiều năm sau đó nữa, về những kỷ niệm thân thương, vui buồn, an ổn, nhiều vấn đề v.v... để rồi chính ngôi chùa trong tâm thức đó sẽ hiện về như tác giả Huyền Không đã mô tả chẳng?

Tôi không phân biệt người Phật Tử theo tông này hay tông khác, nước này hay nước kia. Có người nói tôi theo Phật Giáo Nguyên Thủy (Theravada), có người nói tôi theo Phật Giáo Đại Thừa (Mahayana) nhưng với tôi trên bình diện tâm thức, không phân biệt là Đại hay Tiểu, lớn hay nhỏ, cao hay thấp, mà tôi chỉ có một thừa để theo. Đó là Phật thừa (Buddhayana)

mà thôi. Tại chùa Viên Giác này có nhiều phái đến sinh hoạt. Ví dụ như Thiền của Nhật Bản, Phật Giáo Đại Hàn, Phật Giáo Thái Lan, Phật Giáo Tây Tạng, Phật Giáo Đức, Phật Giáo Mỹ và dĩ nhiên là Phật Giáo Việt Nam, tất cả đều cùng sinh hoạt chung dưới mái chùa này và không có một vấn đề gì về kỳ thị tông phái đã xảy ra cả. Tôi còn cố vấn giúp đỡ cho những Hội mới thành lập, như Hội Phật Giáo Phật Quang Sơn tại Berlin chẳng hạn. Lúc mới bắt đầu, đầu cho những người Phật Tử ở đây lâu năm cũng không biết nên làm sao. Do vậy tôi đã chỉ vẽ cho cách lập Hội, bản nội quy, sau đó đi khai báo ở Tòa Án và cuối cùng phải qua Sở Tài Chánh để có được tư cách từ thiện công ích (Gemeinnützig). So ra như vậy tôi đã chẳng có phân biệt để giúp cho những ai, hoặc những hội nào cần cố vấn trong vấn đề giấy tờ hợp pháp của tôn giáo đối với xã hội này.

Ở Việt Nam hay các xã hội Á Châu, luật pháp về tôn giáo ít hơn. Vì nhiều khi một ngôi chùa tại làng đó đã có trước, sau đấy cả 100 năm ngôi làng ấy mới thành hình. Do vậy mà vị trí của ngôi chùa ấy cũng là một vị trí độc tôn, khỏi cần phải xin phép ai cả. Còn ở đây, tất cả đều có luật pháp, tất cả đều có giấy tờ, chứng từ, xuất nhập, chi tiêu v.v... Thật ra không phải là vấn đề rắc rối, nhưng đó là vấn đề hành chánh và người điều hành cơ sở ở các nước Tây phương này phải biết qua, hay nói đúng hơn là phải biết rành về luật pháp lại tốt hơn nữa.

LỜI KẾT

Cộng Hòa Liên Bang Đức được thành lập năm 1949 và năm đó cũng là năm ra đời của tôi. Chẳng biết có nhân duyên gì với nước Đức không, mà tôi đã đến đây và đã ở đây cho đến hôm nay (2002) là 25 năm rồi. Trong 25 năm đó, cuộc đời tôi lảo đảo thay, mà nước Đức này cũng có rất nhiều thay đổi. Miền Đông Đức theo chế độ Cộng Sản và ngày 7.10.1949 chính quyền tại đây được thành lập. Sau bao nhiêu năm thống trị, bức màn sắt càng ngày càng khép kín giữa Đông Tây, khi bức tường ô nhục Berlin được xây dựng từ năm 1960 và vào ngày 9 tháng 11 năm 1989 bức tường đã bị chính nhân dân Đông Đức phá bỏ, cũng đồng thời có nghĩa là phá bỏ chủ nghĩa Cộng Sản để trở thành hòa hợp thống nhất với thế giới tự do.

Sau 40 năm sống với Cộng Sản, người dân Đông Đức hay Đông Âu và Nga Xô đã thấm mệt, họ muốn sửa đổi, cải cách. Họ tự bỏ phiếu bằng bước chân đi tìm tự do của họ và chúng tôi cũng thế, những người Việt Nam cũng đã ra đi tìm tự do từ sau ngày 30 tháng 4 năm 1975. Họ không ở lại nơi quê hương của họ, như người Đức đã ở lại để hít thở không khí tự do này mà họ phải ra đi. Ra đi không định hướng, chỉ trông cậy vào tấm lòng nhân đạo của thế giới này mà thôi. Từ đó đến nay đã có gần 3 triệu người bỏ nước ra đi và chỉ còn sống sót lại hơn 2 triệu đang định cư ở gần 150 quốc gia trên thế giới. Còn bao nhiêu là làm mồi ngon cho thú dữ của rừng thiêng, làm thức ăn cho cá ngoài biển cả khi lênh đênh trên biển nhiều ngày mà không có tàu nào cứu vớt. Do sóng to gió lớn bị chìm tàu, những oan hồn ấy hẳn vẫn còn vất vưởng

đâu đây. Do vậy, năm 1991 khi khánh thành Chùa Viên Giác, chúng tôi có làm một Lễ Vót Vong nơi biển Hamburg và đem những vong linh ấy về siêu độ chấn tế cho họ. Cầu nguyện cho những người thân cũng như không thân khi ra đi tìm tự do chẳng may tử nạn.

Khi bức tường Đông Tây Bá Linh và Tây Đức còn hiện hữu, mỗi năm cũng đã có biết bao nhiêu người từ Đông đã vượt sang Tây. Có người may mắn thì còn sống sót để đoàn tụ với tự do. Nếu ai đó chẳng may thì cũng là nạn nhân của lính biên phòng Đông Đức. Từ trước năm 1989 nếu ai đó có lần viếng thăm Berlin, nơi Tòa Nhà Quốc Hội bây giờ có chôn hoặc có những bia đá để tưởng niệm những người xấu số vượt biên qua Tây Bá Linh chỉ bằng con sông nhỏ, nhưng bị lính Đông Đức phát hiện và bắn chết. Họ bắn người đi tìm tự do cũng có nghĩa là họ đã phá hoại sự tự do rồi. Một điều đáng lưu tâm là thuở ấy từ bên Đông tìm sang bên Tây để tỵ nạn thì có rất nhiều người, mà từ bên Tây tìm qua bên Đông Đức để sống hầu như không có ai. Cũng như thế, ngày 20 tháng 7 năm 1954 Việt Nam bị chia đôi đất nước, phân nửa miền Bắc thuộc chế độ Cộng Sản và phân nửa miền Nam thuộc chế độ Quốc Gia. Đã có hơn 1 triệu người từ Bắc di cư vào Nam năm 1954 để tìm tự do và hầu như sau đó, không có người miền Nam Việt Nam nào tự nguyện ra miền Bắc để sinh sống cả. Điều đó chứng tỏ rằng những chủ nghĩa độc tài dầu cho Đông hay Tây cũng đều giống nhau, nhưng nơi thiên đường phát sinh ra chủ nghĩa ấy là Liên Xô qua 70 năm kinh qua với chủ nghĩa Cộng Sản họ cũng đã dẹp rồi. Ngày nay trên thế giới chỉ còn 4, 5 nước trong đó có Cộng Sản Việt Nam, nhưng Trung Quốc đã đổi màu thì Việt Nam cũng theo chủ trương ấy mà thay đổi để được tồn tại.

Miền Nam Việt Nam đã không giữ vững được thành trì

của tự do, chỉ tồn tại gần 21 năm (1954-1975), trong khi đó Đại Hàn đang giữ vững (1950 đến nay) hơn 50 năm, và nước Đức đã tiên phong dùng tự do để phủ kín những dị biệt của Đông Tây sau hơn 40 năm người Đức sống trong xã hội độc tài, Đảng trị ấy. Honecker là một người có uy quyền tuyệt đối, nhưng sau khi nước Đức thống nhất rồi cũng phải lưu vong ra ngoại quốc và cuối đời cũng phải chết đơn côi tại ngoại quốc mà thôi. Danh lợi, địa vị như thế mà cuối cùng chỉ 3 tấc đất là cùng. Xác cũng không được chôn trên quê hương của mình. Do vậy, ai ai rồi cũng phải hiểu sự vô thường là thế. Vì là nhân duyên hòa hợp thì tồn tại, nhân duyên không còn hòa hợp nữa thì chia ly, phân tán v.v... Chắc có lẽ ông Honecker cũng không nghĩ rằng mình phải lưu vong và chết như thế. Không biết trong tâm tư ông có một ngôi nhà thờ, một vị Linh mục nào để ông nghĩ đến không? Nếu chẳng có gì cả, hóa ra tạo hóa và cái chủ nghĩa kia vô tình bạc bẽo quá.

Trong khi đó tại Tây Đức này đã thành lập một chính quyền Liên Bang dân chủ và từ năm 1949 đến nay trải qua các đời Tổng Thống như sau:

- Ông Theodor Heuss (FDP) 1949-1959
- Ông Heinrich Lübke (CDU) 1959-1969
- Ông Gustav Heinemann (SPD) 1969-1974
- Ông Walter Scheel (FDP) 1974-1979
- Ông Carl Carstens (CDU) 1979-1984
- Ông Richard v. Weizsäcker (CDU) 1984-1994
- Ông Roman Herzog (CDU) 1994-1998
- Ông Johannes Rau (SPD) (1998 -)

Tuy tại nước Đức, Tổng Thống không có quyền như ở Pháp và Việt Nam thuở trước. Nhưng Tổng Thống là đại biểu tinh thần của quốc gia nên cũng rất quan trọng. Trong

8 vị Tổng Thống này chỉ có ông Dr. Richard v. Weizsäcker là người gần gũi với Phật Giáo nhất. Vì mỗi lần Đức Đạt Lai Lạt Ma sang thăm Đức là ông tiếp kiến rất trọng thể. Dĩ nhiên đây là phép ngoại giao của quốc gia, nhưng phải thấy rằng không có cảm tình với triết học và Phật Giáo thì đã không có những buổi tiếp kiến như thế.

Từ năm 1949 đến nay, nước Đức đã trải qua 7 đời Thủ Tướng. Như vậy trong hơn 50 năm ấy chia đều cho 7, thì mỗi vị làm Thủ Tướng độ 2 nhiệm kỳ, nghĩa là 8 năm, nhưng có vị làm rất ít như ông Ludwig Erhard (1963-1966) hoặc ông Kurt Georg Kiesinger (1966-1969), nhưng cũng có vị làm 15 năm như ông Willy Brandt (1969-1974) hoặc ông Helmut Kohl là Thủ Tướng từ năm 1982 đến 1998, như vậy tổng cộng là 16 năm của 4 lần bầu cử. Sau đây là nhiệm kỳ của những vị Thủ Tướng tiền nhiệm:

- Ông Konrad Adenauer (CDU) 1949-1963
- Ông Ludwig Erhard (CDU) 1963-1966
- Ông Kurt Georg Kiesinger (CDU) 1966-1969
- Ông Willy Brandt (SPD) 1969-1974
- Ông Helmut Schmidt (SPD) 1974-1982
- Ông Helmut Kohl (CDU) 1982-1998
- Ông Gerhard Schröder (SPD) (1998 -)

Trong thời ông Schmidt làm Thủ Tướng ông cũng đã cứu vớt gần 60.000 người tỵ nạn Việt Nam đến Tây Đức để sinh sống. Trong đó có ông Dr. Neudeckt đã dùng chiếc tàu Cap Anamur để đi cứu vớt người trên biển Đông và mang về Tây Đức. Có thể rằng thế hệ thứ 2 và thứ 3 của người Việt Nam sinh ra tại nước Đức này chúng sẽ quên đi những thảm trạng vượt biển đi tìm tự do của cha mẹ hay của chính bản thân chúng. Do vậy mà những người đi trước cần phải viết lại

những trang sử bi đát, đau thương của dân tộc Việt Nam do Cộng Sản cai trị nên mới ra nông nỗi ấy. Cũng như người Đức thỉnh thoảng vẫn chiếu trên truyền hình cảnh những trại tập trung trong thời Hitler độc ác, man rợ như thế nào, để lớp trẻ sinh sau đẻ muộn tại ngay chính quê hương này, lấy đó làm một bài học nhân bản cho cuộc đời và cái giá để phải đổi diện với người Do Thái do ông cha ta gây ra và để lại.

Đường đường là một vị Thủ Tướng của nước Đức, là người cha của tự do, đã có công thống nhất nước Đức như Thủ Tướng Kohl, nhưng một cái hư danh, một sự mờ tối nào đó đã làm cho ông mất hết chân đứng cũng như biểu tượng của nước Đức này. Quả thật cuộc đời này rất khó nói và khó xác định. Vì cái đúng của ngày hôm qua có thể là cái sai của ngày mai và cái sai của ngày hôm qua là cái đúng của ngày hôm nay. Ví dụ trường hợp giữa Mỹ, Nga, Trung Cộng thì rõ. Cách đây 30 năm không ai có thể nghĩ rằng ngày nay những cường quốc ấy có thể bắt tay với nhau. Vì vậy Đức Phật nói rằng: Tất cả các pháp đều chỉ có tính cách giả định. Không nên tin hoàn toàn vào đó, mà phải thể nghiệm qua bản thân mình mới có thể chấp nhận. Đức Phật là một nhà dân chủ, là một người sống trên nhân cách của một con người, nên trên 2.500 năm vẫn còn là tấm gương đạo đức sáng giá cho nhân loại và tín đồ noi chung.

Thông thường trong cuộc sống chúng ta thường hay ý lại vào thời gian, nghĩ rằng mình còn trẻ chưa già, lo gì học hỏi hoặc làm việc. Nghĩ như thế là sai. Vì thời gian và thủy triều không đợi chờ ai cả. Nó vô tình lắm. Khi thời gian trôi qua, nó sẽ mang theo biết bao nhiêu sự tiếc nuối ngậm ngùi của những công việc dở dang chưa làm xong mà phải đi vào trong lòng đất lạnh. Thủy triều mỗi ngày lên xuống 2 lần và đâu có lần nào giống lần nào đâu? Đã vậy mà thủy triều của

ngày hôm qua không phải là thủy triều của ngày mai hoặc của ngày hôm nay. Do vậy, phải tận dụng hết khả năng của mình đang có để mà tu, mà học, mà hành.

Chúng ta cũng hay bị hoàn cảnh chung quanh chuyển đổi, chứ ít khi mình chuyển đổi được hoàn cảnh. Ví dụ như World Cup năm 2002 về đá banh tại Đại Hàn và Nhật Bản trong tháng 6 năm 2002 là một điển hình. Từ Á sang Âu, từ Âu sang Mỹ, Úc hay nhả đến Châu Phi đi nữa, bất luận là giờ nào, ai cũng muốn xem trực tiếp những trận đá như thế. Tại Âu Châu, giờ đá banh tại Đại Hàn hoặc Nhật Bản bắt đầu từ 1 giờ 30 trưa, không biết tại Úc Châu là mấy giờ. Có lẽ là nửa đêm. Ở đây chắc cũng có lắm người phải thức thật khuya để xem cho hết trận đá, ngày mai vào sở làm mắt nhắm mắt mở và các bạn đồng nghiệp cũng chỉ xoay quanh câu chuyện bóng đá mà thôi. Ở Á Châu thì cách chỉ mấy tiếng đồng hồ, nên không phải thức khuya. Tuy nhiên tại Việt Nam giờ ấy là giờ đi Tịnh Độ của các chùa và mùa này là mùa an cư kiết hạ nữa, cũng không thể thiếu những vị Trưởng Lão, những Thượng Tọa bỏ giờ giảng dạy để xem đá banh. Chánh điện sẽ trống vắng. Vì nhiều Thầy trẻ, nhiều Cô trẻ cũng ham môn thể thao này lắm. Còn Phi Châu hoặc Mỹ Châu chắc chắn cũng phải xem trong những giờ ngủ hoặc giờ làm việc, để rồi công chuyện bê trễ và cả thế giới này mấy tỷ người cũng chỉ hướng về có một trái banh thôi. Đành rằng thể thao là tinh thần cao độ trong nhiều cách đấu tranh khác nhau của thế giới ngày nay, nhưng không nên vì thế mà bê trễ mọi chuyện. Ngày xưa thế giới cạnh tranh với nhau về súng đạn, tàu chiến, xe tăng v.v... rồi sau đó là kinh tế. Bây giờ là bóng bàn, quần vợt, đá bóng v.v... Dĩ nhiên là còn nhiều màn hấp dẫn khác nữa sẽ được diễn ra trong thế kỷ này hoặc thế kỷ tới, chứ những cuộc chơi như thế không dừng lại đây.

Tôi không chống lại việc ấy, nhưng có điều phải thành thật nói rằng nó ít thích hợp với mình. Chỉ đơn giản có thể thôi và nhiều khi nếu tôi quan tâm, tôi chỉ cần biết kết quả là đủ rồi, không có thì giờ đâu cả một tháng để theo dõi tất cả các trận đá, mà nếu tôi dành thời giờ đó để làm việc như viết sách, dịch kinh thì đã được mấy trăm trang rồi. Đó là ý kiến bảo thủ của mình, sẽ có nhiều người cười, bảo rằng: Thầy xưa quá, ngày nay đàn bà, con gái còn đá banh, còn Thầy thì vẫn chưa ra khỏi cái định kiến về trái banh đó! Trách như vậy tôi cũng đành chịu thôi. Có nhiều người không thích nên cũng có nhiều lý do để biện hộ lại quan điểm của họ. Có người bảo rằng: Mấy chục người mà chỉ giành nhau có một trái banh, tại sao không mua mỗi người mỗi trái đá cho nó khỏe? Họ nói tiếp: Thế giới mấy tỷ người cũng bị lặn hụp vào trong trận tranh tài ấy, há không uống phí thì giờ sao? Đó là lập luận của người không thích. Còn người thích đá banh thì có muôn ngàn cách để biện hộ. Ví dụ như cá độ với nhau đội nào thua, đội nào thắng rồi sát phạt nhau bằng tiền bạc, đả nhau thù tạc v.v...

Ngay tại chùa Viên Giác này nhiều khi cũng phải hỏi cho rõ giờ tranh tài của các đội đá bóng để sắp giờ học, giờ tụng kinh đừng trùng vào. Đôi khi phải học hoặc tụng kinh trễ 15 phút để cho một số quý Thầy, quý Chú thích xem đá banh thì hãy xem cho trọn hiệp. Thế là tùy thuận rồi còn gì nữa. Tuy tôi không ham mê đá banh, nhưng tôi đã giúp người thích môn thể thao này được như ý. Chỉ đơn thuần thôi. Cách đây 1.500 năm về trước có câu chuyện giữa Ngài Lục Tổ Huệ Năng và Ngài Pháp Đạt cũng hay hay. Xin chép ra đây để làm quà cho quý vị nhân mùa đá bóng này.

“Ngài Pháp Đạt đến đánh lễ Ngài Huệ Năng, nhưng khi lễ, đầu không sát đất. Lúc ấy Ngài Huệ Năng mới hỏi Pháp Đạt rằng:

- Có sao lễ mà đầu không sát đất, nếu vậy đừng lễ vẫn hơn. Hay là trong tâm ông đang có vật gì, mà ông đang chứa chấp đấy?

Pháp Đạt thưa rằng:

- Con tụng kinh Pháp Hoa đến ba ngàn bộ.

Ý nói rằng ba ngàn bộ kinh ấy rất quan trọng hơn cái lễ kia và tỏ ý không tôn trọng Lục Tổ, vì công đức tụng kinh nhiều hơn.

Đoạn Ngài Huệ Năng mới nói rằng:

- Ông đã tụng Pháp Hoa 3.000 bộ, nhưng từ xưa đến nay chưa từng chuyển Pháp Hoa mà để cho Pháp Hoa chuyển cho nên mới ra nông nổi ấy.

Pháp Đạt quỳ xuống đánh lễ sát đất Ngài Huệ Năng và lãnh hội tâm thiền ấy.”

Chỉ một câu nói liễu đạo thôi, đã làm rung chuyển cả một bầu trời tâm thức của Pháp Đạt khi trì tụng 3.000 bộ Pháp Hoa kia. Ở đây cũng thế, xem bóng đá làm sao chuyển được việc đá bóng kia mới quý, chứ để bóng đá chuyển mình thì quả là điều còn đối đãi trong vòng tương đối của thế gian vậy.

Ngày hôm qua đây (25.6.2002) nhằm ngày Rằm tháng Năm năm Nhâm Ngọ, đội tuyển Đại Hàn (nước chủ nhà) đấu với đội tuyển Đức để giành quyền vào vòng chung kết vào chủ nhật (30.6.2002) tới đây. Kết quả là Đại Hàn thua Đức 0-1. Người Đức thì hể hả tại vận động trường và ngay tại quê hương này. Nào pháo bông, rượu champagne mở nút, tiếng hò hét, tiếng còi hụ xe hơi ngoài đường làm rung chuyển cả màn đêm. Trong khi đó người Đại Hàn thì tiu nghỉu. Vì nghĩ rằng mình có thể thắng Đức để đi vào vòng chung kết.

Mà nghĩ cũng lạ, từ xưa đến nay chưa có một nước Á Châu nào được vào vòng tứ kết, nay thì đã có Đại Hàn. Do vậy mà nhiều người Á Châu ủng hộ Đại Hàn lắm. Họ lý luận rằng: Đại Hàn đứng hàng thứ 40 mà nay đã qua mặt thế giới như thế là giỏi quá, nếu kỳ này mà vào chung kết nữa thì thôi khỏi nói!

Mong đợi là một chuyện, mà nhân duyên, may rủi là một chuyện khác. Đến khi hết giờ các anh em làm công quả tui nghiu bảo rằng: “Đại Hàn thua rồi thật ổng!” Tôi hỏi tại sao mình đang ở Đức mà không ủng hộ Đức lại đi ủng hộ Đại Hàn? Có người bảo: Đức chỉ gặp hên thôi, chứ đá không đẹp như Đại Hàn - là những người trẻ, đá rất hăng!

Tôi bảo: Đó là thể diện quốc gia của người Đức mà, chắc chắn họ không chịu khuất phục đâu. Nghĩ lại cho cùng: Đại Hàn cũng bị chia đôi đất nước như Việt Nam, nhưng Nam Hàn trong hiện tại không cần ai hỗ trợ, họ vẫn có thể tự lực tự cường vực nền kinh tế đứng dậy, ngang hàng với nhiều nước tại Á Châu. Có khi nay mai họ còn qua mặt Nhật Bản nữa. Vì họ tự ái dân tộc. Đọc lịch sử ta thấy lúc Đệ nhị thế chiến (1939-1945) khi người Nhật đánh chiếm và cai trị Trung Quốc, Đài Loan, Đại Hàn, Việt Nam v.v... người Nhật rất tàn ác, cứ 3 nhà người Đại Hàn mới được dùng chung một con dao và còn nhiều thủ đoạn khác nữa. Vì vậy họ sợ người Đại Hàn chống lại quân đội Nhật. Do đó mà người Đại Hàn ngày nay rất ghét Nhật, ít có thiện cảm với người Nhật và ngay cả người Đài Loan, Trung Quốc cũng vậy. Thế hệ sinh trước năm 1930, 1940 đều biết nói tiếng Nhật rất rành nhưng họ không nói. Nếu có dịp buộc phải nói thì họ mới nói mà thôi. Vì lúc ấy người Nhật cai trị những dân tộc này và bắt buộc các dân tộc bị trị phải học ngôn ngữ của họ.

Người Việt Nam cũng thế, khi người Pháp đô hộ từ giữa thế kỷ 19 đến giữa thế kỷ 20, gần 100 năm như thế, nhưng sau khi Việt Nam thắng Pháp, thì không khí giao hảo bình thường, không thù hằn sâu như người Đại Hàn đối với Nhật và ngay cả việc Nhật Bản đã làm cho Việt Nam chết gần 2 triệu người vào những năm 45-54, nhưng sự thù oán ngày xưa hầu như bây giờ không còn nữa, mà trong hiện tại Việt Nam cũng như Nhật Bản có sự giao hảo rất tốt. Cái tinh thần hòa bình này rất quan trọng. Vì Đức Phật cũng đã dạy rằng: Chỉ có lòng từ bi mới dập tắt được hận thù, còn hận thù không bao giờ dập tắt được hận thù cả. Nếu kỳ này mà Đại Hàn thắng Đức để vào trận chung kết thì Đại Hàn sẽ hỷ hả để đá tại sân của Nhật Bản cho biết tay, nhưng việc ấy đã không xảy ra. Nếu Đức thua Đại Hàn, chắc rằng họ sẽ khó chịu với những người Á Châu lắm.

Khi tôi viết xong quyển sách này thì mới có chung kết ai nhất, ai nhì. Có thể là Đức mà cũng có thể là Brasil hoặc Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng ở đời thắng thua là chuyện bình thường. Ví dụ như trường hợp của Pháp thì rõ. Đội tuyển của Pháp đương kim vô địch Âu Châu và Thế Giới, thế nhưng mới vào trận đụng độ đầu đã thua, bị ra khỏi vòng loại. Như thế ai bảo rằng dở, ai bảo rằng hay? Cái may, cái rủi, cái hên, cái xui nó luôn luôn đi kèm với nhau. Brasil hay Đức thắng đi nữa thì cũng vậy thôi, để có ngày cũng phải thua. Vậy thắng thua là chuyện bình thường của cuộc đời, của lẽ sống, không có gì để bi quan và cũng chẳng có gì để lạc quan cả. Đó là câu chuyện đá bóng, tôi không chuyên môn mà còn có khả năng bình luận như thế. Còn những người chuyên môn thì khỏi phải nói, họ có thể thảo luận hàng giờ, viết cả quyển sách cũng chưa hết.

Bây giờ bước sang một lãnh vực khác của cuộc đời đối

với 3 trường hợp điển hình bên dưới của người Việt Nam sinh sống tại Đức trên dưới 30 năm và chính nơi quê hương này đã tạo cho họ trở thành triệu phú và kết quả như thế nào thì quý vị sẽ xem nơi phần kết luận.

Chuyện thứ nhất là có một cặp vợ chồng Việt Nam là những sinh viên đi du học từ miền Nam Việt Nam, đến Đức từ năm 1969. Họ kết hôn và sinh một cháu bé từ năm 1975, nay thì cháu đã xong Đại Học. Sau khi hai vợ chồng tốt nghiệp Đại Học bàn tính với nhau nên mở tiệm để làm ăn. Họ làm ăn phát đạt và phát triển rất nhanh. Chỉ trong vòng 20 năm ở khắp nước Đức này tại thành phố nào họ cũng có những cửa hàng rất lớn. Kê ra người vào, kê buôn người bán rất tấp nập. Nhưng mới đây thì hai vợ chồng đã ly dị, khi người chồng ra đi chỉ có một chiếc xe đạp mà thôi. Còn tài sản của cải không mang theo được một đồng nào. Đó là nhìn từ bên ngoài, còn nội vụ bên trong thì chưa rõ hết, nhưng tôi đã nói cho Tăng chúng chùa Viên Giác biết rằng: Quý vị thấy chưa - tiền bạc của cải, vợ con, danh vọng, tất cả những thứ đó cặp vợ chồng này đã chẳng thiếu thứ gì, nhưng họ phải ly dị. Vậy thử tìm nguyên nhân tại sao vậy?

Câu chuyện thứ 2 cũng là một câu chuyện có thật. Có 2 vợ chồng người Việt Nam đến tỵ nạn tại Đức vào khoảng năm 1978. Chồng và vợ cố gắng đi học, họ đã xong Đại Học và sau đó kết hôn với nhau, hiện tại có một cô con gái độ 10 tuổi, rất thông minh. Gia đình một thời đã có rất nhiều hạnh phúc. Sau đó họ ra mở nhà hàng trở nên giàu có phát đạt. Người chồng muốn tiến thân hơn nên đã dành tiền làm được để mua cổ phiếu. Đã có lúc người chồng làm chủ trong Konto mình chừng 3 triệu Đức Mã. Vợ chồng này cũng hiểu đạo, nên lúc có được tiền họ cũng làm phước cúng chùa và làm những công việc từ thiện khác tại Việt Nam nữa. Kế

tiếp họ mua một cái nhà, mua một cái nhà hàng để làm ăn buôn bán và xây thêm một cái nhà để ở nữa, còn nhà cũ kia thì cho mượn.

Đột nhiên sau vụ 11 tháng 9 năm 2001 vừa qua đã xảy ra tại Mỹ, khiến cho cổ phiếu sụt giảm một cách thê thảm. Từ việc thực có 3 triệu Đức Mã trong tay và hiện nay (2002) bị mắc nợ ngân hàng là 1 triệu Đức Mã. Một hôm cả 2 vợ chồng gặp tôi và nói rằng: Chắc là tụi con bán cả 2 ngôi nhà và nhà hàng kia trả nợ ngân hàng. Sau đó còn dư bao nhiêu thì lo cho con gái ăn học thành tài. Số còn lại mang vào chùa và cả chồng lẫn vợ đều muốn sống cuộc đời tỉnh thức của một người tu. Tôi bảo rằng: Nếu cả hai đều đồng thuận thì việc ấy đâu có khó. Chỉ ngại rằng lâu nay quen làm ăn buôn bán, sợ không ở yên được trong chùa mà thôi. Nhưng cả hai vợ chồng đều vui vẻ quyết định như vậy.

Tôi đã đem câu chuyện ấy để nói cho Đại chúng chùa Viên Giác biết rằng: Họ vẫn có hạnh phúc đấy chứ. Vì gia đình họ không có vấn đề, nhưng tiền bạc, của cải, địa vị, giỏi giang như thế liệu có qua được những trở lực, cám dỗ của cuộc đời chăng? Hay rồi đâu đó cũng chẳng bằng sự thanh tịnh của tâm hồn và sống tự tại nơi thiền môn yên tĩnh?

Câu chuyện thứ ba cũng là một câu chuyện có thật. Chuyện xảy ra cách đây chừng 5 tháng. Một hôm tôi đang giảng pháp tại một địa phương ở miền Trung nước Đức, có một người tới mách với tôi rằng: “Con có người chị em bạn dì mới trúng số 15 triệu Đức Mã ở vùng Stuttgart.” Người trúng số có ý cho chùa mượn cũng như cúng dường tổng cộng độ 5 triệu Đức Mã. Đã hẹn ngày giờ gặp gỡ, nhưng suốt 1 tuần, 2 tuần, rồi 3 tuần cũng chẳng thấy tới. Sau đó vài tháng tôi gặp lại người kia và hỏi rằng sao lâu quá không thấy tới thì được trả lời rằng: Người trúng số kia không còn

có ý định cho chùa mượn nữa mà họ đã đầu tư sang Mỹ hết rồi. Tôi cười và nói rằng: Vậy sao?

Quý vị thấy đó 15 triệu Đức Mã đâu phải là số tiền nhỏ? Đó là cả một đại gia tài. Nếu biết đầu tư, số tiền ấy có thể sinh ra nhiều hơn nữa. Nếu không biết, nhiều khi còn thâm vào vốn nữa là khác. Báo chí xưa nay đã đề cập đến rất nhiều trường hợp như thế. Có không biết bao nhiêu người triệu phú bằng lối đánh Lotto, nhưng cuối cùng họ vẫn nghèo, nếu họ không biết làm phước, bố thí, giúp đỡ những gì thuộc về từ thiện, công ích xã hội. Kết cuộc rồi tay trắng vẫn hoàn trắng tay mà thôi. Vì vậy cho nên tục ngữ Việt Nam có nói “*Chẳng ai giàu ba họ, chẳng ai khó ba đời*” là vậy. Điều này quá khứ đã chứng minh, hiện tại cũng đang có và tương lai cũng sẽ có những trường hợp tái diễn như vậy nữa. Từ đó có thể rút ra một bài học là ở trên đời này khi biết đủ thì đủ, chứ đợi chờ cho đủ thì không bao giờ đủ cả. Vì trên nguyên tắc, lòng tham của con người nó không có đáy và không có giới hạn cuối cùng. Ngày xưa, người Việt cũng thường nói: “Khôn cũng chết, dại cũng chết, chỉ có biết là sống!” Vậy biết cái gì? Phải biết đủ và phải dùng lòng từ để quan sát những sự kiện xảy ra trong cuộc đời của mình.

Đó là 3 câu chuyện tiêu biểu, là 3 bài học rất sáng giá cho cuộc đời và tất cả đều xảy ra tại nước Đức này. Tất cả đều hợp pháp, tất cả đều đúng đắn chứ không phải những chuyện bị tình nghi như bán thuốc lá lậu hay trộm cướp giết người, sống với xã hội đen của một số người Việt Nam đã xảy ra tại Đông Đức trong thời gian qua. Không phải tất cả mọi người Việt Nam đều xấu như vậy, mà cũng không phải mọi người Việt Nam đều không có khả năng. Ví dụ 3 trường hợp trên đều đáp ứng đầy đủ về khả năng, học lực, tài cán, tiền bạc, ngôn ngữ v.v... nhưng họ vẫn thất bại như thường.

Vậy nguyên nhân chính tại đâu? Và làm sao chúng ta có thể thoát ra ngoài sự thất bại thường tình ấy? Ngoài đời sống vật chất, làm việc ra, chúng ta có cần đến đời sống tâm linh nữa không? Và Tôn Giáo nào có thể giúp mình giải quyết những khúc mắc ấy? Tự mình đi đến với Tôn Giáo hay Tôn Giáo sẽ tìm đến mình?

Đó là những câu hỏi và câu trả lời dĩ nhiên là mỗi người phải tự chọn lựa lấy. Ở đây không có một mẫu số chung để làm khuôn mẫu. Tôi đã đem 3 câu chuyện này để nói cho Đại chúng chùa Viên Giác nghe. Vì đây là những bài học luân lý sống động trong cuộc đời mà mỗi người đều phải tự mình soi sáng cho lối đi của mình để tự trả lời những câu hỏi mà mình hay gặp phải. Ví dụ như hạnh phúc là gì? Khổ đau là gì? Thất bại là gì? Thế nào là thành công? Thế nào là một tôn giáo? Thế nào là bộ mặt thực của tình yêu? v.v...

Dưới đây là một câu chuyện cũng có thật và chuyện xảy ra tại Việt Nam chứ không phải tại xứ Đức này. Theo tôi nghĩ đây cũng là một bài học luân lý, đạo đức, nhân cách của con người, mà ai trong chúng ta cũng có thể rút tía kinh nghiệm để làm hành trang đi vào cuộc sống tạm bợ này.

Nguyên hồi tôi còn ở Việt Nam, khi ở Hội An (1964) tôi có mấy người bạn tu cùng lứa, nhưng sau 1975 thì kẻ đi đây, người đi đó, lưu lạc khắp bốn phương trời. Trong thời gian ấy tôi ở ngoại quốc có nghe tin là anh A ra đời, chị B kết hôn, anh C đi dạy học v.v... Bẵng đi một thời gian hơn 20 năm như thế tôi không có liên lạc. Sau này tôi được biết chính xác là chú A đã ra đời, lập gia đình được mấy con và chú B đã có gia đình rồi, hiện con cái đã lớn và bây giờ vào chùa xuất gia trở lại. Thình thoảng tôi vẫn có giúp đỡ cho một số trường hợp ngặt nghèo như con cái đi học ở Đại Học thiếu tiền đóng tiền trường hoặc một vài công việc từ thiện khác.

Rồi một hôm tôi nhận được lá thư dày cộm, độ 8 trang giấy viết tay, gởi đi từ Sài Gòn, chữ viết rất đẹp và đúng là bạn cùng tu với tôi gần 40 năm về trước. Anh ta tâm sự:

“Thưa Thầy! Bây giờ mọi việc đã rõ ràng, con mong Thầy cho con tái sinh vào một cuộc sống khác, mà cuộc sống đó không còn hệ lụy với gia đình, sự ràng buộc với vợ con, thê tróc tử phục. Con muốn thoát ly ra khỏi địa ngục của cái gia đình này, ý con đã quyết. Mong Thầy cho con tái sinh! Nhưng nếu con không viết rõ nguyên nhân thì Thầy của con sẽ không hiểu tại sao như vậy. Và đây là vở kịch của cuộc đời con.

“Sau khi con ra đời (1975) con đã lấy vợ và vợ con cũng là một Phật Tử nhưng không thuần thành lắm. Cô ta ít đi chùa, do vậy mà giáo lý cũng không thâm hiểu nhiều. Ở đây thỉnh thoảng con cũng có hướng dẫn cho vợ con, nhưng kết quả không như ý. Ngày lại tháng qua tụi con chung lòng chung sức gầy dựng được một mái ấm gia đình và sinh được 2 cậu con trai. Đồng thời ăn nên làm ra. Vì con là nhà thầu may mặc, nhà tạo mẫu, nên gặp thời, tiền vô như nước. Con đã mua được 2 căn nhà, một để ở, một cho thuê, đồng thời sang lại một tiệm may mặc thời trang rất đắt giá. Trong khi đó mọi sự giao dịch bên ngoài, con để vợ con lo liệu, vì để vợ con tin tưởng, nên ngay cả tiền bạc con cũng chẳng quan tâm, mà con chỉ cố gắng gầy dựng nên sự nghiệp và dạy dỗ con cái mà thôi. Đồng thời bây giờ cũng cảm thấy đầy đủ nên bỏ thì giờ để nghiên cứu lại sách vở, kinh kệ mà ngày xưa đã quên lãng hết rồi, hoặc chỗ nào chưa đọc tới thì nghiên tầm thêm.

“Vợ con lấy có đi giao dịch chỗ này chỗ kia, đi sớm về muộn và đồng thời ăn mặc hở hang, trau giồi sắc diện. Con đã cảnh cáo nhiều lần và vợ con đã chẳng nghe. Con cứ làm việc của con, để cho vợ con được toại ý. Xem như cả 2 người

đều đồng sàng nhưng dị mộng. Ngày tháng càng cách biệt dần và sự nội kết giữa 2 người lại dâng cao. Đồng thời vợ con cũng đã chơi hội, nên lấy có là thua lỗ và phải bán bớt một cái nhà. Sau đó thì máy giặt, tủ, giường lần lượt đội nón ra đi. Chẳng mấy chốc cái tiệm may mặc cũng phải bán và con cam tâm đi làm thợ giặt cho hãng may mặc khác cho qua ngày cũng như bù đắp lại những thua lỗ đó, nhưng tình cảm càng ngày càng sút mẻ nhiều hơn và vợ con ngang nhiên thách thức cũng như liên hệ với bạn trai công khai hơn. Từ đó vợ chồng con đâm đơn ly dị và cái nhà ở cuối cùng cũng không thuộc về con. Bây giờ con là một gã cùng tử, đã ra ở riêng và cũng không có đủ số tiền để gọi thư cho Thầy kỳ này. Kính mong Thầy cứu độ con và cho con tái sinh ở một nơi khác, con xin xuất gia và bái Thầy làm Sư phụ.

“Dĩ nhiên đây không phải là sự chạy trốn bốn phận hay trách nhiệm, vì 2 đứa con của con đã trưởng thành rồi. Bây giờ con chỉ muốn dành thì giờ còn lại trong cuộc đời của mình để quay về bờ giác. Thời gian đã gặm nhấm cuộc đời con. Nay tuổi đã ngoài 50 rồi, không còn thời gian để chờ đợi nữa. Kính mong Thầy hoan hỷ giúp đỡ con...”

Bức thư nội dung viết về một câu chuyện như thế. Đọc xong thư nước mắt tôi đầm đìa chảy. Tôi nghĩ đây cũng là bài học cho đệ tử của mình. Khi còn sống trong chùa thì hướng ngoại, nghĩ rằng chắc ngoài nhân gian có gì vui lắm. Đôi khi có những vị chân trong chân ngoài và cũng có nhiều người ở ngoài đời đang trên thực tế chán ngán những nổi bất công nên tìm đến cửa chùa để được xuất gia tu niệm nhằm thanh thản tâm hồn.

Một người bạn tôi đã gọi tôi là vị Thầy, một người bạn trình nguyên. Hơn 50 tuổi là hơn 50 mùa xuân thanh khiết, thánh thiện, không nhuộm chút bụi trần. Còn bạn tôi đã bị

giày vò nơi tâm thức, nơi hố thẳm của tử sinh, nơi ngã ba đường của sự sanh tử. Tôi có gọi điện thoại về thăm và đã tìm cách giúp đỡ và người bạn ấy đang thể hiện lời hứa đó, đang tìm về bến giác ở một nơi chốn gần đây. Nay mai quý vị sẽ có cơ hội gặp gỡ.

Mới nghe qua chắc quý vị nghĩ là một câu chuyện tiểu thuyết như mấy cuốn sách tôi đã viết trong thời gian trước, nhưng ở đây, với câu chuyện này là thực 100%. Tôi đem câu chuyện ấy hướng dẫn cho chúng Tăng tại chùa Viên Giác đang tu học. Nếu xét về danh thì chú này trước năm 1975 đã đậu Tú Tài 2 ban C, văn chương hay đáo để, nếu xét về sắc thì dù không đẹp trai lắm nhưng cũng chẳng xấu trai. Nếu xét về tài sản của cải thì cũng chẳng kém ai, nhất là trong xã hội Cộng Sản mà có được những của cải như thế là nhiều. Xét về đường tình duyên, con cái thì cũng không phải là người chồng đáng trách, nhưng ở đây lỗi tại ai?

Đó là câu hỏi mà mọi người nên tự trả lời. Có thể người ta sẽ bảo: Người chồng hững hờ với vợ trong việc chăn gối, nên mới sinh ra những sự cố như thế! Nhưng đồng thời cũng có kẻ bảo: Người vợ đã phản bội chữ tín của chồng mình, đang tâm đi theo người đàn ông khác, mặc dầu chồng mình vẫn còn đó v.v... Thôi thì có muôn ngàn cách trả lời khác nhau, mà câu trả lời tốt nhất theo tôi nghĩ vẫn là sự quyết định của người chồng hay người vợ khi muốn đoạn tuyệt với dĩ vãng của mình để đi tìm một sinh lộ mới. Nếu không, con người sẽ bí lối. Ở những nước văn minh ngày nay có nhiều cơ quan cố vấn về tình yêu, gỡ rối tơ lòng, tâm lý trị liệu v.v... Nhưng theo tôi nghĩ nhân vật chính vẫn là người chồng và người vợ, còn người thứ ba ở ngoài câu chuyện thì cũng chỉ có thể góp ý thôi chứ không thể quyết định vấn đề được.

Tất cả những câu chuyện tôi đã kể trên đều là những câu chuyện thật và dưới cái nhìn của một nhà tu, tôi có một cách giải quyết khác. Còn quý vị dĩ nhiên kinh nghiệm cuộc sống, kinh nghiệm về tình yêu nhiều hơn tôi, nên có lẽ giải quyết sự việc một cách đơn giản hơn chẳng? Nhưng đầu cách nào đi nữa thì cuộc đời này sao mà nó tục lụy quá, phũ phàng quá phải không? Đây là hạnh phúc chân thật? Đây là tình yêu cao thượng? Theo tôi nghĩ, người Đức cũng vậy thôi, vì người Đức cũng là con người. Người Đức còn có nhiều vấn đề khúc mắc hơn là người Việt Nam nữa. Nhiều câu chuyện thương tâm có đăng nơi báo chí, sách vở mà hằng ngày chúng ta đọc được. Thiết nghĩ cũng không nên biên chép vào đây thêm tốn giấy mực. Điều chúng ta cần quan tâm và hiểu biết là mình muốn gì và mình có tự biết mình là ai không? Điều ấy mới quan trọng.

Một hôm trong giờ học Đại Trí Độ Luận của Tăng chúng chùa Viên Giác, tôi có đặt ra câu hỏi cho mọi người rằng: Ở trên đời này cái gì là khó nhất? Có người trả lời thế này, có người trả lời thế kia. Dĩ nhiên là không hoàn toàn sai, mà chẳng hoàn toàn đúng. Thật ra lâu nay chúng ta cứ nhìn ra ngoài để so sánh sự việc, giàu nghèo, sang hèn, đẹp xấu v.v... nhưng đâu có ai tự thấy mình đâu, cho nên mới xảy ra nhiều câu chuyện trên trời dưới đất như thế. Cho nên câu trả lời đúng nhất là: "Tự hiểu được mình là khó nhất." Điều ấy tôi mong đợi, nhưng đã không có người trả lời đúng.

Bởi vậy, trong cuộc sống này chúng ta hơn thua nhau không phải vì bằng cấp, địa vị, sang hèn, đẹp xấu v.v... mà chúng ta hơn hoặc thua nhau chỉ là vấn đề ý chí mà thôi. Kẻ nào kiên trì nghị lực, có ý chí bền vững qua suốt thời gian và không gian thì kẻ ấy sẽ thành công. Cái ý chí ấy giúp ta làm Phật, làm Tổ, làm chư Thiên, làm người. Đồng thời cũng cái

ý chí đó nó làm cho chúng ta xuống địa ngục, nếu chúng ta không kiểm soát được tự thân của mình. Ý chí nó quyết định quan trọng như thế. Xin đừng xem thường.

Ngoài ra chúng ta cũng phải học hỏi trau dồi kiến thức nữa. Học thì phải có bằng cấp, khi làm giám đốc ra lệnh cho nhân viên họ mới nghe lời. Nếu ta không có kiến thức, kẻ thuộc hạ sẽ khinh thường. Kiến thức cũng do từ sự học mà ra, nhưng kiến thức không nhất thiết có từ bằng cấp. Kiến thức ấy có được là do sự tự tìm tòi nơi sách vở, kinh điển. Bởi vậy ở trong đời này người ta thường chọn 2 loại người tiêu biểu để dạy ở Đại Học hay làm Giám Đốc một công xưởng, hoặc ngay cả làm Dân Biểu Quốc Hội, Thủ Tướng, Tổng Thống một nước v.v... Đó là những người có năng lực và những người thành công qua bằng cấp. Ngày xưa các xã hội Á Châu còn vua chúa cũng đặt ra những kỳ thi để chọn những quan văn tài giỏi và đặt ra những kỳ thử trí dùng mưu để đất nước có được những quan võ tài ba. Văn và Võ là hai bộ phận quan trọng của một quốc gia thuở bấy giờ. Còn bây giờ có nhiều bộ phận như khoa học, kỹ thuật, môi sinh v.v... còn đa diện hơn, nhưng dưới mắt tôi, dầu ở trong hoàn cảnh nào thì 2 điều kiện ắt có và đủ để được thành công là 2 điều kiện đã được nêu trên.

Ngoài ra, còn một điều kiện thứ 3 nữa cũng không kém phần quan trọng, đó là “hằng”. Hằng ở đây có nghĩa là “hay”, “thường”, “luôn luôn”. Vậy chúng ta hằng cái gì? Nếu chúng ta đã tạo ra một công việc, chúng ta biết mục đích ấy rất rõ ràng, phải luôn theo dõi mục đích ấy để đi đến thành công. Không ai làm cho mình thành công cả, mà chính ở mình. Cũng chẳng có ai làm cho mình thất bại cả, cũng chỉ là chính mình. Vậy sự cố gắng, lòng nhiệt thành, sự nhẫn nại là những yếu tố quan trọng để quyết định mỗi con người,

nhưng khi danh vọng có rồi con người dễ tự cao ngã mạn. Khi địa vị có rồi thì dễ tham lam, hối lộ, quyền thế. Khi tình yêu đã đến cao điểm rồi thì người ta dễ sinh ra vụng trộm khó coi. Đến lúc ấy chồng đổ thừa vợ, vợ đổ lỗi chồng, chẳng ai nhường nhịn nhau. Cứ như thế mà ra tòa ly dị. Nếu mọi người ai cũng biết rằng đó là lỗi của mình thì hy vọng cuộc đời này đẹp để dường bao! Tôi hy vọng một ngày nào đó nhân loại sẽ lấy nguyên lý này làm chính để mà sống, mà tu thân thì gia đình mới vui vẻ, hòa hợp, xã hội mới ít lắm than hơn và chính phủ không phải đặt ra nhiều đạo luật để cai trị dân nữa.

Tôi viết quyển sách thứ 34 này với nhan đề là “Cảm Tạ Xứ Đức” và chắc cũng có nhiều người Đức sẽ tìm tôi để xem thử tôi cảm ơn họ những gì? Có lẽ có người thất vọng vì đã không nêu đích danh họ về những sự trợ giúp vật chất như cái ghế, cái bàn, cái tủ v.v... mà ở đây tôi chỉ giúp cho con người, giúp cho đời có một cách sống, một cái nhìn lạc quan, tự chủ cho người Việt mà theo tôi nghĩ người Đức cũng cần đến. Đó là sự đóng góp của tôi cũng như của người Việt Nam cho xứ sở này.

Còn những sự đóng góp giúp đỡ người Việt Nam chúng tôi của Bộ Nội Vụ Liên Bang đặc trách về vấn đề văn hóa và truyền thông thì tôi đã cảm ơn tỉ mỉ ở bên trên rồi. Nếu quý vị nào muốn biết thêm chi tiết thì xin đọc thêm luận án tốt nghiệp Cao Học và Tiến Sĩ của đệ tử tôi là Thầy Thích Hạnh Giới đã viết về “Phật Giáo Việt Nam tại Đức” cũng như “Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ” thì rõ hơn. Vì những sách ấy có dẫn chứng kỹ càng hơn. Ngoài ra quý vị cũng có thể xem thêm ở những sách của ông Dr. Martin Baumann là Giáo sư Tôn Giáo học tại Đại Học Hannover và ngay cả sách của bà Dr. Rumpt cũng đã có đề cập đến. Họ là những học

giả chuyên ngành nên cách viết, cách trích dịch rõ ràng hơn cách viết và cách lập luận của tôi.

Mai đây chắc chắn rồi tôi cũng phải chết và quý vị cũng không thể sống hơn 100 năm nữa để nhìn cuộc thế đổi thay. Tuy nhiên những gì xảy ra trong quá khứ là thành quả trong hiện tại và những gì trong hiện tại chúng ta đang tạo tác sẽ là kết quả của tương lai. Do vậy lịch sử vẫn còn đó, lịch sử phải trôi qua và chắc chắn rằng lịch sử không không dừng lại một chỗ. Những điều tôi viết hôm nay để tạ ơn nước Đức sẽ còn lại ngàn năm sau trong thư viện, trong lòng người chuyển tiếp của tử sinh. Vì nơi này đã nuôi tự do cho chúng tôi sống, cho hơn 100.000 người Việt nơi đây. Ôn cứu tử ấy chúng tôi không thể quên chính phủ và nhân dân Đức được.

Ngoài ra ông Dr. Ernst Albrecht, ông Dr. Neudeck, ông Dr. Geißler, ông Dr. Helmut Schmidt v.v... là những ân nhân của chúng tôi mà chắc chắn rằng không có một người Việt Nam nào đang sống trên quê hương nước Đức này quên đi được những ơn cứu tử này cả. Người ta bảo: “Cứu vật, vật trả ơn. Cứu nhơn, nhơn trả oán”, nhưng trong trường hợp này nó không đúng với người Việt Nam chúng tôi trong hiện tại, lại càng không đúng với những người Phật Tử Việt Nam hiện sinh sống nơi đây. Vì kẻ làm ơn bao giờ cũng hay quên và người mang ơn bao giờ cũng nên nhớ.

Đặc biệt ở đây tôi cũng xin cảm ơn ông Dr. Meihorst. Ông ta là người đỡ đầu của ngôi chùa Viên Giác này từ khi xây dựng đến nay. Quả thật là một người Đức tốt bụng có một không hai tại xứ Đức này. Năm 1989 khi khởi công xây cất chùa Viên Giác mới này thì chẳng may gặp một chuyện khó khăn là ở dưới lòng đất bị đóng bê-tông lâu đời, phải đục lên mới làm từng hầm được. Tôi có nhờ ông Steinmann, người chủ nhà cho thuê hăng để làm chùa ở đường Eichelkamp, đã

giới thiệu cho tôi hãng đấu thầu xây dựng và khoan nền đất thử nghiệm trước khi xây. Tuy hãng của ông Mehmel trúng thầu, ông Dr. Meihorst không trúng, nhưng ông đã giúp cho chúng tôi từ khâu nhờ Luật sư biện hộ để đòi bồi thường thiệt hại và thương lượng với hãng thầu Mehmel để chúng tôi trả góp trong việc xây dựng v.v... Thế là ông đã trở thành cố vấn cho chùa chúng tôi cũng như cho Giáo Hội tại đây.

Trước khi ông giúp, chúng tôi cũng không biết ông là ai, nhưng sau đó qua tìm hiểu thì biết rằng ông là Chủ Tịch của Hội Bundesingenieurkammer (Kỹ sư Liên Bang) gồm 800.000 trí thức, có địa vị trong xã hội Đức. Đồng thời ông cũng là Chủ Tịch của Niedersächsische Ingenieurkammer (Hội Kỹ Sư của Tiểu Bang). Đúng là một người có chức quyền, giàu có, địa vị, nhưng lúc nào cũng khiêm nhường. Nhiều khi chúng tôi thiếu hụt tài chánh, chúng tôi nhờ ông giúp đỡ, ông cũng đã vui lòng cho mượn không lấy tiền lời. Ông và anh Kiến trúc sư Trần Phong Lưu rất đặc ý với nhau trong việc xây cất ngôi chùa Viên Giác này. Phải nói rằng ông và anh Lưu là hai nhân vật chính trong khi xây dựng chùa Viên Giác từ năm 1989-1991, rồi từ 1991-1993 thì nhiệm vụ tinh thần ấy mới thư thả một chút.

Thình thoảng tôi có mời ông tới chùa thăm viếng, ăn cơm và đàm đạo Phật Pháp. Tuy ông không phải là Phật Tử, nhưng ông hay ngồi Thiền và có chân trong "Hội nhịn đói". Mỗi lần nhịn đói như thế cả một tuần lễ hay vài chục ngày để gạn lọc thân tâm. Một hôm tôi nhờ ông đào cho một cái giếng để tưới cây trong vườn chùa, ông sẵn sàng kêu thợ tới và sau khi đào xong thì ông không đòi trả tiền và xem như việc ấy dùng để cúng chùa chứ không có điều kiện gì cả và hầu như tất cả những gì ông làm, đều không lấy một đồng tiền nào. Vì ông biết chùa chúng tôi là một hội từ thiện, vô vụ lợi. Ông

cũng đã cúng cho chùa Viên Giác một bàn thờ bằng gỗ sơn son thếp vàng đang ngự trị giữa chánh điện chùa Viên Giác và mỗi năm có lễ Phật Đản hay Vu Lan chúng tôi tôi vẫn hay mời ông đến phát biểu ý kiến, đã làm cho người Việt Nam tham dự lễ rất cảm động.

Trong xã hội dĩ nhiên có nhiều loại người. Người tốt như ông Dr. Meihorst thì ở đâu cũng có, nhất là ở xứ Đức này, nhưng đồng thời cũng là người Đức, nhưng cũng có những người không đủ tư cách như trộm cắp, rượu chè, tìm cách lạm dụng của công v.v... Ở xã hội nào thì cũng chẳng thiếu những loại người như vậy, nhất là ở những xã hội kém văn minh như một số nước Á Châu, Phi Châu, Trung Đông v.v... thì người lãnh đạo có quyền tóm thâu quyền lực, của cải về cho mình. Tuy dân chúng có biết nhưng chẳng dám làm gì, vì có luật pháp đứng sau lưng để bảo vệ họ. Và lại ở những xã hội như thế các cơ quan ngôn luận, truyền thông vẫn là của chính quyền, chỉ loan tin có một chiều thì những sự lem nhem, mờ ám đó khó mà phơi bày ra sự thật. Còn các xã hội Âu Mỹ ngày nay trình độ dân trí cao, cơ quan truyền thông, báo chí v.v... đa phần là độc lập với các cơ quan công quyền cũng như luật pháp, nên họ đã nêu lên những trường hợp thối nát, bất công trong xã hội để chính quyền lưu tâm và người dân lại hưởng được quyền an sinh xã hội. Xã hội dân chủ khác với chế độ độc tài là vậy.

Mới đây một cuộc nghiên cứu cho thấy rằng nước Trung Hoa cũng sản xuất phần mềm của computer trong năm 2001, nhưng chỉ thu vào được mấy trăm triệu đô-la, trong khi đó nước Ấn Độ đã thu vào được 8 tỷ đô-la. Sau khi nghiên cứu kỹ càng thì mới biết rằng: Sở dĩ Ấn Độ có phần thu vào cao như thế. Vì lẽ ở Ấn Độ khi sản xuất có tự do cạnh tranh, tự do mậu dịch. Còn tại Trung Hoa chỉ sản xuất có một chiều

và làm việc với tinh thần bao cấp của xã hội chủ nghĩa, cho nên con người ít mong gì hơn là bảo vệ chỗ làm của mình, có chân trong hợp tác xã là quý rồi. Việc lỗ lã đã có nhà nước lo. Tại sao phải nhọc công tốn sức cạnh tranh làm gì. Đó là thành quả khác biệt của tự do và độc tài, dân chủ và phi dân chủ.

Ngày hôm nay thì thế giới đã toàn cầu hóa. Con người trở nên nhỏ bé nhưng linh hoạt vô cùng. Vì chỉ trong một giây lát, chuyện gì xảy ra trên thế giới người ta cũng đều có thể hiểu ra nhanh chóng qua điện thoại, điện thư, Internet v.v... Thế nhưng có một điều, tìm cách để hiểu chính mình hay những thành viên trong gia đình mình thì hầu như lơ là vắng bóng. Đây là thảm trạng của nhân loại trong tương lai. Thất nghiệp, ly dị, tự tử, tâm thần v.v... sẽ còn nhiều hơn nữa. Vì lẽ con người chỉ tự làm thỏa mãn cái gì cho chính mình về phương diện vật chất như phải làm sao cho có cái nhà rộng, chiếc xe riêng, cái phòng riêng, cái gì cũng riêng hết là hạnh phúc. Trong khi đó cái chung thì chẳng có một cái gì. Vì vậy nên Tôn Giáo đóng góp một vai trò rất quan trọng trong cuộc sống hằng ngày về cả 2 lãnh vực vật chất cũng như tinh thần.

Con người sống mà không có phần tâm linh hướng thượng thì đâu có khác gì cây cỏ, gỗ đá? Do vậy, một cuộc sống đầy đủ là một cuộc sống phải được cân bằng giữa vật chất và tinh thần, chứ không thể chỉ sống cho quyền lợi cá nhân của mình mà quên đi quyền lợi của kẻ khác.

Ngày hôm nay tại Âu Châu này, nhất là người Đức, hay tin vào Fengshui (Phong thủy). Nghĩa đen có ý là gió và nước. Gió và nước là hai vật có thể làm thay đổi cuộc sống của mỗi con người, mỗi gia đình. Nghĩa bóng có nghĩa là: phương hướng, địa lý, đất đai, nhà ở. Tại Á Châu người Trung Hoa

phát minh ra vấn đề này trước. Ngay cả việc chọn ngày giờ tốt xấu để làm cưới hỏi, ma chay, xây nhà, xây chùa, xây cung điện, xây đền, xây miếu, xây mộ, dựng bia v.v... tất cả đều phải xem ngày tháng tốt xấu để hợp với gia chủ, mới mong làm ăn phát đạt, ít bệnh hoạn và phát triển nhanh chóng. Do vậy mà nhiều người tin vào thuật Phong Thủy này. Dĩ nhiên là cũng có cái đúng và có cái sai, chứ không phải hoàn toàn đúng hết và hoàn toàn sai hết.

Ví dụ có một gia đình xây một ngôi nhà rất đẹp, nhưng sau khi dọn về ở đó một hai năm lại không thích hợp, con cái đau ốm, địa vị mất dần trong xã hội v.v... Gia đình ấy bán nhà đi ở chỗ khác. Lại có người đến mua để ở. Gia đình đến sau tự nhiên phát đạt, thịnh vượng. Vậy việc này do đâu mà có? Nếu đứng về phương diện địa lý, các Thầy Fengshui sẽ nói rằng: Nhờ gia chủ mới này biết sửa cái cửa xây về hướng khác thích hợp hơn, nhờ đổi vị trí giường nằm của vợ chồng và con cái, nên mới được vậy. Có thể người ta tin điều đó, nhưng có một điều không kém phần quan trọng mà người ta không thấy để tin là dưới nền nhà đó có một ngôi mộ cổ, hay một dòng nước chảy ngang qua đó. Nếu gia chủ dời phòng ngủ đi nơi khác, không nằm trên chỗ có ngôi mộ cổ hoặc nơi dòng nước chảy ngang qua thì con cái sẽ hết bệnh và vợ chồng sẽ vui vẻ. Nhờ vậy mà nhà cửa lại phát đạt. Còn một điều khác nữa mà người có tôn giáo phải tin đó là cái đức của gia đình đến sau. Nhờ có đạo đức hay làm phước, bố thí, cúng dường, cứu đời, cứu người, nên mọi chuyện tai ương đều qua hết. Bởi vậy tôi thường hay nói: Thân ta tuy có đó, nhưng sẽ trở thành không. Vì khi đất, nước, gió, lửa trong thân thể không còn hòa hợp nữa thì thân cát bụi này sẽ trả về cho cát bụi. Còn tâm ta tuy là không, nhưng nó có. Chính nó đã tạo nên Thiên đường, Địa ngục, Cực Lạc, chư Thiên chứ

không ai khác. Do vậy mà cái đức ấy là do tâm sanh và đây là hành động cũng như kết quả, tuy là vô hình nhưng trên thực tế là có.

Ngôi chùa Viên Giác từ khi tạo lập cho đến nay cứ phát triển không ngừng. Có người nói rằng tôi có phước nên mới được vậy. Hoặc giả nhờ Kiến Trúc Sư đo cửa ra vào nào cũng đúng với kích thước của thước Lỗ Ban nên chùa mới thịnh như vậy. Có thể cũng không sai mà cũng không đúng. Vì lẽ cái chùa, cái nhà, tượng Phật v.v... chỉ là vật vô tri. Mình đi động hay để yên chúng đều bị lệ thuộc vào mình cả. Do vậy mà cái ý hướng cho vấn đề đó mới là quan trọng, chứ cái vật bị đặt để hoàn toàn không quan trọng.

Từ khi xây dựng ngôi chùa Viên Giác này và kể cả trước đó hàng chục năm, chính tôi và Tăng chúng cũng như Phật Tử mỗi ngày đều tụng kinh bái sám, trì chú, tham thiền, làm phước, bố thí, cúng dường v.v... Chính nhờ đó mà ngôi chùa được phát triển và tồn tại cho đến ngày nay và một mai đây ngôi chùa này sẽ suy vi, nếu những người kế tiếp không tạo ra những giọt mật đạo đức để cho ong bướm có thể gần gũi thì số người đến chùa càng ngày càng ít đi và sự hỗ trợ vật chất cũng như tinh thần sẽ không còn nhiều như xưa nữa. Hoặc cũng có thể phát triển nhiều hơn xưa, nếu vị Trụ Trì và Đại chúng biết tu học hành trì không cho tạp niệm xen vào thì chẳng mấy chốc ngôi chùa này sẽ phát đạt hơn xưa.

Nói cho cùng thì đất đai cũng rất quan trọng. Nó nuôi sống ta trong từng hơi thở và bảo bọc ta trong từng giờ, từng phút, từng giây. Do vậy mà phải trân quý mặt đất. Từ mặt đất có thể cho ta lương thực như hoa, quả, rau, đậu, lúa, mè, khoai, bắp v.v... Và con người cũng sống nhờ vào đất, nhưng đôi khi con người cũng vô tình làm cho đất mẹ bị giày vò, đổ lên mặt đất ấy không biết bao nhiêu là chất độc thừa thãi, để

rồi chính những chất độc này sẽ chảy ra biển làm cho biển bị vẩn đục. Cá ăn, cá sống trong lòng sông, lòng biển ấy sẽ bị nhiễm độc. Con người ăn lại cá, sẽ bị bệnh triền miên. Hoặc giả cây cối bị nhiễm độc, chúng ta ăn vào cơ thể cũng sẽ bệnh hoạn lây. Vậy chính mình đã hại mình, chứ có ai đã hại mình đâu. Khi khổ đau khó nhọc đến thì mình đổ thừa cho cái này cái nọ, nhưng khi hạnh phúc đến thì chả ai trân quý chút nào.

Có lần tôi đọc một câu chuyện của một nữ văn sĩ Việt Nam viết về sự hiện hữu của một ngôi chùa tại miền Trung đất Việt. Câu chuyện kể rằng: Có một ngôi chùa đó được xây lên hoàn thành, nhưng trong 3 năm liền đã phải thay đổi 7 đời trụ trì. Lý do giải thích bằng nhiều cách khác nhau, nhưng ở đây phải biết rằng đã có 4 người chết sau khi đến nhậm chức và 3 vị kia phải dời chỗ ở. Đây là sự thật. Có người bảo dưới nền chùa là một nghĩa địa, các vong hồn chết chưa có siêu. Có thể nơi đó ma quỷ nhiều lắm, mạnh hơn cả phép Phật cho nên phải bị chúng hành hung. Hoặc giả đức hạnh của những vị Sư này còn kém, nên mới có hiện tượng ấy v.v...

Tôi được ở yên đây trong 12 năm qua tại ngôi chùa mới này là do chư Phật, chư Long Thần Hộ Pháp chở che gia hộ và do sự hành trì miên mật thần chú Thủ Lăng Nghiêm của chính mình và Đại chúng nên chánh điện chùa Viên Giác có một năng lượng rất nhiệm mầu. Ngoài ra chùa Viên Giác còn thờ Xá Lợi Phật cũng như thờ các thứ đất thiêng nơi Đức Phật sinh ra, nơi thành đạo, nơi thuyết pháp lần đầu tiên và nơi nhập Đại Bát Niết Bàn. Do vậy mà vị trí của ngôi chùa vẫn còn đứng vững với thời gian. Có thể 100 năm, 200 năm, 500 năm hay 1000 năm sau những pho tượng, những mô hình của ngôi chùa thì vẫn còn đó, nhưng tôi và quý vị thì đã vào lòng đất lạnh tự thuở nào, vẫn còn đó sừng sững một bóng

hình mà đầu cho năm tháng có trôi qua, lòng người có thay đổi, vị trí của nơi ấy không thay đổi. Đó là ngôi chùa Viên Giác trong tâm khảm của mọi người Việt cũng như Đức. Do vậy, cảm tạ xứ Đức đã dành cho người Phật Tử có một nơi chốn như thế để đi về, để lễ bái và nguyện cầu.

Hôm nay là ngày sinh nhật của tôi (28.6.2002) đánh dấu một chặng đường 53 năm hiện hữu trên cõi thế này. Sinh nhật lần thứ 54 này nói theo người Việt Nam thì có gì đặc biệt?

Thứ nhất là tôi đã hoàn thành tác phẩm thứ 34 này trong 25 ngày, vừa đọc tài liệu tiếng Đức, vừa biên soạn thành sách với hơn 300 trang giấy viết tay. Nếu đánh máy sẽ còn độ 200 trang và sau đó Hạnh Giới sẽ dịch ra tiếng Đức độ 200 trang nữa. Tổng cộng chừng 400 trang. Đây có thể gọi là một đại tác phẩm được chăng? Theo tôi, đây là tác phẩm tôi ưng ý nhất từ trước đến nay. Không biết quý vị đọc sẽ nghĩ như thế nào? Riêng phần tôi thì đã nói cạn, nói hết cả tấm lòng cho quý vị, người Việt cũng như người Đức nghe rồi đó. Tôi đã chẳng giấu giếm một điều gì cả. Tất cả những gì tôi viết bên trên đều là sự thật.

Tôi bắt đầu viết vào ngày 4 tháng 6 năm 2002, nghĩa là sau gần 10 ngày an cư kiết giới và từ ngày 4 tháng 6 đến nay (28.6.2002) tôi đã miệt mài mỗi ngày viết như thế vào buổi sáng 2 lần từ 7 giờ 30 đến 8 giờ, sau đó viết từ 9 giờ đến 10 giờ rưỡi và buổi chiều viết từ 2 giờ rưỡi đến 4 giờ. Nếu ngày đó tôi không có giờ học tiếng Phổ Thông hoặc dạy Chúng, hay giảng dạy giáo lý cho Phật Tử. Có khi từ 5 giờ đến 6 giờ 30 chiều tôi cũng có viết tiếp, nếu ý tưởng trong đầu còn diễn tiến.

Sau 8 chương của quyển sách tôi viết, tôi đã chẳng đọc lại một lần nào. Vì ý tưởng cứ liên tục như thế mà chảy xuôi,

mà nhảy múa trong đầu mình, yên lặng thúc đẩy tôi phải làm cho xong cái tổ ấy, như một loài ong hay loài chim đã vì sự sống còn mà xây dựng nơi trú ngụ vậy. Văn tôi không là văn chương bác học, mà chỉ là loại văn bình dân nhưng mong rằng người đọc vẫn sẽ lãnh hội được phần nào khi đọc sách của tôi.

Ngày hôm nay có một số thiệp chúc mừng gửi đến, trong đó có thiệp của ông Dr. Meihorst, người luôn luôn giúp đỡ chùa, và nhiều quà kỷ niệm khác nữa. Đồng thời quý Thầy đệ tử đi làm Phật sự tại Đan Mạch, Nürnberg cũng đã về. Một số bà con Phật Tử Việt cũng như Đức đã tề tựu nơi hội trường để chờ tôi đến.

Từ Việt Nam xa xôi, anh Bảo Tâm, bào huynh của Hạnh Bảo, cũng đã gửi tặng tôi một bài thơ đồng thời có thơ chúc mừng sinh nhật cũng như phần mở đầu của một cuốn sách mà anh dự định viết về tuổi thơ của tôi. Xin đa tạ tấm lòng của người Phật Tử ở phương xa, đồng thời tôi xin chép bài thơ ấy vào đây để làm kỷ niệm.

Về thăm quê Thầy

*Người đi kết chuỗi bồ đề
 Từ làng Xuyên Mỹ lân về Hội An
 Trãi qua ba, bốn giới đàn
 Vĩnh Gia, Quảng Đức, đạo tràng Hưng Long
 Đạo vàng xen phủ ánh hồng
 Hà Linh, Viên Giác, Phước Lâm, Phố Đà
 Dấu xưa tích cũ giang hà
 Ba mươi năm chẵn, xót xa chưa về
 Mây trời xé Quảng ú ê
 Cố tri, đồng đạo, tình quê vẫn nồng
 Người đi ba chục năm ròng
 Đạo vàng tỏa ngát ánh hồng Viễn Tây.*

Mỗi năm có một ngày sinh như thế để nhớ về sự sinh thành dưỡng dục của mẹ cha, phải quý trọng ơn đức này. Nếu không có cha mẹ thì ta chẳng có vóc hình. Nếu không có Thầy Tổ, chẳng ai có thể nuôi dạy ta thành người. Nếu không có hạt com của đàn na tín thí làm sao nuôi ta lớn và nếu không có quốc gia này chở che, làm sao ta hít thở được không khí tự do. Chỉ ngần ấy thứ thôi, đủ thấy ta nhỏ bé, ta chẳng xứng đáng gì với những ơn đức cao cả như trên vừa kể. Tuy nhiên những người thân, tử đệ tạo cho mình có một niềm vui, như thế cũng quý rồi. Chứ chờ lúc chết đâu có cúng tế bao nhiêu thứ trái cây, trối bao nhiêu bài nhạc buồn thì mình cũng đâu có thể ngồi dậy được để mà thương thức.

Năm nay cũng là năm thứ 31 tôi đã ở ngoại quốc. Hơn ba mươi năm ấy đem tất cả tinh thần và sức lực trong thời thanh niên và trung niên để góp mặt với đời và trong hơn 30 năm ấy biết bao nhiêu là chuyện phải nói, phải làm. Những gì đáng nói tôi đã nói, những gì đáng viết tôi đã viết. Tôi giống như con tằm chỉ có bốn phận phải nhả tơ để dệt nên những gấm hoa cho người đời thưởng ngoạn. Tuy là dâu, nhưng nếu không có tằm thì dâu kia sẽ không thành vải. Tuy là tằm nhưng nếu chỉ biết ăn dâu mà không tiêu thụ thành sản phẩm thì dâu có được những sợi tơ óng ả cho cuộc đời.

Tôi sống trong cuộc đời này chịu ơn nhiều người, nhiều việc. Do vậy mà phải biết cảm ơn ngay từ bây giờ. Nếu không thì không có cơ hội đâu mà giải bày. Thứ nhất là cảm ơn xứ Đức này, như những gì tôi đã bộc lộ bên trên, trong đó có cả sự cảm ơn Bộ Nội Vụ Cộng Hòa Liên Bang Đức giúp cả giấy mực để in ấn tác phẩm này hình thành mà góp mặt với đời. Thiết tưởng ở ngoại quốc này ít có chùa nào và người nào được vinh hạnh như thế.

Thứ đến là tử đệ, người đánh máy, người in, người đọc bài, người chữa lỗi chính tả, người sắp thành sách, người đóng gáy, người cắt xén, người dán tem bỏ vào bao thư, người gói đi v.v... thôi thì không biết bao nhiêu là công đoạn. Những nghĩa cử ấy, những ơn đức ấy biết lấy gì mà đền đáp cho vừa. Hai tiếng cảm ơn suông ư? Như thế chưa đủ, phải thể hiện tấm lòng của mình cho mọi người rõ, phải phơi trải lòng mình để mọi người cùng tin tưởng mà góp việc chung, phải hiển dương kế sách hoặc khả năng của mình để góp phần làm đẹp cho quê hương này cũng như Đạo Pháp. Đó là tất cả tấm chơn tình của tôi đối với Đòi cũng như với Đạo. Còn khen chê, hơn thua, được mất hãy trả lại cho đòi, xin để phía sau lưng và không cần mang theo hành trang đi vào cõi yên tĩnh của cuộc đời.

Tôi sống rất giản dị và lúc chết có thể cũng thế thôi. Chỉ mong sao tình thương trí tuệ luôn hiện hữu trên cuộc đời này để xoa dịu những khổ đau tục lụy, để đời còn có cơ hội vươn lên và còn có khả năng để tiếp tục cuộc hành trình muôn dặm ấy.

Tôi sẽ gác bút nơi đây để nhìn lại tự thân mình và kiểm điểm những gì đã làm được nhân lần sinh nhật thứ 54 này và để từ đó có một cái nhìn rạng rỡ hơn khi hướng đến những tháng năm còn lại của cuộc đời.

Xin cảm ơn đòi, cảm ơn người, cảm ơn tất cả và trong đó không quên cảm ơn xú Đức như tựa đề của quyển sách đã muốn trình bày và cầu nguyện mọi người, mọi loài có một cuộc sống tâm linh hướng thượng, nhằm sách tấn nội tâm ngày càng cao cả hơn.

Hòa Thượng Thích Như Điển

- ❖ Thế danh: Lê Cường. Pháp tự: Giải Minh. Pháp hiệu: Trí Tâm
- ❖ Sanh: 28.06.1949 tại Xuyên Mỹ, Duy Xuyên, Quảng Nam.
- ❖ Học lực: Cử nhân giáo dục và Cao học Phật giáo tại Nhật Bản.
- ❖ Xuất gia năm 1964 tại Tổ Đình Phước Lâm, Hội An.
- ❖ Năm 1971: Thọ Tỳ Kheo giới tại giới đàn Tu Viện Quảng Đức, Thủ Đức.
- ❖ Năm 1972: Du học Nhật Bản.
- ❖ Năm 1977: Đến Đức vào với Visa du lịch; nhưng sau đó xin tỵ nạn tại Đức và ở Đức từ đó cho đến nay.
- ❖ Tháng 4 năm 1978 thành lập Niệm Phật Đường Viên Giác và sau đó trở thành Chùa Viên Giác tại Hannover.
- ❖ Từ năm 1978, 1979: Sáng lập Chi Bộ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Đức Quốc, thành lập Hội Sinh Viên và Kiều Bào Phật Tử Việt Nam tại Đức.
- ❖ Năm 1988 được tấn phong lên hàng Giáo phẩm Thượng Tọa tại giới đàn Đại Nguyên chùa Pháp Hoa Marseille, Pháp quốc.
- ❖ Ngày 28.6.2008 được tấn phong lên hàng Giáo phẩm Hòa Thượng tại Đại Giới Đàn Pháp Chuyên tại chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc.
- ❖ Ngày 8 tháng 7 năm 2011 tại Colombo thủ đô nước Tích Lan, Hội Đồng Tăng Già Tích Lan đã trao giải thưởng cao quý cho HT Thích Như Điển và HT Thích Minh Tâm.
- ❖ Đệ Nhị Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Âu Châu nhiệm kỳ 2015-2020.
- ❖ Phó Chủ Tịch Hội Đồng Tăng Già Thế Giới (World Buddhist Sangha Council - WBSC).
- ❖ Sáng tác gần 70 tác phẩm và dịch phẩm từ các tiếng Việt, Anh, Hán, Nhật và Đức ngữ.

CÙNG MỘT TÁC GIẢ

1	Truyện cổ Việt Nam 1 & 2	Nhật ngữ	1974, 1975
2	Giọt mưa đầu hạ	Việt ngữ	1979
3	Ngõ ngang	Việt ngữ	1980
4	Lịch sử Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại trước và sau năm 1975	Việt & Đức ngữ	1982
5	Cuộc đời người Tăng sĩ	Việt & Đức ngữ	1983
6	Lễ nhạc Phật Giáo	Việt & Đức ngữ	1984
7	Tinh đời nghĩa đạo	Việt ngữ	1985
8	Tìm hiểu giáo lý Phật Giáo	Việt & Đức ngữ	1985
9	Đời sống tinh thần của Phật Tử Việt Nam tại ngoại quốc	Việt & Đức ngữ	1986
10	Đường không biên giới	Việt & Đức ngữ	1987
11	Hình ảnh 10 năm sinh hoạt Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức	Việt & Đức ngữ	1988
12	Lòng từ Đức Phật	Việt ngữ	1989
13	Nghiên cứu Giáo Đoàn Phật Giáo thời nguyên thủy I, II, III	dịch từ Nhật ngữ ra Việt & Đức ngữ	90, 91, 92
14	Tường thuật về Đại hội Tăng già Phật Giáo thế giới kỳ 5 khóa I tại Hannover, Đức Quốc	Việt, Anh, Đức ngữ	1993
15	Giữa chốn cung vàng	Việt ngữ	1994
16	Chùa Viên Giác	Việt ngữ	1994
17	Chùa Viên Giác	Đức ngữ	1995
18	Vụ án một người tu	Việt ngữ	1995
19	Chùa Quan Âm (Canada)	Việt ngữ	1996
20	Phật Giáo và con người	Việt & Đức ngữ	1996

21	Khóa giáo lý Âu Châu kỳ 9	Việt & Đức ngữ	1997
22	Theo dấu chân xưa * (Hành hương Trung quốc I)	Việt ngữ	1998
23	Sống và chết theo quan niệm của Phật Giáo	Việt & Đức ngữ	1998
24	Tiếp kiến với Đức Đạt Lai Lạt Ma	Việt & Đức ngữ	1999
25	Vọng cố nhân lâu (Hành hương Trung Quốc II)	Việt ngữ	1999
26	Có và Không	Việt & Đức ngữ	2000
27	Kinh Đại Bi * (dịch từ Hán văn ra Việt văn)	Việt & Đức ngữ	2001
28	Phật thuyết Bồ Tát Hành Phương Tiện Cảnh Giới Thân Thông Biến Hóa Kinh	dịch từ Hán văn ra Việt ngữ	2001
29	Bhutan có gì lạ?	Việt ngữ	2001
30	Kinh Đại Phương Quảng Tổng Trì	dịch từ Hán văn ra Việt ngữ	2002
31	Cảm tạ xứ Đức	Việt & Đức ngữ	2002
32	Thu tòa soạn báo Viên Giác trong 25 năm (1979 - 2003, 2004)	Việt ngữ	2003
33	Bốn Sự kinh	Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ	2003
34	Những đoàn văn viết trong 25 năm qua	Việt & Đức ngữ	2003
35	Phát Bồ Đề Tâm kinh luận	Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ	2004
36	Đại Đường Tây Vực Ký	Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ	2004
37	Làm thế nào để trở thành một người tốt	Việt ngữ	2004
38	Dưới cội bồ đề	Việt ngữ	2005

39	Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận	Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ	2005
40	Bồ Đề Tư Lương luận	Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ	2005
41	Phật nói luận A Tỳ Đàm về việc thành lập thế giới	Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ	2006
42	Giai nhân và Hòa Thượng	Việt ngữ	2006
43	Thiên Lâm Tế Nhật Bản	Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ	2006
44	Luận về con đường giải thoát	Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ	2006
45	Luận về bốn chân lý	Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ	2007
46	Tịnh Độ tông Nhật Bản	Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ	2007
47	Tào Động tông Nhật Bản	Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ	2008
48	Phật Giáo và khoa học	Việt ngữ	2008
49	Pháp ngữ	Việt ngữ	2008
50	Những mẫu chuyện linh ứng của Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát	Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ	2009
51	Nhật Liên tông Nhật Bản	Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ	2009
52	Chân Ngôn tông Nhật Bản	Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ	2010
53	Chết an lạc, tái sinh hoan hỉ	Dịch chung với T.T. Nguyễn Tạng từ Anh ngữ sang Việt Ngữ	2011
54	Chuyện tình của Liên Hoa Hòa Thượng	Việt Ngữ	2011
55	Tư tưởng Tịnh Độ Tông	Việt ngữ	2012
56	Những bản kinh căn bản của Tịnh Độ Tông Nhật Bản	Dịch từ Đức ngữ sang Việt ngữ	2012

57	Dưới bóng đa chùa Viên Giác	Việt ngữ, viết chung với Trần Trung Đạo	2012
58	Diệu Pháp Liên Hoa kinh / Văn cú	Dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt	2013
59	Hương Lúa Chùa Quê (Hoài Niệm Tuổi Thơ)	Việt ngữ viết chung với H.T. Thích Bảo Lạc	2013
60	Hiện tượng của tử sinh	Việt ngữ	2014
61	Nhật Bản trong lòng tôi	Việt ngữ	2015
62	Nước Úc trong tâm tôi	Việt ngữ	2016
63	Nước Mỹ bao lần đi và đến	Việt ngữ	2017
64	Thiền quán về Sống và Chết	Dịch từ Anh ngữ sang Việt ngữ với TT. Thích Nguyên Tạng	2017
65	Mối tơ vương của Huyền Trân Công Chúa	Việt ngữ	2018
66	Phật Giáo Việt Nam tại Âu Châu	Việt ngữ (sắp xuất bản)	2019

Quý vị muốn download những bài giảng pháp
của Hòa Thượng Phương Trượng Chùa Viên Giác Hannover
xin vào trang: www.viengiac.de hoặc [www. quangduc.com](http://www.quangduc.com)

Để có bản sách in trên giấy, xin vào Viên Giác Tùng Thư Online
tại địa chỉ: <https://www.amazon.com/author/thichnhudien/>

Chùa Viên Giác

Karlsruher Strasse 6

30519 Hannover - GERMANY

Tel: 0511 - 879630 - Fax: 0511- 8790963

Homepage: <http://www.viengiac.de>

Email: info@viengiac.de



Hòa thượng Thích Như Điển

- ✿ Phương trượng Chùa Viên Giác, Hannover, Đức quốc
- ✿ Đương kim Đệ Nhị Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Âu Châu
- ✿ Đương kim Phó Chủ Tịch HĐ Tăng Già Thế Giới (World Buddhist Sangha Council - WBSC)



NHÀ XUẤT BẢN LIÊN PHẬT HỘI
UNITED BUDDHIST PUBLISHER - UBP

ISBN 978-1-0917-2110-4



9 781091 721104